THƯ VIỆN
150-158
TÂM
2019
20137081

GUSTAVE LE BON

TỦ SÁCH TINH HOA

Tâm lí học đám đông

Cùng *Tâm lí đám đông và phân tích cái tôi* của S. Freud

Nguyễn Xuân Khánh *dịch*
Bùi Văn Nam Sơn *hiệu đính*

Tâm lí học đám đông
20137081

N TRI THỨC

TÂM LÍ HỌC ĐÁM ĐÔNG

Tâm lí học đám đông | Gustave Le Bon

Bản tiếng Việt © NXB Tri Thức và Nguyễn Xuân Khánh
Nguyên tác: *La psychologie des foules* - Felix Alcan - Neuvième édition - 1905

Tâm lí đám đông và phân tích cái tôi | Sigmund Freud

Bản tiếng Việt © NXB Tri Thức và Phạm Nguyên Trường
Dịch qua bản tiếng Nga *Фрейд. "Психология масс и анализ человеческого "Я", издательство "Современные проблемы", Н. А. Столляр, М., 1926 г.*

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI

GUSTAVE LE BON

TÂM LÍ HỌC ĐÁM ĐÔNG

Cùng *Tâm lí đám đông và phân tích cái tôi*
của Sigmund Freud

Nguyễn Xuân Khánh *dịch*
Bùi Văn Nam Sơn *hiệu đính*

(*Tái bản lần thứ mười hai*)

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuối năm 2006, cùng với những bản dịch đầu tiên trong Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới như *Bàn về Tự do, Thế giới như tôi thấy...*, tác phẩm *Tâm lí học đám đông* (La Psychologie des foules) của Gustave le Bon - một trong những cuốn sách nổi tiếng nhất về "cơ chế vận hành của những đám đông" - đã đến tay bạn đọc qua bản dịch của dịch giả, nhà văn Nguyễn Xuân Khánh, cùng với sự góp ý về mặt thuật ngữ khoa học của nhà nghiên cứu Bùi Văn Nam Sơn và sự biên tập đối chiếu nguyên bản nghiêm cẩn của biên tập viên Hoàng Thanh Thủy.

Năm 2009, cuốn sách quan trọng này được tái bản lần thứ tư với một phần bổ sung quan trọng là bản dịch của dịch giả Phạm Nguyên Trường - *Tâm lí đám đông và phân tích cái tôi* của Sigmund Freud, nhà phân tâm học vĩ đại thế kỷ XX, người đã thừa nhận những ảnh hưởng của Le Bon trong học thuyết về đám đông.

Cuốn sách được tái bản lần thứ năm, chứng tỏ nhu cầu tìm hiểu và tiếp cận những tác phẩm kinh điển nói chung và tác phẩm cụ thể này của Le Bon nói riêng là một nhu cầu có thực của độc giả Việt Nam hiện nay. Lần tái bản thứ năm này, chúng tôi không có thêm bổ sung về mặt chuyên môn mà chỉ có những chỉnh sửa kỹ thuật, những thiếu sót nhỏ qua từng lần xuất bản đã được các thân hữu, cộng tác viên, độc giả phát hiện và góp ý. Nhân dịp này, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới quý độc giả, các nhà chuyên môn vì những nhận xét chân thành, xác đáng. Chúng tôi mong tiếp tục được nhận những ý kiến đóng góp của quý vị để việc tổ chức dịch và xuất bản Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới ngày càng được hoàn thiện.

LỜI GIỚI THIỆU

Gustave Le Bon (1841 - 1931) là nhà tâm lí học xã hội nổi tiếng người Pháp với lí thuyết về đám đông. Ông viết về nhiều lĩnh vực và có ảnh hưởng rất lớn trong xã hội Pháp đương thời. Những tác phẩm nền tảng nhất của Le Bon là *Quy luật tâm lí về sự tiến hóa của các dân tộc* (Les Lois psychologiques de l'évolution des peuples, 1894), *Cách mạng Pháp và tâm lí học về các cuộc cách mạng* (La Révolution française et la psychologie des révolutions, 1912) và *Tâm lí học đám đông* (La Psychologie des foules, 1895). Các tác phẩm khác của Le Bon bao gồm: *Tâm lí học về chủ nghĩa xã hội* (Psychologie du socialisme, 1898), *Bài học tâm lí từ cuộc chiến tranh châu Âu* (Enseignements psychologiques de la guerre Européenne, 1915), *Tâm lí học thời đại mới* (La psychologie des temps nouveaux, 1920) và *Một thế giới mất cân bằng* (Le déséquilibre du monde, 1924)...

Le Bon tập trung nghiên cứu về tính cách và tinh thần của các dân tộc, những ưu thế và quá trình phát triển của các chủng tộc. Ông đặt lên

hàng đầu khái niệm *vô thức tập thể* mà chính Freud đã thừa nhận vai trò của nó đối với các nghiên cứu về phân tâm học của mình. Le Bon cho rằng con người được xác định bởi những nhân tố sinh học và tâm lí học. Trong những quy luật lớn thường xuyên chỉ đạo sự tiến triển chung của mỗi nền văn minh, "những quy luật phổ biến nhất, khó quy giản nhất được sinh ra từ cấu tạo tinh thần của những chủng tộc" (*Quy luật tâm lí về sự tiến hóa của các dân tộc*). Thực ra, mỗi dân tộc "đều có một cấu tạo tinh thần cố định như tính chất giải phẫu học của nó" (*sách đã dẫn*), được biểu hiện trong "tâm hồn" nó. Tất cả các thể chế, niềm tin, mọi nghệ thuật của một dân tộc, chỉ là "mạng lưới hữu hình trong tâm hồn vô hình của nó". Chủng tộc cũng núp bóng trong mỗi cá nhân cấu thành một dân tộc; nó chi phối mọi hành động, mọi ham muốn, mọi xung năng của anh ta, nó tạo nên vô thức tập thể của anh ta.

Trong khi đó, thời đại của Le Bon đã chứng kiến bản chất di truyền của chủng tộc bị lung lay với sự lớn mạnh của đám đông và những bất ổn về chính trị, xã hội. Ông đã trải nghiệm qua Công xã Paris năm 1871 và nghiên cứu rất kỹ về cuộc Cách mạng Pháp năm 1789 và 1848. Những trải nghiệm ấy mang lại kinh nghiệm thực tiễn cho việc hình thành tư tưởng về đám đông của ông.

Tư tưởng ấy được thể hiện rõ rệt nhất trong tác phẩm *Tâm lí học đám đông*.

Theo Le Bon, những đám đông luôn bị vô thức tác động, họ xử sự như người nguyên thuỷ, người dã man, không có khả năng suy nghĩ, suy luận, mà chỉ cảm nhận bằng hình ảnh, bằng sự liên kết các ý tưởng; họ không kiên định, thất thường, và đi từ trạng thái nhiệt tình cuồng loạn nhất đến ngây dại ngớ ngẩn nhất. Vả lại, do thể tạng của mình, những đám đông ấy cần có một thủ lĩnh, một người cầm đầu, kẻ có thể dẫn dắt họ và cho bản năng của họ một ý nghĩa. "Những người cầm đầu hiện nay càng có khuynh hướng thay thế quyền lực công thì quyền lực công càng bị chất vấn và suy yếu đi. Sự bạo ngược của những ông chủ mới này làm đám đông ngoan ngoãn vâng lời họ hơn cả khi họ đã từng vâng lời chính quyền" (*Tâm lí học đám đông*, tr.183). Vậy nên, thời hiện đại được định tính bằng sự lên ngôi của những đám đông được người cầm đầu dẫn dắt. Và trong thời đại hỗn loạn và lo âu ấy, bằng việc đánh mất lí tưởng của mình, chủng tộc đã đánh mất tâm hồn mình và lại trở thành đám đông. "Nền văn minh chẳng có sự cố định nào, bị phó mặc cho mọi ngẫu nhiên. Bọn tiện nhân thành bà hoàng và những kẻ dã man tiến lên" (*Tâm lí học đám đông*, tr.309).

Ngày nay, lí thuyết của Le Bon vẫn chịu một số chỉ trích. Ông được coi là người đặt nền móng cho chủ nghĩa quốc gia hiện đại. Nhưng dù thế nào đi nữa thì Le Bon cũng chỉ là "con đẻ" của thời đại ông. Nỗi lo sợ về nạn bạo lực, sự hoành hành, chứng khủng bố của những đám đông thể hiện rất rõ trong lí thuyết của ông. Ông dường như đã quá phóng đại về nguy cơ bạo lực và sự vô lí của đám đông. Tuy vậy, cuốn sách này thực sự là tác phẩm quan trọng và có ảnh hưởng lớn tới tư tưởng thời đại của Le Bon nói chung cũng như tâm lí học hiện đại nói riêng. Dù tán thành hay phản đối, dù đôi chỗ Le Bon có phần cực đoan, và những quan điểm, luận thuyết của ông còn phải tranh luận, nhưng NXB Tri thức cũng xin mạnh dạn giới thiệu tác phẩm của Le Bon với độc giả Việt Nam như một cái nhìn tham khảo. Hơn nữa, việc xem xét, tìm hiểu nhiều học thuyết trên thế giới, thậm chí trái ngược, mâu thuẫn với nhau thiết nghĩ là điều rất hữu ích cho các sinh hoạt tri thức của Việt Nam, làm đa dạng hóa và phong phú thêm tri thức của người Việt Nam. Trên tinh thần đó, chúng tôi sẽ tiếp tục cho ra mắt bản dịch cuốn *Trí tuệ đám đông* (The Wisdom of Crowds), một trong những cuốn sách bán chạy nhất năm 2005, mang một cái nhìn khác với cái nhìn của Le Bon về đám đông, để độc giả có thêm thông tin khách quan về chủ đề này.

Trong khi đọc cuốn sách này, xin độc giả lưu ý rằng cụm từ *chủ nghĩa xã hội* (socialisme) mà Le Bon nhắc đến ở đây có hàm ý là ***chủ nghĩa xã hội không tưởng*** đã tồn tại từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX ở Tây Âu, chứ không đồng nghĩa với khái niệm ***chủ nghĩa xã hội khoa học*** của Marx và Engels mà Lenin đã vận dụng để xây dựng nên Liên bang Xô viết và trở thành nền tảng tư tưởng của phe xã hội chủ nghĩa được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Tháng 6/2006
NXB TRI THỨC

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản 5
Lời giới thiệu 7

TÂM LÍ HỌC ĐÁM ĐÔNG

Lời nói đầu 19
Dẫn luận: Thời đại của những đám đông 27

Quyển I
TÂM HỒN NHỮNG ĐÁM ĐÔNG

Chương I:
Đặc điểm tổng quát của đám đông: Quy luật tâm lí về sự thống nhất tinh thần của đám đông 43
Chương II:
Tình cảm và đạo đức của đám đông 59
Chương III:
Tư tưởng, sự suy luận và trí tưởng tượng của đám đông 95
Chương IV:
Mọi niềm tin của đám đông đều mang hình thức tôn giáo 111

Quyển II

Ý KIẾN VÀ NIỀM TIN CỦA ĐÁM ĐÔNG

Chương I:
Những nhân tố xa ảnh hưởng tới niềm tin và ý kiến của đám đông 125
Chương II:
Những nhân tố trực tiếp ảnh hưởng tới ý kiến của đám đông 155
Chương III:
Người cầm đầu đám đông và cách thuyết phục của họ 177
Chương IV:
Những giới hạn về tính hay thay đổi của niềm tin và ý kiến đám đông 211

Quyển III

PHÂN LOẠI VÀ MÔ TẢ
CÁC LOẠI ĐÁM ĐÔNG KHÁC NHAU

Chương I:
Phân loại đám đông 235
Chương II:
Đám đông bị coi là phạm tội 243
Chương III:
Hội thẩm tòa đại hình 251
Chương IV:
Đám đông bầu cử 261

Chương V:
Nghị viện 279

TÂM LÍ ĐÁM ĐÔNG VÀ PHÂN TÍCH CÁI TÔI

1. Dẫn nhập 313
2. Tâm lí đám đông (Theo Gustave Le Bon) 316
3. Những quan điểm khác về tâm lí đám đông 336
4. Ám thị và Libido 346
5. Giáo hội và quân đội:
Hai đám đông nhân tạo 353
6. Những vấn đề mới và
những hướng tìm tòi mới 364
7. Đồng nhất hóa 371
8. Yêu đương và thôi miên 381
9. Bản năng bầy đàn 390
10. Đám đông và bầy đàn nguyên thủy 399
11. Các thang bậc của cái Tôi 410
12. Phụ chú 418

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI

GUSTAVE LE BON

TÂM LÍ HỌC ĐÁM ĐÔNG

LA PSYCHOLOGIE DES FOULES - 1895

Nguyễn Xuân Khánh *dịch*

Bùi Văn Nam Sơn *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách trước[1], tôi đã dành để mô tả tâm hồn của chủng tộc. Bây giờ, tôi sẽ nghiên cứu tâm hồn những đám đông.

Toàn thể những tính cách chung mà sự di truyền áp đặt cho mọi cá nhân của một chủng tộc, tạo thành tâm hồn của chủng tộc đó. Nhưng khi một số cá nhân này họp nhau lại thành đám đông để hành động, thì những quan sát chứng minh rằng chính sự sáp lại gần nhau của các cá nhân sẽ sinh ra một số tính cách tâm lí mới, chúng chồng lên những tính cách của chủng tộc, và đôi khi chúng khác biệt sâu sắc so với tính cách chủng tộc.

Những đám đông được tổ chức luôn có một vai trò đáng kể trong đời sống các dân tộc, nhưng vai trò ấy chưa bao giờ quan trọng như ngày hôm nay. Hành động vô thức của những đám đông thay thế

[1] Le Bon muốn nhắc tới cuốn *Quy luật tâm lí về sự tiến hóa của các dân tộc* (Les lois psychologiques de l'évolution des peuples), được ông viết năm 1894.

cho hoạt động có ý thức của các cá nhân là một trong những đặc điểm chính của thời hiện tại.

Tôi thử tiếp cận vấn đề khó khăn về đám đông theo các phương cách thuần tuý khoa học, nghĩa là cố gắng có một phương pháp và gạt sang bên những ý kiến, những lí thuyết và những chủ nghĩa. Tôi nghĩ, đó là cách duy nhất để đi tới phát hiện ra được vài mảng nhỏ chân lí, nhất là như ở đây, khi đó là một vấn đề dễ kích động những ý kiến dị biệt. Nhà bác học tìm cách nhận biết một hiện tượng, không cần bận tâm tới các lợi ích mà những ghi nhận của mình có thể đụng chạm. Trong một bài viết mới đây, một nhà tư tưởng nổi tiếng, ông Goblet d'Alviella, nhận xét rằng tôi không thuộc về một trường phái hiện đại nào, đôi khi tôi còn đứng ở phía đối nghịch với một số kết luận của tất cả các trường phái này. Tôi hi vọng rằng công trình mới này sẽ tiếp tục xứng đáng với nhận xét ấy. Thuộc về một trường phái có nghĩa là nhất thiết gắn bó với những thành kiến và những thiên kiến của trường phái ấy.

Tuy nhiên, tôi cần phải giải thích cho độc giả biết tại sao từ các nghiên cứu, tôi lại rút ra những kết luận khác với những kết luận mà thoạt đầu người ta có thể tưởng chúng hàm chứa; chẳng hạn nhận thấy một não trạng cực kì thấp kém của những đám đông, kể cả các hội đồng toàn người

ưu tú, và tuy vậy lại tuyên bố rằng, mặc dù sự thấp kém ấy, cũng sẽ nguy hiểm nếu động chạm tới tổ chức của chúng.

Đó là vì sự quan sát thật chăm chú các sự kiện lịch sử luôn chỉ cho tôi thấy rằng những tổ chức xã hội cũng phức tạp như tổ chức của mọi sinh vật, chúng ta không có khả năng làm chúng đột nhiên phải chịu đựng những biến đổi sâu sắc. Tự nhiên đôi khi cũng cần đến những biện pháp triệt để, nhưng không bao giờ theo ý của chúng ta; và điều ấy giải thích tại sao không có gì nguy hại cho một dân tộc bằng sự say cuồng những cải cách vĩ đại, dù rằng những cải cách ấy có vẻ tuyệt vời về mặt lí thuyết. Chúng chỉ có ích nếu như ta có thể thay đổi ngay tức thời tâm hồn những quốc gia. Thế mà, chỉ duy nhất thời gian mới có khả năng như vậy. Cái ngự trị con người chính là tư tưởng, tình cảm và tập tục, những điều nằm trong bản thân chúng ta. Còn các thể chế và luật pháp lại là sự biểu hiện của tâm hồn chúng ta, là sự biểu hiện những nhu cầu của nó. Thoát thai từ tâm hồn, những thể chế và luật pháp ắt sẽ không thể thay đổi tâm hồn ấy được.

Nghiên cứu những hiện tượng xã hội không thể tách khỏi việc nghiên cứu các dân tộc, nơi sản sinh ra chúng. Về mặt triết học, những hiện tượng này có thể có một giá trị tuyệt đối, nhưng về mặt thực hành, chúng chỉ có giá trị tương đối mà thôi.

Vậy, khi nghiên cứu một hiện tượng xã hội, cần phải xem xét nó lần lượt dưới hai mặt rất khác nhau. Lúc đó, ta thấy rằng những bài học của lí trí thuần tuý thường rất trái ngược với bài học của lí trí thực tiễn. Hiếm có một dữ kiện nào, kể cả dữ kiện vật lí, mà sự phân biệt này không áp dụng vào được. Đứng ở góc độ chân lí tuyệt đối, một hình lập phương, một hình tròn là những hình hình học bất biến, được xác định chặt chẽ bằng một số công thức. Song, đứng ở góc độ mắt thường, những hình hình học này có thể mang các hình dáng rất khác nhau. Phép phối cảnh có thể biến một hình lập phương thành hình tháp hay hình vuông, có thể biến hình tròn thành hình elip hay đường thẳng; và việc xem xét những hình thức ảo này lại quan trọng hơn rất nhiều so với những hình thức thực, bởi vì chúng là những hình thức duy nhất được mắt ta nhìn thấy và môn nhiếp ảnh lẫn hội họa có thể tái tạo được. Cái phi thực, trong một số trường hợp, lại thật hơn là cái thực. Hình dung các đối tượng bằng những hình dáng hình học chính xác của chúng lại làm biến dạng tự nhiên và khiến nó trở nên không thể nhận ra được. Nếu chúng ta giả định một thế giới mà cư dân của nó chỉ có thể sao chép hoặc chụp ảnh sự vật, mà không có khả năng sờ mó vào các sự vật ấy, thì họ sẽ rất khó có được một ý niệm chính

xác về hình dáng của chúng. Sự nhận thức về hình thức này chỉ một số ít các nhà bác học là có thể đạt được, vả chăng nó chỉ cho thấy một lợi ích rất ít ỏi mà thôi.

Nhà triết học nghiên cứu những hiện tượng xã hội phải luôn nhớ rằng bên cạnh giá trị lí thuyết, những hiện tượng này còn có một giá trị thực tiễn, và đứng về phương diện tiến hóa của các nền văn minh, thì chỉ riêng giá trị thực tiễn là có tầm quan trọng nào đó. Một ghi nhận như thế khiến nhà triết học phải rất thận trọng trong những kết luận mà ban đầu, quy luật hình như đã áp đặt cho ông ta.

Còn nhiều lí do khác đòi hỏi ông ta phải thận trọng. Các sự kiện xã hội phức tạp đến nỗi ta không thể bao quát tổng thể và không thể tiên đoán hậu quả của những ảnh hưởng tương hỗ giữa chúng. Hình như đằng sau các sự kiện có thể trông thấy được đôi khi còn ẩn giấu hàng nghìn nguyên nhân không thể trông thấy. Những hiện tượng xã hội có thể trông thấy được hình như là kết quả tổng hợp của một công việc vô thức rộng lớn vốn nằm bên ngoài khả năng phân tích của chúng ta. Ta có thể ví chúng như những làn sóng biểu hiện lên trên bề mặt những đảo lộn dưới đáy sâu của đại dương mà ta không hề hay biết. Được xem xét trong phần lớn

những hành vi, các đám đông thường cho thấy một não trạng thấp kém đến kì lạ, nhưng lại có những hành vi khác tỏ ra được hướng dẫn bởi nhiều lực lượng huyền bí mà người xưa gọi là số phận, tự nhiên, thiên định, còn chúng ta thì gọi là tiếng nói của người quá cố; sức mạnh của những tiếng nói ấy ta không thể bỏ qua, mặc dù ta không biết bản chất của chúng là gì. Đôi khi hình như trong lòng các quốc gia có những lực lượng ẩn ngầm hướng dẫn đám đông. Ví dụ, có gì phức tạp hơn, logic hơn, tuyệt vời hơn một ngôn ngữ? Và thử hỏi sản phẩm được tổ chức tốt đẹp và tinh tế như thế sinh ra từ đâu, nếu không phải từ tâm hồn vô thức của những đám đông? Những viện hàn lâm thông thái nhất, những nhà ngữ pháp học sáng giá nhất chỉ làm công việc nặng nhọc ghi lại các quy luật đã chi phối những ngôn ngữ này, và họ hoàn toàn không có khả năng sáng tạo ra chúng. Ngay cả những tư tưởng thiên tài của các vĩ nhân, liệu chúng ta có chắc chắn rằng những tư tưởng ấy có chuyên nhất là công trình của riêng họ không? Hẳn nhiên bao giờ chúng cũng được sáng tạo bởi những con người đơn độc; nhưng hàng nghìn hạt bụi mới tạo thành phù sa và chính từ phù sa ấy, những tư tưởng mới nảy mầm. Phải chăng chính tâm hồn của những đám đông đã hun đúc nên chúng?

Chắc chắn đám đông bao giờ cũng vô thức, nhưng chính cái vô thức ấy có lẽ là một trong những bí ẩn của sức mạnh đám đông. Trong tự nhiên, sinh vật chỉ bị chi phối bởi bản năng, chúng thực hiện các hành động mà độ phức tạp kì diệu làm ta phải ngạc nhiên. Lí trí là cái mà nhân loại chỉ mới có được gần đây thôi và còn quá không hoàn hảo để có thể vén lộ cho chúng ta những quy luật của cái vô thức và nhất là thế chỗ cho cái vô thức. Trong mọi hành động của chúng ta, phần vô thức thì to lớn còn phần lí trí thì nhỏ bé. Cái vô thức tác động như một lực lượng hãy còn chưa được biết rõ.

Vậy, nếu chúng ta muốn đứng trong những giới hạn nhỏ hẹp nhưng chắc chắn của các sự vật mà khoa học có thể nhận thức, chứ không đi lang thang trong lãnh địa của phỏng đoán mơ hồ và giả thuyết hư ảo, thì chúng ta chỉ cần xem xét những hiện tượng mà chúng ta có thể hiểu được, và hạn chế chúng ta trong sự xem xét này. Mọi kết luận được rút ra từ quan sát của chúng ta thường chỉ là sơ bộ, bởi vì, đằng sau những hiện tượng mà chúng ta nhìn rõ, còn có những hiện tượng khác chúng ta nhìn không rõ, và thậm chí đằng sau cả những hiện tượng cuối cùng này, lại còn những hiện tượng khác nữa mà chúng ta không trông thấy.

Dẫn luận

THỜI ĐẠI CỦA NHỮNG ĐÁM ĐÔNG

Sự tiến triển của thời hiện tại. - Những thay đổi lớn của văn minh là kết quả của những thay đổi trong tư tưởng của các dân tộc. - Niềm tin mới vào sức mạnh của đám đông. - Nó biến đổi chính trị truyền thống của những Nhà nước. - Sự lên ngôi của các tầng lớp bình dân xảy ra như thế nào và sức mạnh của tầng lớp ấy tác động ra sao. - Hậu quả tất yếu của sức mạnh những đám đông. - Chúng chỉ thực hiện chức năng của kẻ phá hoại. - Chính nhờ đám đông mà tiến trình tan rã của các nền văn minh già cỗi mới kết thúc được. - Sự thiếu hiểu biết chung về môn tâm lí học đám đông. - Tầm quan trọng của việc nghiên cứu đám đông đối với những nhà lập pháp và các chính khách.

Những đảo lộn to lớn xảy ra trước những thay đổi của các nền văn minh, như sự sụp đổ của Đế chế La Mã và việc thành lập Đế chế Ả Rập, mới thoạt nhìn, hình như được quyết định chủ yếu do những biến đổi chính trị to lớn: ngoại bang xâm lược, các triều đại bị sụp đổ. Nhưng một nghiên

cứu chăm chú, tỉ mỉ hơn về những biến cố này cho thấy rằng đằng sau những nguyên nhân bề mặt, thường có nguyên nhân thực sự là sự biến đổi sâu sắc trong tư tưởng của các dân tộc. Những đảo lộn lịch sử thực sự không phải là những đảo lộn làm chúng ta ngạc nhiên vì mức độ lớn lao và bạo liệt của chúng. Chỉ những thay đổi quan trọng, nơi sinh ra sự đổi mới cho các nền văn minh mới là những gì diễn ra trong tư tưởng, quan niệm và niềm tin. Các biến cố đáng nhớ của lịch sử là hiệu quả có thể thấy được của nhiều thay đổi không thể nhìn thấy trong tư tưởng con người. Sở dĩ những biến cố lớn lao ấy rất hiếm khi biểu lộ, đó là vì ở một chủng tộc chẳng có gì bền vững hơn nền tảng di truyền trong tư tưởng của nó.

Thời hiện tại là một trong những thời điểm quyết định, vì đó là lúc tư tưởng con người đang trong tiến trình tự biến đổi.

Có hai nhân tố cơ bản làm nền tảng cho sự biến đổi này. Nhân tố thứ nhất là sự phá huỷ niềm tin tôn giáo, chính trị và xã hội, vốn là nguồn cội sinh ra mọi yếu tố của nền văn minh chúng ta. Nhân tố thứ hai là sự sáng tạo ra những điều kiện sinh tồn và suy tưởng hoàn toàn mới, kết quả của những phát kiến mới trong khoa học và công nghiệp hiện đại.

Những tư tưởng của quá khứ, dù đã bị phá huỷ phân nửa, vẫn còn rất mạnh, và những tư tưởng phải thế chỗ cho chúng thì đang hình thành, nên thời hiện đại biểu thị một giai đoạn quá độ và vô chính phủ.

Từ giai đoạn này, dĩ nhiên có phần hỗn độn, thật không dễ để nói giờ đây cái gì có thể nảy sinh. Sẽ có các tư tưởng cơ bản nào để trên đó xây dựng những xã hội nối tiếp xã hội của chúng ta? Chúng ta vẫn chưa biết được. Nhưng, ngay từ lúc này, điều chúng ta đã thấy rõ, đó là để tổ chức chúng, cần phải tính tới một sức mạnh mới, tối cao của thời hiện đại: quyền lực của những đám đông. Trên đống đổ nát của biết bao tư tưởng, được coi là chân lí trước đây nhưng nay đã chết, của biết bao quyền lực mà các cuộc cách mạng đã liên tiếp đập tan, thì quyền lực của đám đông là cái độc nhất vượt lên, và nó hình như sớm được giao cho sứ mệnh hấp thu hết những quyền lực khác. Trong khi mọi niềm tin cổ xưa đều chao đảo và biến mất, những cột trụ già cỗi của xã hội lần lượt sụp đổ thì quyền lực của đám đông là lực lượng duy nhất chẳng gì đe dọa nổi và uy thế của nó ngày càng lớn lên. Thời đại mà chúng ta đang bước vào sẽ thực sự là THỜI ĐẠI CỦA NHỮNG ĐÁM ĐÔNG.

Chỉ mới một thế kỉ trước đây thôi, đường lối chính trị truyền thống của các Nhà nước và sự đối

nghịch giữa các vua chúa vẫn là nhân tố chính của những biến cố. Ý kiến của những đám đông ít có giá trị, và thậm chí thường chẳng có chút giá trị gì. Còn ngày nay, truyền thống chính trị, khuynh hướng cá nhân của các nhà cai trị, sự đối nghịch giữa họ lại không còn quan trọng nữa, trái lại, chính tiếng nói của đám đông đã trở nên có ưu thế hơn. Tiếng nói ấy áp đặt cho vua chúa cách hành xử, và vua chúa có nhiệm vụ phải nghe theo nó. Số phận của các quốc gia không còn được sắp đặt trong những hội đồng của các ông hoàng nữa, mà ở trong tâm hồn của những đám đông.

Sự lên ngôi của các giai cấp bình dân trong đời sống chính trị, nghĩa là, trên thực tế, họ đã dần dần biến đổi thành giai cấp lãnh đạo, là một trong những đặc điểm nổi bật của thời đại quá độ của chúng ta. Thực ra, việc phổ thông đầu phiếu, được thực hiện từ lâu nhưng ít có ảnh hưởng, không phải là đặc điểm đánh dấu sự lên ngôi của giai cấp bình dân như ta vẫn tưởng. Việc dần nảy sinh quyền lực đám đông thoạt tiên được bắt đầu bằng sự phổ biến một số tư tưởng từ từ du nhập vào tâm trí con người, rồi từng bước liên kết những cá nhân để dẫn tới việc hiện thực hóa các quan niệm lí thuyết. Chính thông qua liên kết mà những đám đông cuối cùng đã hình thành nên tư tưởng, nếu chưa thật xác đáng thì ít ra cũng dứt khoát về quyền lợi và có ý thức về sức mạnh của

mình. Những đám đông thành lập các nghiệp đoàn mà mọi giới có thẩm quyền đều phải lần lượt đầu hàng, các hiệp hội lao động nhằm điều tiết những điều kiện lao động và tiền công, bất chấp mọi quy luật kinh tế. Họ gửi vào các cơ quan chính phủ những đại biểu không giữ ý kiến riêng và sự độc lập cá nhân nữa mà thường chỉ còn là những người phát ngôn cho các uỷ ban đã lựa chọn mình.

Ngày nay, những yêu sách của đám đông càng ngày càng rõ rệt và không dẫn đến điều gì khác hơn là phá huỷ toàn bộ xã hội hiện tại, để đưa nó về chủ nghĩa cộng sản nguyên thuỷ, trạng thái thông thường của mọi nhóm người trước buổi bình minh của văn minh. Hạn chế giờ lao động, trưng thu hầm mỏ, đường sắt, nhà máy và đất đai; chia đều sản phẩm, loại trừ mọi tầng lớp trên vì quyền lợi của các giai cấp bình dân v.v... Đó là các yêu sách.

Thiếu khả năng suy luận, nhưng đám đông lại đủ khả năng hành động. Qua sự tổ chức hiện thời, sức mạnh của đám đông trở nên to lớn vô cùng. Những tín điều mà ta thấy đang nảy sinh chẳng mấy chốc sẽ có sức mạnh như những tín điều xưa cũ, nghĩa là sức mạnh chuyên chế và tối thượng không được phép bàn cãi. Luật thiêng của đám đông sẽ thay thế luật thiêng của vua chúa.

Các nhà văn ủng hộ tầng lớp tư sản hiện thời, những người đại diện tốt nhất cho tầng lớp này, tầng lớp có tư tưởng chật hẹp, đầu óc thiển cận, chủ nghĩa hoài nghi hơi thô thiển, tính ích kỉ đôi khi hơi quá đáng, thì gần như điên lên trước cái quyền lực mới đang lớn mạnh. Và để đấu tranh chống lại sự hỗn loạn của tâm trí con người, các nhà văn này đã tuyệt vọng kêu gọi tới sức mạnh tinh thần của Nhà thờ mà xưa kia họ vốn coi thường. Họ nói với chúng ta rằng khoa học đã phá sản, và trở về từ La Mã với lòng sám hối, họ nhắc nhở chúng ta những bài học về chân lí đã được thần khải. Nhưng những kẻ quy đạo mới này quên là đã chậm quá mất rồi. Nếu thực sự ơn phước đã chạm tới họ, thì ơn phước cũng không có quyền năng như thế đối với những linh hồn chẳng mấy bận tâm đến bao lo lắng đang ám ảnh các tân tín đồ này. Ngày nay, những đám đông không còn thích các thần thánh mà ngày xưa chính họ cũng không thích và từng góp phần vào đập phá. Không có sức mạnh thần thánh hoặc con người nào có thể bắt những dòng sông chảy ngược về nguồn.

Khoa học không hề bị phá sản và không dính gì tới tình trạng vô chính phủ trong tinh thần con người hiện tại, cũng chẳng dính gì tới quyền lực mới đang lớn lên giữa tình trạng vô chính phủ này. Khoa học đã hứa hẹn cho chúng ta chân lí,

hay ít nhất cho ta sự nhận thức về những quan hệ mà trí tuệ của chúng ta có thể nắm bắt; nó không bao giờ hứa hẹn cho chúng ta hòa bình và hạnh phúc. Vô cùng thờ ơ với tình cảm của chúng ta, khoa học không nghe lời than vãn của chúng ta. Chính chúng ta phải cố gắng sống với khoa học, bởi vì chẳng gì có thể phục hồi những ảo tưởng đã bị nó phá huỷ.

Những triệu chứng phổ biến, thấy được ở mọi quốc gia chỉ cho ta thấy rõ sự tăng nhanh quyền lực của những đám đông, và không cho phép ta giả định rằng quyền lực này sắp phải ngừng lớn lên. Dù nó mang lại cho ta điều gì, ta cũng đành phải chịu.

Mọi biện luận chống lại quyền lực của đám đông chỉ là những ngôn từ vô ích. Hẳn có thể sự lên ngôi của đám đông đánh dấu một trong những chặng đường cuối cùng của các nền văn minh Tây phương, một sự quay hẳn về những thời kì vô chính phủ hỗn tạp, vốn hình như bao giờ cũng phải xảy ra trước khi khai sinh một xã hội mới. Nhưng chúng ta làm thế nào để ngăn cản nó?

Cho đến nay, vai trò rõ ràng nhất của đám đông là tạo ra những cuộc phá huỷ to lớn đối với các nền văn minh đã quá già cỗi. Thực thế, không phải chỉ ngày hôm nay, vai trò này mới xuất hiện trên thế giới. Lịch sử cho ta biết rằng khi những

lực lượng tinh thần làm nền móng cho một nền văn minh đã mất hết ảnh hưởng, thì sự tan rã cuối cùng sẽ được thực hiện bởi những đám đông vô thức và tàn nhẫn, được gọi khá chuẩn xác là những kẻ dã man. Cho đến nay, những nền văn minh chỉ được tạo ra và được dẫn dắt bởi một nhóm nhỏ quý tộc trí thức, chứ không bao giờ bởi những đám đông. Đám đông chỉ có sức mạnh để phá hoại. Sự thống trị của đám đông bao giờ cũng biểu thị một thời kì dã man. Một nền văn minh bao hàm những quy tắc cố định, kỉ luật, sự chuyển từ bản năng sang lí trí, có viễn kiến về tương lai, một trình độ cao về văn hóa, những điều kiện mà đám đông, phó mặc cho chính mình, luôn tỏ ra tuyệt nhiên không thể thực hiện nổi. Do sức mạnh duy nhất chỉ là phá hoại, đám đông tác động như loài vi trùng, đẩy nhanh sự tan rã của những cơ thể ốm yếu hay những thây ma. Khi tòa lâu đài của một nền văn minh đã bị mục ruỗng, thì bao giờ cũng chính những đám đông sẽ đưa nó tới chỗ sụp đổ. Chính lúc đó xuất hiện vai trò chủ đạo của đám đông, và trong một khoảnh khắc, triết lí số đông hình như là thứ triết lí duy nhất của lịch sử.

Nền văn minh của chúng ta liệu có giống như thế không? Đó là điều chúng ta có thể lo sợ, nhưng đó cũng là điều mà chúng ta vẫn còn chưa thể biết rõ.

Dù sao chăng nữa, ta phải đành lòng chịu sự thống trị của đám đông, bởi vì có nhiều bàn tay không biết lo xa đã lần lượt lật bỏ tất cả những rào cản có thể kìm giữ nó lại.

Những đám đông ấy bắt đầu được ta nói tới nhiều, nhưng ta hiểu về chúng còn quá ít. Các nhà tâm lí học chuyên nghiệp thì sống cách xa đám đông, luôn không biết về họ, và khi quan tâm tới họ thì lại chỉ quan tâm tới tội ác mà đám đông có thể phạm phải. Tất nhiên, đã có những đám đông tội phạm, nhưng cũng có những đám đông đức hạnh, những đám đông anh hùng, và nhiều loại đám đông khác nữa. Tội ác của đám đông chỉ là một trường hợp đặc biệt trong tâm lí học đám đông. Và ta không thể biết về cấu tạo tinh thần của đám đông bằng cách chỉ nghiên cứu tội ác của nó, cũng như ta sẽ không thể biết cấu tạo tinh thần của một cá nhân nếu chỉ đơn thuần mô tả những thói hư tật xấu của cá nhân ấy.

Tuy nhiên, nói đúng ra, tất cả những chúa tể trên thế giới, tất cả những bậc sáng lập ra các tôn giáo hay các đế chế, những thánh tông đồ của mọi tín ngưỡng, những chính khách nổi tiếng, và trong một lĩnh vực khiêm tốn hơn, những người đứng đầu bình thường của các tập thể nho nhỏ, bao giờ cũng là những nhà tâm lí học không tự giác, họ có hiểu biết về tâm hồn

đám đông, một hiểu biết bản năng nhưng thường rất chắc chắn; và chính vì thế nên họ mới dễ dàng trở thành người lãnh đạo. Napoléon hiểu sâu sắc tâm lí những đám đông của đất nước mà ông thống trị, nhưng đôi khi ông lại không hiểu biết một cách đầy đủ tâm lí những đám đông thuộc các chủng tộc khác*[1], và chính vì không hiểu biết nó, nên khi tiến hành các cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha và nhất là ở Nga, sức mạnh của ông vấp phải sự đối kháng đã sớm hạ gục ông.

Ngày nay, sự hiểu biết về tâm lí học đám đông là chỗ dựa cuối cùng của chính khách nào muốn hay không muốn cai trị đám đông - điều này đã trở nên rất khó khăn - nhưng ít ra không bị đám đông điều khiển quá nhiều.

Chỉ khi hiểu sâu một chút tâm lí học đám đông, ta mới hiểu luật pháp và thiết chế ít có tác động tới đám đông đến chừng nào; đám đông khó có được những ý kiến bất kì nào nằm bên

---

*Những chú thích có thêm dấu * là chú thích của tác giả.*

[1] Và chăng, những cố vấn tinh tế nhất của ông cũng chẳng hiểu biết về điều này nhiều nhặn gì hơn. Talleyrand viết cho ông: "Tây Ban Nha sẽ đón tiếp những người lính của bệ hạ như những người đến giải phóng..." Nhưng Tây Ban Nha lại đón tiếp họ như những con ác thú. Một nhà tâm lí học, hiểu biết về bản năng di truyền của các chủng tộc, sẽ có thể dễ dàng thấy trước sự đón tiếp này.

ngoài những ý kiến đã áp đặt cho họ; không thể dẫn dắt đám đông bằng những quy tắc dựa trên sự công minh mang tính lí thuyết thuần tuý mà phải bằng việc tìm ra cái gì có thể gây ấn tượng và lôi cuốn họ. Ví dụ, nếu một nhà lập pháp muốn thiết lập một thứ thuế mới, liệu ông ta có phải chọn thứ thuế công bằng nhất về mặt lí thuyết hay không? Chắc không đời nào! Thứ thuế bất công nhất có thể là thứ thuế tốt nhất với đám đông xét về mặt thực tế. Nếu thứ thuế ấy kém minh bạch nhất, đồng thời bề ngoài lại ít nặng nề nhất, nó sẽ dễ dàng được chấp nhận nhất. Vì thế nên một thứ thuế gián thu, dù nó rất nặng, sẽ luôn được đám đông chấp nhận, bởi vì nó được trả hằng ngày vào đồ tiêu dùng bằng những phần nhỏ từng xu, nó không làm phiền đến những thói quen của đám đông, và nó không gây ấn tượng cho họ. Nếu thay nó bằng thuế luỹ tiến đánh vào đồng lương hay thu nhập khác, và phải trả ngay một lần, thì về mặt lí thuyết, dù thuế này nhẹ hơn mười lần so với thuế gián thu, nó vẫn gây ra sự nhất loạt phản đối. Thực vậy, những đồng xu không nhìn thấy hằng ngày được thay thế bằng một món tiền tương đối lớn, có vẻ như rất to vào cái ngày phải nộp, do đó nó rất ấn tượng. Thuế chỉ tỏ vẻ nhẹ nếu nó được để dành từng xu một; nhưng phương pháp tiết kiệm ấy biểu thị một

mức độ biết nhìn xa trông rộng mà đám đông không thể có.

Ví dụ trên đây là đơn giản nhất, sự đúng đắn của nó dễ dàng nhận thấy. Nó đã không thoát khỏi [con mắt] một nhà tâm lí học như Napoléon, nhưng các nhà lập pháp không hiểu tâm hồn đám đông sẽ không nhận thấy nó. Kinh nghiệm chưa dạy dỗ họ đến nơi đến chốn để hiểu rằng, con người không bao giờ cư xử theo những quy định của lí trí thuần tuý.

Tâm lí học đám đông có thể có nhiều ứng dụng khác. Hiểu biết nó có thể làm sáng tỏ phần lớn những hiện tượng lịch sử, kinh tế mà nếu thiếu nó sẽ hoàn toàn không thể hiểu nổi. Tôi sẽ có dịp chỉ ra rằng nếu như nhà sử học hiện đại xuất sắc nhất của chúng ta, ngài Taine[1], đôi khi đã hiểu không đầy đủ những biến cố của cuộc Đại cách mạng Pháp, đó là vì ông chưa bao giờ nghĩ tới việc nghiên cứu tâm hồn những đám đông. Trong việc nghiên cứu thời kì phức tạp ấy, ông đã dùng phương pháp mô tả của những nhà

[1] Hippolyte Taine (1828 - 1893): Nhà phê bình văn học, nhà triết học và nhà sử học Pháp, chịu ảnh hưởng lí luận của Condillac, J. S. Mill và A. Bain. Các tác phẩm chính: *Tiểu luận phê bình và lịch sử* (1858), *Lịch sử văn học Anh* (1864), *Triết học của nghệ thuật* (1882), *Nguồn gốc nước Pháp hiện đại* (1876 - 1896).

tự nhiên chủ nghĩa làm hướng đạo. Nhưng, trong những hiện tượng mà nhà tự nhiên chủ nghĩa nghiên cứu, những lực lượng tinh thần ít có mặt. Thực ra, chính những lực lượng ấy mới là động lực chính của lịch sử.

Do đó, chỉ đơn thuần xem xét về mặt thực tiễn, việc nghiên cứu tâm lí học đám đông là việc xứng đáng phải làm. Dù chỉ có một lợi ích đơn thuần là thỏa trí tò mò, thì nó vẫn xứng đáng được nghiên cứu. Thật thú vị khi ta giải mã được động cơ những hành vi của con người, cũng như khi giải mã được một khoáng vật hay một thực vật.

Nghiên cứu của chúng tôi về tâm hồn đám đông sẽ chỉ có thể là một sự tổng hợp ngắn gọn, một tóm tắt đơn giản những nghiên cứu của chúng tôi. Chỉ nên đòi hỏi nó như một vài cái nhìn gợi ý. Những người khác sẽ đào sâu luống cày. Hôm nay, chúng tôi chỉ làm công việc vạch nó ra trên một mảnh đất hãy còn rất hoang sơ*[1].

---

*[1] Rất ít tác giả bận tâm nghiên cứu đám đông. Như tôi đã nói ở trên, họ chỉ nghiên cứu về mặt tội phạm. Trong cuốn sách này, tôi chỉ dành cho vấn đề ấy một chương ngắn. Về điểm đặc biệt, này tôi dẫn độc giả tới những nghiên cứu của ông Tarde và cuốn sách nhỏ của ông Sighele: *Những đám đông phạm tội* (Les foules criminelles). Cuốn sau không chứa một ý tưởng riêng nào của tác giả, nhưng nó bao gồm việc tập hợp những sự kiện mà các nhà tâm lí học có thể sử dụng. Vả lại những kết luận của tôi về tính phạm tội và tính đạo đức của

đám đông đều hoàn toàn trái ngược với những kết luận của hai nhà văn mà tôi vừa kể.

Người ta sẽ tìm thấy trong tác phẩm của tôi, *Tâm lí học về chủ nghĩa xã hội* (La psychologie du socialisme) một vài hệ quả của những quy luật chi phối tâm lí học đám đông. Ngoài ra những quy luật này còn được áp dụng trong nhiều đề tài rất khác nhau. Ông A. Gevaert, Giám đốc Nhạc viện hoàng gia Bruxelles vừa mới đây trong một công trình nghiên cứu về âm nhạc, đã cho ta thấy một sự áp dụng đáng chú ý những quy luật mà chúng tôi đã trình bày, được ông gọi rất đúng là "nghệ thuật của đám đông". Giáo sư viết cho tôi, và gửi cho tôi hồi kí của ông: "Chính hai tác phẩm của ông đã đem đến cho tôi cách giải quyết một vấn đề trước kia tôi cho là không có lời giải: khả năng kì lạ của mọi đám đông có thể cảm thụ được một tác phẩm âm nhạc mới hay cũ, trong nước hay ngoài nước, giản đơn hay phức tạp, miễn là nó được trình bày trong một buổi biểu diễn thú vị và do những nhạc công được một nhạc trưởng nhiệt tình điều khiển". Ông Gevaert chứng minh một cách tuyệt vời tại sao "một tác phẩm khó hiểu đối với các nhạc sĩ ưu tú khi đọc bản dàn bè trong căn phòng hoang vắng, đôi khi lại được một cử tọa xa lạ hoàn toàn với kiến thức chuyên môn hiểu ngay tức khắc". Ông cũng chứng minh rõ tại sao những ấn tượng thẩm mỹ này không để lại một dấu vết nào cả.

Quyển I

TÂM HỒN NHỮNG ĐÁM ĐÔNG

Chương I

ĐẶC ĐIỂM TỔNG QUÁT CỦA ĐÁM ĐÔNG: QUY LUẬT TÂM LÍ VỀ SỰ THỐNG NHẤT TINH THẦN CỦA ĐÁM ĐÔNG

Cái gì cấu thành một đám đông xét về quan điểm tâm lí học. - Một sự quần tụ nhiều cá nhân không đủ để hợp thành một đám đông. - Những đặc tính riêng biệt của đám đông tâm lí. - Khuynh hướng cố định về tư tưởng và tình cảm ở những cá nhân hợp thành đám đông và sự biến mất tính cách cá nhân. - Đám đông bao giờ cũng bị cái vô thức thống trị. - Sự biến mất của hoạt động não bộ và sự ưu trội của hoạt động tuỷ sống. - Sự giảm sút trí tuệ và biến đổi hoàn toàn những tình cảm. - Tình cảm được biến đổi có thể tốt hơn hay xấu hơn tình cảm của những cá nhân đã hợp thành đám đông. - Đám đông cũng dễ dàng là anh hùng hay tội phạm.

Theo nghĩa thông thường, từ *đám đông* biểu thị một sự hợp nhất những cá nhân bất kì, bất kể thuộc dân tộc, nghề nghiệp hay giới tính nào, và cũng bất kể sự ngẫu nhiên nào đã tập hợp họ lại.

Từ quan điểm tâm lí học, thuật ngữ *đám đông* có một ý nghĩa hoàn toàn khác. Trong một vài hoàn cảnh đã cho, và chỉ trong những hoàn cảnh này thôi, một quần tụ những con người sẽ có những tính cách mới rất khác những tính cách của những cá nhân họp thành quần tụ ấy. Cá tính có ý thức biến mất, những tình cảm và tư tưởng của tất cả các đơn vị đều hướng về cùng một hướng. Nó hình thành một tâm hồn tập thể, tuy chỉ nhất thời, nhưng có những tính cách rất rõ. Vì thiếu một từ ngữ hay hơn, nên tôi gọi cái tập thể ấy là một đám đông được tổ chức, hoặc, nếu muốn, còn gọi là một đám đông tâm lí. Đám đông này hình thành nên một thực thể duy nhất, phục tùng *quy luật thống nhất tinh thần của những đám đông.*

Rõ ràng là không phải chỉ vì có nhiều cá nhân ngẫu nhiên ở bên cạnh nhau mà họ có được những tính cách của một đám đông có tổ chức. Một ngàn cá nhân ngẫu nhiên tụ họp trên một quảng trường công cộng không có một mục đích xác định, thì không hề là một đám đông từ quan điểm tâm lí học. Để có được những tính cách đặc biệt, cần phải có ảnh hưởng của một vài tác nhân kích thích mà chúng ta sẽ xác định bản tính của chúng.

Sự biến mất cá tính có ý thức và việc định hướng những tình cảm và tư tưởng theo một

chiều nhất định, là những nét đầu tiên của đám đông đang tự tổ chức, không phải bao giờ cũng bao hàm sự hiện diện đồng thời nhiều cá nhân trên cùng một điểm. Hàng ngàn cá nhân tách riêng, ở một thời điểm nào đó, có thể chịu ảnh hưởng của một vài xúc cảm mãnh liệt, ví dụ một biến cố quốc gia to lớn, cũng có tính cách một đám đông tâm lí. Lúc ấy chỉ cần một ngẫu nhiên nào đó tập hợp họ lại thì những hành động của họ lập tức mang tính cách đặc biệt của hành vi đám đông. Ở một vài thời điểm, chỉ một nửa tá người cũng có thể cấu thành một đám đông tâm lí, trong khi hàng ngàn người tập hợp ngẫu nhiên lại không thể cấu thành đám đông tâm lí. Mặt khác, toàn thể một dân tộc, dẫu không có sự quần tụ rõ ràng, cũng có thể trở thành một đám đông dưới tác động của một số ảnh hưởng.

Khi một đám đông tâm lí được hình thành, nó liền có những tính cách chung tạm thời, nhưng có thể xác định được. Những tính cách chung này lại được cộng thêm tính cách riêng, khả biến, tuỳ theo những thành tố mà đám đông bao gồm và có thể làm biến thái cấu tạo tinh thần của đám đông.

Như thế, những đám đông tâm lí đều có thể phân loại và khi tới mục phân loại này, chúng ta sẽ thấy rằng một đám đông không thuần nhất,

nghĩa là gồm những phần tử không giống nhau, cũng sẽ có những tính cách chung với những đám đông thuần nhất, nghĩa là gồm những phần tử ít nhiều giống nhau (giáo phái, đẳng cấp, giai cấp), và bên cạnh những tính cách chung đó, còn có những đặc tính riêng cho phép ta phân biệt được hai loại đám đông ấy.

Nhưng trước khi xem xét các loại đám đông khác nhau, đầu tiên ta cần phải nghiên cứu những tính cách chung của tất cả các loại. Chúng ta tiến hành như nhà tự nhiên học, bắt đầu bằng việc mô tả những tính cách chung của mọi cá thể thuộc về một họ trước khi xét tới những tính cách riêng cho phép phân biệt những loài và những giống thuộc họ đó.

Thật chẳng dễ gì mô tả chính xác tâm hồn đám đông, bởi vì tổ chức của nó biến đổi chẳng những tuỳ theo chủng tộc và thành phần của các tập thể, mà còn tuỳ theo bản tính và mức độ của các tác nhân kích thích lên những tập thể ấy. Nhưng khó khăn này cũng có trong việc nghiên cứu tâm lí một cá nhân bất kì. Chỉ trong tiểu thuyết ta mới thấy những cá nhân trải qua cuộc đời với một tính cách không thay đổi. Chỉ có sự đồng đều của môi trường mới tạo ra sự đồng đều bên ngoài của những tính cách. Vả lại, tôi đã chứng minh ở một tác phẩm khác rằng mọi cấu trúc tinh thần đều hàm chứa những khả năng về tính cách có thể

biểu hiện ngay khi môi trường đột ngột thay đổi. Chính vì vậy, những đại biểu dữ tợn nhất của Hội nghị Quốc ước[1] lại là các nhà tư sản hiền lành, trong hoàn cảnh bình thường, họ vốn là những công chứng viên hòa nhã hay quan chức hành chính đức hạnh. Giông bão đi qua, họ lại quay trở lại với tính cách bình thường của tầng lớp trung lưu ôn hòa. Napoléon đã tìm được trong tầng lớp này những nô bộc ngoan ngoãn nhất của mình.

Ta không thể nghiên cứu ở đây tất cả những mức độ hình thành đám đông, mà chỉ nghiên cứu trước hết những đám đông trong thời kì chúng đã trở thành tổ chức hoàn bị. Nghĩa là, chúng ta sẽ xem xét chúng có thể trở thành cái gì chứ không phải chúng luôn luôn đã là cái gì. Chỉ trong giai đoạn đã phát triển này của tổ chức thì một số đặc điểm mới mẻ và đặc biệt mới chồng lên trên tính cách bất biến và chủ đạo ấy của chủng tộc, và sẽ xảy ra chuyện tình cảm và tư tưởng của tập thể quay về cùng một hướng. Chỉ vào lúc đó mới biểu lộ cái mà ở trên tôi gọi là *Quy luật tâm lí về sự thống nhất tinh thần của đám đông.*

---

[1] Hội nghị Quốc ước: hội đồng lập hiến, được thành lập tại Pháp vào năm 1792, do 749 đại biểu được bầu thông qua phổ thông đầu phiếu, được phân chia thành cánh hữu, gồm những người Girondin, người theo phái Đồng Bằng và cánh tả, bao gồm những người theo phái Núi.

Trong những tính cách tâm lí của đám đông, có những tính cách mà đám đông có thể có chung với những cá nhân riêng lẻ, mặt khác, chúng còn bao hàm những tính cách rất riêng biệt, chỉ có ở tập thể. Chính những tính cách riêng biệt này là những gì ta cần phải nghiên cứu trước tiên để vạch rõ tầm quan trọng của chúng.

Sự kiện nổi bật nhất của đám đông tâm lí là điều sau đây: dù những cá nhân họp thành nó như thế nào, dù đời sống, nghề nghiệp, tính cách hay trí tuệ của những cá nhân ấy giống nhau hay khác nhau ra sao, thì chỉ riêng việc họ chuyển biến thành đám đông, họ đã có một thứ tâm hồn tập thể làm cho họ cảm nhận, suy nghĩ, và hành động theo một cách hoàn toàn khác với cách mà một cá nhân riêng lẻ vẫn cảm nhận, suy nghĩ và hành động. Có những tư tưởng, tình cảm chỉ nảy sinh hay chỉ biến thành hành động ở những cá nhân khi cá nhân ấy nằm trong đám đông. Đám đông tâm lí là một tồn tại tạm thời, hợp thành bởi những yếu tố dị loại chỉ gắn kết với nhau trong một thời đoạn, chúng giống hệt những tế bào cấu thành một cơ thể sống nhờ nối kết với nhau thành một sinh vật mới, biểu lộ những tính cách rất khác biệt với tính chất mà riêng từng tế bào đã có.

Trái ngược với một ý kiến làm ta ngạc nhiên vì đã được viết ra dưới ngòi bút của một nhà triết

học sâu sắc như Herbert Spencer[1], thật ra, trong một quần tụ họp thành một đám đông, không hề có tổng số và trung bình cộng của các thành tố [như H. Spencer quan niệm] mà chỉ có sự tổ hợp và sự tạo ra những tính cách mới. Giống như trong hóa học, một số yếu tố đối lập nhau, ví dụ bazơ hay axit, kết hợp với nhau để tạo thành một hợp chất mới có những đặc tính hoàn toàn khác các chất được dùng để làm ra nó.

Ta dễ dàng nhận thấy cá nhân nằm trong đám đông khác với cá nhân riêng lẻ đến mức nào nhưng thật chẳng dễ dàng để tìm ra những nguyên nhân của sự khác biệt ấy.

Chí ít, để đi tới chỗ hé lộ những nguyên nhân này, trước tiên ta phải nhớ lại điều nhận xét ấy trong tâm lí học hiện đại, để biết rằng không phải chỉ trong đời sống hữu cơ mà còn cả trong sự vận hành của trí tuệ, những hiện tượng vô thức đóng một vai trò hoàn toàn ưu trội. Đời sống ý thức của tâm trí chỉ biểu thị một phần rất kém bên cạnh đời sống vô thức. Nhà phân tích tinh tế nhất, nhà quan sát sâu sắc nhất hầu như chỉ phát hiện ra một số

---

[1] Herbert Spencer (1820 - 1903): nhà triết học Anh, tư tưởng của ông chịu ảnh hưởng bởi thuyết tiến hóa của Darwin. Ông dành một vị trí đặc biệt cho xã hội học. Các tác phẩm chính: *Nguyên lí tâm lí học* (1855), *Những nguyên lí đầu tiên* (1862), *Nguyên lí sinh học* (1864), *Nguyên lí xã hội học* (1877 - 1896).

rất ít những động cơ vô thức đã dẫn dắt nó. Những hành vi có ý thức của chúng ta là kết quả của một tầng nền vô thức chủ yếu được tạo ra do những ảnh hưởng di truyền. Tầng nền này bao chứa vô vàn những chất cặn của tổ tiên tạo nên tâm hồn của chủng tộc. Đằng sau những nguyên nhân được thừa nhận trong hành vi của chúng ta, chắc chắn có những nguyên nhân thầm kín mà ta không thú nhận, nhưng đằng sau những nguyên nhân thầm kín này còn có những nguyên nhân thầm kín hơn nữa, bởi vì chính chúng ta cũng không biết đến chúng. Phần lớn hành động hằng ngày của chúng ta chỉ là hậu quả của những động cơ ẩn giấu mà ta không nắm được.

Chính những yếu tố vô thức hình thành nên tâm hồn của một chủng tộc, là những yếu tố hàng đầu làm cho mọi cá nhân trong chủng tộc ấy giống nhau, còn chính những yếu tố ý thức - kết quả của giáo dục mà nhất là của sự di truyền đặc thù - là những yếu tố chính yếu làm cho các cá nhân ấy khác nhau. Những con người khác nhau nhất về trí thông minh, lại đều có những bản năng, những đam mê, những tình cảm rất giống nhau. Trong tất cả các lĩnh vực thuộc tình cảm tôn giáo, chính trị, tinh thần, thiện cảm, ác cảm v.v, những con người kiệt xuất nhất cũng hiếm khi vượt qua được trình độ của những cá nhân bình thường nhất. Giữa một nhà toán học vĩ đại

với người thợ giày của ông ta, về mặt trí tuệ có thể tồn tại một vực thẳm, nhưng về mặt tính cách thì sự khác biệt thường không có hoặc rất nhỏ.

Thực vậy, chính những phẩm chất chung của tính cách bị cái vô thức khống chế mà đa số những cá nhân bình thường của một chủng tộc đều có ở mức độ ngang nhau - lại trở thành cái chung trong đám đông. Trong tâm hồn tập thể, những khả năng trí tuệ của cá nhân, và theo đó là tính cách cá thể, bị mờ nhạt đi. Cái dị loại chìm trong cái đồng nhất, và những tính chất vô thức chiếm ưu thế.

Đúng là việc đặt những tính chất bình thường thành "cái chung" đã giải thích tại sao đám đông không bao giờ có thể thực hiện được những hành động đòi hỏi trí tuệ cao. Những quyết định về lợi ích chung được đưa ra do một tập hợp những con người ưu tú, nhưng ở nhiều chuyên ngành khác nhau, rõ ràng không cao siêu hơn quyết định của một tập hợp những con người ngu đần. Thực vậy, họ chỉ cùng đưa ra được những tính chất tầm thường mà ai ai cũng có. Trong đám đông, chính sự ngu đần chứ không phải trí tuệ, đã được tích tụ. Như ta thường nói, không phải tất cả mọi người có trí tuệ nhiều hơn Voltaire[1],

---

[1] Voltaire (1694 - 1778): tên thật là François Marie Arouet, nhà văn Pháp, có ảnh hưởng lớn tới tư tưởng thế kỉ Ánh sáng, tác giả của truyện triết học *Candide*, bi kịch *Zaïre* và nhiều tác phẩm khác bằng văn xuôi hoặc thơ khác.

chắc chắn Voltaire có trí tuệ nhiều hơn tất cả mọi người, nếu như ta hiểu "tất cả mọi người" nghĩa là đám đông.

Nhưng nếu các cá nhân trong đám đông chỉ đặt chung nhau những tính chất bình thường mà mỗi người đều có phần của mình, thì đơn giản sẽ chỉ có cái trung bình cộng, chứ không phải như ta nói, sẽ tạo ra tính cách mới.

Vậy những tính cách mới được thiết lập thế nào? Đó là điều bây giờ chúng ta sẽ phải nghiên cứu.

Có nhiều nguyên nhân khác nhau quyết định sự xuất hiện những tính cách đặc thù của đám đông mà các cá nhân tách riêng không có. Nguyên nhân thứ nhất là cá nhân trong đám đông đã có được, chỉ nhờ số lượng đông, một ý thức về sức mạnh vô địch cho phép nó nương theo những bản năng, mà nếu chỉ một mình, cá nhân sẽ tất nhiên kìm nén. Cá nhân càng ít có xu hướng kìm nén chúng, nếu đám đông là vô danh, do đó là vô trách nhiệm; ý thức về trách nhiệm, điều luôn ngăn giữ những cá nhân, đã biến mất hoàn toàn.

Nguyên nhân thứ hai, sự lây nhiễm, cũng can thiệp để xác định sự biểu hiện những tính cách đặc thù của đám đông, đồng thời xác định cả định hướng của chúng. Sự lây nhiễm là hiện

tượng dễ nhận thấy, nhưng không được giải thích, và cần phải gắn nó với những hiện tượng thuộc lĩnh vực thôi miên mà lát nữa ta sẽ nghiên cứu. Trong một đám đông, mọi tình cảm, mọi hành động đều có tính lây nhiễm, và lây nhiễm đến mức cá nhân rất dễ dàng hy sinh quyền lợi riêng cho quyền lợi tập thể. Đó là một khả năng rất trái ngược với bản tính cá nhân, mà con người hầu như chỉ có thể làm được khi nó là bộ phận của một đám đông.

Nguyên nhân thứ ba, và là nguyên nhân quan trọng nhất, xác định những tính cách đặc biệt khi cá nhân ở trong đám đông; chúng đôi khi hoàn toàn trái ngược với tính cách của cá nhân lúc tách lẻ. Tôi muốn nói tới tính dễ bị gợi ý (suggestibilité) mà tính lây nhiễm nói trên thực ra chỉ là hệ quả của nó.

Muốn hiểu hiện tượng này, ta phải nhớ đến một số phát hiện mới đây của sinh lí học. Ngày nay, chúng ta biết rằng, bằng những cách khác nhau, một cá nhân có thể được đặt trong một trạng thái nào đó, và bị mất hoàn toàn nhân cách có ý thức, tuân theo mọi gợi ý của người làm thí nghiệm, người đã khiến cá nhân mất ý thức, và làm những hành động vô cùng trái ngược với những tính cách và thói quen của mình. Thực vậy, những quan sát kĩ lưỡng nhất chứng minh rằng cá nhân bị chìm đắm một thời gian trong

lòng một đám đông đang hành động, sẽ nhanh chóng rơi vào một tình trạng đặc biệt - do thứ điện từ đó phóng ra, hay từ nguyên nhân hoàn toàn khác mà ta không biết - rất giống trạng thái mê hồn khi người bị thôi miên ở trong tay nhà thôi miên. Đời sống não bộ bị tê liệt ở người bị thôi miên, người này trở thành nô lệ cho mọi hoạt động vô thức của tuỷ sống và nhà thôi miên điều khiển anh ta theo ý muốn. Nhân cách có ý thức của anh ta hoàn toàn biến mất, ý chí và óc phân biệt biến mất. Mọi tình cảm và tư tưởng đều bị nhà thôi miên hướng theo một chiều nhất định.

Điều đó rất gần với trạng thái của cá nhân khi thuộc về một đám đông tâm lí. Anh ta không còn ý thức về những hành động của mình nữa. Ở anh ta, cũng như ở người bị thôi miên, một số khả năng bị phá huỷ, đồng thời những khả năng khác có thể bị dẫn tới một mức độ hứng khởi cực đoan. Dưới ảnh hưởng của một gợi ý, cá nhân này sẽ lao vào thực hiện một vài hành vi nào đó với sự mãnh liệt không thể cưỡng nổi. Sự cuồng nhiệt ấy trong đám đông còn lôi cuốn mạnh hơn so với một chủ thể bị thôi miên, bởi vì sự gợi ý như nhau đối với mọi cá nhân sẽ được phóng đại lên khi trở thành tương hỗ. Trong đám đông, những cá nhân có cá tính khá mạnh để cưỡng lại sự gợi ý, thường có số lượng quá ít để đấu tranh chống lại trào lưu. Nhiều nhất thì những cá nhân

này cũng chỉ làm được việc đánh lạc mục tiêu bằng cách đưa ra một gợi ý khác. Chẳng hạn, chính nhờ vậy, mà một từ ngữ may mắn, một hình ảnh được gợi đúng lúc đôi khi đã làm đám đông chệch hướng, tránh được những hành động đẫm máu nhất.

Vậy, việc biến mất của nhân cách có ý thức, sự ưu trội của nhân cách vô thức, sự định hướng những tình cảm và tư tưởng theo cùng một chiều qua con đường gợi ý và lây nhiễm, khuynh hướng biến đổi ngay lập tức những ý tưởng gợi ý thành hành động, đó là những đặc tính chủ yếu của cá nhân nằm trong đám đông. Cá nhân không còn là bản thân mình nữa. Anh ta đã trở thành một thứ người máy không được ý chí chỉ đạo nữa.

Vậy nên, chỉ riêng việc biến mình thành bộ phận trong một đám đông có tổ chức, con người đã tụt xuống nhiều nấc trong thang bậc văn minh. Đứng tách riêng, có thể đó là một cá nhân có văn hóa; nằm trong đám đông, anh ta là một kẻ dã man, nghĩa là một kẻ bản năng. Anh ta có tính tự phát, thói bạo lực, tính hung dữ, và có cả lòng nhiệt tình, sự anh dũng của người nguyên thuỷ. Anh ta còn có khuynh hướng sáp gần những điều đó, vì anh ta dễ dàng để mình chịu ảnh hưởng bởi những từ ngữ, hình ảnh - những điều mà sẽ hoàn toàn không tác động tới cá nhân

họp thành đám đông nếu cá nhân đó đứng tách riêng - và vì anh ta đã để mình bị dẫn đến những hành vi trái ngược với quyền lợi hiển nhiên nhất và những thói quen thường có nhất của mình. Cá nhân nằm trong đám đông là một hạt cát giữa vô vàn hạt cát khác mà gió sẽ bốc lên tuỳ thích.

Chính vì vậy, ta thấy những ban bồi thẩm đã đưa ra các bản án mà mỗi bồi thẩm viên sẽ không tán thành nếu đứng riêng lẻ; những nghị viện đã thông qua các đạo luật và các biện pháp mà mỗi thành viên trong nghị viện nếu đứng tách riêng sẽ phản đối. Nếu đứng riêng rẽ, các đại biểu trong Hội nghị Quốc ước là những trưởng giả sáng suốt, với thói quen ôn hòa. Khi họp thành đám đông, họ chẳng ngần ngại tán thành những đề nghị hung tàn nhất, đưa lên máy chém những cá nhân rõ ràng vô tội nhất; và trái ngược với mọi quyền lợi của mình, họ chấp nhận từ chối quyền bất khả xâm phạm, và chịu để chính mình bị tàn sát.

Và không phải chỉ do hành động mà cá nhân trong đám đông khác biệt một cách cơ bản với bản thân mình. Trước khi cá nhân mất hết sự độc lập, thì tư tưởng và tình cảm của anh ta đã được biến đổi, và sự biến đổi ấy sâu sắc đến nỗi làm cho kẻ hà tiện trở thành kẻ hoang phí, kẻ hoài nghi thành kẻ có niềm tin, người lương thiện

thành tội phạm, kẻ hèn nhát thành người anh hùng. Việc từ chối mọi đặc quyền trong một thời khắc nhiệt tình, mà tầng lớp quý tộc đã bỏ phiếu tán thành vào cái đêm trứ danh ngày 4 tháng Tám năm 1789, chắn chắn sẽ không bao giờ được bất cứ một cá nhân quý tộc nào chấp thuận, nếu họ tách riêng từng người một.

Ta hãy kết luận những điều nói trên, rằng đám đông bao giờ cũng thấp kém xét về mặt trí tuệ so với con người đứng riêng lẻ, nhưng cũng phải kết luận rằng, xét về mặt tình cảm và hành động mà tình cảm này gây ra, đám đông có thể tốt hơn hay xấu hơn tuỳ theo hoàn cảnh. Tất cả phụ thuộc vào cái cách đám đông được gợi ý. Đó là điều mà các nhà văn nghiên cứu về đám đông trên phương diện tội phạm tuyệt nhiên không biết đến. Chắc chắn đám đông thường phạm tội, nhưng đám đông cũng thường anh hùng. Đó chủ yếu là những đám đông bị người ta dẫn dắt đến chỗ hy sinh thân mình để giành chiến thắng cho một niềm tin hay một ý niệm, được người ta tạo cho nhiệt tình để giành vinh quang và danh dự, được huấn luyện - hầu như không bánh mì để ăn và tay không vũ khí - như ở thời đại những cuộc Thập tự chinh để giải thoát ngôi mộ Chúa Ki Tô khỏi tay những kẻ dị giáo, hoặc như vào năm 93, để bảo vệ đất đai của tổ quốc. Chắc chắn đó là

chủ nghĩa anh hùng vô thức, nhưng chính với chủ nghĩa anh hùng đó, lịch sử đã được tạo ra. Nếu chỉ dùng lí trí lạnh lùng để kích động các dân tộc thực hiện các hành động vĩ đại, thì những cuốn biên niên sử trên thế giới chắc sẽ ghi lại chẳng được bao nhiêu sự kiện.

Chương II

TÌNH CẢM VÀ ĐẠO ĐỨC CỦA ĐÁM ĐÔNG

1 - Tính bốc đồng, tính dễ thay đổi, tính dễ bị kích động của đám đông. - *Đám đông là đồ chơi của mọi khích động bên ngoài và phản ánh điều đó qua những biến đổi không ngừng. - Những xung động mà nó phải tuân theo khẩn thiết đến nỗi quyền lợi cá nhân bị mờ nhạt đi. - Chẳng điều gì được mưu tính trước ở đám đông. - Tác động của chủng tộc.*

2 - Tính dễ bị gợi ý và tính nhẹ dạ của đám đông. - *Đám đông dễ tuân theo sự gợi ý. - Những hình ảnh được gợi lên trong tâm trí thì được đám đông coi là thực tế. - Tại sao những hình ảnh đó đối với mọi cá nhân họp thành đám đông lại đều giống nhau. - Sự cào bằng giữa nhà bác học và kẻ ngu dân trong một đám đông. - Những ví dụ khác nhau về các ảo tưởng mà mọi cá nhân trong đám đông đều dễ mắc phải. - Không thể tin tưởng vào sự làm chứng của đám đông. - Sự nhất trí của nhiều chứng nhân là một trong những chứng cứ tồi tệ nhất mà ta có thể nêu lên để xác lập một sự kiện. - Giá trị yếu kém của sách lịch sử.*

3 - Sự phóng đại và giản đơn trong tình cảm của đám đông. - *Đám đông không biết tới sự nghi ngờ,*

cũng không biết tới sự chắc chắn và luôn đi tới cực đoan. - Tình cảm đám đông luôn quá khích.

4 - Lòng bất khoan dung, tính chuyên chế và bảo thủ của đám đông. - *Nguyên có của những tình cảm này. - Thói nô lệ của đám đông trước một quyền lực mạnh. - Những bản năng cách mạng nhất thời của đám đông không ngăn cản chúng trở nên vô cùng bảo thủ. - Đám đông có bản năng thù nghịch với những thay đổi và tiến bộ.*

5 - Đạo đức của đám đông. - *Đạo đức của đám đông, tuỳ theo những gợi ý, có thể trở nên kém hơn nhiều hay cao hơn nhiều so với đạo đức những cá nhân cấu thành nó. - Lí giải và ví dụ. - Đám đông hiếm khi được quyền lợi dẫn đường, mà thông thường, quyền lợi là động cơ đặc biệt của cá nhân riêng lẻ. - Vai trò giáo hóa của đám đông.*

Sau khi đã nói một cách rất chung về những tính cách chính của đám đông, bây giờ chúng tôi sẽ đi sâu vào chi tiết của những tính cách này.

Ta nhận thấy rằng, trong những tính cách đặc thù của đám đông, có khá nhiều tính cách như thói bốc đồng, tính dễ bị kích động, sự thiếu khả năng suy luận, thiếu xét đoán và tinh thần phê phán, sự thổi phồng tình cảm và nhiều điều khác, mà ta đồng thời cũng nhận thấy ở những người thuộc về hình thái phát triển thấp, như phụ nữ, người dã man và trẻ nhỏ, nhưng đó chỉ là một sự

giống nhau mà tôi nhân tiện chỉ ra. Việc chứng minh điều ấy vượt ra ngoài khuôn khổ của cuốn sách này. Hơn nữa, việc đó sẽ vô ích đối với những người đã hiểu về tâm lí học người nguyên thuỷ, và luôn thiếu thuyết phục đối với những người không biết môn tâm lí ấy.

Bây giờ, tôi xin tiếp cận lần lượt những tính cách khác nhau mà ta có thể quan sát thấy ở phần lớn các đám đông.

1 - Thói bốc đồng, tính hay thay đổi và tính dễ bị kích động ở đám đông.

Khi nghiên cứu những tính cách cơ bản của đám đông, chúng tôi đã nói rằng đám đông hầu như bị vô thức dẫn dắt. Những hành vi của nó chịu nhiều ảnh hưởng của tuỷ sống hơn là của não bộ. Ở điểm này, đám đông hoàn toàn giống với người nguyên thuỷ. Những hành vi được thực thi có thể hoàn hảo về mặt thực hiện, nhưng não bộ không điều khiển những hành vi ấy, cá nhân hành động tuỳ theo những ngẫu nhiên của các kích thích. Đám đông là đồ chơi của mọi kích thích bên ngoài và phản ánh những biến đổi không ngừng của chúng. Vậy, nó là nô lệ của những xung động mà nó tiếp nhận. Cá nhân riêng rẽ có thể chịu cùng những kích thích như con người trong đám đông; nhưng vì bộ não chỉ

ra cho nó những bất lợi khi nhượng bộ điều đó, nên nó không nhượng bộ. Về mặt sinh lí học, đó là điều mà người ta có thể biểu lộ khi nói rằng cá nhân tách riêng có khả năng làm chủ những phản xạ của mình, còn đám đông không có được điều đó.

Những xung động khác nhau mà đám đông phải tuân theo này, tuỳ theo các kích thích, có thể là độ lượng hay tàn ác, anh hùng hay nhát gan, nhưng các xung động ấy luôn luôn bức thiết đến nỗi quyền lợi cá nhân, quyền bảo toàn bản thân không thống trị con người nữa. Những tác nhân kích thích có thể tác động lên đám đông một cách đa dạng và đám đông luôn tuân theo chúng, do vậy đám đông cực kì dao động; và chính vì thế ta thấy đám đông trong phút chốc chuyển đổi từ thái độ hung bạo đẫm máu nhất sang đại lượng hay anh hùng tuyệt đối nhất. Đám đông rất dễ dàng trở thành đao phủ, nhưng trở thành kẻ tử vì đạo cũng chẳng kém dễ dàng. Chính từ trong lòng đám đông đã tuôn chảy những dòng thác máu mà chiến thắng của mỗi một niềm tin đòi hỏi. Chẳng cần phải quay trở về những thời đại anh hùng mới thấy được đám đông có khả năng đến thế nào ở điểm này. Trong một cuộc nổi dậy, đám đông không bao giờ mặc cả mạng sống của mình, và chỉ cách đây ít năm thôi, một vị tướng, đột nhiên nổi danh, dễ dàng tìm thấy ngay một

trăm ngàn người sẵn sàng hi sinh đời mình cho sự nghiệp của ông ta nếu ông ta đề nghị họ. Vậy nên chẳng điều gì có thể lường trước ở đám đông.

Đám đông có thể liên tiếp đi qua các sắc thái tình cảm rất trái ngược nhau, nhưng đám đông bao giờ cũng chịu ảnh hưởng của những kích thích tại một thời điểm. Đám đông giống như những chiếc lá mà giông bão cuốn lên, tan tác mọi ngả, rồi tự rơi xuống. Bằng việc nghiên cứu (ở chỗ khác) một số đám đông cách mạng, chúng tôi sẽ chứng minh vài ví dụ về tính hay thay đổi trong tình cảm của nó.

Sự dao động của đám đông làm cho nó rất khó điều khiển, nhất là khi một bộ phận quyền lực công rơi vào tay nó. Nếu những nhu cầu đời sống hằng ngày không là một thứ tác nhân điều hòa vô hình của sự vật, thì những nền dân chủ khó có thể tồn tại lâu dài. Nhưng nếu như đám đông muốn điều gì một cách cuồng nhiệt, thì nó cũng không mong muốn điều đó quá lâu. Nó không thể có một ý chí cũng như tư tưởng kiên định bền lâu.

Đám đông không chỉ hay bốc đồng và thay đổi. Cũng như người dã man, nó không chấp nhận một điều gì đó có thể xen vào giữa niềm

ham muốn của nó và sự thực hiện niềm ham muốn ấy. Nó càng ít hiểu điều này hơn nếu số lượng đông đem lại cho nó ý thức về một sức mạnh không gì ngăn nổi. Đối với cá nhân nằm trong đám đông, khái niệm về sự bất khả đã biến mất. Cá nhân đơn độc cảm thấy rõ rằng anh ta không thể một mình đốt cháy lâu đài, cướp phá cửa hàng, và nếu anh ta định làm việc đó, thì anh ta sẽ dễ dàng cưỡng lại được ý đồ của mình. Nhưng khi là bộ phận của đám đông, anh ta có ý thức về quyền lực mà số đông đem lại cho mình, và chỉ cần gợi ý cho anh ta ý tưởng về sự giết người và cướp phá là anh ta lập tức ngả theo ý đồ ấy. Cản trở bất ngờ sẽ lập tức bị bẻ gãy bởi sự cuồng nhiệt. Nếu cơ thể người cho phép sự cuồng nộ vĩnh tồn, thì ta sẽ có thể nói rằng tình trạng bình thường của đám đông bị ngăn trở là sự cuồng nộ.

Trong tính dễ bị kích động, thói bốc đồng và tính hay thay đổi của đám đông, cũng như trong mọi tình cảm thông thường khác mà ta sẽ nghiên cứu, những tính cách cơ bản của chủng tộc, mảnh đất không biến đổi, nơi nảy sinh mọi tình cảm của ta, luôn can thiệp vào. Mọi đám đông bao giờ cũng dễ tức giận và bốc đồng, chắc chắn vậy, nhưng với những biến đổi lớn về mức độ. Ví dụ, sự khác biệt giữa một đám đông người Latin với

một đám đông người Anglo-Saxon là rất rõ nét. Những sự kiện gần đây nhất trong lịch sử Pháp đã làm sáng tỏ điểm này. Năm 1870, chỉ cần công bố một bức điện đơn giản về một lời sỉ nhục được giả định dành cho một vị đại sứ, cũng đủ để làm bùng lên cơn cuồng nộ, và lập tức một cuộc chiến tranh khủng khiếp đã xảy ra. Vài năm sau, thông báo điện tín về cuộc thất trận không đáng kể ở Lạng Sơn[1] đã gây ra một sự bùng nổ mới dẫn tới việc chính phủ bị sụp đổ ngay lập tức. Cùng thời gian ấy, một đoàn quân viễn chinh của Anh đã thất trận nặng nề hơn nhiều ở Kartoum[2] lại chỉ gây ra một mối xúc động rất nhỏ ở Anh, và chẳng hề có một chính phủ nào bị lật đổ cả. Ở khắp mọi nơi, đám đông thường nữ tính, nhưng đám đông giàu nữ tính nhất là những đám đông người Latin. Những ai dựa vào chúng có thể leo lên rất cao và rất nhanh, nhưng sẽ luôn luôn phải đi men trên sườn núi Tarpéienne[3], và chắc chắn một ngày nào đó sẽ bị đẩy xuống vực.

---

[1] Chiến tranh Pháp – Thanh tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam

[2] Kartoum: Thủ đô nước Cộng hòa Soudan.

[3] Núi đá Tarpéienne: là một mỏm núi nằm không xa đền Capilote thuộc La Mã, là nơi hành hình: người ta đẩy tội phạm ngã xuống vực.

2 - Tính dễ bị gợi ý và tính nhẹ dạ của đám đông

Khi định nghĩa đám đông, chúng tôi đã nói rằng một trong những tính cách chung của nó là tính dễ bị gợi ý quá mức, và chúng tôi cũng đã chỉ ra trong mọi quần tụ người, một sự gợi ý sẽ lây nhiễm đến mức độ như thế nào; điều đó giải thích sự định hướng nhanh chóng những tình cảm theo một chiều nhất định.

Dù ta giả định đám đông trung lập đến mấy, thì nó vẫn thường ở trong trạng thái chăm chú chờ đợi, điều này làm cho sự gợi ý trở nên dễ dàng. Gợi ý đầu tiên được đưa ra, qua sự lây nhiễm, nó lập tức được áp đặt vào mọi bộ não, và ngay tức khắc sự định hướng được thiết lập. Cũng như ở tất cả những con người được gợi ý, ý tưởng xâm chiếm bộ não có khuynh hướng biến đổi thành hành động. Dù là đốt cháy một tòa lâu đài hay thực hiện một hành động tận tuỵ, đám đông cũng sẵn sàng làm một cách dễ dàng. Tất cả phụ thuộc vào bản chất của tác nhân kích thích chứ không phụ thuộc vào các quan hệ tồn tại giữa hành động được gợi ý và tổng số lí lẽ có thể chống lại việc thực hiện hành động ấy như ở những cá nhân riêng lẻ.

Vậy nên, luôn phiêu bạt trên những giới hạn của vô thức, dễ dàng chịu mọi gợi ý, có mọi sự

mãnh liệt về tình cảm riêng của những người không thể cầu viện đến ảnh hưởng của lí trí, không có tinh thần phê phán, đám đông chỉ có thể thuộc về tính cả tin quá mức. Điều khó tin không tồn tại đối với đám đông, và cần phải nhớ lấy điều này để hiểu được tại sao những truyền thuyết và những câu chuyện khó tin nhất lại dễ dàng được tạo ra và lan truyền*[1].

Sự sáng tạo những truyền thuyết được lưu truyền khá dễ dàng trong đám đông không chỉ được quyết định do tính cả tin vào tất cả. Nó còn được quyết định bởi những biến cố đã bị làm biến dạng ghê gớm do trí tưởng tượng của những con người tụ họp với nhau. Biến cố đơn giản nhất dưới cái nhìn của đám đông sẽ nhanh chóng trở thành một biến cố bị biến dạng. Đám đông suy nghĩ bằng hình ảnh, và hình ảnh được gợi ra, bản thân nó lại gợi thêm một loạt hình ảnh khác chẳng có liên hệ logic nào với hình ảnh bạn đầu. Chúng ta dễ dàng nhận thức được trạng thái này khi liên tưởng tới sự nối tiếp kì lạ

*[1] Những người tham dự trận bao vây Paris đều đã chứng kiến nhiều ví dụ về tính nhẹ dạ của đám đông. Người ta cả tin vào những điều khó tin nhất. Một ngọn nến thắp trên tầng gác cao lập tức được coi như là tín hiệu báo cho quân thù đang bao vây, mặc dù chỉ sau hai giây suy nghĩ cũng thấy rõ ràng rằng tuyệt đối không thể nhìn thấy ánh sáng của ngọn nến từ khoảng cách nhiều dặm xa.

của những ý tưởng mà đôi khi chúng ta bị dẫn dắt tới thông qua việc gợi ra từ một sự kiện nào đó. Lí trí cho ta thấy những hình ảnh này rời rạc, nhưng đám đông ít thấy điều đó; và trí tưởng tượng gây biến dạng cộng vào với biến cố thực làm nó lẫn lộn cái tưởng tượng với cái thực. Đám đông ít phân biệt được cái chủ quan với cái khách quan. Đám đông chấp nhận những hình ảnh được gợi lên trong tâm trí như là thực, và thường thường hình ảnh ấy chỉ là họ hàng xa với sự kiện được quan sát.

Đám đông chứng kiến một biến cố nào đó rồi làm biến dạng nó đi. Hình như những biến dạng đó nhiều vô kể và theo những chiều hướng khác nhau, bởi vì những cá nhân cấu thành đám đông có khí chất rất khác nhau. Nhưng điều ấy chẳng sao cả. Do lây nhiễm nên những biến dạng đều cùng một bản chất và theo cùng một hướng đối với mọi cá nhân. Biến dạng đầu tiên được một cá nhân trong tập thể nhận thấy là hạt nhân cho sự gợi ý mang tính lây nhiễm. Trước khi hiện lên trên các bức tường của Jérusalem dành cho mọi chiến binh Thập tự chinh, Thánh Georges[1] chắc

[1] Thánh George: tín đồ Kitô giáo tuẫn tiết được thờ ở Lydda (Palestin) từ thế kỉ V và chỉ được nói tới trong truyền thuyết, tiêu biểu cho người giang hồ hiệp sĩ. Việc thờ Thánh George chỉ thịnh hành ở châu Âu sau khi các đoàn Thập tự chinh trở về.

chắn chỉ được một người có mặt nhìn thấy. Bằng con đường gợi ý và lây nhiễm, phép lạ chỉ do một người phát hiện lập tức được tất cả mọi người chấp nhận.

Đó bao giờ cũng là cơ chế của những hoang tưởng tập thể rất thường xảy ra trong lịch sử và dường như có tính chất cổ điển về sự xác thực, bởi vì đó là những hiện tượng đã được hàng nghìn người nhận thấy.

Để chống lại điều trên, không nên nhờ đến đặc tính tinh thần của những cá nhân trong đám đông. Đặc tính đó không quan trọng. Khi con người nằm trong đám đông, kẻ ngu dốt và nhà bác học đều không có khả năng nhận xét.

Luận đề này có thể tỏ ra nghịch lí. Để chứng minh nó cặn kẽ, cần phải sử dụng lại nhiều sự kiện lịch sử, và rất nhiều tập sách cũng sẽ không đủ.

Tuy nhiên, vì không muốn để độc giả có cảm tưởng là khẳng định không chứng cứ nên tôi sẽ đưa ra vài ví dụ được chọn ngẫu nhiên trong vô số những cứ liệu mà ta có thể kể ra.

Sự kiện sau đây là một trong những sự kiện điển hình nhất, bởi vì nó được lựa chọn trong những hoang tưởng tập thể hoành hành trong một đám đông bao gồm đủ loại người, những kẻ

dốt nát nhất cũng như người có học nhất. Câu chuyện do trung uý hải quân Julien Félix nhân thể kể lại trong cuốn sách của ông ta về những dòng hải lưu và đã được in lại trong *Tạp chí Khoa học* (Revue Scientifique).

Chiến thuyền Belle Poule chạy trên biển đi tìm tàu hộ tống Berceau. Hai con tàu bị bão nên lạc nhau. Lúc đó đang giữa ban ngày, trời nắng. Bỗng nhiên, chòi quan sát báo hiệu có một chiếc xuồng hỏng. Đoàn thuỷ thủ nhìn về điểm được báo, và tất cả mọi người, sĩ quan và thuỷ thủ đều nhìn thấy rõ một chiếc mảng đầy người do xuồng kéo, trên xuồng treo tín hiệu cấp cứu. Tuy nhiên, đó chỉ là một hoang tưởng tập thể. Đô đốc Desfossés cho trang bị một chiếc xuồng đi ứng cứu những người bị nạn. Khi lại gần, thuỷ thủ và sĩ quan trên xuồng đều trông thấy "đám đông người cuống quýt chìa tay ra, và nghe thấy những âm thanh trầm đục của nhiều giọng nói hỗn tạp". Khi chiếc xuồng tới nơi, người ta chỉ thấy trước mặt mấy cành cây đầy lá từ bờ biển gần đó trôi tới. Đứng trước một sự hiển nhiên có thể sờ mó được như vậy, hoang tưởng tan ngay.

Trong ví dụ này, ta thấy cơ chế của hoang tưởng tập thể diễn ra rất rõ như chúng tôi đã giải thích. Một mặt, đám đông đang chăm chú chờ đợi; mặt khác, sự gợi ý do trạm quan sát báo có

một chiếc xuồng hỏng trên biển, điều gợi ý qua con đường lây nhiễm đã được mọi người tham dự, từ sĩ quan đến thuỷ thủ, chấp nhận.

Không cần một đám đông phải nhiều người thì năng lực nhìn đúng cái gì xảy ra trước mặt nó mới bị xóa bỏ, và những sự kiện thực mới bị thay thế bằng những hoang tưởng chẳng có quan hệ gì với chúng. Ngay khi vài cá nhân tụ họp với nhau, họ đã cấu thành một đám đông, và khi đó dù họ là những nhà bác học nổi tiếng, họ cũng mang tính cách đám đông đối với những điều nằm ngoài chuyên môn của mình. Năng lực quan sát và tinh thần phê phán mà từng người trong họ sẵn có lập tức biến mất. Một nhà tâm lí học tài giỏi, ông Davey, đã cung cấp cho ta một ví dụ kì lạ, mới đây tờ *Niên giám Khoa học tâm lí* (Annales des Sciences psychique) đã in, nó đáng được kể lại ở đây. Ông Davey đã triệu tập một cuộc họp gồm các quan sát viên nổi tiếng, trong số đó có ngài Wallace[1], nhà bác học hàng đầu của nước Anh. Ông Davey để cho họ xem xét các đồ vật, và đánh dấu vào chỗ nào họ thích, rồi ông thực hiện trước mặt họ tất cả những hiện tượng thông linh cổ điển như: vật chất hóa thần linh, viết trên bảng đá v.v. Sau đó, khi

[1] Alfred Wallace (1823 - 1913): nhà hàng hải và vạn vật học người Anh, những nhận xét về động vật học mà ông rút ra qua nhiều chuyến đi đã thừa nhận vai trò của chọn lọc tự nhiên trong sự tiến hóa của muôn loài.

nhận được từ các quan sát viên nổi tiếng những bản tường trình khẳng định rằng những hiện tượng được quan sát chỉ có thể đạt được nhờ các phương tiện siêu nhiên, ông tiết lộ cho họ biết rằng những hiện tượng ấy chỉ là kết quả của những trò gian trá rất đơn giản. Tác giả bài tường thuật viết: "Điều đáng ngạc nhiên nhất trong thí nghiệm của ông Davey không phải sự kì diệu của bản thân những trò biểu diễn, mà là sự yếu kém vô cùng của những quan hệ mà các nhân chứng không am hiểu vấn đề đã làm. Vậy, những nhân chứng có thể viết nhiều chuyện kể xác thực hoàn toàn lầm lẫn, nhưng kết quả là, *nếu ta chấp nhận sự mô tả của họ là đúng*, thì những hiện tượng họ mô tả sẽ không thể giải thích được bằng trò gian trá. Những phương pháp được ông Davey sáng tạo thật đơn giản đến mức ta phải ngạc nhiên là ông quá táo bạo khi sử dụng chúng; nhưng ông đã có một quyền lực như thế đối với tâm trí đám đông đến nỗi ông có thể thuyết phục nó để nó phải nhìn thấy cái điều mà nó không nhìn thấy." Đó luôn là quyền năng của nhà thôi miên đối với người bị thôi miên. Nhưng khi ta thấy quyền năng này tác động được lên những trí tuệ cao siêu, mà đã được cảnh báo trước, thì ta hiểu thật dễ dàng đến chừng nào để làm cho những đám đông bình thường bị rơi vào ảo tưởng.

Những ví dụ tương tự nhiều vô kể. Vào lúc tôi viết những dòng chữ này, những tờ nhật báo

đăng tải đầy câu chuyện về hai em bé gái chết đuối được vớt từ sông Seine. Đầu tiên, một tá nhân chứng khẳng định dứt khoát đã nhận diện được hai em. Mọi điều khẳng định đều khớp nhau đến nỗi ông cán bộ kiểm sát chẳng còn nghi ngờ điều gì nữa. Ông cho lập giấy khai tử. Nhưng đến lúc chuẩn bị tiến hành mai táng, thì ngẫu nhiên người ta phát hiện hai nạn nhân giả định vẫn đang sống sờ sờ; vả lại chúng chỉ hao hao giống với hai em bé chết đuối. Cũng như những ví dụ đã kể trên, sự khẳng định của nhân chứng đầu tiên, nạn nhân của một ảo tưởng đã đủ để gợi ý cho những người khác.

Trong các trường hợp tương tự, điểm xuất phát của sự gợi ý bao giờ cũng là ảo tưởng được nảy sinh ở một cá nhân, do những hồi ức ít nhiều mơ hồ, rồi tiếp theo là sự lây nhiễm bằng con đường khẳng định cái ảo tưởng ban đầu này. Nếu người quan sát đầu tiên là người rất mẫn cảm thì, loại bỏ tất cả những điểm giống nhau trong thực tế, xác chết mà ông ta nhận ra, chỉ cần một vài điểm đặc thù như một vết sẹo hay một chi tiết trang phục, cũng có thể gợi cho ông ta ý tưởng về người này, người khác.

Ý tưởng được gợi ra lúc ấy có thể trở thành hạt nhân của sự kết tinh hóa xâm chiếm trường lí trí và làm tê liệt mọi năng lực phê phán. Lúc này, điều mà người quan sát nhìn thấy không phải là bản

thân đối tượng nữa mà chính là hình ảnh được gợi trong tâm trí anh ta. Vậy nên, có thể giải thích được chuyện nhận diện nhầm xác con của chính người mẹ, như trường hợp sau, đã xưa cũ mà gần đây báo chí có nhắc lại. Ở đây, ta thấy biểu hiện rõ hai loại gợi ý mà tôi vừa mới vạch ra cơ chế.

"Một trẻ nhỏ được một trẻ khác nhận ra. Trẻ thứ hai nhầm. Thế là một loạt những nhận diện sai được tiếp diễn.

Và ta thấy một chuyện rất kì lạ. Sau cái ngày em học trò nhận diện ra xác chết, một người phụ nữ kêu lên: "Lạy Chúa! Đây là con tôi."

Người ta đưa bà tới cạnh xác chết. Bà quan sát quần áo, nhận thấy một vết sẹo trên trán. Bà nói: "Đúng là thằng bé khốn khổ của tôi. Nó bị lạc từ tháng Bảy vừa rồi. Người ta đã bắt nó và người ta đã giết con tôi!"

Người đàn bà làm nghề gác cổng ở phố Four và tên là Chavandret. Người ta cho gọi người anh rể của bà ta đến, không do dự ông ta nói: "Đây là cháu bé Philibert." Nhiều người dân cùng phố cũng công nhận đứa trẻ được tìm thấy ở La Vilette chính là Philibert Chavandret, đấy là chưa kể thầy giáo của em, đối với ông chiếc huy hiệu là một dấu hiệu.

Thế đấy! Những người hàng xóm, người anh rể, thầy giáo và người mẹ đều nhầm lẫn. Sáu tuần sau, nhân dạng của đứa trẻ được xác lập. Đó là một em nhỏ ở Bordeaux, bị giết ở Bordeaux, rồi được hãng vận tải chuyển tới Paris."[1]

Người ta nhận thấy rằng những cuộc nhận diện như thế thường được tiến hành với phụ nữ và trẻ nhỏ, nghĩa là với những con người mẫn cảm nhất. Đồng thời những cuộc nhận diện ấy cho chúng ta thấy, trong pháp luật, những sự làm chứng như thế có giá trị gì. Nhất là đối với trẻ nhỏ, đừng bao giờ viện dẫn những lời khẳng định của chúng. Các vị quan tòa thường nhắc đi nhắc lại một điều sáo rỗng rằng ở tuổi này, người ta không nói dối. Với chút kiến thức tâm lí học hơi sơ sài, họ sẽ biết rằng ở tuổi ấy, trái lại, người ta hầu như luôn nói dối. Tất nhiên, sự nói dối ấy là ngây thơ, nhưng vẫn là nói dối. Thà rằng quyết định bằng cách gieo tiền sấp ngửa, còn hơn là kết án một bị cáo theo lời chứng của một trẻ nhỏ, như người ta đã làm rất nhiều lần.

Lại nói về những nhận xét do đám đông thực hiện, ta sẽ kết luận rằng những nhận xét tập thể thường sai lạc nhất trong mọi nhận xét, và thông thường chúng biểu thị ảo tưởng đơn giản

[1] Báo *Éclair* ngày 21 tháng Tư năm 1895.

của một cá nhân đã gợi ý cho những người khác qua con đường lây nhiễm. Ta có thể nhân lên đến vô tận những sự kiện để chứng minh rằng cần phải vô cùng cảnh giác với sự làm chứng của đám đông. Hàng ngàn người đã tham dự vào lời buộc tội nổi tiếng đối với kỵ binh ở trận chiến Sedan[1], tuy nhiên, với sự có mặt của nhiều người chứng kiến tận mắt nhưng lại đưa ra những ý kiến mâu thuẫn nhau nhất, thật khó có thể biết kỵ binh đã do ai chỉ huy. Trong một cuốn sách mới đây, ngài Wolseley[2], vị tướng người Anh đã chứng minh rằng cho đến tận bây giờ người ta vẫn phạm những sai lầm nghiêm trọng nhất đối với những sự kiện quan trọng nhất trong trận chiến Waterloo[3], những sự kiện mà hàng trăm nhân chứng đã chứng thực*[4].

---

[1] Sedan: thủ phủ của tỉnh Ardennes thuộc miền Đông Bắc nước Pháp. Napoléon III đã đầu hàng tại đây vào năm 1870.

[2] Sir Garnet Wolseley (1833 - 1913): thống chế xuất sắc người Anh đã bảo vệ các thuộc địa của đế chế Anh trên khắp thế giới.

[3] Waterloo: một làng ở Bỉ, nơi Napoléon I đã thua trận trước tướng Wellington và Blücher vào năm 1815.

*[4] Đối với chỉ riêng một trận chiến, liệu ta có biết nó chính xác xảy ra như thế nào không? Tôi rất ngờ điều ấy. Chúng ta biết được ai thắng, ai thua, nhưng có lẽ chẳng ai biết gì hơn. Ông d'Harcourt vừa là người tham dự vừa là nhân chứng, tường trình về trận Solférino. Điều ông nói có thể áp dụng cho mọi trận chiến: "Các vị tướng (dĩ nhiên

Các sự kiện như thế đã chứng tỏ cho ta thấy giá trị của việc làm chứng của đám đông là thế nào. Những chuyên luận logic học đưa sự nhất trí của nhiều nhân chứng vào phạm trù những chứng cứ vững chãi nhất mà ta có thể viện dẫn để chứng minh tính đúng đắn của một sự kiện. Nhưng điều mà ta biết về tâm lí học đám đông đã chứng minh rằng, về điểm này, các chuyên luận logic học cần phải viết lại hết. Những biến cố đáng ngờ nhất chắc chắn là những biến cố do rất đông người chứng kiến. Nói rằng một sự kiện đã đồng thời được hàng ngàn nhân chứng quan sát, thông thường có nghĩa là sự kiện thực sẽ khác nhiều so với câu chuyện đã được chấp nhận.

Rõ ràng từ những điều nói trên, ta suy ra rằng cần phải coi sách lịch sử như là những cuốn sách tưởng tượng thuần tuý. Đó là những câu chuyện thêu dệt về các sự kiện được quan sát so sài, đi kèm những lời giải thích được thực hiện sau đó. Đánh vữa thạch cao là việc làm có ích hơn là mất

---

được biết qua hàng trăm nhân chứng) truyền đạt báo cáo chính thức; những sĩ quan truyền mệnh lệnh thay đổi tư liệu và viết dự án cuối cùng; tham mưu trưởng đưa dự án ra tranh cãi và viết mới lại. Người ta trình nó lên Thống chế. Ngài kêu to: "Chắc chắn các anh đã nhầm!", và ngài đã thay nó bằng bản viết mới. Hầu như bản này chẳng còn chút gì gần gũi với bản tường trình lúc đầu." Ông d' Harcourt đã kể lại sự kiện này như một chứng cứ của việc không thể xác lập sự thật về một biến cố đột ngột nhất, được xem xét kĩ nhất.

thời giờ để viết những cuốn sách như thế. Nếu quá khứ không để lại cho chúng ta những tác phẩm văn học, nghệ thuật và kiến trúc, thì chúng ta sẽ tuyệt nhiên chẳng biết đâu là thực về quá khứ ấy. Liệu chúng ta có biết một chút gì là thực về cuộc đời những vĩ nhân, những người đã giữ vai trò nổi trội trong nhân loại như Hercule[1], Đức Phật, Chúa Jésus hay nhà Tiên tri Mahomet[2] không? Rất có thể là không. Vả lại, xét cho cùng, cuộc đời thực của họ đối với chúng ta cũng chẳng quan trọng lắm. Điều mà chúng ta quan tâm muốn biết là những vĩ nhân như truyền thuyết dân gian đã sáng tạo nên là ai. Đó là những bậc anh hùng truyền thuyết, chứ tuyệt nhiện không phải là những anh hùng hiện thực, những người đã gây ấn tượng cho tâm hồn đám đông.

Khốn thay, những truyền thuyết - dù chúng có được sách vở xác định - thì bản thân chúng cũng không có chút vững chắc nào. Trí tưởng tượng của đám đông đã biến đổi chúng không ngừng theo các thời đại, và nhất là theo từng chủng tộc.

---

[1] Hercule (tên Hy Lạp: Héraclès): anh hùng của thần thoại Hy Lạp, con trai của Zeus và Alcmène, huyền thoại về chàng gắn liền với 12 kì công.

[2] Mahomet (khoảng 570 - 632): là nhà tiên tri truyền đạt sứ điệp của Allah (Thượng Đế) và là người sáng lập ra đạo Islam (đạo Hồi). Ông phải trốn khỏi Mecque vào năm 622. Sau một thời gian dài chiến tranh, ông chiếm lấy thành phố này vào năm 630.

Có khoảng cách rất xa từ đấng Jéhovah khát máu của Kinh Cựu ước đến Đức Chúa Trời mang tình yêu thương của nữ thánh Thérèse, và Đức Phật được thờ phụng ở Trung Hoa cũng chẳng có điểm gì chung với Đức Phật được sùng bái ở Ấn Độ.

Cũng chẳng cần đến nhiều thế kỉ đi qua để trí tưởng tượng của đám đông biến đổi truyền thuyết về những người anh hùng. Đôi khi, sự biến đổi chỉ cần vài năm. Ở thời nay, chúng ta cũng thấy truyền thuyết về một trong những anh hùng vĩ đại nhất của lịch sử đã bị biến đổi nhiều lần trong vòng chưa đầy 50 năm. Dưới thời Bourbon[1], Napoléon trở thành một nhân vật trữ tình, từ tâm và tự do, bạn của những người nghèo khổ, theo cách nói của các thi sĩ, những con người nghèo khổ ấy phải lưu giữ dài lâu kỉ niệm về người dưới mái tranh. Ba mươi năm sau, người anh hùng nhu nhược đã trở thành một bạo chúa khát máu, sau khi chiếm đoạt quyền lực và tự do, đã làm chết ba triệu người duy chỉ để thỏa mãn tham vọng của mình. Ngày nay, chúng ta lại chứng kiến một biến đổi mới của truyền thuyết.

---

[1] Bourbon: dòng vua Pháp, hậu duệ của vua Louis I, bá tước lãnh địa Bourbon - l'Archambault và Bourbonnais, dòng họ này trị vì ở Navarre, Pháp trong giai đoạn 1589 - 1793, ở Tây Ban Nha trong giai đoạn 1700 - 1868, 1874 - 1931, ở xứ Naples và Sicile giai đoạn 1734 - 1860.

Khi vài chục thế kỉ qua đi, nhà khoa học trong tương lai đứng trước những câu chuyện mâu thuẫn nhau như vậy, có lẽ sẽ nghi ngờ sự tồn tại của người anh hùng, cũng như đôi khi họ nghi ngờ về sự tồn tại của Đức Phật, và chỉ nhìn thấy ở ngài một huyền thoại nào đó về mặt trời, hay một sự phát triển của truyền thuyết về Hercule. Hẳn họ sẽ dễ bằng lòng về sự không chắc chắn này, bởi vì họ am hiểu tri thức về tâm lí học đám đông hơn ngày nay, họ sẽ biết rằng lịch sử khó giữ được cái gì vĩnh hằng ngoài những huyền thoại.

3 - Sự phóng đại và giản đơn trong tình cảm

Dù một đám đông biểu hiện tình cảm thế nào, tốt hay xấu, thì nó cũng có tính cách kép, đó là giản đơn và phóng đại. Về điểm này, cũng như về nhiều điểm khác, cá nhân nằm trong đám đông gần với người nguyên thuỷ. Không thể đạt tới những sắc thái, họ nhìn sự vật trong một khối và không nhận thấy những chuyển tiếp. Trong đám đông, sự phóng đại những tình cảm được tăng cường bởi sự việc: một tình cảm được biểu lộ lan truyền rất nhanh bằng con đường gợi ý và lây nhiễm, nên sự tán thưởng rõ ràng dành cho tình cảm ấy làm gia tăng đáng kể sức mạnh của nó.

Tính giản đơn và phóng đại những tình cảm của đám đông đã khiến nó không biết đến nghi ngờ và lưỡng lự. Giống như phụ nữ, những tình cảm lập tức đi tới cực đoan. Nỗi hoài nghi được nói ra tức thì biến thành sự thực hiển nhiên không cần bàn cãi. Một sự khởi đầu ác cảm hoặc không tán thưởng, ở một cá nhân tách riêng sẽ không trở nên đậm nét, nhưng sẽ lập tức trở thành hận thù hung dữ ở một cá nhân nằm trong đám đông.

Sự mãnh liệt của tình cảm trong đám đông còn được phóng đại lên, nhất là ở đám đông không thuần nhất, do không có trách nhiệm. Tin chắc không bị trừng phạt, đám đông càng đông thì sự tin chắc càng bền vững, và quan niệm về một sức mạnh nhất thời đáng kể nhờ số lượng, đã làm cho tập thể khả dĩ có những tình cảm và hành động mà cá nhân riêng lẻ không thể có. Trong đám đông, kẻ ngu đần, kẻ dốt nát, kẻ đố kỵ được giải phóng khỏi ý thức về sự vô giá trị và sự bất lực của mình, ý thức ấy được thay thế bằng ý niệm về một sức mạnh tàn bạo, nhất thời, nhưng vô cùng to lớn.

Sự phóng đại, ở đám đông, khốn khổ thay lại thường dựa trên những tình cảm xấu, di chứng mang tính lại giống của những bản năng người nguyên thuỷ. Vì sợ trừng phạt nên những cá nhân riêng rẽ và có trách nhiệm buộc phải hãm những

bản năng ấy lại. Đó là điều làm cho đám đông dễ dàng bị dẫn tới những quá khích xấu xa nhất.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là khi được gợi ý khéo léo, đám đông sẽ không thể có hành vi anh hùng, tận tụy và những đức hạnh cao cả. Thậm chí, đám đông còn có thể làm những điều đó tốt hơn nhiều so với cá nhân riêng lẻ. Chúng ta sẽ có dịp trở lại vấn đề này khi nghiên cứu đạo đức của đám đông.

Vì ưa thổi phồng trong tình cảm nên đám đông chỉ bị ấn tượng bởi những tình cảm quá khích. Diễn giả nào muốn lôi cuốn đám đông đều phải lạm dụng sự khẳng định mạnh mẽ. Thổi phồng, khẳng định, nhắc đi nhắc lại, và không bao giờ thử chứng minh điều gì bằng sự suy luận, là những phương pháp biện luận ai cũng biết của các diễn giả trong các cuộc hội họp quần chúng. Đám đông còn muốn chính sự thổi phồng ấy trong tình cảm những người hùng của họ. Các ưu điểm và đức hạnh bề ngoài của những người hùng bao giờ cũng phải được khuếch đại. Người ta đã nhận xét rất đúng rằng trong rạp hát đám đông đòi hỏi nhân vật chính của vở kịch phải có đức tính can đảm, đạo đức và đức hạnh không bao giờ được thực hiện trong đời sống.

Trong lĩnh vực sân khấu, người ta có lí khi nói tới một nhãn quan đặc biệt. Có một nhãn

quan như vậy thật, nhưng những quy tắc của nó thường không liên quan tới lương tri và logic. Nghệ thuật nói trước đám đông tất nhiên là ở cấp độ thấp, nhưng đòi hỏi những khả năng hoàn toàn đặc biệt. Thật khó có thể giải thích để hiểu sự thành công của một số vở kịch. Nhiều giám đốc nhà hát khi nhận những vở ấy, bản thân họ thường không chắc chắn về sự thành công của chúng, bởi vì muốn đánh giá thì điều cần thiết là họ phải có khả năng tự biến đổi thành đám đông*[1]. Còn ở đây, nếu ta có thể tìm hiểu sâu về sự phát triển, ta sẽ thấy ảnh hưởng ưu trội của chủng tộc. Một vở kịch làm cho đám đông của một nước này phấn khởi, đôi khi lại chẳng có chút thành công nào trong một nước khác, hoặc chỉ có một thành công tương đối và

---

*[1] Chính điều này giải thích tại sao đôi khi có những vở kịch bị tất cả các giám đốc nhà hát từ chối, lại thành công rực rỡ khi ngẫu nhiên chúng được công diễn. Ta biết thành công của vở *Vì vinh quang* (Pour la Couronne) của Copfée. Nó đã bị các giám đốc các nhà hát hàng đầu từ chối suốt 10 năm, dù tác giả rất nổi tiếng. Vở *Mẹ đỡ đầu của Charley* (La marraine de Charley) bị tất cả các nhà hát từ chối, cuối cùng được một nhân viên hối đoái bỏ tiền ra dựng. Nó đã có 200 buổi diễn ở Pháp, hơn 1.000 buổi ở Anh. Nếu không có sự lí giải trên đây về việc những giám đốc nhà hát không thể thay đám đông cảm nhận thì những đánh giá sai lầm như thế của các chuyên gia có thẩm quyền và vốn không hề muốn phạm sai lầm là không thể nào giải thích được. Đó là một vấn đề tôi không thể khai triển ở đây và nó đáng được nghiên cứu dài hơn.

có tính chiếu lệ, bởi vì nó không vận dụng những động lực có khả năng làm khơi dậy công chúng mới.

Tôi không cần nói thêm rằng sự thổi phồng của đám đông chỉ ảnh hưởng tới tình cảm và chẳng tác động gì tới trí tuệ. Tôi đã chỉ ra rằng riêng việc cá nhân nằm trong đám đông, trình độ trí tuệ của anh ta đã thấp xuống ngay lập tức và rất đáng kể. Đó là điều ông Tarde[1] cũng nhận thấy trong nghiên cứu của ông về tội ác của đám đông. Vậy, chỉ trong lĩnh vực tình cảm, đám đông mới có thể leo lên rất cao hay ngược lại tụt xuống rất thấp mà thôi.

4 - Lòng bất khoan dung, tính chuyên chế và bảo thủ của đám đông

Đám đông chỉ biết tới những tình cảm giản đơn và cực đoan; những ý kiến, tư tưởng và niềm tin đã gợi ý cho đám đông đều được chấp nhận hoặc bị vứt bỏ tất thảy, rồi được xem như những chân lí tuyệt đối hay những sai lầm cũng không kém phần tuyệt đối. Bao giờ cũng xảy ra như thế

[1] Gabriel Tarde (1843 - 1904): nhà xã hội học Pháp, tác giả của những công trình về vấn đề trọng tội, đại diện chính của xã hội học theo xu hướng tâm lí ở Pháp. Các tác phẩm chính: *Trọng tội học so sánh* (1886), *Nghiên cứu hình sự xã hội* (1892), *Nghiên cứu tâm lí xã hội* (1898).

đối với những niềm tin được xác định qua con đường gợi ý, mà lẽ ra chúng phải được sinh ra qua con đường suy lí. Ai cũng biết những niềm tin tôn giáo đều bất khoan dung biết nhường nào, và như bạo chúa, chúng tác động xiết bao tới tâm hồn con người.

Không chút nghi ngờ với những gì là chân lí hoặc sai lầm, mặt khác lại có khái niệm rõ ràng về sức mạnh của mình, đám đông vừa chuyên chế vừa bất khoan dung. Cá nhân có thể chịu đựng được mâu thuẫn và tranh cãi, còn đám đông thì không bao giờ chịu đựng được điều đó. Trong những cuộc hội họp đông người, diễn giả chỉ mới bộc lộ chút mâu thuẫn thôi, lập tức đã bị bao vây bởi những tiếng la hét cuồng nộ và những lời thóa mạ kịch liệt, ngay tiếp theo là những hành động gây tổn thương và xua đuổi dù diễn giả có cố nài nỉ. Nếu không có sự hiện diện của người có quyền lực, người có ý kiến trái ngược thậm chí còn bị giết. Tính chuyên chế và bất khoan dung là tiêu biểu cho tất cả các loại đám đông, nhưng chúng ở nhiều mức độ rất khác nhau, và ở đây lại xuất hiện khái niệm cơ bản về chủng tộc, kẻ thống trị mọi tình cảm và mọi tư tưởng của con người. Tính chuyên chế và bất khoan dung phát triển đến cấp độ cao nhất là ở những đám đông người Latin. Nó đi đến chỗ hoàn toàn phá huỷ ý

thức độc lập cá nhân vốn rất mạnh mẽ ở người Anglo - Saxon. Đám đông Latin chỉ nhạy cảm với sự độc lập tập thể của nhóm phái mà nó thuộc về và đặc điểm của thứ độc lập tập thể này là nhu cầu nô lệ hóa áp đặt niềm tin của mình cho bất cứ kẻ nào không cùng ý kiến một cách tức thời và bạo lực. Ở những dân tộc Latin, những kẻ Jacobins[1] ở mọi thời đại, từ những người thời Tòa án dị giáo, đã không bao giờ có thể vươn lên tới một thứ quan niệm nào khác về tự do.

Đối với đám đông, tính chuyên chế và bất khoan dung là những tình cảm rất rõ ràng, mà nó hiểu dễ dàng và chấp nhận cũng dễ dàng, nó thực hành những điều đó ngay khi người ta áp đặt chúng cho nó. Đám đông ngoan ngoãn tôn trọng sức mạnh và chẳng mấy ấn tượng với lòng nhân từ mà đối với nó chỉ là một hình thức của sự yếu đuối. Cảm tình của đám đông không bao giờ dành cho các ông chủ nhu nhược mà dành cho những bạo chúa đã mạnh mẽ đè bẹp họ. Bao giờ đám đông cũng dựng tượng đài cao nhất cho các bạo chúa. Nếu như đám đông sẵn sàng khinh rẻ những bạo chúa đã bị lật đổ thì chỉ vì bạo chúa ấy đã mất sức mạnh, hắn đã thuộc vào loại kẻ

[1] Jacobins: Đảng cách mạng do Lanjuinais và le Chapelier thành lập với tên gọi câu lạc bộ Bretagne (1789), Robespierre là một trong những người hùng biện chính.

yếu mà người ta khinh bỉ bởi vì người ta không sợ những kẻ ấy nữa. Loại anh hùng quý hóa với đám đông bao giờ cũng có cấu trúc như một César. Hình ảnh sặc sỡ phù hoa của ông ta cám dỗ họ, quyền lực của ông ta bắt họ kính nể và thanh gươm của ông ta làm họ sợ.

Luôn sẵn sàng nổi dậy chống lại một quyền lực yếu, song đám đông lại khom lưng nô lệ trước một quyền lực mạnh. Nếu sức mạnh của quyền lực bị gián đoạn, thì đám đông tuân theo những tình cảm cực đoan, luân chuyển từ vô chính phủ sang nô lệ, rồi từ nô lệ sang vô chính phủ.

Vả lại sẽ là kém hiểu biết về tâm lí học đám đông khi tin vào sự ưu trội trong những bản năng cách mạng của nó. Chỉ riêng tính bạo lực của đám đông cũng đã làm ta ảo tưởng về điểm này. Những bùng phát nổi loạn và phá hoại của nó bao giờ cũng rất nhất thời. Đám đông bị cái vô thức thống trị quá nhiều, và do đó chịu ảnh hưởng bởi sự di truyền lâu đời, nên nó thành ra cực kì bảo thủ.

Bị bỏ rơi một mình, đám đông sẽ chán ngán sự mất trật tự và theo bản năng nó sẽ sớm hướng về sự nô lệ. Chính những người Jacobins kiêu hãnh nhất, khó trị nhất lại là những người nhiệt tình đón chào Bonaparte nhất, khi ông ta thủ tiêu mọi quyền tự do và cứng rắn giơ bàn tay sắt.

Rất khó để hiểu lịch sử, nhất là lịch sử của những cuộc cách mạng quần chúng khi ta không hiểu những bản năng bảo thủ sâu xa của đám đông. Họ muốn thay đổi tên những thiết chế của mình, và đôi khi họ thực hiện các cuộc cách mạng bạo lực để có được những thay đổi ấy; nhưng nền tảng của các thiết chế này lại là sự biểu hiện quá mạnh mẽ những nhu cầu di truyền của chủng tộc khiến chúng khó mà không luôn luôn quay trở lại. Tính hay thay đổi của họ chỉ dựa trên những sự việc hoàn toàn mang tính bề ngoài. Thực ra, đám đông có những bản năng bảo thủ không thể thay đổi được như bản năng của người nguyên thuỷ. Lòng sùng kính đối với truyền thống là tuyệt đối. Nỗi sợ hãi vô thức của họ đối với những cái mới có khả năng làm thay đổi điều kiện sống thực tế của họ, là hoàn toàn sâu sắc. Nếu các nền dân chủ đã sở hữu được quyền lực, như chúng có hôm nay, vào cái thời mà người ta sáng chế ra máy dệt cơ khí, máy hơi nước và đường sắt, thì sự hiện thực hóa những sáng chế ấy đã không xảy ra, hoặc có xảy ra thì phải trả giá bằng những cuộc cách mạng và những cuộc tàn sát liên miên. Thật may cho những tiến bộ văn minh, bởi vì sức mạnh của đám đông chỉ bắt đầu nảy sinh khi những phát minh lớn của khoa học và công nghệ đã được hoàn tất.

5 - Đạo đức của đám đông

Nếu ta hiểu từ đạo đức theo cái nghĩa luôn tôn trọng một số quy ước xã hội, và thường xuyên đàn áp những xung động ích kỉ, thì rõ ràng là đám đông đã quá bốc đồng và hay thay đổi để có thể gọi là có đạo đức. Nhưng nếu, trong khái niệm đạo đức, chúng ta đưa vào sự xuất hiện nhất thời một số đức tính như: sự quên mình, lòng tận tụy, tính vô tư, sự hy sinh bản thân, nhu cầu công lí, thì chúng ta có thể nói trái lại, đám đông đôi khi có thể có đạo đức rất tốt.

Một số rất ít các nhà tâm lí học nghiên cứu đám đông lại chỉ xem xét nó về phương diện hành vi tội phạm, và nhìn xem hành vi ấy xảy ra thường xuyên đến mức nào, họ đã coi như đám đông có trình độ đạo đức rất thấp kém.

Chắc chắn thường xảy ra như vậy. Nhưng tại sao? Đơn giản chỉ vì những bản năng phá hoại hung hãn là những tàn dư của thời nguyên thuỷ, vẫn nằm ngủ ở đáy sâu trong mỗi chúng ta. Trong đời sống cá nhân riêng lẻ, thật nguy hiểm cho anh ta nếu làm thỏa mãn những bản năng này, trong khi nếu cá nhân nhập vào một đám đông vô trách nhiệm, và vì ở đấy sự không bị trừng phạt được bảo đảm, nên đã tạo cho anh ta hoàn toàn tự do để theo đuổi những bản năng ấy.

Không thể thường xuyên tác động những bản năng phá hoại ấy lên đồng loại, nên ta hạn chế chỉ làm điều đó đối với thú vật. Chính đó là nguồn gốc nảy sinh những đam mê rất phổ biến đối với săn bắn và những hành vi bạo tàn của đám đông. Một đám đông từ từ băm nát một nạn nhân không có gì bảo vệ, chứng tỏ một sự tàn bạo rất hèn hạ; nhưng đối với nhà triết học thì sự tàn bạo ấy rất giống với sự dã man của những người đi săn họp nhau lại đến cả tá người để tìm thú vui khi tham dự cuộc săn đuổi và xua bầy chó cắn thủng bụng một con hươu khốn khổ.

Nếu đám đông có khả năng giết người, đốt nhà và làm mọi thứ tội ác, thì nó cũng có khả năng hành động tận tuỵ, hi sinh và vô tư rất cao cả, thậm chí cao cả hơn rất nhiều so với sự cao cả mà cá nhân riêng lẻ có thể làm. Người ta đã tác động chủ yếu lên cá nhân nằm trong đám đông, và thường là đến mức có được sự hi sinh mạng sống, bằng cách viện dẫn đến ý thức về vinh quang, danh dự, tôn giáo và tổ quốc. Lịch sử đầy rẫy những ví dụ tương tự như những chiến binh Thập tự chinh[1] và những người tình nguyện của

[1] Thập tự chinh: cuộc viễn chinh được Giáo hội tổ chức để giải phóng Miền đất thánh, nhất là mộ của Chúa Kitô ở Jérusalem, kéo dài từ thế kỉ XI đến thế kỉ thứ XIII. Nó diễn ra khi lối vào Palestine đã trở nên rất khó khăn do sự xâm lược của người Thổ.

năm 93. Chỉ có tập thể mới có khả năng thực hiện những hành động vô tư vĩ đại và những hiến dâng vĩ đại.

Đã có biết bao nhiêu đám đông từng hi sinh anh dũng vì những niềm tin, những tư tưởng và những ngôn từ mà họ hầu như không hiểu. Những đám đông đình công đã làm việc đó còn tốt hơn để tuân theo một khẩu hiệu chứ đâu chỉ để được tăng thêm đồng lương còm mà họ đã cam lòng. Quyền lợi cá nhân hiếm khi là động lực mạnh mẽ ở đám đông, trong khi nó là động lực gần như chủ yếu ở cá nhân riêng lẻ. Chắc không phải quyền lợi đã hướng đạo đám đông trong nhiều cuộc chiến tranh, điều thường khó có thể hiểu đối với trí tuệ đám đông, ở đấy đám đông dễ dàng hi sinh thân mình, giống như loài chim chiền chiện bị người đi săn dùng gương để thôi miên.

Ngay cả đối với những kẻ vô lại nhất, khi tập hợp nhau lại thành đám đông, họ cũng nhất thời có những nguyên tắc đạo đức rất nghiêm ngặt. Taine nhận ra rằng những kẻ tàn sát người hồi tháng Chín[1] đều đem nộp lên bàn hội đồng tất cả

[1] Cuộc thảm sát tháng Chín: hưởng ứng lời kêu gọi của Công xã Paris, tầng lớp dân nghèo ở Pháp đã đứng lên chống lại quân Phổ xâm lược, đồng thời tiến hành trấn áp những người bị coi là phản động. Chỉ trong ba ngày đầu tháng Chín, người ta đã xử tử hơn 1.000 người.

những ví tiền và đồ trang sức mà họ tìm thấy trên người các nạn nhân, dù họ có thể dễ dàng ăn cắp. Đám đông la hét, lúc nhúc và khốn cùng trong cuộc Cách mạng 1848 đã chiếm điện Tuileries[1], cũng không hề chiếm một đồ vật nào làm của riêng, dù vật đó làm họ lóa mắt và chỉ lấy một vật thôi, họ cũng đủ miếng ăn trong nhiều ngày.

Việc đám đông đã đạo đức hóa cá nhân chắc không phải là một quy tắc bất biến, nhưng đó là một quy tắc mà ta thường thấy. Ta còn thường thấy điều này trong những trường hợp ít nghiêm trọng hơn những hoàn cảnh mà tôi vừa kể. Tôi đã nói rằng ở rạp hát đám đông muốn nhân vật của vở kịch phải có những đức hạnh được phóng đại, và anh ta thuộc về một sự quan sát tầm thường mà một cử tọa gồm những thành phần thấp kém, cũng tỏ ra rất đứng đắn. Kẻ ăn chơi lõi đời, tên ma cô, đứa mất dạy chuyên nhạo báng thường xì xào trước một cảnh hơi quá trớn hay một lời đề nghị phóng túng, tuy cũng chẳng đáng kể gì so với những câu nói quen thường ngày của họ.

Vậy nếu đám đông thường tự phó mặc cho những bản năng thấp hèn, thì đôi lúc họ cũng nêu gương trong những hành vi đạo đức cao cả. Nếu như tính vô tư, lòng cam chịu, lòng tận tụy

[1] Cung điện Tuileries: nơi ở của các vua chúa Pháp thời xưa.

tuyệt đối cho một lí tưởng không tưởng hay hiện thực là những đức hạnh đạo đức, thì ta có thể nói rằng đám đông thường có những đức hạnh ấy ở một mức độ mà các nhà hiền triết khôn ngoan nhất cũng hiếm khi đạt được. Tất nhiên, đám đông thực hành chúng trong vô thức, song điều ấy quan trọng gì. Ta cũng không nên than phiền rằng đám đông chủ yếu bị vô thức điều khiển, và ít khi suy luận. Nếu đám đông đã đôi lúc suy luận và chất vấn về quyền lợi trực tiếp của mình, thì có lẽ chẳng có nền văn minh nào được phát triển trên bề mặt hành tinh của chúng ta, và nhân loại sẽ không có lịch sử.

Chương III

TƯ TƯỞNG, SỰ SUY LUẬN VÀ TRÍ TƯỞNG TƯỢNG CỦA ĐÁM ĐÔNG

1 - Tư tưởng của đám đông. - *Những tư tưởng chính yếu và những tư tưởng thứ yếu. - Làm thế nào để có thể đồng thời tồn tại những tư tưởng đối nghịch. - Những tư tưởng cao siêu phải biến đổi như thế nào để có thể đi tới đám đông. - Vai trò xã hội của những tư tưởng luôn độc lập đối với phần chân lí mà chúng có thể hàm chứa.*

2 - Suy luận của đám đông. - *Đám đông không thể bị ảnh hưởng bởi những suy luận. - Suy luận của đám đông bao giờ cũng ở cấp độ sơ đẳng. - Những tư tưởng mà đám đông liên kết chỉ có vẻ bề ngoài giống nhau hoặc kế tiếp nhau.*

3 - Trí tưởng tượng của đám đông. - *Sức mạnh của trí tưởng tượng của đám đông. - Đám đông suy nghĩ bằng hình ảnh và những hình ảnh nối tiếp nhau này không có chút quan hệ nào. - Đám đông bị ấn tượng nhất bởi khía cạnh kì diệu của sự vật. - Cái tuyệt diệu và cái hoang đường là những bệ đỡ thật sự của các nền văn minh. - Trí tưởng tượng của bình dân luôn là nền tảng*

quyền lực của các chính khách. -Những sự kiện xảy ra như thế nào để có thể tác động vào trí tưởng tượng của đám đông.

1 - Tư tưởng của đám đông

Trong cuốn sách trước, khi nghiên cứu về vai trò của tư tưởng trong sự tiến hóa của các dân tộc, chúng tôi đã vạch rõ rằng mỗi nền văn minh đều sinh ra từ một phần nhỏ những tư tưởng cơ bản rất hiếm khi được đổi mới. Chúng tôi đã trình bày cách những tư tưởng ấy ăn sâu vào tâm hồn đám đông; chúng đã khó khăn biết bao mới xâm nhập được vào đó, và khi đã xâm nhập rồi chúng liền có sức mạnh. Cuối cùng, chúng ta đã thấy những rối loạn lịch sử lớn thường nảy sinh từ sự thay đổi những tư tưởng cơ bản ấy như thế nào.

Tôi đã viết khá đủ về chủ đề này, nay không quay lại nữa mà chỉ hạn chế nói đôi lời về những tư tưởng đã xâm nhập đám đông và đám đông đã hiểu những tư tưởng này dưới hình thức nào.

Ta có thể chia chúng thành hai lớp. Trong lớp này, chúng ta xếp những tư tưởng ngẫu nhiên và nhất thời, được sinh ra do những ảnh hưởng tại thời điểm: chẳng hạn lòng hâm mộ một cá nhân hay một chủ thuyết. Trong lớp kia là những tư tưởng cơ bản mà môi trường, sự di truyền, ý kiến

đã mang lại cho chúng một độ bền vững rất cao: ví dụ những niềm tin tôn giáo ngày xưa, những tư tưởng dân chủ và xã hội ngày nay.

Những tư tưởng cơ bản có thể được hình dung như khối nước của một con sông chảy từ từ theo dòng; những tư tưởng nhất thời được hình dung như những con sóng nhỏ luôn thay đổi khuấy động bề mặt sông và, dù sóng nhỏ không thực sự quan trọng, chúng vẫn rõ ràng hơn là dòng chảy của bản thân con sông.

Ngày nay, những tư tưởng lớn, cơ bản mà cha ông ta đã từng kinh qua ngày càng bị chao đảo. Chúng đã mất hoàn toàn sự vững chắc, và cùng lúc, những thiết chế dựa trên tư tưởng ấy cũng bị lung lay sâu sắc. Hằng ngày, hình thành nhiều tư tưởng nhỏ có tính quá độ mà tôi sẽ đề cập ngay sau đây; nhưng rất ít trong số ấy lớn lên rõ rệt và có được ảnh hưởng ưu trội.

Dù những tư tưởng được gợi ý cho đám đông như thế nào, chúng cũng chỉ có thể trở nên thống trị với điều kiện mang khoác lên mình một hình thức thật nguyên vẹn và thật giản đơn. Lúc đó, chúng hiển hiện dưới dáng vẻ những hình ảnh, và chỉ xâm nhập vào quần chúng dưới hình thức này. Những "hình ảnh-tư tưởng" ấy không gắn kết với nhau bằng bất cứ quan hệ logic giống nhau hoặc kế tiếp nào và có thể thế

chỗ cho nhau như những tấm kính trong chiếc đèn ma thuật mà người điều khiển rút ra từ chiếc hộp nơi chúng được xếp chồng lên nhau. Chính vì vậy ta có thể thấy ở đám đông nhiều tư tưởng rất mâu thuẫn nhau lại nằm kề nhau. Tuỳ theo những ngẫu nhiên tại thời điểm, đám đông sẽ bị ảnh hưởng bởi một trong các tư tưởng khác nhau đã được tích giữ trong trí não mình, và do đó nó có thể nhúng tay vào những hành vi hết sức khác nhau. Sự thiếu vắng hoàn toàn tinh thần phê phán khiến nó không thể nhận ra những mâu thuẫn.

Điều này không phải là hiện tượng đặc thù của đám đông; ta nhận thấy nó ở nhiều cá nhân riêng lẻ, không chỉ trong những người nguyên thuỷ mà còn ở cả những người có khía cạnh tinh thần nào đó giống người nguyên thuỷ, - ví dụ những tín đồ của một niềm tin tôn giáo cuồng nhiệt. Tôi đã quan sát thấy điều đó với một mức độ kì lạ ở những người Hindu có học vấn, được đào tạo trong các trường đại học Âu châu của chúng ta, và họ đã nhận được các loại bằng cấp. Trên nền tảng không thể thay đổi gồm những tư tưởng tôn giáo hay xã hội mang tính di truyền, được chồng chất thêm một nền tảng gồm những tư tưởng Tây phương chẳng có họ hàng gì với những tư tưởng trước, mà không làm tư tưởng trước thay đổi. Tuỳ theo những ngẫu nhiên tại

thời điểm, tư tưởng này hay tư tưởng khác xuất hiện cùng với đám rước độc đáo của chúng gồm những hành động hay diễn từ; và chính cá nhân cũng biểu hiện những mâu thuẫn rõ rệt nhất. Hơn nữa, mâu thuẫn thể hiện trên bề mặt hơn là thực tế, bởi vì chỉ những tư tưởng di truyền mới đủ mạnh ở cá nhân riêng lẻ để trở thành những động cơ cho hành vi. Chỉ khi thông qua sự lai giống, con người đứng giữa những xung động có tính di truyền khác nhau, thì những hành động mới thực sự hoàn toàn trái ngược nhau giữa lúc này với lúc khác. Sẽ là vô ích khi nhấn mạnh ở đây những hiện tượng này dù rằng tầm quan trọng mang tính tâm lí của chúng là cơ bản. Tôi cho rằng cần phải ít nhất mười năm du hành và quan sát mới đi tới chỗ hiểu được chúng.

Tư tưởng chỉ tiếp cận với đám đông sau khi đã mang một hình thức rất đơn giản, nó thường phải chịu những biến đổi hoàn toàn nếu muốn trở nên đại chúng. Nhất là khi đó là những tư tưởng triết học hay khoa học khá cao siêu, và ta có thể nhận thấy những biến đổi sâu sắc cần thiết để chúng đi xuống từ lớp này qua lớp khác cho đến trình độ của đám đông. Những biến đổi này phụ thuộc vào loại đám đông hay chủng tộc mà đám đông thuộc về; nhưng những biến đổi ấy luôn có tính chất giảm thiểu hóa và đơn giản hóa. Và chính vì thế, trên quan điểm xã hội, thực ra ít có đẳng cấp

tư tưởng, nghĩa là những tư tưởng ít hay nhiều cao siêu. Chỉ riêng việc một tư tưởng đến được với đám đông và có thể tác động, dù lúc đầu nó có vĩ đại và chân thực đến thế nào, thì nó cũng bị lột trụi hầu hết những điều đã làm cho nó cao siêu và lớn lao.

Vả lại, trên quan điểm xã hội, giá trị đẳng cấp của một tư tưởng không quan trọng. Điều cần xem xét, đó là những hiệu quả mà nó sinh ra. Những tư tưởng Ki Tô giáo thời Trung cổ, những tư tưởng dân chủ thế kỉ trước, những tư tưởng xã hội của ngày hôm nay, hẳn không phải quá cao siêu. Về mặt triết học, ta có thể chỉ xem chúng như những sai lầm hơi đáng tiếc; tuy nhiên vai trò của chúng đã và sẽ vô cùng to lớn và chúng sẽ tồn tại lâu dài trong những nhân tố cốt yếu nhất trong hành động của Nhà nước.

Ngay cả khi tư tưởng đã chịu những biến đổi khiến nó du nhập được vào đám đông, nó cũng chỉ tác động được bằng các phương pháp khác nhau sẽ được nghiên cứu ở chỗ khác, nó xâm nhập vào vô thức và trở thành tình cảm, điều này thường cần thời gian rất lâu.

Thực vậy, đừng tưởng rằng chỉ đơn giản vì một tư tưởng đúng đắn đã được chứng minh mà nó có thể sinh ra những hiệu quả, ngay cả đối với người có học. Ta sẽ nhanh chóng hiểu ra điều đó

khi thấy rằng ngay cả sự chứng minh rõ ràng nhất cũng ít có ảnh hưởng tới đa số con người. Sự hiển nhiên, nếu nó rõ mồn một, có thể sẽ chỉ được một thính giả có học công nhận; nhưng tín đồ mới này cũng sẽ nhanh chóng bị vô thức dẫn về với những quan niệm nguyên thuỷ của mình. Vài hôm sau bạn hãy gặp lại anh ta, thế nào anh ta cũng lại giở ra với bạn những luận cứ cũ, chính xác đến từng từ. Thực ra, anh ta vẫn nằm trong ảnh hưởng của những tư tưởng có trước đã trở thành tình cảm; và chỉ những tư tưởng xưa cũ ấy tác động lên những động cơ sâu xa của các hành vi và diễn từ của chúng ta mà thôi. Đối với những đám đông, chuyện ấy cũng chẳng khác.

Nhưng khi một tư tưởng bằng những cách khác nhau cuối cùng đã xâm nhập vào tâm hồn đám đông, nó sẽ có một sức mạnh không thể cưỡng nổi và triển khai một loạt những hiệu quả mà ta phải chịu đựng. Những tư tưởng triết học dẫn tới cuộc Cách mạng Pháp phải mất gần một thế kỉ mới bám rễ được vào tâm hồn đám đông. Ta biết sức mạnh không thể cưỡng nổi của chúng khi chúng đã được xác lập ở đó. Sự nhiệt tình của cả một dân tộc lao vào chinh phục công bằng xã hội, lao vào thực hiện những quyền trừu tượng và tự do tư tưởng, đã làm chao đảo mọi ngai vàng, và làm đảo lộn sâu sắc thế giới Tây phương. Trong vòng hai mươi năm, các dân tộc

xông vào nhau và châu Âu đã biết tới những cuộc tàn sát khiến cho Thành Cát Tư Hãn và Tamerlan[1] cũng phải khiếp sợ. Chưa bao giờ thế giới chứng kiến việc truyền bá một tư tưởng lại có thể gây ra những sự việc đến mức như thế.

Phải mất nhiều thời gian, tư tưởng mới được xác lập trong tâm hồn đám đông, nhưng muốn thoát ra khỏi đó cũng phải mất chừng ấy thời gian. Vậy nên, đứng trên phương diện tư tưởng, đám đông bao giờ cũng đi chậm hơn vài thế hệ so với những nhà bác học và triết gia. Mọi chính khách ngày nay đều biết rõ điều sai lầm của những tư tưởng cơ bản mà tôi vừa mới kể, nhưng vì ảnh hưởng của chúng còn rất mạnh, nên họ buộc phải cai trị theo những nguyên tắc mà họ không còn tin vào chân lí của chúng nữa.

2 - Sự suy luận của đám đông

Ta không thể nói một cách chắc chắn tuyệt đối rằng những đám đông không suy luận và không thể bị ảnh hưởng bởi sự suy luận. Nhưng những luận chứng mà đám đông sử dụng và lí lẽ có thể tác động tới nó về phương diện logic, đều thuộc

[1] Tamerlan (1336 - 1405): còn gọi là Timour Lang, "Timour khập khiễng", nhà chinh phục người Thổ - Mông. Đế chế của ông thế kỉ XIV là cả một cùng rộng lớn bao gồm một phần Trung Đông và Bắc Á. Ông cai trị đế chế ấy dựa trên sức mạnh và sự khủng bố.

loại sơ đẳng đến mức ta chỉ có thể đánh giá sự suy luận ấy bằng con đường của phép loại suy.

Những suy luận sơ đẳng của đám đông, cũng như những cách suy luận cao siêu, đều dựa trên các liên tưởng, nhưng những tư tưởng được đám đông liên kết, giữa chúng chỉ có mối liên hệ bề ngoài do giống nhau hoặc kế tiếp nhau. Chúng liên kết với nhau như liên tưởng của người Esquimau[1], bằng kinh nghiệm, họ biết rằng nước đá là một vật thể trong suốt, tan chảy trong miệng, nên họ kết luận rằng kính là vật thể cũng trong suốt nên cũng tan chảy trong miệng; hoặc sự liên tưởng của người dã man, họ hình dung rằng khi ăn trái tim của một kẻ thù can đảm, họ sẽ có sự gan dạ; hoặc liên tưởng của người công nhân bị một ông chủ bóc lột, anh ta lập tức kết luận mọi ông chủ đều là những kẻ bóc lột.

Liên tưởng những sự vật không giống nhau, giữa chúng chỉ có những quan hệ bề ngoài, và khái quát hóa tức thời những trường hợp đặc biệt, đó là đặc điểm suy luận của đám đông. Những người biết tác động tới đám đông đều luôn dùng cách suy luận thuộc loại ấy, đó là những kiểu suy luận duy nhất có thể ảnh hưởng tới đám đông. Một chuỗi những suy luận logic sẽ hoàn toàn không thể hiểu được đối với đám

[1] Người Esquimau: một bộ tộc sống ở vùng Bắc Cực.

đông, và chính vì vậy có thể nói đám đông không suy luận hoặc suy luận sai, và đám đông không thể bị ảnh hưởng bởi suy luận. Đôi khi, ta ngạc nhiên khi thấy ở buổi hội thảo, một số diễn văn tồi nhưng lại có ảnh hưởng lớn đối với đám đông ngồi nghe; nhưng người ta quên rằng những diễn văn ấy được viết ra để lôi kéo tập thể chứ không phải để cho các triết gia đọc. Diễn giả có mối giao lưu thân mật với đám đông, biết gợi lên những hình ảnh để cám dỗ nó. Nếu ông ta thành công, ông ta đã đạt được mục đích; hai mươi tập sách hô hào - bao giờ cũng được viết sau đó - cũng chẳng bằng một vài câu đi đến tận não bộ con người mà ta phải thuyết phục.

Thật là thừa khi nói thêm rằng sự bất lực của đám đông trong suy luận hợp lí đã cản trở nó có tinh thần phê phán dù là một dấu vết nhỏ, nghĩa là cản trở nó có khả năng phân biệt chân lí với sai lầm, ngăn cản nó đưa ra một phán xét chính xác về bất cứ điều gì. Những phán xét được đám đông chấp nhận chỉ là những phán xét áp đặt chứ không bao giờ là những phán xét đã được thảo luận. Ở điểm này, nhiều người không vươn lên cao hơn trình độ của đám đông. Một số ý kiến dễ dàng trở thành ý kiến chung chủ yếu bởi phần lớn mọi người không có khả năng tự hình thành một ý kiến riêng dựa trên sự suy luận của riêng mình.

3 - Trí tưởng tượng của đám đông

Giống như đối với những người không có khả năng suy luận, trí tưởng tượng có tính biểu tượng của đám đông cũng rất mạnh mẽ, rất năng động, và dễ bị gây ấn tượng sâu sắc. Những hình ảnh được gợi lên trong tâm trí họ thông qua một nhân vật, một biến cố, một tai nạn, hầu như đều có sự sinh động của những sự việc thực. Đám đông hơi giống trường hợp người đang ngủ, mà lí trí nhất thời tạm ngừng, để cho những hình ảnh có cường độ cực mạnh nổi dậy trong tâm trí, nhưng chúng lại tan nhanh nếu đám đông có thể chịu khó suy nghĩ. Không có khả năng suy nghĩ, suy luận, đám đông không biết tới cái không thể có thực: thế mà chính những sự vật không thể có thực nhất thường là những điều ấn tượng nhất.

Và chính vì vậy bao giờ những khía cạnh tuyệt diệu và hoang đường của những biến cố cũng tác động vào đám đông nhất. Khi ta phân tích một nền văn minh, ta sẽ thấy rằng trên thực tế cái tuyệt diệu và cái hoang đường là những bệ đỡ thực sự của nền văn minh đó. Trong lịch sử, vẻ bề ngoài luôn đóng vai trò quan trọng hơn nhiều so với cái thực chất. Ở đó, cái phi thực luôn trội hơn cái thực.

Đám đông chỉ có thể suy nghĩ bằng hình ảnh, chỉ bị ấn tượng bởi hình ảnh.

Chỉ có những hình ảnh mới làm nó khiếp sợ hoặc cám dỗ được nó, và trở thành động cơ hành động.

Vậy nên, những cuộc trình diễn sân khấu, đưa ra hình ảnh dưới hình thức dễ thấy nhất, luôn có ảnh hưởng lớn tới đám đông. Ngày xưa, bánh mì và những cuộc trình diễn là lí tưởng về hạnh phúc của tầng lớp bình dân La Mã, và họ chẳng đòi hỏi gì hơn nữa. Trong những thời đại tiếp theo, lí tưởng ấy đã thay đổi chút ít. Chẳng gì tác động mạnh đến trí tưởng tượng của mọi loại đám đông hơn là những cuộc trình diễn sân khấu. Cả rạp cùng một lúc đều cảm thấy những xúc động như nhau, và nếu những xúc động ấy không biến ngay thành hành động thì đó là vì người khán giả vô thức nhất biết rằng mình đang bị những ảo tưởng chi phối, và rằng mình đang cười và khóc theo những cuộc phiêu lưu tưởng tượng. Tuy nhiên, đôi khi tình cảm được gợi lên do những hình ảnh quá dữ dội, đến nỗi giống như gợi ý thông thường, tình cảm ấy có khuynh hướng biến thành hành động. Người ta đã kể rất nhiều lần câu chuyện về nhà hát bình dân, nơi chỉ biểu diễn những vở kịch u ám, người ta buộc phải bảo vệ người nghệ sĩ đóng vai kẻ phản bội khi anh ta ra khỏi nhà hát, để tránh cho nghệ sĩ khỏi bị bạo hành do khán giả bất bình với những tội ác mà tên phản bội phạm phải, mặc dù đó là tội ác tưởng

tượng. Tôi nghĩ đó là những dấu hiệu đáng chú ý nhất về trạng thái tinh thần của đám đông, và nhất là việc người ta dễ dàng gợi ý đám đông. Cái phi thực hầu như cũng tác động lên đám đông như cái thực. Đám đông có một khuynh hướng rõ rệt là không phân biệt giữa hai cái ấy.

Chính trên trí tưởng tượng đại chúng mà sức mạnh của nhà chinh phục, quyền lực của Nhà nước đã được xác lập. Nhất là bằng cách tác động lên trí tưởng tượng, người ta đã lôi cuốn được đám đông. Mọi sự kiện lịch sử vĩ đại, sự sáng tạo ra đạo Phật, đạo Ki Tô, đạo Hồi, thời Cải cách Tôn giáo, Cách mạng [Pháp], và chủ nghĩa xã hội ngày nay đều là những hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của những ấn tượng mạnh mẽ được sinh ra từ trí tưởng tượng của đám đông.

Vậy nên, tất cả những chính khách lớn của mọi thời đại, của mọi quốc gia, kể cả những bạo chúa chuyên chế nhất đều coi trí tưởng tượng bình dân là nền tảng quyền lực của họ, và không bao giờ họ thử cai trị bằng cách chống lại trí tưởng tượng ấy. Napoléon đã nói ở Hội đồng Nhà nước: "Chính bằng cách biến mình thành người Công giáo, mà tôi đã chấm dứt được chiến tranh ở miền Vendée[1], bằng cách biến mình thành người Hồi giáo, mà tôi đã dừng chân được ở Ai Cập, bằng cách biến mình

[1] Vendée: một tỉnh thuộc miền Tây nước Pháp.

thành người theo phái Giáo hoàng toàn quyền, mà tôi đã thu phục được các thầy tu nước Ý. Nếu tôi cai trị một dân tộc Do Thái, tôi sẽ phục hồi lại đền thờ Salomon[1]". Có lẽ chưa bao giờ kể từ Alexandre[2] và César, lại có một vĩ nhân biết cách làm thế nào để gây ấn tượng mạnh mẽ lên trí tưởng tượng của đám đông đến thế. Mối quan tâm bất biến của ông là tác động vào trí tưởng tượng của đám đông. Ông nghĩ tới điều đó trong những chiến thắng, trong những lời hô hào, trong các bài diễn văn, trong mọi hành động của mình. Nằm trên giường chờ chết, ông còn nghĩ đến điều ấy.

Người ta đã làm thế nào để gây ấn tượng lên trí tưởng tượng của đám đông? Chúng ta sẽ sớm thấy điều đó. Còn lúc này, chúng ta chỉ có thể nói rằng đừng bao giờ tác động vào trí thông minh và lí trí, nghĩa là bằng con đường chứng minh. Antoine[3] đã thành công trong việc xúi giục dân

---

[1] Salomon: theo Kinh Thánh, ông là con trai David, là vị vua anh minh của người Do Thái.

[2] Alexandre Macédoine (356 tCN - 323 tCN): còn gọi là Alexandre Đại đế, con trai của Phillipe II, học trò của Aristote, là một trong những nhà chinh phục vĩ đại nhất thời cổ đại, vua xứ Macédoine. Sinh thời ông đã làm chủ nhiều một vùng đất rộng lớn, trải dài từ bờ biển Tiểu Á, Babylonie đến bờ sông Ấn.

[3] Marc Antoine (tiếng Latin là Antonius Marcus 83 tCN - 30 tCN): phó tướng của César, về sau trở thành chồng của nữ hoàng Ai Cập Cléopâtre, bị bại trận bởi Octavien ở Actium và bị giết.

chúng chống lại những kẻ giết hại César không phải bằng một phép tu từ có tính bác học mà bằng cách đọc bản di chúc và chỉ cho dân chúng thấy xác chết của César.

Tất cả những gì tác động vào trí tưởng tượng của đám đông đều xảy ra dưới hình thức một hình ảnh gây xúc động và rất rõ ràng, bỏ hết mọi phụ chú, hay chỉ kèm theo một số sự kiện kì diệu hay bí ẩn: một chiến thắng vĩ đại, một phép lạ diệu kì, một tội ác tày trời, một hi vọng lớn lao. Cần phải trình bày sự vật thành cả khối, chứ đừng bao giờ chỉ ra sự tạo sinh của nó. Một trăm tội ác nhỏ nhặt hay một trăm tai biến vặt vãnh không hề tác động vào trí tưởng tượng của đám đông; trong khi chỉ mỗi một tội ác tày trời, mỗi một tai nạn nghiêm trọng lại tác động sâu sắc tới đám đông, dù rằng số người chết ít hơn nhiều so với một trăm tai biến vặt vãnh gộp lại. Cách đây ít năm, một dịch cúm đã làm chết 5.000 người, chỉ riêng ở Paris trong vài tuần lễ. Nhưng chuyện đó tác động rất ít tới trí tưởng tượng của đám đông. Thực vậy, cuộc tàn sát thực sự này lại không được diễn giải bằng những hình rõ ràng, mà chỉ được diễn giải bằng những chỉ dẫn thống kê hàng tuần. Một tai nạn thay vì làm chết 5.000 người, lại chỉ làm chết 500 người, nhưng chết cùng một ngày, tại cùng một địa điểm công cộng, một tai nạn ai cũng thấy, ví

dụ tháp Eiffel đổ, thì trái lại sẽ gây ra cho trí tưởng tượng một ấn tượng vô cùng to lớn. Một chiếc tàu xuyên Đại Tây Dương - vì thiếu tin tức - có lẽ đã đắm giữa biển cả, sẽ tác động sâu sắc vào trí tưởng tượng của đám đông trong suốt tám ngày. Trong khi đó, những thống kê chính thức cho biết, trong một năm, một ngàn con tàu lớn đã mất tích. Nhưng sự mất mát ấy kế tiếp nhau, số lượng người chết và hàng hóa lớn hơn nhiều so với thiệt hại của chiếc tàu xuyên Đại Tây Dương, đám đông cũng chẳng bận tâm dù chỉ trong chốc lát.

Vậy, không phải bản thân những sự kiện đã tác động vào trí tưởng tượng của đại chúng, mà chính là cái cung cách mà những sự kiện ấy xảy ra và được trình bày. Tôi có thể nói như thế này, cần phải có sự cô đọng các sự kiện. Sự cô đặc ấy sinh ra hình ảnh gây xúc động tràn vào và ám ảnh tâm trí. Người nào biết nghệ thuật gây ấn tượng cho trí tưởng tượng của những đám đông cũng sẽ biết nghệ thuật thống trị chúng.

Chương IV

MỌI NIỀM TIN CỦA ĐÁM ĐÔNG ĐỀU MANG HÌNH THỨC TÔN GIÁO

Yếu tố cấu thành tình cảm tôn giáo. - Tình cảm tôn giáo độc lập với sự tôn thờ một thần linh. - Các đặc điểm của nó. - Sức mạnh của những niềm tin mang hình thức tôn giáo. - Những ví dụ khác nhau. - Các thần linh của bình dân không bao giờ biến mất. - Họ tái sinh dưới những hình thức mới. - Các hình thức tôn giáo của chủ nghĩa vô thần. - Tầm quan trọng của những khái niệm này đứng về mặt lịch sử. - Cải cách Tôn giáo, cuộc thảm sát Saint-Barthélemy, thời Khủng bố và mọi biến cố tương tự, đều là hậu quả của tình cảm tôn giáo của đám đông, chứ không phải ý chí của những cá nhân riêng lẻ.

Chúng tôi đã chỉ ra rằng đám đông không suy luận, nó chấp nhận hay vứt bỏ toàn bộ tư tưởng; nó không chịu đựng được sự thảo luận, cũng không chịu đựng được mâu thuẫn, và rằng những gợi ý tác động lên nó sẽ xâm chiến hoàn toàn phạm vi nhận thức của nó và lập tức có khuynh hướng chuyển thành hành động. Chúng tôi đã chứng minh rằng đám đông khi được gợi

ý thích hợp sẽ sẵn sàng hi sinh vì lí tưởng đã được người ta gợi ý cho nó. Chúng ta cũng đã thấy rằng đám đông chỉ biết đến những tình cảm mãnh liệt và cực đoan, rằng ở đám đông, cảm tình sẽ nhanh chóng trở thành tôn thờ, và ác cảm chỉ vừa mới nảy sinh đã chuyển thành thù hận. Những dấu hiệu chung này đã cho phép ta cảm nhận được bản chất niềm tin của đám đông.

Khi ta nghiên cứu sâu sát những niềm tin của đám đông, cả ở những thời đại của đức tin cũng như trong những cuộc nổi dậy chính trị lớn, chẳng hạn cuộc nổi dậy ở thế kỉ trước, ta nhận thấy những niềm tin này luôn mang một hình thức đặc biệt, mà tôi không thể xác định bằng cách nào tốt hơn là cho nó cái tên *tình cảm tôn giáo.*

Tình cảm này có những đặc tính rất giản dị: tôn thờ một con người được giả định là cao siêu, sợ hãi quyền năng thần bí giả định người ấy có, mù quáng tuân theo mọi mệnh lệnh của người ấy, không thể thảo luận những tín điều của người ấy, ước muốn truyền bá chúng, khuynh hướng coi mọi người không chấp nhận những tín điều ấy là kẻ thù. Một tình cảm như vậy dù gắn vào một Thượng đế vô hình, một thần tượng bằng đá hay bằng gỗ, vào một vị anh hùng hay một tư tưởng chính trị, thì khi nó thể hiện những đặc tính trên, nó vẫn luôn có bản chất tôn giáo. Cái

siêu nhiên và cái huyền diệu, ở đây, đều ở cùng một cấp độ như nhau. Một cách vô thức, đám đông đã khoác những quyền năng bí ẩn cho khẩu hiệu chính trị hay người thủ lĩnh chiến thắng, khiến họ trở nên cuồng tín trong thời điểm ấy.

Người ta không chỉ là người theo đạo khi tôn thờ một thần linh, mà cả khi người ta đặt mọi khả năng của tinh thần, mọi sự thuần phục của ý chí, mọi nhiệt tình của sự cuồng tín cho việc phục vụ một lí tưởng hay một con người đã trở thành mục đích và là người dẫn đường cho tư tưởng và hành động.

Lòng bất khoan dung và cuồng tín là sự đồng hành cần thiết của một tình cảm tôn giáo. Chúng không thể thiếu ở những con người tin rằng đã sở hữu được bí mật của niềm hạnh phúc trần thế hoặc vĩnh hằng. Hai nét này lại được tìm thấy ở tất cả những người kết thành nhóm khi một niềm tin nào đó đã nâng họ lên. Những người Jacobins trong thời Khủng bố[1] về cơ bản cũng theo đạo

---

[1] Thời Khủng bố: tên gọi một thời kì của Cách mạng Pháp. Sau ngày cách mạng 10 tháng Tám năm 1792, nỗi lo sợ một âm mưu của giới quý tộc và thất bại của quân đội Pháp đã dẫn đến việc hình thành một Tòa án hình sự đặc biệt (17/8/1792), dưới sức ép của Công xã khởi nghĩa, để xử những người bị tình nghi, sau đó dẫn đến các vụ thảm sát tháng Chín năm 1792. Người ta ước tính 17.000 người bị

như người Công giáo thời Tòa án dị giáo, và lòng nhiệt tình độc ác của họ sinh ra từ cùng một nguồn gốc.

Những niềm tin của đám đông đều mang tính chất ngu trung, cố chấp dữ tợn và nhu cầu tuyên truyền bạo lực. Những tính chất này gắn liền với tình cảm tôn giáo; và chính vì vậy, ta có thể nói rằng mọi niềm tin của đám đông đều có một hình thức tôn giáo. Người anh hùng được đám đông hoan nghênh thực sự là một vị thần đối với nó. Napoléon là như thế trong vòng mười lăm năm, và chưa bao giờ một thần linh lại có những kẻ tôn thờ hoàn hảo hơn. Không có vị thần nào lại đưa con người đến chỗ chết dễ dàng đến thế. Những vị thần của đa thần giáo hay Thiên chúa giáo cũng không bao giờ có được uy lực tuyệt đối hơn đối với những tâm hồn mà họ chinh phục được.

Mọi nhà sáng lập ra đức tin tôn giáo hay chính trị chỉ sáng lập ra chúng bởi vì họ biết cách áp đặt cho đám đông những tình cảm cuồng tín, làm cho con người đi tìm hạnh phúc trong sự tôn thờ, vâng lời và sẵn sàng hiến dâng thân mình cho thần tượng. Điều đó đã xảy ra ở mọi thời đại.

---

hành quyết sau khi xét xử, 25.000 người bị hành quyết chỉ trên cơ sở căn cước.

Trong cuốn sách rất hay viết về xứ Gaule[1] thuộc La Mã, Fustel de Coulanges[2] đã nhận xét đúng đắn rằng đế chế La Mã đứng vững hoàn toàn không phải là do sức mạnh, mà do sự sùng bái có tính tôn giáo mà nó gợi lên. Ông nói rất có lí: "Trong lịch sử thế giới không có ví dụ nào về một chế độ bị nhân dân ghét bỏ mà lại kéo dài được năm thế kỉ... Ta sẽ không giải thích được tại sao ba mươi binh đoàn của Đế chế lại có thể bắt buộc một trăm triệu người tuân theo". Nếu họ vâng lời, thì chính hoàng đế, hiện thân cho sự vĩ đại La Mã, đã được đồng lòng nhất trí tôn thờ như một thần linh. Trong thị trấn nhỏ nhất của Đế chế, cũng có đền thờ hoàng đế. "Thời ấy, từ đầu này tới đầu kia của Đế chế, ta thấy trong tâm hồn con người đã nổi lên một tôn giáo mới mà thần linh là chính các hoàng đế. Vài năm trước kỉ nguyên Ki Tô giáo, toàn xứ Gaule, được đại diện bằng sáu mươi thành bang đã dựng chung một ngôi đền ở

---

[1] Xứ Gaule (tiếng Latin: Gallia): tên một vùng đất do người La Mã đặt cho hai vùng người Celtes cư trú, bao gồm bên này và bên kia dãy Alpes, và cả vùng lãnh thổ nằm giữa dãy Alpes và Pyrénées, Đại Tây Dương và sông Rhin, tức là nước Pháp hiện đại, Bỉ, Thuỵ Sĩ và tả ngạn sông Rhin.

[2] F. de Coulanges (1830-1889): sử gia Pháp, không chỉ được coi là một sử gia lớn mà còn là một đại diện tiêu biểu cho sử học thế kỉ XIX của Pháp. Các tác phẩm chính: *Nhà nước cổ đại* (1864), *Lịch sử những thể chế của nước Pháp cổ* (1874).

gần thành phố Lyon, để thờ hoàng đế Auguste[1]... Những giáo sĩ trong đền được hội nghị các thành bang xứ Gaule bầu, là những nhân vật hàng đầu của quê hương họ... Không thể gán tất cả chuyện đó cho sự sợ hãi và thói nô lệ. Toàn thể các dân tộc ấy không nô lệ, và họ cũng không nô lệ trong vòng ba thế kỉ. Không phải bọn nịnh thần mới tôn thờ hoàng đế, mà chính La Mã tôn thờ. Không phải chỉ có La Mã, mà cả xứ Gaule, cả Tây Ban Nha, cả Hy Lạp và châu Á cũng tôn thờ".

Ngày nay, phần lớn các nhà đắc nhân tâm vĩ đại không có điện thờ nữa, nhưng họ lại có tượng đài và hình ảnh, và sự thờ phụng người ta dành cho họ chẳng khác gì mấy so với xưa kia. Ta chỉ có thể hiểu chút ít về triết học lịch sử khi xâm nhập vào điểm cơ bản này của tâm lí học đám đông. Cần phải là thần linh của đám đông hoặc chẳng là gì cả.

Không nên tưởng rằng đó là những điều mê tín của một thời đại khác mà lí trí đã bị xua đuổi hẳn. Trong cuộc chiến vĩnh cửu của nó chống lại lí trí, tình cảm không bao giờ bị thua. Đám đông không

---

[1] Octavien Auguste (tiếng Latin: Caius Julius Caesar Octavianus Augustus, 63 tCN - 14 tCN): hoàng đế La Mã, chắt họ César, tự xưng là người thừa kế hợp pháp của César, do đó trở thành đối thủ của Antoine.

muốn nghe những từ ngữ về thần linh và tôn giáo nữa. Nhân danh chúng, trong thời gian quá lâu, họ đã bị nô lệ hóa nhưng chưa bao giờ sở hữu nhiều vật thờ như từ một trăm năm nay, và chưa bao giờ những thần linh cổ xưa lại được lập nhiều tượng đài và điện thờ đến thế. Trong những năm qua, những ai nghiên cứu một phong trào bình dân được biết dưới cái tên phong trào Boulanger[1] đều có thể thấy những bản năng tôn giáo của đám đông đã dễ dàng sẵn sàng tái sinh thế nào. Chẳng có quán trọ nào trong làng lại không có hình ảnh của người anh hùng. Người ta gán cho ông quyền năng chữa lành được mọi bất công, mọi đau khổ; và hàng nghìn con người sẵn sàng chết vì ông. Vị trí nào trong lịch sử mà ông ta chẳng giành được nếu tính cách của ông ta đủ sức mạnh dù chỉ chút ít để nâng đỡ truyền thuyết về ông!

Vậy nên, phải chăng sẽ là một sự tầm thường vô ích khi nhắc lại rằng cần một tôn giáo cho đám đông, bởi vì mọi niềm tin chính trị, thần thánh và xã hội chỉ được xác lập ở đám đông với điều kiện luôn mang hình thức tôn giáo, tránh cho chúng khỏi bị mang ra tranh cãi. Chủ nghĩa vô thần, nếu có thể làm cho đám đông chấp nhận nó, sẽ có tất cả sự nồng nhiệt cố chấp của

[1] Georges Boulanger (1837 - 1891): vị tướng người Pháp, toan lật đổ chế độ Cộng hoà.

tình cảm tôn giáo, và với hình thức bên ngoài của mình, nó sẽ sớm trở thành một sự sùng bái. Sự phát triển của một đảng phái nhỏ những nhà thực chứng luận sẽ cho ta một bằng chứng kì lạ về chuyện này. Những gì đã từng xảy ra với con người theo thuyết hư vô chủ nghĩa ấy mà Dostoievski[1] sâu sắc đã kể cho chúng ta nghe câu chuyện, đã nhanh chóng xảy đến với các nhà thực chứng. Một hôm được ánh sáng của lí trí soi rọi, anh chàng đã đập vỡ những tranh thánh trên bàn thờ của một nhà thờ nhỏ. Anh ta tắt nến, và không mất một giây, thay thế những bức tranh bị phá huỷ bằng những cuốn sách của một vài nhà triết học vô thần như Büchner[2] và Moleschott[3], sau đó kính cẩn thắp lại nến. Đối tượng của những niềm tin tôn giáo đã được biến đổi, nhưng những tình cảm tôn giáo của anh ta, liệu có thể nói đã thực sự thay đổi không?

Tôi xin nhắc lại, ta chỉ hiểu rõ được một số biến cố lịch sử - và đó chính xác là những biến cố quan trọng nhất - khi ta nhận thấy hình thức tôn

---

[1] Fiodor Mikhailovitch Dostoievski (1821 - 1881): nhà văn Nga vĩ đại, tác giả của các tiểu thuyết nổi tiếng: *Tội ác và trừng phạt, Anh em nhà Karamazov...*

[2] Ludwig Büchner (1824 - 1899): nhà triết học duy vật người Đức. Các tác phẩm chính: *Năng lực và vật chất* (1855), *Bản chất và tinh thần* (1876).

[3] Jacobus Moleschott (1822 - 1893): nhà tâm lí học và triết học duy vật cơ giới người Hà Lan.

giáo mà những niềm tin của đám đông cuối cùng luôn phải đi theo. Có những hiện tượng xã hội cần phải nghiên cứu theo cách của nhà tâm lí học hơn là theo cách của nhà tự nhiên học. Nhà sử học vĩ đại Taine chỉ nghiên cứu cuộc Cách mạng Pháp theo cách của nhà tự nhiên học, và chính vì vậy sự sinh thành thực sự của các biến cố thường bị tuột khỏi tay ông. Ông đã quan sát hoàn hảo các sự kiện, nhưng vì thiếu nghiên cứu tâm lí học đám đông, nên ông thường không lần ra được nguồn gốc. Những sự kiện đã làm ông khiếp sợ do khía cạnh đẫm máu, vô chính phủ và hung tàn của chúng. Ông thấy những vị anh hùng của thời sử thi vĩ đại chỉ là một bầy người động kinh man rợ để mặc cho bản năng hoành hành mà không cản trở. Bạo lực cách mạng, những cuộc tàn sát, nhu cầu tuyên truyền, tuyên chiến với mọi vua chúa, chỉ được giải thích rõ nếu ta nghĩ rằng đó đơn giản là sự thiết lập một niềm tin tôn giáo mới trong tâm hồn đám đông. Cuộc Cải cách Tôn giáo[1], cuộc thảm sát Saint-Barthélemy[2], những

---

[1] Cải cách Tôn giáo (Reforme): một phong trào do Luther, Calvin... khởi xướng ở Tây Âu thế kỉ XV - XVI với những nỗ lực đổi mới quy tắc và thực hành Kitô giáo. Từ đây đã sinh ra đạo Tin lành vào thế kỉ XVI.

[2] Cuộc thảm sát Saint-Barthélemy: làn sóng bạo lực của đám đông Thiên chúa giáo chống những người Huguenot

cuộc chiến tranh tôn giáo, Tòa án dị giáo, thời Khủng bố đều là những hiện tượng thuộc trật tự giống nhau, được thực hiện nhờ những đám đông bị tình cảm tôn giáo kích động, nhất thiết dẫn tới loại bỏ không thương xót, bằng máu và lửa, tất cả những gì đối kháng với việc thiết lập niềm tin mới. Những phương pháp của Tòa án dị giáo là những phương pháp của mọi tín đồ thực sự. Họ sẽ không phải là tín đồ nếu họ dùng những phương pháp khác.

Những đảo lộn tương tự như những đảo lộn tôi vừa mới kể chỉ có thể có được khi chính tâm hồn đám đông làm cho chúng nổi dậy. Bạo chúa chuyên chế nhất cũng sẽ không thể làm chúng bùng nổ. Khi các sử gia kể lại cho chúng ta rằng cuộc thảm sát Saint-Barthélemy là tác phẩm của một ông vua, thì họ đã chứng tỏ rằng họ chẳng biết gì về tâm lí học đám đông, cũng như chẳng hiểu tâm lí các vị vua. Những biểu hiện giống như vậy chỉ có thể sinh ra từ tâm hồn đám đông. Quyền lực tuyệt đối nhất của một quân vương bạo tàn nhất cũng chẳng làm được gì hơn là việc làm nhanh lên hay chậm lại một chút thời điểm của biến cố. Không phải các ông vua đã làm nên

---

(những người Pháp theo đạo Tin lành) bắt đầu từ ngày 24 tháng Tám năm 1572 và kéo dài nhiều tháng.

cuộc thảm sát Saint-Barthélemy, các cuộc chiến tranh tôn giáo, càng không phải Robespierre[1], Danton[2] hay Saint Juste[3] đã làm ra thời Khủng bố. Đằng sau những biến cố như vậy, ta luôn thấy tâm hồn đám đông, và chẳng bao giờ thấy quyền lực của các vị vua.

---

[1] Maximilien Marie Isidore de Robespierre (1758 - 1794): lãnh tụ của cuộc Cách mạng Pháp thời kì Khủng bố. Chịu ảnh hưởng nhiều bởi tư tưởng của Rousseau, ông trở thành lãnh tụ của phái Jacobins trong cuộc Cách mạng Pháp. Tuy nhiên thái độ cực đoan, không nhân nhượng với phe đối lập đã khiến ông bị coi là người khởi xướng cho thời kì Khủng bố, dẫn đến việc ông bị lật đổ và bị hành quyết.

[2] Georges Jacques Danton (1759 - 1794): nhà chính trị Pháp, một lãnh tụ của Cách mạng Pháp, tham gia vụ phá ngục Bastille, bị coi là chịu trách nhiệm lớn trong những vụ thảm sát tháng Chín năm 1792 vì đã không ngăn cản chúng. Về sau, ông bị các đối thủ phái Robespierre buộc tội, bị tòa án Cách mạng kết án tử hình và bị hành quyết với một số lớn những người cùng phe nhóm.

[3] Louis Antoine Léon de Saint Juste (1767 - 1794): nhà Cách mạng Pháp, thành viên Hội nghị Quốc ước năm 1792. Ông ủng hộ Robespierre và là lãnh tụ của Uỷ ban An ninh xã hội, nên khi Robespierre bị lật đổ, Saint Juste cũng bị bắt và bị hành quyết.

Quyển II

Ý KIẾN VÀ NIỀM TIN CỦA ĐÁM ĐÔNG

Chương I

NHỮNG NHÂN TỐ XA ẢNH HƯỞNG TỚI NIỀM TIN VÀ Ý KIẾN CỦA ĐÁM ĐÔNG

Nhân tố chuẩn bị cho niềm tin của đám đông. - Sự nảy nở những niềm tin của đám đông là kết quả của việc chuẩn bị từ trước. - Nghiên cứu những nhân tố khác nhau của niềm tin này.

1 - Chủng tộc. - *Ảnh hưởng ưu trội mà nó tác động. - Nó biểu thị những gợi ý của tổ tiên.*

2 - Truyền thống. - *Nó là tổng hợp của tâm hồn chủng tộc. - Tầm quan trọng xã hội của truyền thống. - Sau khi đã thành thiết yếu, truyền thống trở nên có hại như thế nào. - Đám đông là kẻ bảo thủ dai dẳng nhất của những tư tưởng truyền thống.*

3 - Thời gian. - *Nó liên tiếp chuẩn bị thiết lập niềm tin rồi phá huỷ chúng. - Nhờ có thời gian mà trật tự có thể đi ra từ hỗn mang.*

4 - Những thiết chế chính trị xã hội. - *Tư tưởng sai lầm về vai trò của chúng. - Ảnh hưởng của chúng vô cùng yếu ớt. - Chúng là hậu quả chứ không phải nguyên nhân. - Các dân tộc sẽ không biết chọn những thiết chế*

nào có vẻ là tốt nhất cho mình. - Thiết chế là các nhãn hiệu mà dưới cùng một tên hiệu ẩn chứa nhiều điều khác nhau nhất. - Các thể chế có thể được tạo sinh như thế nào. - Những thiết chế tỏi tệ về mặt lí thuyết, chẳng hạn như tập trung hóa, lại cần thiết đối với một vài dân tộc.

5 - Giáo dưỡng và giáo dục. - *Sai lầm của tư tưởng hiện thời về ảnh hưởng của giáo dưỡng với đám đông. - Những chỉ số thống kê. - Vai trò làm bại hoại đạo đức của nền giáo dục Latin. - Ảnh hưởng mà giáo dục có thể tác động. - Những ví dụ từ nhiều dân tộc khác nhau.*

Chúng ta vừa nghiên cứu cấu tạo tinh thần của đám đông. Chúng ta đã biết cách cảm nhận, suy nghĩ, suy luận của nó. Bây giờ ta hãy xem xét những ý kiến và niềm tin của đám đông sinh ra và được xác lập như thế nào.

Những nhân tố quyết định ý kiến và niềm tin ấy thuộc về hai loại - những nhân tố xa và những nhân tố trực tiếp.

Những nhân tố xa khiến đám đông có thể chấp nhận một số niềm tin và không có khả năng để những niềm tin khác xâm nhập vào. Chúng chuẩn bị đất đai, nơi ta thấy đột nhiên nảy mầm những tư tưởng mới mà sức mạnh và kết quả của chúng làm ta ngạc nhiên, nhưng chúng chỉ có vẻ tự phát bề ngoài. Sự bùng nổ và việc vận dụng một vài tư tưởng ở đám đông đôi khi diễn ra bất

ngờ như sét đánh. Đó chỉ là hiệu quả bề mặt, đằng sau nó ta phải tìm ra một nỗ lực chuẩn bị dài lâu từ trước.

Những nhân tố trực tiếp là những nhân tố chồng lên nỗ lực dài lâu này, không có nó những nhân tố trực tiếp ấy sẽ không có hiệu quả, chúng gây ra niềm tin mạnh mẽ ở đám đông, nghĩa là làm cho tư tưởng có hình thức và tháo xích cho tư tưởng cùng với tất cả những hậu quả của nó. Qua các nhân tố trực tiếp này, những quyết tâm nảy sinh, chúng đột nhiên thúc đẩy các tập thể nổi dậy; nhờ có chúng, một cuộc nổi loạn nổ bùng, nhờ có chúng những đám đông khổng lồ đưa một người lên nắm quyền hay lật đổ một chính phủ.

Trong mọi biến cố lớn lao của lịch sử, ta nhận thấy tác động nối tiếp của hai loại nhân tố này. Ta hãy chỉ lấy một trong những ví dụ nổi bật nhất như cuộc Cách mạng Pháp. Những nhân tố xa của cuộc cách mạng này là tác phẩm của các nhà triết học, những vụ lạm thu của giai cấp quý tộc, những tiến bộ của tư tưởng khoa học. Tâm hồn đám đông, vậy là đã được chuẩn bị, sau đó dễ dàng nổi dậy nhờ những nhân tố trực tiếp, như bài diễn thuyết của các nhà hùng biện, và sự bảo thủ của triều đình về những cải cách không đáng kể.

Trong những nhân tố xa, có những nhân tố chung mà ta thấy ở nền tảng của mọi niềm tin và ý kiến đám đông. Đó là: chủng tộc, truyền thống, thời gian, những thiết chế, giáo dục.

Chúng ta sẽ nghiên cứu vai trò của các nhân tố khác nhau này.

1 - Chủng tộc

Nhân tố chủng tộc phải được đưa lên hàng đầu. Bởi vì riêng nó có tầm quan trọng hơn rất nhiều so với những nhân tố khác. Chúng tôi đã nghiên cứu vấn đề này khá đầy đủ trong một cuốn sách khác nên không cần trở lại nữa. Trong đó, chúng tôi đã diễn giải một chủng tộc lịch sử là gì, và khi những tính cách của chủng tộc đã hình thành thì quy luật di truyền khiến nó có một sức mạnh đến mức niềm tin, thiết chế, nghệ thuật của nó, nói tóm lại tất cả những thành tố của nền văn minh, chỉ là sự biểu hiện bên ngoài của tâm hồn chủng tộc ấy. Chúng tôi đã chứng minh rằng sức mạnh của chủng tộc mạnh mẽ đến mức không một yếu tố nào có thể chuyển từ dân tộc này sang dân tộc khác mà lại không chịu những biến đổi sâu sắc nhất*[1]. Môi trường, hoàn cảnh, những

*[1] Mệnh đề này còn rất mới, và lịch sử sẽ hoàn toàn không thể hiểu được nếu thiếu nó, tôi đã dành nhiều chương trong cuốn *Quy luật tâm lí về sự tiến hóa của các dân tộc* (Les lois psychologies de l'évolution des peuples) để chứng minh

biến cố đều biểu thị những gợi ý xã hội ngay lúc đó. Chúng có thể có một ảnh hưởng to lớn, nhưng ảnh hưởng đó luôn nhất thời nếu như nó trái ngược với những gợi ý của chủng tộc, nghĩa là của tất cả tổ tiên.

Trong nhiều chương của cuốn sách này, tôi sẽ còn có dịp quay trở lại vấn đề ảnh hưởng của chủng tộc, và chứng minh rằng ảnh hưởng này lớn đến nỗi nó thống trị những tính cách riêng biệt của tâm hồn đám đông, từ đó để chứng minh rằng đám đông của các nước khác nhau, trong niềm tin và hành xử của họ, biểu hiện những khác biệt rất đáng kể, và không thể bị ảnh hưởng theo cùng một cách giống nhau.

2 - Truyền thống

Truyền thống biểu thị tư tưởng, nhu cầu, tình cảm của quá khứ. Nó là cái tổng hợp của chủng tộc và đè lên chúng ta với tất cả sức nặng của nó.

Khoa sinh vật học đã bị biến chuyển từ khi khoa phôi học chỉ ra ảnh hưởng rộng lớn của cái đã qua trong sự tiến hóa của sinh vật; và các khoa học lịch sử cũng bị biến chuyển không ít

---

nó. Trong cuốn sách đó, bạn đọc sẽ thấy rằng dù bề ngoài rất dễ đánh lừa nhưng ngôn ngữ, tôn giáo, nghệ thuật, tóm lại tất cả những yếu tố của nền văn minh, đều không thể chuyển nguyên vẹn từ dân tộc này sang dân tộc khác.

khi quan niệm này trở nên phổ biến hơn. Song quan niệm này còn chưa đủ phổ biến, và rất nhiều chính khách vẫn còn nấn ná với những tư tưởng của các nhà lí thuyết thuộc thế kỉ trước, họ tưởng rằng một xã hội có thể dứt bỏ với quá khứ của mình và có thể được tái tạo từ những mảnh vụn bằng cách chỉ cần đến ánh sáng của lí trí làm người dẫn đường.

Một dân tộc là một sinh thể hữu cơ được tạo ra bởi quá khứ và cũng như mọi sinh thể hữu cơ, nó chỉ tự biến thái do sự tích luỹ chậm chạp của di truyền.

Cái đã dẫn dắt con người, nhất là khi họ hợp thành đám đông, đó là truyền thống; và như tôi đã nhắc lại rất nhiều lần, truyền thống chỉ dễ dàng thay đổi tên gọi, hình thức bên ngoài mà thôi.

Cũng chẳng đáng tiếc khi nó đã như vậy. Không có truyền thống, sẽ không có hồn nước, cũng không thể có văn minh. Vậy nên có hai công việc lớn của con người từ khi nó tồn tại, đó là tạo ra một mạng lưới những truyền thống, rồi ra sức phá huỷ chúng khi hiệu quả tốt đẹp của chúng bị mòn cũ. Không có truyền thống, thì sẽ không có văn minh; không có sự thủ tiêu từ từ những truyền thống ấy, thì sẽ không có sự tiến bộ. Khó khăn là tìm ra được sự cân bằng đúng đắn giữa tính ổn định và tính biến đổi; và khó khăn ấy thật

là to lớn. Khi một dân tộc để cho những tập quán đóng chốt quá vững qua nhiều thế hệ, dân tộc ấy không thể thay đổi được nữa, và giống như Trung Hoa, trở nên không có khả năng hoàn thiện. Những cuộc cách mạng bạo liệt cũng chẳng thể làm gì được ở đây; bởi vì lúc đó sẽ diễn ra, hoặc là những mẩu đứt gãy của chuỗi xích tự hàn gắn lại với nhau, và quá khứ trở lại thâu tóm quyền lực của nó mà không thay đổi gì, hoặc là những mẩu đoạn nằm tản mát mọi phía, và thời kì suy đồi nhanh chóng nối tiếp thời kì vô chính phủ.

Vậy nên, lí tưởng cho một dân tộc là giữ lại những thiết chế của quá khứ, bằng cách chỉ biến đổi chúng từ từ, và từng ít một. Lí tưởng này thật khó đạt tới. Thời cổ đại có người La Mã, thời hiện đại có người Anh, hầu như chỉ hai dân tộc ấy thực hiện được điều này.

Kẻ bảo thủ dai dẳng nhất của những tư tưởng truyền thống và chống đối ngoan cố nhất với sự thay đổi của chúng lại chính là đám đông, và đặc biệt là những loại đám đông cấu thành đẳng cấp. Tôi đã nhấn mạnh tinh thần bảo thủ của đám đông, và chỉ ra rằng những cuộc nổi loạn bạo liệt nhất chỉ dẫn tới một sự thay đổi về ngôn từ. Ở cuối thế kỉ trước, trước những ngôi nhà thờ bị phá huỷ, trước những thầy tu bị trục xuất hay bị đưa lên máy chém, trước sự truy sát toàn thể đối với sự thờ phụng Công giáo, ta có thể tưởng rằng những

tư tưởng tôn giáo xưa cũ đã mất hết quyền năng, tuy nhiên vài năm vừa mới qua đi, trước những đòi hỏi của toàn thể mọi người, thì người ta lại phục hồi thói quen thờ phụng đã bị bãi bỏ*[1].

Bị xóa bỏ một thời gian, những truyền thống cũ đã lấy lại được thế lực của mình.

Chẳng có ví dụ nào chứng tỏ tốt hơn sức mạnh của truyền thống đối với tâm hồn đám đông. Đó không phải là những thần tượng đáng sợ nhất cư ngụ trong các ngôi đền, cũng không phải là những bạo chúa chuyên chế nhất trong các lâu đài; thần tượng và bạo chúa có thể bị đập tan trong phút chốc; còn các ông chủ vô hình thống trị tâm hồn chúng ta thì thoát khỏi mọi cố gắng nổi loạn, và chỉ chịu thua sự mòn mỏi chậm chạp của nhiều thế kỉ.

---

*[1] Taine đã trích dẫn bản báo cáo của ông Fourcroy, nguyên đại biểu Hội nghị Quốc ước, thể hiện rất rõ ràng điểm này:

"Những gì mà người ta trông thấy khắp nơi ở nghi lễ ngày chủ nhật, sự năng lui tới nhà thờ chứng tỏ quần chúng Pháp quay trở lại những tục lệ cũ, và không còn là thời chống lại cái thiên hướng quốc gia này nữa... Đại chúng là những con người cần đến tôn giáo, sự thờ phụng và các thầy tu. *Đó là một sai lầm của một số nhà triết học hiện đại, bản thân tôi cũng bị lôi kéo vào sai lầm ấy,* khi tin vào khả năng một nền giáo dục phổ cập có thể phá huỷ những thành kiến tôn giáo. Đối với số đông những người bất hạnh, chúng là một nguồn an ủi... Vậy phải giao lại cho quần chúng nhân dân các thầy tu, bàn thờ và tôn giáo của họ."

3 - Thời gian

Trong các vấn đề xã hội cũng như sinh học, một trong những nhân tố giàu sinh lực nhất là thời gian. Nó là người sáng tạo đích thực duy nhất, và là kẻ phá huỷ vĩ đại duy nhất. Chính nó đã tạo nên những quả núi từ vô vàn hạt cát, và đã nâng những tế bào tăm tối từ thời hồng hoang lên thành phẩm giá con người. Muốn biến đổi một hiện tượng nào đó, phải cần nhiều thế kỉ can thiệp. Người ta có lí khi nói rằng cho một con kiến đủ thời gian nó sẽ có thể san bằng đỉnh Blanc[1]. Một con người nếu có quyền năng thần diệu làm thay đổi thời gian theo ý muốn sẽ có sức mạnh mà những tín đồ gán cho Thượng đế.

Nhưng ở đây chúng ta chỉ quan tâm tới ảnh hưởng của thời gian trong sự ra đời những ý kiến của đám đông. Ở khía cạnh này, tác động của nó vẫn còn rộng lớn. Nó bắt nhiều lực lượng lớn phụ thuộc vào mình, giống như chủng tộc không thể hình thành mà không có nó. Thời gian làm cho mọi niềm tin nảy sinh, lớn lên, chết đi, chính nhờ thời gian, những niềm tin đạt được sức mạnh và cũng qua nó những niềm tin mất đi sức mạnh.

Chính thời gian chuẩn bị cho ý kiến và niềm tin của đám đông, nghĩa là chuẩn bị mảnh đất

[1] Đỉnh Blanc: đỉnh núi cao nhất Tây Âu, cao 4.807 m, nằm trên dãy Alpes.

cho những thứ đó nảy mầm. Và chính vì vậy một số tư tưởng có thể được thực thi ở một thời đại này lại không thể thực thi trong một thời đại khác. Chính thời gian đã tích tụ vô vàn mảnh vụn của niềm tin, ý tưởng, trên đó nảy sinh tư tưởng của một thời đại. Chúng không bỗng dưng nảy mầm nhú hoa; những chiếc rễ của mỗi tư tưởng đều cắm sâu vào một quá khứ dài lâu. Khi chúng đơm hoa, thời gian đã chuẩn bị sẵn cho mùa nở; và bao giờ cũng phải đi ngược về quá khứ để hiểu được sự ra đời của chúng. Chúng là con đẻ của quá khứ, là mẹ của tương lai, và bao giờ cũng là nô lệ của thời gian.

Vậy thời gian là ông chủ đích thực của chúng ta, chỉ cần để cho nó tác động, ta sẽ thấy mọi sự vật biến đổi. Ngày nay, chúng ta rất lo ngại những khát vọng đầy đe dọa của đám đông, lo ngại những tàn phá, những đảo lộn mà chúng báo trước. Chỉ riêng thời gian sẽ chịu trách nhiệm lập lại cân bằng. Ông Lavisse[1] đã viết rất đúng: "Không một chế độ nào được xây dựng trong ngày một ngày hai. Các tổ chức chính trị và xã hội đều là những công trình đòi hỏi nhiều thế kỉ;

[1] Ernest Lavisse (1842 - 1922): nhà sử học Pháp, thành viên của Viện Hàn lâm Pháp năm 1892, Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm năm 1904. Các tác phẩm chính: *Nghiên cứu lịch sử nước Phổ* (1879), *Lịch sử nước Pháp từ cội nguồn đến Cách mạng* (1901).

chế độ phong kiến đã tồn tại không ra hình thù gì và hỗn loạn trong nhiều thế kỉ trước khi tìm ra những quy tắc của nó, chế độ quân chủ chuyên chế cũng tồn tại trong nhiều thế kỉ trước khi tìm ra những phương cách hợp thức để cai trị, và đã có nhiều biến loạn lớn trong thời gian chờ đợi".

4 - Những thiết chế chính trị và xã hội

Ý tưởng cho rằng thiết chế có thể chữa khỏi những khuyết tật của xã hội, tiến bộ của các dân tộc là kết quả của sự hoàn thiện thể chế và chính phủ, và những thay đổi xã hội có thể tiến hành bằng các sắc lệnh; tôi cho rằng ý tưởng đó còn phổ biến khắp nơi. Cách mạng Pháp dùng ý tưởng đó làm điểm xuất phát và những lí thuyết xã hội hiện thời dùng nó làm điểm tựa.

Những kinh nghiệm lâu đời nhất cũng chưa thể làm lung lay đáng kể cái ảo tưởng đáng sợ này. Các nhà triết học và sử học thật uổng công khi thử chứng minh sự phi lí của nó. Tuy nhiên, chẳng có gì khó với họ khi chỉ ra rằng những thiết chế là con đẻ của tư tưởng, tình cảm và tập tục, và rằng người ta không sửa chữa lại tư tưởng, tình cảm và tập tục bằng cách chữa lại các đạo luật. Một dân tộc không được tuỳ ý chọn những thiết chế, cũng như nó không chọn được màu mắt hay màu tóc của mình. Các thể chế và

những chính phủ là sản phẩm của chủng tộc. Còn lâu chúng mới là người sáng tạo ra một thời đại, chúng là tạo phẩm của nó mà thôi. Những dân tộc không được cai trị do ý thích thất thường nhất thời của nó muốn thế, mà do tính cách của những dân tộc đòi hỏi như thế. Phải cần nhiều thế kỉ để hình thành một chế độ chính trị, và nhiều thế kỉ để thay đổi nó. Những thiết chế không hề có một hiệu lực nội tại nào; bản thân chúng không tốt cũng chẳng xấu. Thiết chế nào tốt ở một thời điểm nhất định cho một dân tộc nhất định, có thể là đáng ghét đối với một dân tộc khác.

Vậy nên một dân tộc không hề có khả năng thay đổi thực sự những thiết chế của mình. Nó chắc chắn có thể, bằng cái giá của những cuộc cách mạng bạo lực, thay đổi tên gọi của những thể chế ấy, nhưng nội dung không thay đổi. Những cái tên chỉ là nhãn hiệu hão huyền mà nhà sử học nào hiểu cặn kẽ bản chất của sự vật sẽ không quan tâm đến. Chính vì thế nên chẳng hạn nước Anh là một đất nước dân chủ nhất trên thế giới*[1], tuy sống

*[1] Ngay cả ở Hoa Kỳ, đó là điều mà những người cộng hòa tiên tiến nhất cũng công nhận. Tờ báo Mỹ *Forum* mới đây bày tỏ ý kiến dứt khoát này bằng những lời lẽ mà tôi trích lại đây theo *Review of Reviews* tháng Mười Hai năm 1894:

"Chúng ta, ngay cả những kẻ thù nhiệt tâm nhất chống lại chính thể quý tộc, cũng không bao giờ được quên rằng ngày nay nước Anh là một đất nước dân chủ nhất hoàn cầu,

dưới chế độ quân chủ; trong khi đó những đất nước mà chế độ chuyên chế còn hoành hành nặng nề nhất lại là những nước cộng hòa Mỹ - Latin, mặc dù thể chế cộng hòa cai trị những nước ấy. Tính cách của các dân tộc chứ không phải chính phủ dẫn dắt số phận của chúng. Đó là một quan điểm mà tôi đã thử xác lập trong một cuốn sách trước, dựa trên các ví dụ tiêu biểu.

Vậy đó là một công việc rất trẻ con, một thứ bài tập vô ích của nhà hùng biện khoa trương, không biết rằng chỉ phí thời gian để chế tạo ra toàn những thể chế. Sự cần thiết và thời gian sẽ đảm nhiệm việc xây dựng nên chúng, khi chúng ta đủ khôn ngoan để cho hai nhân tố ấy hành động. Chính người Anglo - Saxon đã tiến hành như vậy, và đó là điều nhà sử học vĩ đại của họ, Macaulay[1] nói với chúng ta trong một đoạn văn mà các nhà chính trị của mọi quốc gia Latin phải đọc thuộc lòng. Sau khi đã chỉ ra mọi cái tốt mà luật pháp đã có thể làm, đứng về mặt lí trí thuần tuý những đạo luật ấy có vẻ như một hỗn độn của những điều phi lí và những mâu thuẫn, ông so sánh hàng tá thể

---

là nơi các quyền của cá nhân được tôn trọng nhất, và là nơi cá nhân được tự do nhất".

[1] Thomas Babington Macaulay (1880 - 1859): chính khách, nhà thơ, nhà tiểu luận và sử gia nổi tiếng ở Anh với tác phẩm *Lịch sử nước Anh* (1849 - 1861).

chế đang chết trong những cơn biến động của các dân tộc Latin thuộc châu Âu và châu Mỹ với thể chế của nước Anh, ông cho ta thấy rằng thể chế của nước Anh chỉ được thay đổi rất chậm, từng phần, dưới ảnh hưởng của những cần thiết tức thời chứ không bao giờ dưới ảnh hưởng của những suy luận tư biện. "Đừng lo lắng đến tính cân đối, mà hãy lo lắng nhiều đến tính lợi ích; đừng bao giờ vứt bỏ cái dị thường chỉ vì nó là một cái dị thường; đừng bao giờ đổi mới nếu không phải là khi cảm thấy có sự bất ổn nào đó, và lúc đó đổi mới đúng vừa đủ để loại bỏ cái bất ổn; đừng bao giờ thiết lập một đề nghị rộng hơn trường hợp đặc biệt mà ta muốn sửa chữa; đó là những quy tắc từ thời John đến thời Victoria, chúng nói chung đã hướng dẫn cho các cuộc thảo luận của 250 nghị viện của chúng ta".

Ta phải xem xét lần lượt từng đạo luật một và từng thiết chế một của mỗi dân tộc, để chứng tỏ chúng là biểu hiện những nhu cầu của chủng tộc đến thế nào, và không thể vì lí do này mà chúng bị biến đổi một cách dữ dội. Thí dụ, người ta có thể biện luận một cách triết học về những thuận lợi và bất cập của sự tập trung hóa, nhưng khi chúng ta nhìn thấy một dân tộc gồm nhiều chủng tộc rất khác nhau, đã phải dành một nghìn năm cố gắng mới dần dần đạt tới sự tập trung này; khi

chúng ta thấy rằng một cuộc cách mạng lớn có mục tiêu là đập tan mọi thể chế của quá khứ, đã buộc phải chẳng những tôn trọng sự tập trung hóa này mà còn phải phóng đại nó lên, thì ta có thể nói nó là con đẻ của những điều cần thiết cấp bách, thậm chí là một điều kiện sinh tồn, và ta có thể phàn nàn về tầm vóc tinh thần yếu kém của những nhà chính trị chỉ nói đến chuyện phá huỷ nó đi. Nếu như ngẫu nhiên họ thành công trong chuyện đó, thì giờ phút thành công sẽ ngay lập tức là tín hiệu của một cuộc nội chiến khủng khiếp*[1], vả lại cuộc nội chiến ấy lại lập tức dẫn tới một sự tập trung mới còn nặng nề hơn nhiều so với sự tập trung cũ.

Ta kết luận những điều nói trên rằng không nên tìm cách tác động sâu vào tâm hồn đám đông

---

*[1] Nếu ta so sánh những bất đồng tôn giáo và chính trị sâu sắc đã chia rẽ nhiều bộ phận của nước Pháp và chủ yếu là vấn đề chủng tộc, là những khuynh hướng phân ly được biểu lộ ở thời cách mạng lại bắt đầu xuất hiện vào cuối cuộc chiến tranh Pháp-Đức, ta sẽ thấy những chủng tộc khác nhau sống trên đất nước ta [nước Pháp] còn lâu mới hợp nhất. Sự tập trung cao độ của Cách mạng và việc tạo ra những quận huyện có tính giả tạo nhằm trộn lẫn các tỉnh lị cũ chắc chắn là công trình có ích nhất của Cách mạng. Ngày nay những người không lo xa hay nói tới việc giải tập trung. Nếu sự giải tập trung có thể xảy ra, nó sẽ nhanh chóng dẫn đến những chia rẽ đẫm máu nhất. Cần phải hoàn toàn quên lịch sử của chúng ta mới không biết đến điều đó.

nhờ những thiết chế; và khi ta thấy một vài nước, như Hoa Kì, đã thịnh đạt ở mức độ cao với những thiết chế dân chủ, trong khi những nước khác, như những nước cộng hòa Mỹ - Latin, đang sống trong sự vô chính phủ ảm đạm nhất mặc dù có những thiết chế tuyệt đối giống; thì ta có thể nói rằng những thiết chế ấy xa lạ với sự lớn lao của dân tộc này cũng như xa lạ với sự suy đồi của dân tộc kia. Các dân tộc đều bị tính cách của chính họ thống trị; và tất cả những thiết chế nào không được đúc khuôn vừa vặn với tính cách ấy sẽ chỉ là thứ quần áo vay mượn, một thứ giả trang tạm thời. Chắc hẳn, nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu, nhiều cuộc cách mạng bạo lực đã xảy ra, và còn sẽ xảy ra, để áp đặt cho những thiết chế mà người ta gán cho chúng, như từng gán cho những di vật của các vị thánh, cái khả năng siêu phàm tạo ra hạnh phúc. Vậy, theo một nghĩa nào đó, có thể nói rằng những thiết chế tác động lên tâm hồn đám đông bởi vì chúng gây nên những biến động như thế. Nhưng trong thực tế, không phải chính những thiết chế tác động như thế, bởi ta biết rằng dù thắng hay bại, bản thân chúng không hề có một hiệu lực nào cả. Cái đã tác động lên tâm hồn đám đông chính là những ảo tưởng và ngôn từ. Đặc biệt là ngôn từ, những từ ngữ vừa đầy ảo tưởng vừa mạnh mẽ này sẽ được chúng tôi chỉ ra ảnh hưởng lạ lùng của chúng.

5 - Giáo dưỡng và giáo dục

Đứng đầu những tư tưởng thống trị nói trên của một thời đại, mà chúng tôi đã lưu ý ở một chỗ khác về số lượng ít ỏi và sức mạnh của chúng, dù đôi khi chúng là những ảo tưởng thuần tuý, ngày nay, đó là tư tưởng sau đây: đào tạo có khả năng thay đổi con người một cách đáng kể, và có kết quả chắc chắn là cải tạo được con người, thậm chí làm cho con người bình đẳng. Chỉ bằng việc nhắc đi nhắc lại, điều khẳng định này cuối cùng đã trở thành một trong những tín điều khó lay chuyển nhất trong chế độ dân chủ. Ngày nay, khó đụng chạm tới điều đó, cũng như thời xưa khó đụng chạm tới những tín điều của nhà thờ.

Nhưng ở điểm này, cũng như ở nhiều điểm khác, những tư tưởng dân chủ đều đã bất đồng sâu sắc với các dữ kiện của tâm lí học và kinh nghiệm. Nhiều triết gia nổi tiếng, trong đó có Herbert Spencer, dễ dàng chỉ ra rằng giáo dục chẳng làm cho con người đạo đức hơn, sung sướng hơn, rằng nó không thay đổi được bản năng và đam mê mang tính di truyền của con người; đôi khi, chỉ đạo kém một chút, giáo dục sẽ có hại nhiều hơn có ích. Những nhà thống kê cũng xác nhận quan niệm này khi nói với ta rằng tội phạm tăng lên cùng với sự phổ cập giáo dục, hay ít ra là phổ cập một sự giáo dục nào đó, rằng những kẻ thù tệ nhất của xã hội, những kẻ vô

chính phủ, thường được tuyển lựa trong đám học trò được giải thưởng của các trường; và trong một công trình mới đây, ông Adolphe Guillot, một quan tòa ưu tú nhận xét rằng ngày nay người ta đếm được cứ 3.000 tội phạm có học thì chỉ có 1.000 tội phạm vô học, và rằng trong 50 năm, tình trạng phạm tội đã vượt con số từ 227 lên đến 552 trên 400.000 dân, tức là tăng 133%. Ông ta cũng ghi nhận cùng các đồng sự rằng tình trạng phạm tội gia tăng đặc biệt ở những người trẻ tuổi mà, như ta đã biết, [ở nước Pháp], việc đến trường không mất tiền và bắt buộc đã thay thế cơ chế học việc nơi ông chủ.

Chắc không phải là, và cũng chẳng ai ủng hộ điều này bao giờ, sự đào tạo được chỉ đạo tốt lại không thể cho những kết quả thực tế rất có ích, nếu không nâng cao được đạo đức thì ít nhất cũng phát triển được khả năng nghề nghiệp. Khốn thay những dân tộc Latin, nhất là từ hai mươi lăm năm nay, đã đặt cơ sở cho hệ thống giáo dục trên những nguyên lí rất sai lầm, và mặc cho những con người lỗi lạc nhất phê phán, họ vẫn khăng khăng giữ những sai lầm thảm hại. Bản thân tôi, trong nhiều cuốn sách khác nhau*[1],

*[1] Xem:

- *Tâm lí học về chủ nghĩa xã hội* (Psychologie du socialisme, xuất bản lần thứ 3).

cũng đã chỉ ra rằng nền giáo dục hiện nay của chúng ta đã biến phần lớn những người được tiếp nhận giáo dục thành kẻ thù của xã hội, và tuyển lựa đông đảo môn đồ cho những hình thức tệ hại nhất của chủ nghĩa xã hội.

Cái tạo ra mối hiểm nguy đầu tiên của nền giáo dục này - rất xứng danh là nền giáo dục Latin - chính là dựa trên sai lầm tâm lí học cơ bản: người ta phát triển được trí tuệ bằng cách học thuộc lòng sách giáo khoa. Từ đó người ta cố gắng học thuộc càng nhiều càng tốt, và từ tiểu học đến cấp tiến sĩ hay thạc sĩ, người trẻ tuổi chỉ làm công việc học thuộc lòng sách vở, mà khả năng phán đoán và óc sáng kiến của anh ta không bao giờ được sử dụng. Giáo dục đối với anh ta là đọc thuộc lòng và vâng lời. Ông Jules Simon cựu bộ trưởng giáo dục đã viết: "Học những bài học, thuộc lòng cuốn ngữ pháp hoặc một quyển sách giản yếu, nhắc lại đúng, bắt chước giỏi, đó là thứ giáo dục buồn cười, ở đó mọi cố gắng là chứng tỏ lòng tin trước tính bất khả sai lầm của ông thầy, nền giáo dục ấy chỉ dẫn đến việc hạ thấp giá trị của chúng ta và khiến chúng ta bất lực".

- *Tâm lí học giáo dục* (Psychologie de l'éducation, xuất bản lần thứ 5).

Nếu nền giáo dục này chỉ là vô ích thì chúng ta có thể dừng lại ở việc thương xót những đứa trẻ khốn khổ, bởi lẽ ra có nhiều điều cần thiết để dạy ở trường tiểu học, người ta lại thích dạy cho chúng phả hệ của con cái nhà vua Clotaire[1], những cuộc chiến giữa vương triều Neustrie và vương triều Austrasie[2], hay phân loại động vật; nhưng nền giáo dục ấy còn biểu thị một mối hiểm nguy nghiêm trọng hơn nhiều. Nó làm cho người tiếp nhận chán ghét cùng cực cái thân phận mà anh ta được sinh ra, và ước ao mãnh liệt được thoát khỏi thân phận ấy. Người công nhân không muốn làm công nhân nữa, người nông dân không muốn làm nông dân nữa, và nhà tư sản cuối cùng chỉ thấy nghề nghiệp khả dĩ nhất cho con cái mình chẳng gì khác hơn là làm công chức ăn lương Nhà nước. Thay vì chuẩn bị cho người ta vào đời, trường học lại chỉ chuẩn bị cho họ trở thành công chức, người ta có thể thành công mà không cần phải tự định hướng cho mình, cũng không phải bộc lộ một chút sáng kiến nào. Ở nấc thang dưới, nền giáo

---

[1] Clotaire: tên dòng vua Pháp, gồm bốn triều vua, tồn tại từ thế kỉ V đến thế kỉ VIII.

[2] Neustrie và Austrasie: hai trong bốn vương triều thuộc dòng Mérovée (Clotaire). Neustrie nằm ở phía Tây, Austrasie nằm ở phía Đông xứ Gaule ở thế kỉ VI, VII và VIII. Hai vương quốc này liên tục gây chiến tranh.

dục ấy tạo ra những đạo quân vô sản bất mãn với số phận mình và luôn sẵn sàng nổi loạn; ở trên, tầng lớp tư sản phù phiếm của chúng ta, vừa hoài nghi vừa cả tin, có lòng tin mù quáng vào Nhà nước - người che chở, tuy họ không ngừng công kích nó, luôn đổ trách nhiệm cho chính phủ những sai lầm của chính mình và không có khả năng thực hiện một điều gì nếu không có sự can thiệp của quyền lực.

Nhờ vào sách giáo khoa, Nhà nước tạo ra tất cả những con người có bằng cấp ấy, chỉ có thể sử dụng một số ít, và dĩ nhiên phải để những người còn lại thất nghiệp. Vậy Nhà nước phải đành chịu nuôi sống nhóm thứ nhất và có kẻ thù là nhóm thứ hai. Từ trên cao xuống dưới thấp của tháp xã hội, từ thầy kí giản dị đến giáo sư và đến vị tỉnh trưởng, đám người đông đảo có bằng cấp hiện chiếm hết những vị trí nghề nghiệp. Trong khi một nhà kinh doanh khó khăn lắm mới tìm ra một nhân viên làm đại diện cho mình ở thuộc địa, thì có hàng ngàn ứng viên xin xỏ những chỗ làm nhà nước tầm thường nhất. Chỉ riêng quận Seine đã có 20.000 giáo viên nam nữ thất nghiệp, họ khinh thường ruộng đồng và xưởng máy và tìm tới Nhà nước để kiếm sống. Số người may mắn thì ít, số người bất mãn tất nhiên rất nhiều. Những người sau sẵn sàng ủng

hộ mọi cuộc cách mạng, dù thủ lĩnh là ai và mục đích mà các cuộc cách mạng theo đuổi là gì. Sở hữu kiến thức mà không thể tìm được việc làm là một phương cách chắc chắn để biến con người ta thành một kẻ nổi loạn*[1].

Rõ ràng đã quá chậm để đi ngược lại một trào lưu như vậy. Chỉ có kinh nghiệm, người thầy vĩ đại của các dân tộc, sẽ chịu trách nhiệm chỉ ra cho chúng ta sai lầm của mình. Chỉ có kinh nghiệm mới đủ sức mạnh để chứng tỏ sự cần thiết phải thay thế những cuốn giáo khoa tệ

---

*[1] Vả lại đó không phải là một hiện tượng riêng của các dân tộc Latin; người ta nhận thấy điều này cả ở nước Trung Hoa, một đất nước cũng do thứ bậc vững chắc của các quan lại dẫn dắt, và ở đây cũng giống nước ta, quan chức được tuyển lựa bằng các kì thi mà sự thử thách thi cử chỉ là đọc thuộc lòng không suy suyển những quyển sách giáo khoa dày. Đội quân có học thất nghiệp ở Trung Hoa ngày nay được coi là một quốc nạn thật sự. Ở Ấn Độ cũng như thế, từ khi người Anh mở trường học ở đây, không phải để giáo dục như ở bên Anh đã làm, mà đơn thuần chỉ để dạy dỗ những người bản xứ, đã hình thành một tầng lớp người có học gọi là những Babou, khi không có việc làm, họ trở thành những kẻ thù không thể hòa giải của Anh quốc hùng cường. Ở mọi người Babou có hay không có việc làm, hệ quả đầu tiên của giáo dục là hạ thấp vô cùng trình độ đạo đức của họ. Đó là một sự thực mà tôi đã dài dòng nhấn mạnh trong cuốn sách *Những nền văn minh Ấn Độ* (Les Civilisations de l'Inde), và nhiều tác giả đã thăm bán đảo lớn này cũng nhận thấy thế.

hại của chúng ta, những kì thi đáng thương của chúng ta bằng một nền giáo dục dạy nghề, có khả năng dẫn thanh thiếu niên đến với ruộng đồng, xưởng máy, những công trình thuộc địa, mà hôm nay họ đang bằng mọi giá tìm cách trốn chạy.

Nền giáo dục dạy nghề mà giờ đây những con người sáng suốt đều đòi hỏi là nền giáo dục xưa kia cha ông ta đã được nhận, và là cái mà các dân tộc ngày nay đang thống trị thế giới nhờ ý chí, sáng kiến, tinh thần dám nghĩ dám làm đã biết bảo tồn. Trong các trang viết đặc sắc, mà rồi sau tôi sẽ trích lại những phần chủ yếu nhất, một nhà tư tưởng lớn, ông Taine, đã chỉ ra rõ ràng rằng nền giáo dục của chúng ta xưa kia cũng gần giống như nền giáo dục Anh hay Mỹ ngày nay, và trong một đoạn đối chiếu đặc sắc giữa hệ thống giáo dục Latin với hệ thống Anglo-Saxon, ông đã cho thấy rõ những kết quả của hai phương pháp.

Có lẽ cùng lắm, người ta cũng đành bằng lòng chấp nhận mọi thứ bất cập của nền giáo dục kinh viện của chúng ta, ngay cả dù rằng nó chỉ tạo ra những kẻ vô tích sự và những kẻ bất mãn, nếu như việc sở hữu hời hợt nhiều kiến thức đến thế, việc đọc thuộc lòng hoàn hảo nhiều sách giáo khoa đến thế đã nâng cao được trình độ trí tuệ.

Nhưng thực sự nó có nâng cao được trí tuệ không? Không, thật buồn thay! Chính sự xét đoán, kinh nghiệm, sáng kiến, tính cách mới là những điều kiện thành công ở đời, còn sách vở không cho những điều đó. Sách là những cuốn từ điển có ích để tra cứu, nhưng hoàn toàn vô ích khi có những đoạn văn dài trong đầu.

Giáo dục dạy nghề có thể phát triển trí tuệ thế nào trong chừng mực nó hoàn toàn thoát ra khỏi lối đào tạo kinh viện, đó là điều Taine chỉ ra khá rõ.

"Những tư tưởng chỉ hình thành trong môi trường tự nhiên và bình thường của chúng. Cái làm cho mầm mống tư tưởng sinh trưởng, đó là muôn vàn những ấn tượng nhạy cảm mà thanh niên nhận được hằng ngày ở xưởng máy, trong hầm mỏ, ở tòa án, trong nghiên cứu, trên công trường, ở bệnh viện, trong cảnh tượng của những dụng cụ, những vật liệu và những hoạt động, đối diện với khách hàng, với công nhân, với lao động, với sản phẩm làm tốt hay xấu, tốn kém hay có lợi; đấy là những tri giác đặc biệt của mắt, của tai, của tay và cả của khứu giác, được thu nhận không cố ý và được hình thành âm thầm; chúng tự tổ chức trong anh ta, để rồi sớm hay muộn gợi ý cho anh ta sự tổ hợp mới, sự đơn giản hóa, sự tiết kiệm, sự hoàn thiện hay

sáng chế nào đó. Thanh niên Pháp bị tước đi mọi tiếp xúc quý báu, mọi yếu tố có thể đồng hóa và cần thiết đó, và đúng vào lúc ở cái tuổi phong phú; suốt bảy hay tám năm, họ bị nhốt trong một trường học, cách xa kinh nghiệm trực tiếp và cá nhân, điều sẽ cho họ khái niệm chính xác và sống động về sự vật, con người và nhiều cách khác nhau để sử dụng chúng".

"...Ít ra chín phần mười trong số họ đã mất thời gian và công sức, mất nhiều năm của cuộc đời và những năm tháng hiệu quả, quan trọng hay thậm chí quyết định của mình: đầu tiên hãy tính một nửa hay hai phần ba những người đi thi, tôi muốn nói là bị trượt - sau đó, trong số những người trúng tuyển, được thăng bậc, cấp chứng chỉ, bằng cấp, thì một nửa hay hai phần ba nữa tôi muốn nói là đã bị quá sức. Người ta đã đòi hỏi họ quá nhiều bằng cách yêu cầu họ ngày nào đó phải ngồi ghế hay đứng trước bảng suốt hai giờ liền, và đối với một nhóm các khoa học, họ phải là những cái kho tư liệu sống của tất cả khiến thức nhân loại; quả thực, ngày hôm ấy suốt hai giờ liền, họ đã, hay gần như là cái kho tư liệu sống rồi. Nhưng một tháng sau họ không như thế nữa; họ không thể chịu nổi cuộc kiểm tra lại một lần nữa; những điều họ sở hữu được quá nhiều, và quá nặng nề, chúng không ngừng trượt ra

ngoài tâm trí họ và họ chẳng thiết những cái mới. Sức mạnh tinh thần đã giảm xuống; thứ nhựa dồi dào đã cạn kiệt; con người đã thành niên xuất hiện, và thông thường đó là con người bỏ đi. Chỉn chu nề nếp, lập gia đình, cam chịu quẩn quanh trong một vòng tròn và mãi mãi trong vòng tròn ấy, anh ta ẩn mình trong văn phòng hạn hẹp, đứng đắn làm tròn trách nhiệm, chẳng làm gì khác ngoài điều ấy. Hiệu suất trung bình là như vậy; chắc chắn thu nhập có được không cân bằng với chi phí. Ở Anh và ở Mỹ, cũng như xưa kia, trước năm 1789 tại Pháp, người ta sử dụng cách ngược lại, hiệu suất đạt được là bằng hoặc cao hơn".

Tiếp đó, nhà sử học nổi tiếng chỉ ra cho ta thấy sự khác nhau giữa hệ thống giáo dục của chúng ta với hệ thống của những nước Anglo-Saxon. Những nước này không có nhiều trường học đặc biệt như chúng ta; ở họ giáo dục không phải do sách vở đem lại, mà do chính sự vật đem lại. Ví dụ như người kĩ sư được đào tạo trong một xưởng máy chứ không phải trong một trường học; điều này cho phép mỗi người đạt tới chính xác mức độ mà trí tuệ của anh ta vốn có, làm công nhân hay đốc công nếu anh ta không thể đi xa hơn nữa, làm kĩ sư nếu khả năng của anh ta tiến được tới đó. Đó là một phương pháp dân chủ

hơn nhiều và ích lợi cho xã hội hơn nhiều so với việc bắt toàn bộ sự nghiệp của một cá nhân phải phụ thuộc vào một kì thi vài tiếng đồng hồ mà anh ta phải chịu đựng lúc mười tám hay hai mươi tuổi.

"Khi còn rất trẻ người học trò đã được nhận vào bệnh viện, hầm mỏ, xí nghiệp, văn phòng luật sư, văn phòng kiến trúc sư, nơi anh ta học việc và thực tập; ở nước ta người đó gần giống như người thư kí trong văn phòng luật hay người học vẽ trong xưởng họa. Tiên quyết và trước khi bước vào, anh ta có thể theo vài khóa học tổng quát và sơ lược, để có được một cái khung sẵn sàng nhằm đưa vào đó những nhận xét mà về sau anh ta sẽ phải làm. Tuy nhiên, thông thường, trong tầm tay anh ta còn có một vài lớp kĩ thuật mà anh ta có thể theo học vào các giờ rảnh rỗi, để dần dần phối hợp với những kinh nghiệm hằng ngày mà anh ta có được. Dưới một chế độ như vậy, khả năng thực hành tăng lên và tự phát triển đúng đến mức độ mà năng lực của người học trò có, và trong chiều hướng đòi hỏi của công việc tương lai, thông qua công việc riêng mà ngay trong hiện tại anh ta muốn tự thích ứng. Theo cách ấy, ở Anh và ở Mỹ, thanh niên nhanh chóng đạt tới chỗ tự mình rút ra được tất cả những điều mà mình có. Ngay từ năm hai lăm tuổi, và thậm

chí sớm hơn nhiều, nếu không thiếu năng khiếu và tư chất, anh ta chẳng những là một người thi hành có ích, mà còn là người dám nghĩ dám làm, không chỉ là một bánh xe răng, mà hơn nữa còn là một động cơ, - ở Pháp, phương pháp ngược lại đã thắng thế, và qua mỗi thế hệ, nó lại trở nên có tính Trung Hoa hơn, tổng cộng những năng lực mất đi thật to lớn".

Và nhà triết học vĩ đại đi đến kết luận sau về chênh lệch tăng dần của nền giáo dục Latin chúng ta so với đời sống.

"Ở ba bậc đào tạo, trẻ nhỏ, thiếu niên và thanh niên, sự chuẩn bị lí thuyết trên ghế nhà trường, thông qua sách vở, kéo dài và quá tải, vì mục đích thi cử, cấp bậc, bằng cấp, chứng chỉ, và chỉ vì mục đích đó mà thôi; và bằng những phương cách tệ hại, bằng việc áp dụng một chế độ phản tự nhiên và phản xã hội, bằng việc để chậm quá đáng vấn đề học nghề thực hành, bằng chế độ nội trú, bằng cách huấn luyện giả tạo và nhồi nhét máy móc, bằng việc học quá sức mà không đếm xỉa tới thời gian về sau, tới thời kì trưởng thành và những trách vụ nặng nề mà con người phải thực hiện sau này. Nó bỏ qua thế giới thực, nơi trong thời gian tới người thanh niên sẽ rơi vào, bỏ qua xã hội xung quang mà anh ta phải thích ứng hay từ bỏ ngay từ đầu, bỏ qua xung đột giữa những con người mà

muốn tự vệ, muốn đứng vững, thì trước tiên anh ta phải được trang bị, được vũ trang, được tập dượt và tôi luyện dạn dày. Sự trang bị cần thiết ấy, sự thâu lượm ấy còn quan trọng hơn tất cả những điều khác, sự vững vàng về lương tri, về ý chí, về thần kinh thì trường học của ta không cung cấp cho anh ta; hoàn toàn ngược lại, cách giáo dục trên còn xa mới tạo đủ phẩm chất cho anh ta, nó còn làm cho anh ta không đủ năng lực đáp ứng hoàn cảnh sống trong tương lai. Do đó khi vào đời, những bước chân đầu tiên của anh ta trong môi trường hành động thực tế thường chỉ là một loạt vấp ngã đau đớn; anh ta bị tổn thương, bị vò xé lâu dài, đôi khi bị què quặt mãi mãi. Đó là một thử thách nặng nề và nguy hiểm, sự cân bằng tinh thần và tâm thần bị phá hỏng, và có nguy cơ không hồi phục được. Sự vỡ mộng xảy ra quá đột ngột, quá trọn vẹn; những thất vọng quá lớn và nỗi đắng cay quá nặng nề."*[1]

---

*[1] Taine: *Chế độ hiện đại* (Le Régime moderne) tập II, 1891 - Những trang viết này gần như là những trang cuối cùng của Taine. Chúng tóm tắt một cách tuyệt vời những kết quả về kinh nghiệm lâu dài của nhà triết học lớn. Buồn thay, tôi nghĩ các giáo sư đại học của chúng ta không sống ở nước ngoài nên đã hoàn toàn không hiểu chúng. Giáo dục là phương tiện duy nhất mà ta có thể tác động chút ít lên tâm hồn một dân tộc, và thật buồn sâu sắc khi nghĩ rằng ở Pháp hầu như chẳng có ai có thể đi tới chỗ hiểu rằng nền giáo dục hiện thời của ta là một yếu tố suy đồi nhanh chóng đáng sợ,

Qua phần viết trên đây, liệu chúng ta có đi xa khỏi tâm lí học đám đông không? Chắc là không. Nếu ta muốn hiểu những tư tưởng, những niềm tin đã nảy mầm ở đó hôm nay và nở hoa ngày mai ra sao, thì ta phải biết mảnh đất đã được chuẩn bị thế nào. Nền giáo dục được đem đến cho tuổi trẻ của một đất nước cho phép ta biết đất nước ấy sau này sẽ thế nào. Nền giáo dục được trao cho thế hệ hôm nay biện minh cho những tiên đoán ảm đạm nhất. Tâm hồn đám đông được cải thiện hay hỏng đi một phần chính là do giáo dưỡng và giáo dục. Vậy cần phải chỉ ra hệ thống hiện thời đã đào luyện nó ra sao, và đám những kẻ thờ ơ và trung lập đã dần dần trở thành một đội quân bất mãn đông đảo, sẵn sàng nghe theo mọi gợi ý của các nhà không tưởng và các nhà hùng biện khoa trương thế nào. Chính tại trường học ngày nay đang đào luyện những kẻ bất mãn và vô chính phủ và đang sửa soạn cho các dân tộc Latin giờ phút suy đồi ngày mai.

---

và đáng lẽ đề cao giới trẻ thì nó lại hạ thấp họ xuống và làm hư hỏng họ.

Chương II

NHỮNG NHÂN TỐ TRỰC TIẾP ẢNH HƯỞNG TỚI Ý KIẾN CỦA ĐÁM ĐÔNG

1 - Hình ảnh, từ ngữ và công thức. - *Sức mạnh ma thuật của từ ngữ và công thức. - Sức mạnh của từ ngữ gắn với những hình ảnh mà từ ngữ gợi lên, và độc lập với ý nghĩa thực của chúng. - Những hình ảnh này thay đổi từ thời này sang thời khác, từ chủng tộc này sang chủng tộc khác. - Sự mòn cũ của những từ ngữ. - Ví dụ về những biến đổi nghĩa đáng kể của một vài từ ngữ rất thông dụng. - Lợi ích chính trị trong việc đặt tên mới cho những sự việc cũ, khi người ta chỉ rõ những từ ngữ tạo ra một ấn tượng tai hại với đám đông. - Sự biến đổi về nghĩa của từ ngữ phụ thuộc vào chủng tộc. - Nghĩa khác nhau của từ* dân chủ *ở châu Âu và ở Mỹ.*

2 - Ảo tưởng. - *Tầm quan trọng của chúng. - Ta lại thấy chúng ở cơ sở của mọi nền văn minh. - Sự cần thiết mang tính xã hội của những ảo tưởng. - Đám đông bao giờ cũng thích ảo tưởng hơn sự thực.*

3 - Kinh nghiệm. - *Chỉ có kinh nghiệm mới có thể thiết lập trong tâm hồn đám đông những sự thực đã trở nên cần thiết và phá huỷ những ảo tưởng đã trở nên*

nguy hiểm. - Kinh nghiệm chỉ phát huy tác dụng với điều kiện được thường xuyên nhắc đi nhắc lại. - Điều mà những kinh nghiệm nhất thiết phải trả giá để thuyết phục đám đông.

4 - Lí trí. - Ảnh hưởng vô hiệu của nó với đám đông. - Ta chỉ tác động được tới đám đông bằng cách tác động lên những tình cảm vô thức của nó. - Vai trò của logic trong lịch sử. - Những nguyên nhân bí ẩn của những biến cố khó tin.

Chúng ta vừa mới nghiên cứu những nhân tố xa và có tính chuẩn bị đem lại cho tâm hồn đám đông một năng lực thụ cảm đặc biệt, làm cho nó có khả năng nảy nở một vài tình cảm hay tư tưởng nào đó. Bây giờ chúng ta nghiên cứu tới những nhân tố có thể tác động một cách trực tiếp. Chúng ta sẽ thấy trong chương sau phải sử dụng những nhân tố ấy thế nào để chúng có thể sản sinh ra toàn bộ hiệu quả của mình.

Trong phần đầu cuốn sách này, chúng ta đã nghiên cứu tình cảm, tư tưởng, suy luận của tập thể; và từ nhận thức này, rõ ràng ta sẽ có thể suy ra một cách khái quát những cách thức gây ấn tượng mạnh lên tâm hồn đám đông. Chúng ta đã biết cái gì tác động vào trí tưởng tượng của đám đông, sức mạnh và sự lây nhiễm của những gợi ý, nhất là những gợi ý biểu hiện dưới hình thức các hình ảnh. Nhưng những gợi ý có thể có nguồn gốc

rất khác nhau, những nhân tố có khả năng tác động lên tâm hồn đám đông có thể rất khác nhau. Vậy cần thiết xem xét chúng tách biệt nhau. Đó không phải là một nghiên cứu vô ích. Đám đông hơi giống con nhân sư trong ngụ ngôn cổ đại: cần phải biết giải những câu đố mà tâm lí đám đông đặt ra cho ta, hoặc là đành chịu để cho nó ăn thịt.

1 - Hình ảnh, từ ngữ và công thức

Khi nghiên cứu trí tưởng tượng của đám đông chúng ta đã thấy rằng nó đặc biệt bị những hình ảnh gây ấn tượng. Không phải bao giờ ta cũng có những hình ảnh ấy, nhưng có thể gợi lên chúng bằng việc sử dụng đúng đắn từ ngữ và công thức (formule). Khi được sử dụng một cách nghệ thuật, chúng thực sự có sức mạnh bí ẩn mà ngày xưa những môn đồ của ma thuật vẫn gán cho chúng. Chúng làm nảy sinh trong tâm hồn đám đông những cơn bão khủng khiếp nhất, và chúng cũng biết làm lắng dịu những cơn bão ấy. Người ta sẽ xây được một kim tự tháp cao hơn nhiều so với kim tự tháp cổ Khéops chỉ bằng xương nạn nhân của sức mạnh từ ngữ và công thức.

Sức mạnh của từ ngữ được gắn liền với những hình ảnh mà chúng gợi lên, và hoàn toàn độc lập với ý nghĩa thực của chúng. Đó thường là những

từ mà ý nghĩa kém xác định nhất và chi phối nhiều hành động nhất. Ví dụ như những từ như *dân chủ, chủ nghĩa xã hội, bình đẳng, tự do* v.v..., nghĩa của chúng thì mơ hồ đến nỗi những cuốn sách dày cộp cũng chẳng đủ để nói chính xác về chúng. Và tuy nhiên, chắc chắn có một sức mạnh thực sự ma thuật gắn kết với những âm tiết ngắn của chúng, cứ như thể chúng chứa đựng những giải pháp cho mọi vấn đề. Chúng tổng hợp những khát vọng vô thức khác nhau nhất và niềm hi vọng thực hiện những khát vọng ấy.

Lí trí và những luận chứng cũng không thể chống lại một số từ ngữ và một số công thức. Người ta trầm tĩnh công bố chúng trước đám đông; và ngay khi chúng được phát âm, những gương mặt trở nên kính cẩn và những vầng trán cúi xuống. Nhiều người coi chúng như những lực lượng của thiên nhiên, những sức mạnh siêu nhiên. Chúng gợi lên trong tâm hồn những hình ảnh lớn lao và mơ hồ, nhưng chính cái mơ hồ đã làm mờ nhạt chúng và làm tăng sức mạnh huyền bí của chúng. Ta có thể so sánh chúng với những thần linh đáng sợ giấu mình sau chiếc khám thờ, và kẻ sùng đạo run rẩy đến gần.

Những hình ảnh mà từ ngữ gợi lên độc lập với nghĩa của chúng, thay đổi từ thời đại này sang

thời đại khác, từ dân tộc này đến dân tộc khác, dưới căn cước là những công thức. Còn một số từ lại tạm thời được gắn với một vài hình ảnh: từ ngữ chỉ là cái nút bấm điều khiển làm cho những hình ảnh hiện lên.

Mọi từ ngữ và mọi công thức không có sức mạnh gợi hình ảnh; mà sau khi đã gợi lên điều đó, thì chính chúng bị mòn cũ đi và chẳng gợi lại được gì nữa trong tâm trí. Lúc đó, chúng trở thành những âm thanh vô vị, lợi ích chính của chúng là để miễn cho ai sử dụng chúng khỏi phải suy nghĩ. Với một kho nhỏ những công thức và những điều sáo mòn học được khi còn trẻ, chúng ta sở hữu được tất cả điều cần có để đi suốt cuộc đời mà không cần thiết phải nhọc nhằn suy nghĩ về bất cứ chuyện gì.

Nếu ta xem xét một ngôn ngữ nhất định, ta sẽ thấy rằng những từ ngữ mà ngôn ngữ ấy cấu thành thay đổi khá chậm chạp theo dòng các thời đại; nhưng cái thay đổi không ngừng đó là những hình ảnh mà chúng gợi lên hay ý nghĩa mà người ta gán cho chúng; và chính vì vậy, trong một cuốn sách khác tôi đã đi đến kết luận rằng dịch trọn vẹn một ngôn ngữ, đặc biệt khi đó là của những dân tộc đã tiêu vong, là điều hoàn toàn không thể. Trên thực tế, ta đã làm gì khi ta thay thế một từ tiếng Pháp cho một từ Latin, Hy

Lạp hay tiếng Phạn, hay khi chúng ta tìm cách hiểu một cuốn sách được viết bằng chính ngôn ngữ của ta, cách đây hai hoặc ba thế kỉ? Chúng ta chỉ đơn giản thay thế những hình ảnh và tư tưởng mà cuộc sống hiện đại đã đặt vào tâm trí ta, cho những khái niệm và những hình ảnh hoàn toàn khác mà cuộc sống xưa kia đã làm nảy sinh trong tâm hồn các chủng tộc từng phải phục tùng những điều kiện sống không giống như chúng ta. Khi những nhà cách mạng những tưởng đã bắt chước người Hy Lạp và La Mã, họ đã làm gì nếu không phải là cho những từ ngữ cổ xưa một ý nghĩa mà những từ ngữ này không bao giờ có. Liệu có thể tồn tại điều gì tương tự giữa thể chế Hy Lạp với thể chế mà ngày nay những từ tương ứng đã chỉ ra? Thế thì một nền cộng hòa là gì nếu không phải là một thể chế chủ yếu mang tính quý tộc được hình thành từ một nhóm các tiểu bạo chúa thống trị một đám đông nô lệ bị kìm giữ trong sự lệ thuộc tuyệt đối. Chính thể quý tộc công xã ấy, dựa trên chế độ nô lệ, không thể tồn tại giây lát mà không có nó.

Và từ *tự do*, liệu nó có thể có nghĩa giống với những gì ta hiểu hôm nay, ở một thời đại mà khả năng tự do tư tưởng là điều chẳng phải hoài nghi, với một thời đại mà chẳng có tội nào nặng hơn và hiếm có hơn là bàn cãi về thần linh, luật pháp và

tập tục của thành quốc? Một từ như từ *tổ quốc*, nó có nghĩa gì trong tâm hồn một người dân Athènes hay người dân Sparte nếu không phải là sự sùng bái thành Athènes hay thành Sparte, mà không hề có nghĩa sùng bái nước Hy Lạp, một đất nước gồm những thành quốc đối địch nhau và luôn sống trong chiến tranh. Cũng vẫn từ *tổ quốc*, nó có nghĩa gì đối với người Gaulois cổ đại, bị phân chia thành các bộ lạc đối địch, gồm nhiều chủng tộc, ngôn ngữ và tôn giáo khác nhau, mà Cesar đã chiến thắng dễ dàng bởi vì ông luôn có nhiều đồng minh trong các bộ lạc ấy. Chỉ có La Mã mới cho xứ Gaule một tổ quốc, khi đem lại cho nó sự thống nhất chính trị và tôn giáo. Không cần quay trở lại quá xa, chỉ cần lùi lại gần hai thế kỉ, liệu ta có tin rằng cùng từ *tổ quốc* này, các ông hoàng Pháp đã hiểu như ngày hôm nay không, ví dụ như hoàng thân Đại Condée[1], đã liên minh với nước ngoài để chống lại quốc vương của mình? Vả lại cũng vẫn từ *tổ quốc* ấy, chẳng phải nó có một ý nghĩa rất khác với nghĩa hiện đại đối với những người di cư đó sao, họ đã tin rằng tuân theo luật danh dự khi chống lại nước Pháp, và theo quan điểm của họ, thực tế họ đã tuân theo luật ấy, bởi vì luật phong kiến gắn chư hầu với

[1] Hoàng thân Đại Condée (1621 - 1686): chính là Louis II de Bourbon và là một vị tướng lừng danh của Pháp.

hoàng đế chứ không phải với đất đai, và vì hoàng đế ở đâu, nơi đó là tổ quốc đích thực.

Như vậy, nhiều từ ngữ mà nghĩa của chúng đã thay đổi sâu sắc từ thời này qua thời khác; và ta chỉ có thể hiểu được chúng như ngày xưa đã hiểu sau một cố gắng lâu dài. Người ta có lí khi nói rằng phải đọc nhiều mới đi đến chỗ quan niệm được, đối với cụ kị của chúng ta, những từ ngữ như *vua* và *hoàng tộc* có nghĩa là gì. Vậy thì đối với những từ ngữ còn phức tạp hơn thì sẽ ra sao đây?

Vậy từ ngữ chỉ có những ý nghĩa hay thay đổi và tạm thời, thay đổi từ thời này qua thời khác và từ dân tộc này qua dân tộc khác; và khi chúng ta muốn qua nó, tác động lên đám đông, thì điều ta cần biết, đó là ý nghĩa mà từ ngữ bao hàm đối với đám đông ở một thời điểm nhất định, chứ không phải ý nghĩa mà chúng đã có từ ngày xưa, hoặc ý nghĩa mà chúng có thể có đối với những cá nhân mang cấu tạo tinh thần khác.

Cho nên, tiếp theo những đảo lộn chính trị, khi đám đông đã hoàn tất những thay đổi niềm tin, bằng cách đạt được một sự đối lập sâu sắc đối với những hình ảnh mà một số từ ngữ gợi lên, thì việc đầu tiên của nhà chính khách đích thực là thay đổi những từ ngữ, dĩ nhiên, không động chạm tới bản thân các sự việc, bởi vì chúng gắn

bó rất chặt chẽ với một cấu tạo di truyền khó có thể bị biến đổi. Ông Tocqueville[1] sáng suốt đã đưa ra nhận xét từ lâu, là công việc của chế độ Tổng tài và của Đế chế[2] trước hết bao gồm việc khoác lên phần lớn các thiết chế của quá khứ những tấm áo từ ngữ mới, nghĩa là thay thế các từ gợi lên những hình ảnh khó chịu trong trí tưởng tượng của đám đông bằng các từ ngữ khác mà sự mới mẻ của chúng ngăn cản những ấn tượng tương tự. Thuế thân đã trở thành đóng góp ruộng đất; *gabelle* đã trở thành thuế muối, thuế trợ giúp trở thành đóng góp gián tiếp và thuế gộp; thuế cho các hãng buôn và phường hội được gọi là môn bài.

Vậy, một trong những chức năng chủ yếu nhất của các chính khách là đặt tên bằng những từ bình dân, hay ít nhất là trung tính, cho các sự việc mà đám đông không thể chịu đựng nổi với những cái tên cũ. Sức mạnh của từ ngữ lớn đến nỗi chỉ cần gọi những sự việc bỉ ổi nhất bằng những từ ngữ được chọn khéo là đủ để đám đông chấp nhận chúng. Taine nhận xét đúng đắn

---

[1] Charles Alexis Clérel de Tocqueville (1805 - 1859): nhà sử học và chính khách Pháp. Các tác phẩm chính: *Về nền dân chủ ở Mỹ, Chế độ cũ và cách mạng.*

[2] Chế độ Tổng tài (Consulat) được thành lập ở Pháp từ năm 1799 đến 1804. Cuối cùng thay chế độ Tổng tài bằng Đế chế do Napoléon đứng đầu.

rằng chỉ bằng cách viện dẫn đến *tự do* và *bác ái*, những từ rất đại chúng khi đó, mà những người Jacobins đã có thể "sắp đặt được một chế độ chuyên chế xứng với nước Dahomey[1], một tòa án giống như Tòa án dị giáo, những cuộc tàn sát người giống như những cuộc tàn sát ở Mêhicô thời cổ". Nghệ thuật của những người cầm quyền, cũng như của những trạng sư là trước hết biết cách sử dụng những từ ngữ ấy. Một trong những khó khăn của nghệ thuật này là trong cùng một xã hội, cùng những từ ngữ thường có những nghĩa rất khác nhau đối với những tầng lớp xã hội khác nhau. Bề ngoài các tầng lớp dùng cùng những từ ngữ, nhưng họ không bao giờ nói cùng một ngôn ngữ.

Trong những ví dụ kể trên, chúng ta chủ yếu đã để cho thời gian can thiệp vào như là nhân tố chính đối với sự thay đổi nghĩa của từ ngữ. Nhưng nếu cho cả chủng tộc can thiệp vào, ta sẽ thấy vào cùng một thời đại, ở những dân tộc văn minh như nhau nhưng thuộc chủng tộc khác nhau, thì cùng những từ ngữ lại thường

[1] Dahomey: một vương quốc ở châu Phi, nay là nước Bénin. Vương quốc Dahomey nổi tiếng về chế độ độc tài và chế độ nô lệ hà khắc, trở thành thuộc địa của Pháp năm 1892. Năm 1960, vùng đất này giành được độc lập với tên gọi Cộng hòa Bénin năm 1975.

tương ứng với những tư tưởng vô cùng khác nhau. Khó có thể hiểu những khác nhau này nếu không du hành nhiều, vì thế tôi không thể nhấn mạnh chúng. Tôi chỉ đưa ra nhận xét rằng chính những từ ngữ được đám đông hay dùng nhất lại có những nghĩa khác nhau nhiều nhất từ dân tộc này qua dân tộc khác. Ví dụ như những từ *dân chủ* và *chủ nghĩa xã hội* thường dùng hôm nay.

Trên thực tế chúng tương ứng với những tư tưởng và những hình ảnh hoàn toàn đối nghịch nhau trong tâm hồn Latin và trong tâm hồn Anglo - Saxon. Ở người Latin từ *dân chủ* trước hết có nghĩa là sự xóa bỏ ý chí và sáng kiến của cá nhân trước ý chí và sáng kiến của cộng đồng được đại diện bởi Nhà nước. Chính Nhà nước càng ngày càng đảm nhiệm điều khiển tất cả, tập trung hóa, độc quyền hóa, và chế tạo tất cả. Mọi đảng phái, không ngoại lệ, cấp tiến, xã hội chủ nghĩa hay quân chủ đều luôn kêu gọi đến Nhà nước. Ở người Anglo - Saxon nhất là ở người Mỹ, cũng từ *dân chủ* ấy lại có nghĩa trái lại là phát triển mãnh liệt ý chí và cá nhân, xóa bỏ hoàn toàn Nhà nước chừng nào có thể, và, ngoài cảnh sát, quân đội và quan hệ ngoại giao, người ta không để cho Nhà nước chỉ đạo điều gì hết, ngay cả giáo dục cũng không. Vậy cùng một từ ấy, ở dân tộc này có nghĩa là xóa bỏ ý chí và sáng kiến cá nhân

còn Nhà nước là ưu trội; ở một dân tộc khác lại có ý nghĩa là phát triển quá mức ý chí và sáng kiến ấy và xóa bỏ hoàn toàn Nhà nước*[1], nghĩa là nó có nghĩa tuyệt đối trái ngược.

2 - Ảo tưởng

Từ buổi bình minh của các nền văn minh, đám đông luôn phải chịu ảnh hưởng của những ảo tưởng. Người ta đã xây dựng nhiều đền đài, nhiều tượng, nhiều bàn thờ nhất cho những người sáng tạo ra các ảo tưởng. Ngày xưa là những ảo tưởng tôn giáo, ngày nay là những ảo tưởng triết học và xã hội, người ta luôn thấy những vị chúa tể quan trọng này ở trên đầu mọi nền văn minh đang liên tiếp đơm hoa trên hành tinh của chúng ta. Chính nhân danh những ảo tưởng, mà những ngôi đền thờ của Chaldée[2] và Ai Cập, rồi những lâu đài tôn giáo thời Trung cổ đã được dựng lên, mà toàn thể châu Âu bị đảo lộn cách đây một thế kỉ, và chẳng riêng những quan niệm nghệ thuật, chính trị hay xã hội nào của chúng ta lại không mang dấu ấn mạnh mẽ của những ảo tưởng. Đôi khi con người lật đổ

---

*[1] Trong cuốn *Quy luật tâm lí học về sự phát triển của các dân tộc*, tôi đã dài dòng nhấn mạnh về sự khác biệt này đã chia tách lí tưởng dân chủ Latin và lí tưởng dân chủ Anglo - Saxon.

[2] Chaldée: tên của Babylonie bắt đầu từ thế kỉ VII tCN.

chúng với cái giá phải trả là những cuộc đảo lộn khủng khiếp, nhưng hình như con người luôn bị buộc phải dựng lại chúng. Không có những ảo tưởng, con người sẽ không thể thoát ra khỏi tình trạng dã man nguyên thuỷ, và nếu không còn chúng, con người sẽ lại sớm rơi vào tình trạng ấy. Chắc chắn đó là những cái bóng hão huyền, nhưng những con đẻ của giấc mơ đã buộc các dân tộc phải sáng tạo ra tất cả những gì đã làm nên sự huy hoàng của nghệ thuật và sự lớn lao của văn minh.

Một tác giả đã tóm tắt những chủ thuyết của chúng tôi từng viết: "Nếu chúng ta phá huỷ, trong những viện bảo tàng và những thư viện, và nếu chúng ta kéo đổ mọi tác phẩm và mọi công trình nghệ thuật lấy cảm hứng từ tôn giáo xuống những tấm đá lát sân trước nhà thờ, thì hỏi rằng những giấc mơ vĩ đại của con người còn lại gì? Đem lại cho con người phần hi vọng và ảo tưởng, mà không có nó con người không thể sống, đó là lí do tồn tại của các thần thánh, các anh hùng và các nhà thơ".

"Trong năm mươi năm, khoa học có vẻ như đảm nhiệm công việc này. Nhưng điều đã làm tổn hại tới nó trong những trái tim khát khao lí tưởng, đó là khoa học chẳng dám hứa hẹn cho đủ và nó cũng không biết nói dối cho đủ".

Các nhà triết học ở thế kỉ trước đã nhiệt tình chuyên tâm vào việc phá huỷ những ảo tưởng tôn giáo, chính trị và xã hội mà với chúng, cha ông ta trong nhiều thế kỉ dài đã sống. Khi phá huỷ chúng, họ đã làm vơi cạn nguồn hi vọng và sự nhẫn nhục. Đằng sau các ảo ảnh bị sát hại, họ lại tìm thấy những sức mạnh mù quáng và ngấm ngầm của tự nhiên. Không động lòng với sự yếu đuối, những lực lượng này không biết đến tình thương.

Với tất cả bước tiến của mình, triết học vẫn chưa thể dâng tặng cho những đám đông một lí tưởng nào để có thể mê hoặc chúng; nhưng vì chúng cần những ảo tưởng bằng bất cứ giá nào, nên như sâu bọ luôn đổ xô đến ánh sáng, đám đông theo bản năng cũng hướng về các nhà hùng biện khoa trương, những người đã đưa ra cho đám đông ảo tưởng ấy. Nhân tố chủ yếu cho sự phát triển của các dân tộc không bao giờ là chân lí, mà là sự sai lầm. Và ngày nay nếu như chủ nghĩa xã hội đang rất có thế lực, thì đó là vì nó là cái ảo tưởng duy nhất hãy còn sống động. Mặc cho mọi chứng minh khoa học, nó vẫn tiếp tục lớn mạnh lên. Sức mạnh chủ yếu của nó được bảo vệ bởi những đầu óc không hiểu biết thấu đáo về thực tế của sự việc mà đã dám hứa hẹn đem lại hạnh phúc cho con người. Ngày nay ảo tưởng xã

hội thống trị trên mọi đống đổ nát chất chồng của quá khứ, và tương lai thuộc về nó. Đám đông không bao giờ khát khao chân lí. Đứng trước những điều hiển nhiên làm đám đông không hài lòng, nó ngoảnh mặt đi, nó thích thần thánh hóa sự sai lầm, nếu như sai lầm lôi cuốn nó. Kẻ nào biết gây ảo tưởng cho đám đông sẽ dễ dàng làm ông chủ của nó; kẻ nào định phá giải ảo tưởng cho đám đông, kẻ ấy sẽ là nạn nhân của nó.

3 - Kinh nghiệm

Kinh nghiệm gần như là phương pháp duy nhất hiệu nghiệm để thiết lập vững chắc một chân lí trong tâm hồn đám đông, và để phá huỷ những ảo tưởng đã trở nên quá nguy hiểm. Liệu có còn cần thiết khi kinh nghiệm phải được nhận thức trên diện rất rộng và thường phải được lặp đi lặp lại. Những kinh nghiệm mà một thế hệ đã trải qua thường vô ích với thế hệ sau; chính vì thế những sự kiện lịch sử được viện dẫn để chứng minh sẽ chẳng ích gì. Ích lợi duy nhất của chúng là chứng tỏ những kinh nghiệm phải được lặp đi lặp lại đến mức độ nào từ thời này qua thời khác để gây được ảnh hưởng nào đó, và thành công trong việc làm lay chuyển một sai lầm, khi sai lầm này đã cắm rễ vững chắc vào tâm hồn đám đông.

Thế kỉ của chúng ta và thế kỉ trước sẽ được các sử gia tương lai dẫn ra như một thời đại của những kinh nghiệm lạ kì. Chẳng có thời đại nào lại trải qua nhiều kinh nghiệm như thế.

Khổng lồ nhất trong những kinh nghiệm ấy là cuộc Cách mạng Pháp. Để phát hiện ra rằng người ta không thể tái tạo một xã hội hoàn toàn dựa trên các chỉ dẫn của lí trí thuần tuý, thì đã phải tàn sát nhiều triệu người và đảo lộn toàn thể châu Âu trong hai mươi năm. Để chứng minh bằng kinh nghiệm cho chúng ta thấy rằng những César đã gây tai họa lớn cho các dân tộc hoan nghênh họ, thì đã phải cần tới hai cuộc trải nghiệm tàn hại trong năm mươi năm, và mặc dù đã quá rõ ràng, các kinh nghiệm này dường như vẫn không đủ sức thuyết phục. Tuy thế, cuộc trải nghiệm thứ nhất đã phải trả giá bằng ba triệu người và một cuộc xâm lược, cuộc trải nghiệm thứ hai trả giá bằng việc mất đất đai và sự cần thiết phải có những đạo quân thường trực. Cách đây không lâu, suýt nữa người ta thử làm cuộc trải nghiệm thứ ba, và một ngày nào đó nó chắc nó sẽ xảy ra. Để làm cho cả một dân tộc chấp nhận rằng quân đội đông đảo của Đức không phải là một thứ vệ binh quốc gia hiền lành vô hại,

như người ta đã rao giảng trước năm 1870*[1], thì đã cần đến một cuộc chiến tranh khủng khiếp làm chúng ta phải trả giá quá đắt. Để nhận thức rằng chủ nghĩa bảo hộ thuế quan sẽ làm sạt nghiệp những dân tộc đã chấp nhận nó, thì phải cần ít nhất hai mươi năm kinh nghiệm thảm khốc. Ta có thể nhân lên vô tận những ví dụ.

4 - Lí trí

Khi kể ra những nhân tố có khả năng gây ấn tượng lên tâm hồn đám đông, ta có thể miễn

---

*[1] Trong trường hợp này, ý kiến của đám đông được hình thành bằng sự kết hợp thô thiển những sự việc không giống nhau mà tôi đã trình bày cơ chế ở phần trước. Đội vệ binh quốc gia của ta khi đó gồm các chủ cửa hàng nhỏ tính khí ôn hoà, vô kỉ luật, và không thể được coi là nghiêm túc, tất cả những gì có tên tương tự đều gợi lên những hình ảnh giống nhau, và do đó đều được coi như không nguy hại như nhau. Lúc đó, sai lầm của đám đông cũng được các nhà lãnh đạo chia sẻ, điều này thường hay xảy ra đối với ý kiến chung. Trong một bài diễn văn công bố ngày 31 tháng Mười Hai năm 1867 trước nghị viện, và đã được ông E. Ollivier trích dẫn trong một cuốn sách mới đây, một chính khách thường theo ý kiến đám đông mà không bao giờ vượt lên nó, ông Thiers, nhắc lại rằng nước Phổ ngoài đạo quân tại ngũ số lượng gần ngang bằng quân tại ngũ của ta, chỉ còn một đội vệ binh quốc gia tương tự như chúng ta có, và do đó nó không quan trọng; điều khẳng định này cũng chính xác như những tiên đoán của chính khách này về tương lai ít triển vọng của xe lửa.

hoàn toàn không nhắc tới lí trí, nếu không cần thiết chỉ ra giá trị tiêu cực về ảnh hưởng của nó.

Chúng tôi đã chỉ ra rằng sự suy luận không thể ảnh hưởng tới đám đông, rằng đám đông chỉ hiểu được những liên kết thô thiển của tư tưởng. Vậy nên những diễn giả biết gây ấn tượng cho đám đông thường kêu gọi tới tình cảm, chứ không bao giờ kêu gọi tới lí trí của đám đông. Những quy luật của phép logic không hề có một tác động nào đối với đám đông*[1]. Để thuyết phục

---

*[1] Những nhận xét đầu tiên của tôi về nghệ thuật gây ấn tượng lên đám đông, và về những phương cách kém cỏi đã đưa ra trên điểm này các quy tắc của phép logic có nguồn gốc từ thời kì Paris bị bao vây. Ngày hôm ấy, tôi thấy một đám đông giận dữ giải một người tới điện Louvre, trụ sở chính phủ, người đó là thống chế V..., đám đông đoán chắc thấy ông ta bóc tấm bản đồ phòng thủ để bán cho quân Phổ. Một thành viên chính phủ, ông G. P..., một diễn giả rất nổi tiếng ra hô hào trước đám đông đang đòi hành quyết ngay lập tức tù nhân. Tôi chờ đợi diễn giả chứng minh sự phi lí của lời buộc tội, khi nói rằng viên thống chế bị buộc tội chính là một trong những người kiến thiết các công sự này, vả lại bản đồ này được bán ở mọi hiệu sách. Lúc đó tôi còn rất trẻ. Tôi rất ngạc nhiên vì bài diễn văn lại hoàn toàn khác... "Công lí sẽ được thực thi - Diễn giả vừa tiến đến trước tù nhân vừa kêu to - Và công lí không thương xót. Hãy để cho Bộ Chỉ huy Quốc phòng kết thúc cuộc điều tra của các bạn. Trong khi chờ đợi, chúng tôi sẽ giam giữ bị cáo". Ngay lập tức đám đông lắng dịu, có vẻ thỏa mãn, họ tản đi, mười lăm phút sau viên thống chế có thể về nhà. Chắc chắn ông ta đã bị băm nát nếu diễn giả kiềm chế đám đông đang

nó, trước tiên phải hiểu rõ những tình cảm đang sục sôi trong nó, giả vờ chia sẻ những tình cảm ấy, rồi thử làm biến thái chúng, bằng cách kích động, nhờ những liên tưởng sơ đẳng, một vài hình ảnh rất gợi cảm; và nếu cần, biết quay trở lại, nhất là từng khoảnh khắc phải đoán ra những tình cảm mà ta đã làm nảy sinh. Sự cần thiết của việc không ngừng thay đổi ngôn ngữ theo hiệu quả tức thời được sinh ra khi nói đã tước bỏ hết tính hiệu quả của những bài diễn văn được nghiền ngẫm và được chuẩn bị từ trước: trong đó diễn giả đi theo dòng tư tưởng của mình chứ không phải theo dòng tư tưởng của thính giả, và chỉ qua điều này thôi, ảnh hưởng của nó cũng trở nên hoàn toàn vô hiệu.

Những đầu óc logic, quen bị thuyết phục bởi chuỗi những suy luận khá chặt chẽ, không thể tự ngăn cản mình dùng phương cách thuyết phục này khi họ nói với đám đông, và sự thiếu thuyết phục trong lập luận của họ luôn làm họ ngạc nhiên. Một nhà logic học nói: "Những hệ luận toán học thông dụng - được xây dựng trên tam đoạn luận, nghĩa là trên sự liên kết của những tính đồng nhất - là tất yếu... Sự tất yếu thôi thúc sự tán đồng của ngay cả một khối người không

---

giận dữ bằng những suy luận logic mà do còn quá trẻ, tôi tưởng rằng chúng là rất thuyết phục.

hữu cơ, nếu khối này có khả năng đi theo những liên kết của những đồng nhất". Chắc hẳn là vậy; nhưng đám đông lại ít có khả năng hơn một khối người không hữu cơ để có thể đi theo những liên kết như thế, thậm chí không hiểu cả những liên kết ấy. Chẳng hạn, nếu ta thử thuyết phục người nguyên thuỷ, người dã man, hay trẻ em bằng suy luận, ta sẽ hiểu phương cách lập luận này có giá trị ít ỏi như thế nào.

Thậm chí chẳng cần xuống đến tận người nguyên thuỷ để thấy sự bất lực hoàn toàn của những suy luận khi họ phải đấu tranh chống lại tình cảm. Chúng ta chỉ đơn giản nhớ lại những mê tín tôn giáo trái ngược với phép logic giản đơn nhất đã dai dẳng biết bao trong nhiều thế kỉ dài. Trong suốt gần hai nghìn năm, những thiên tài sáng suốt nhất cũng phải cúi mình trước luật lệ của chúng, và chỉ đến thời hiện đại thì tính xác thực của chúng mới có thể được đưa ra tranh cãi. Thời Trung cổ và thời Phục hưng có rất nhiều con người sáng suốt; nhưng cũng chẳng có một người nào trong số họ nhờ sự suy luận, chỉ ra những khía cạnh ngây thơ của mê tín, và làm nảy sinh chút mảy may nghi ngờ về tác hại của quỷ hoặc về sự cần thiết phải thiêu sống những phù thuỷ.

Liệu có cần phải tiếc rằng chưa bao giờ lí trí hướng dẫn đám đông không? Chúng tôi không

dám nói điều ấy. Chắc chắn lí trí con người đã không thành công trong việc lôi kéo nhân loại vào con đường văn minh với nhiệt tình và lòng gan dạ mà những ảo tưởng đã nâng con người lên. Con đẻ của vô thức đã dẫn chúng ta đi, tất nhiên, những ảo tưởng ấy là cần thiết. Mỗi chủng tộc đều mang trong cấu tạo tinh thần những quy luật về số phận của mình, và có thể thuộc về những quy luật mà chủng tộc đã tuân theo thông qua một bản năng tất yếu, ngay trong những xung động bề ngoài thiếu suy xét nhất. Đôi khi hình như các dân tộc đều phải thuần phục những lực lượng bí mật tương tự như sức mạnh buộc quả sồi phải biến thành cây sồi, hoặc sao chổi phải đi theo quỹ đạo của nó.

Cái ít ỏi mà ta có thể dự cảm về những lực lượng này phải được tìm kiếm trong tiến trình chung của sự tiến hóa của một dân tộc chứ không phải trong những sự kiện tách biệt, mà từ đó đôi khi có vẻ như sự tiến hóa này nảy sinh. Nếu chúng ta chỉ xem xét những sự kiện riêng lẻ này thì lịch sử dường như được chỉ đạo bởi những may rủi khó tin. Thật khó tin rằng một người thợ mộc dốt nát của xứ Galilée[1] lại có thể trở thành một Đức Chúa toàn năng trong hai ngàn năm, nhân danh người, những nền văn minh quan trọng nhất được

[1] Galilée: một tỉnh của nước Palestine.

xây dựng; cũng thật khó tin rằng một vài nhóm người Ả Rập đi ra từ sa mạc lại có thể chinh phục cái phần lớn nhất của thế giới cổ đại Hy-La, và xây dựng một đế chế lớn hơn cả đế chế của Alexandre; và còn khó tin hơn nữa, trong một châu Âu rất già cỗi và rất có tôn ti trật tự, một trung uý pháo binh lại có thể thành công trong việc cai trị đám đông những dân tộc và vua chúa.

Vậy hãy để dành lí trí cho các nhà triết học, nhưng cũng không nên đòi hỏi lí trí phải can thiệp sâu vào việc quản lí con người. Không phải với lí trí và thường thì bất chấp nó, những tình cảm như danh dự, sự quên mình, niềm tin tôn giáo, tình yêu dành cho vinh quang và tổ quốc vẫn được tạo ra và cho đến nay vẫn là những động lực lớn của mọi nền văn minh.

Chương III

NGƯỜI CẦM ĐẦU ĐÁM ĐÔNG VÀ CÁCH THUYẾT PHỤC CỦA HỌ

1 - Người cầm đầu đám đông. - *Nhu cầu bản năng của mọi người trong đám đông là tuân theo một người cầm đầu. - Tâm lí những người cầm đầu. - Chỉ có họ mới có thể tạo ra lòng tin và tổ chức đám đông. - Sự chuyên chế cưỡng bức của những người cầm đầu. - Phân loại những người cầm đầu. - Vai trò của ý chí.*

2 - Phương tiện hành động của người cầm đầu. - *Sự khẳng định, sự lặp đi lặp lại, sự lây nhiễm. - Vai trò tương ứng của những nhân tố khác nhau này. - Làm sao mà sự lây nhiễm có thể đi ngược từ tầng lớp thấp lên tầng lớp cao của một xã hội. - Một ý kiến bình dân nhanh chóng trở thành ý kiến chung.*

3 - Uy tín. - *Định nghĩa và phân loại uy tín. - Uy thế và uy lực. - Những ví dụ khác nhau. - Uy tín bị mất đi như thế nào.*

Bây giờ ta đã biết cấu tạo tinh thần của những đám đông, và ta cũng biết những động lực nào có thể gây ấn tượng lên tâm hồn họ. Chúng ta chỉ còn phải nghiên cứu xem những động lực này

cần được áp dụng thế nào, và ai có thể sử dụng chúng một cách có ích.

1 - Người cầm đầu đám đông

Ngay khi một số đông những sinh vật tập hợp lại, dù đó là một đàn súc vật hay một đám đông những con người, thì theo bản năng chúng tự đặt mình dưới quyền uy của một thủ lĩnh.

Trong những đám đông con người, vị thủ lĩnh thực sự thường chỉ là một người cầm đầu nhưng với tư cách ấy, người này đóng một vai trò quan trọng. Ý chí của người cầm đầu là hạt nhân, xung quang nó, những ý kiến được hình thành và đồng nhất. Người cầm đầu là yếu tố đầu tiên của tổ chức đám đông không thuần nhất và chuẩn bị tổ chức nó thành những nhóm phái. Trong khi chờ đợi, người ấy điều khiển đám đông. Đám đông là một bầy đàn nô lệ không bao giờ có thể thiếu chủ.

Người dẫn dắt thoạt đầu thường là người bị dẫn dắt. Bản thân anh ta đã bị thôi miên bởi cái ý niệm mà sau đó anh ta trở thành người truyền bá. Ý niệm ấy xâm chiếm anh ta đến độ ngoài nó ra, tất cả đều biến mất, và mọi ý kiến ngược lại nó đều bị coi là sai lầm và mê tín. Chẳng hạn Robespierre bị thôi miên bởi những tư tưởng

triết học của Rousseau[1], và sử dụng những phương pháp của Tòa án dị giáo để truyền bá chúng.

Thông thường những người cầm đầu đều không phải là các nhà tư tưởng, mà là những người hành động. Họ đều kém sáng suốt, và sẽ không thể sáng suốt, sự sáng suốt thường dẫn tới nghi ngờ và không hành động. Họ được tuyển chọn chủ yếu trong đám những người mắc chứng thần kinh, những người dễ bị kích động,... luôn đi men trên bờ vực của sự điên rồ. Dù cho tư tưởng mà họ bảo vệ hay mục đích họ theo đuổi có thể phi lí đến thế nào, thì mọi lí luận đều bất lực trước lòng xác tín mạnh mẽ của họ. Sự khinh bỉ và những truy bức đều không làm cho họ động lòng, hoặc chỉ làm kích thích họ hơn mà thôi. Quyền lợi cá nhân, gia đình, tất cả đều bị coi khinh. Bản năng bảo tồn bản thân trong họ cũng bị triệt tiêu, đến nỗi phần thưởng duy nhất hấp dẫn họ là trở thành kẻ tử vì đạo. Cường độ niềm tin đem lại cho lời nói của họ một sức mạnh gợi ý to lớn. Quần chúng luôn sẵn sàng lắng nghe con người được thiên phú cho ý chí mạnh mẽ biết làm cho nó kính nể. Những con người tập hợp

---

[1] Jean Jacques Rousseau (1712 - 1778): nhà văn Pháp, tác giả của *Julie hay nàng Héloïse mới, Khế ước xã hội, Émile hay về giáo dục...*

thành đám đông đánh mất toàn bộ ý chí, và theo bản năng, sẽ hướng theo người nào có một ý chí.

Các dân tộc không bao giờ thiếu người lãnh đạo: nhưng không phải người lãnh đạo nào cũng được khích lệ bằng niềm tin mãnh liệt, từng tạo nên những vị thánh tông đồ. Thường đó là những diễn giả tinh tế chỉ theo đuổi lợi ích cá nhân và tìm cách thuyết phục bằng cách mơn trớn những bản năng thấp hèn. Vậy nên ảnh hưởng mà họ tác động có thể rất lớn, nhưng nó vẫn thường rất ngắn ngủi. Những người có niềm tin lớn đã khuấy động tâm hồn đám đông, những Pierre Ẩn sĩ[1], những Luther[2], những Savonarole[3], và những người của Cách mạng Pháp, chỉ tác động bằng sự thôi miên, sau khi bản thân họ trước hết cũng đã bị thôi miên bởi một niềm tin. Lúc đó họ mới có thể tạo ra trong những tâm hồn

---

[1] Pierre Ẩn sĩ (1050 - 1115): thầy tu người Pháp, khuyến khích cuộc Thập tự chinh lần thứ nhất và là một trong những người đứng đầu cuộc Thập tự chinh của nhân dân, bị chặn lại bởi người Thổ ở Tiểu Á. Sau khi tham dự vào cuộc xâm chiếm Jérusalem, ông thành lập tu viện Neufmoustier thuộc Bỉ.

[2] Martin Luther (1483 - 1546): nhà cải cách tôn giáo lớn người Đức đồng thời là một nhà văn sáng tác bằng tiếng Đức (đặc biệt trong việc dịch Kinh Thánh). Các tác phẩm chính : *Đại giáo lí, Tiểu giáo lí...*

[3] Jérôme Savonarole (tiếng Italia: Girolamo Savonarola, 1452 - 1498): nhà thuyết giáo người Italia, trưởng tu viện San Marco ở Frorence.

sức mạnh khủng khiếp được gọi là niềm tin, điều làm cho con người trở thành nô lệ tuyệt đối cho giấc mơ của mình.

Tạo ra niềm tin, dù đó là niềm tin tôn giáo, niềm tin chính trị hay xã hội, niềm tin vào một tác phẩm, vào một nhân vật, vào một ý niệm, đó là vai trò chủ yếu của những lãnh tụ vĩ đại và chính vì thế ảnh hưởng của họ bao giờ cũng rất đáng kể. Trong tất cả các sức mạnh mà nhân loại sẵn có, niềm tin bao giờ cũng là sức mạnh to lớn nhất, và thật có lí khi Kinh Phúc âm gán cho nó cái quyền năng dời núi. Đem lại cho con người một niềm tin, tức là tăng gấp bội sức mạnh của họ. Những biến cố lịch sử lớn đều được thực hiện bởi các tín đồ âm thầm, với họ hầu như chỉ có niềm tin. Những tôn giáo lớn thống trị thế giới được xây dựng không phải nhờ vào các học giả và triết gia, cũng không phải nhờ vào những kẻ hoài nghi, càng không phải nhờ vào những đế chế rộng lớn trải dài từ bán cầu này tới bán cầu nọ.

Nhưng trong những ví dụ ấy, vai trò chủ yếu là những lãnh tụ vĩ đại, và họ khá hiếm hoi nên lịch sử có thể dễ dàng đưa ra con số. Họ họp thành đỉnh cao của một dãy liên tục đi xuống, từ những kẻ chỉ huy con người đầy quyền năng ấy

cho đến người thợ mà, trong một quán trọ ám khói, anh ta từ từ thu hút bè bạn của mình bằng cách nhai lại không ngừng một số công thức mà anh ta chẳng hiểu mấy, nhưng theo anh ta, sự áp dụng chúng chắc hẳn dẫn tới việc thực hiện mọi giấc mơ và mọi niềm kì vọng.

Trong mọi lĩnh vực xã hội, từ cao nhất tới thấp nhất, ngay khi con người không còn tách lẻ nữa, anh ta nhanh chóng rơi vào quyền lực của một người đứng đầu. Phần lớn con người, nhất là trong đám bình dân, đều không có, ngoài chuyên môn của họ, những ý niệm rõ ràng và có suy tính đối với bất cứ chuyện gì. Họ không có khả năng tự dẫn dắt. Người đứng đầu là người dẫn đường chỉ lối cho họ. Người đứng đầu, xét cho cùng, có thể bị thay thế, tuy không hiệu quả lắm bởi những xuất bản phẩm định kì trình bày ý kiến với người đọc và cung cấp cho họ những câu chữ hoàn toàn làm sẵn để khỏi phải bận tâm lí luận.

Quyền uy của những người cầm đầu là rất chuyên chế, và thậm chí chính sự chuyên chế này là điều kiện để áp đặt quyền uy lên những người khác. Người ta thường nhận thấy biết bao nhiêu nhà lãnh đạo dễ dàng được cả những tầng lớp công nhân ngỗ nghịch nhất vâng lời, dù rằng quyền uy của họ chẳng dựa trên phương tiện gì cả. Họ định giờ lao động, tỷ lệ lương, họ quyết

định những cuộc đình công, cho bắt đầu và kết thúc chúng ở thời điểm do họ định đoạt.

Ngày nay, những người cầm đầu càng có khuynh hướng thay thế quyền lực công, thì quyền lực công càng bị chất vấn và suy yếu đi. Sự bạo ngược của những ông chủ mới này làm đám đông ngoan ngoãn vâng lời họ hơn cả khi họ đã từng vâng lời chính quyền. Nếu, do một tai biến nào đó, người lãnh đạo biến mất, và không được thay thế ngay tức thời, đám đông lại trở thành một tập thể không cố kết, không sức kháng cự. Trong một cuộc đình công của nhân viên xe bus ở Paris, chỉ cần bắt hai người đứng đầu lãnh đạo cuộc đình công ấy là đã đủ làm cho nó kết thúc ngay tức khắc. Đó không phải nhu cầu tự do, mà là nhu cầu nô lệ luôn ngự trị trong tâm hồn đám đông. Đám đông có một niềm khao khát vâng lời mà do bản năng, chịu phục tùng kẻ nào biết tự xưng mình là ông chủ của họ.

Người ta có thể thiết lập một sự phân chia khá rõ nét trong tầng lớp những người lãnh đạo. Loại thứ nhất là những người cương nghị, ý chí mạnh mẽ, nhưng nhất thời; loại thứ hai hiếm hơn nhiều so với loại trước, là những người có một ý chí vừa mạnh mẽ, vừa lâu bền. Loại thứ nhất thì dữ tợn, can đảm, táo bạo. Họ có ích nhất khi chỉ đạo một trận đánh úp, lôi kéo quần

chúng bất chấp hiểm nguy, biến những tân binh mới nhập ngũ hôm trước thành các anh hùng. Ví dụ như Ney[1] và Murat[2] dưới thời Đế chế thứ nhất. Ngày nay như Garibaldi[3], một kẻ phiêu lưu bất tài, nhưng cương nghị, chỉ với một dúm người mà vẫn thành công trong việc chiếm xứ Naples cổ, tuy nó được một đạo quân có kỉ luật bảo vệ.

Nhưng nếu nghị lực của những người lãnh đạo này mạnh mẽ, thì nó lại có tính nhất thời, ít khi sống mãi với nguồn kích thích đã sinh ra nó. Trở về với cuộc sống đời thường, những người anh hùng từng sống sôi nổi nghị lực như thế lại tỏ ra yếu đuối đến kinh ngạc như những người tôi vừa kể ra đây. Họ dường như không thể suy nghĩ và cư xử trong những hoàn cảnh đơn giản nhất, trong khi họ đã từng biết dẫn dắt những người khác rất tốt. Đó là những nhà lãnh đạo chỉ có thể thực hiện chức năng của mình với điều kiện bản thân ông ta cũng bị dẫn dắt và được kích thích không ngừng, bên trên những người này luôn phải có một con

---

[1] Michel Ney (1769 - 1815): thống chế dưới thời Đế chế, binh nghiệp rực rỡ, bị Louis XVIII xử bắn.

[2] Joachim Murat (1767 - 1815): thống chế thời Đế chế, em rể Napoléon, vua xứ Naples từ 1808 đến 1815.

[3] Giuseppe Garibaldi (1807 - 1882): nhà ái quốc người Italia, lãnh tụ của phong trào đòi thống nhất và độc lập cho đất nước.

người hay một ý niệm, theo một đường lối ứng xử đã được vạch ra rõ ràng.

Loại lãnh đạo thứ hai là những người có ý chí lâu bền; mặc dù hình thức kém nổi trội, họ lại có ảnh hưởng to lớn hơn nhiều. Ở họ, ta thấy những nhà sáng lập đích thực ra các tôn giáo hay những sự nghiệp lớn, như Thánh Paul[1], Mahomet, Christophe Colomb[2], Lesseps[3]. Dù họ thông minh hay thiển cận, điều đó cũng không quan trọng, thế giới sẽ luôn thuộc về họ. Ý chí bền bỉ mà họ có là một khả năng vô cùng hiếm hoi và vô cùng mạnh mẽ làm tất cả phải phục tùng. Người ta thường không nhận thức một cách đầy đủ về những điều mà một ý chí mạnh mẽ và kiên trì có thể làm được: chẳng có gì cưỡng lại nổi nó, cả tự nhiên, cả thần thánh, cả con người đều không cưỡng nổi.

Ví dụ gần đây nhất về những điều mà một ý chí mạnh mẽ và kiên trì có thể làm được, đó là về con người nổi tiếng [F. Lesseps] đã chia đôi thế

---

[1] Thánh Paul: người tổ chức học thuyết Kitô giáo, người có công biến Kitô giáo thành tôn giáo thế giới, tác giả của nhiều bức thư trong Tân ước.

[2] Christophe Colomb (1451 - 1506): nhà hàng hải người Gênes (Italia), lập nghiệp ở Tây Ban Nha, phát hiện ra châu Mĩ vào ngày 12 tháng Chín năm 1492.

[3] Ferdinand de Lesseps (1805 - 1894): kĩ sư người Pháp, đảm nhận việc xây dựng kênh đào Suez và Panama.

giới [Đông-Tây bằng kênh đào Suez] và thực hiện cái công việc mà từ ba ngàn năm nay các vị quân vương vĩ đại nhất đã toan tính một cách vô ích. Sau này ông ta thất bại trong một công trình tương tự[1]; nhưng tuổi già đã đến, và trước nó tất cả đều tắt ngấm, cả ý chí cũng vậy.

Khi người ta muốn chỉ ra điều mà ý chí mới có thể làm được, chỉ cần giới thiệu chi tiết câu chuyện về những khó khăn phải vượt qua để đào kênh Suez. Một nhân chứng chứng kiến tận mắt, bác sĩ Cazalis, đã tóm tắt khái quát bằng vài dòng đầy xúc động, về công trình vĩ đại này được tác giả bất tử của nó kể lại. "Và ông ấy đã kể, từ ngày này qua ngày khác, qua từng giai đoạn, bản anh hùng ca về kênh đào. Ông kể mọi điều mà ông đã phải chiến thắng, mọi cái không thể mà ông đã biến thành có thể, mọi sự kháng cự, những liên minh chống lại ông, và cả những nỗi thất vọng, những mặt trái, những thất bại, nhưng tất cả những điều đó đã không bao giờ có thể làm ông nản lòng, cũng không thể làm ông ngã gục. Ông gợi nhớ lại chuyện nước Anh đã chống lại ông, tấn công ông liên tục, Ai Cập và Pháp thì do dự, còn lãnh sự Pháp phản đối hơn tất cả các lãnh sự khác khi công trình mới khởi công và chống đối

[1] F. de Lesseps đã thất bại trong cố gắng xây dựng kênh đào Panama, nối liền Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

ông bằng cách buộc công nhân phải bỏ việc vì khát, vì không chịu cung cấp nước ngọt cho họ; và cả bộ thuỷ quân cùng các kĩ sư, tất cả những con người đứng đắn, có kinh nghiệm và cả các nhà khoa học, tất cả đều tự nhiên chống đối, và tất cả đều tin chắc một cách khoa học vào thảm họa, người ta tính toán điều đó, tiên đoán nó, cứ như đến ngày nào đó hay giờ nào đó, sẽ xảy ra nhật thực hay nguyệt thực vậy''.

Cuốn sách kể lại cuộc đời những nhà lãnh tụ vĩ đại này không bao chứa nhiều tên tuổi lắm đâu. Nhưng các tên tuổi ấy đều đứng đầu những biến cố quan trọng nhất của văn minh và lịch sử.

2 - Phương tiện hành động của người cầm đầu: khẳng định, nhắc đi nhắc lại, lây nhiễm

Khi phải lôi kéo đám đông trong một thời khắc, và xui khiến đám đông tiến hành một hành vi nào đó, chẳng hạn cướp phá một tòa lâu đài, hi sinh thân mình để bảo vệ một vị trí quan trọng hay một chiến luỹ, cần phải tác động lên đám đông bằng những gợi ý nhanh, mà sự gợi ý mạnh nhất vẫn là nêu gương, nhưng khi đó cần thiết là đám đông phải được chuẩn bị bởi một số hoàn cảnh nhất định, và đặc biệt người nào muốn lôi kéo nó phải có phẩm chất mà tôi sẽ nghiên cứu sau, dưới cái tên uy tín.

Nhưng khi vấn đề là làm cho những tư tưởng và niềm tin thâm nhập vào tâm trí đám đông - ví dụ những lí thuyết xã hội hiện đại - thì phương pháp của những người đứng đầu rất khác nhau. Chủ yếu họ dùng ba phương pháp rất rõ ràng: khẳng định, nhắc đi nhắc lại, lây nhiễm. Tác dụng của những phương pháp ấy khá chậm, nhưng hiệu quả của nó một khi đã được tạo ra thì rất lâu bền.

Sự khẳng định thuần tuý và đơn giản, thoát khỏi mọi lí luận và mọi chứng cứ, là một trong những phương tiện chắc chắn nhất để làm cho một tư tưởng thâm nhập vào tâm trí đám đông. Sự khẳng định càng súc tích, càng thiếu vẻ bề ngoài của những chứng cứ và chứng minh, thì nó càng nhiều uy lực. Các sách tôn giáo và các bộ luật của mọi thời đại thường được viết bằng sự khẳng định đơn giản. Những chính khách phải bảo vệ một mục đích chính trị nào đó, những nhà công nghiệp quảng bá sản phẩm của mình bằng quảng cáo, đều biết giá trị của sự khẳng định.

Tuy nhiên, sự khẳng định chỉ có ảnh hưởng thực sự với điều kiện phải thường xuyên được nhắc đi nhắc lại, và càng nhiều càng tốt, trong cùng những cách nói như nhau. Tôi nghĩ chính Napoléon đã nói rằng chỉ có duy nhất một hình thái tu từ nghiêm túc, đó là sự nhắc đi nhắc lại.

Sự việc được khẳng định bằng cách nhắc đi nhắc lại, sẽ đạt tới xác lập trong tâm trí con người đến nỗi cuối cùng anh ta chấp nhận nó như một chân lí đã được chứng minh.

Người ta hiểu rõ ảnh hưởng của sự nhắc đi nhắc lại đối với đám đông, khi nhìn thấy nó có sức mạnh đến thế nào đối với những đầu óc sáng suốt nhất. Sức mạnh sinh ra từ việc nhắc đi nhắc lại ấy cuối cùng đã bám chắc vào những miền sâu thẳm của vô thức nơi xây dựng những động cơ cho hành động của chúng ta. Sau một thời gian nào đó, chúng ta không còn biết ai là tác giả của sự khẳng định được nhắc đi nhắc lại ấy nữa, và cuối cùng chúng ta tin vào nó. Sức mạnh kì lạ của quảng cáo là từ đó. Khi chúng ta đọc một trăm lần, một nghìn lần rằng sô cô la tốt nhất là sô cô la X, chúng ta tưởng tượng là đã nghe nói đến nó tốt ở nhiều khía cạnh, và cuối cùng ta tin chắc điều đó. Khi chúng ta đã đọc nghìn lần rằng bột Y đã chữa cho nhiều nhân vật quan trọng khỏi những căn bệnh dai dẳng nhất, cuối cùng chúng ta có ý định dùng thử nó khi chúng ta bị nhiễm căn bệnh ấy. Nếu chúng ta luôn đọc thấy trên một tờ báo rằng ông A là một kẻ hoàn toàn vô lại và ông B là một người rất lương thiện, thì cuối cùng chúng ta tin điều đó; dĩ nhiên, trừ phi là chúng ta thường xuyên đọc

một tờ báo khác có ý kiến trái ngược, hoặc hai từ chỉ phẩm chất bị đảo ngược. Chỉ có sự khẳng định và sự nhắc đi nhắc lại là cân tài cân sức để có thể đấu tranh với nhau.

Khi một sự khẳng định được nhắc đi nhắc lại một cách đầy đủ, và khi có sự nhất trí trong việc nhắc đi nhắc lại, - như điều này đã xảy ra đối với một số hãng kinh doanh tài chính nổi tiếng, đủ giàu có để mua mọi quỹ trợ giúp - thì cái mà ta gọi là luồng ý kiến sẽ được hình thành và bấy giờ cơ chế mạnh mẽ của sự lây nhiễm can thiệp vào. Trong đám đông, tư tưởng, tình cảm, xúc cảm, niềm tin có một khả năng lây nhiễm mãnh liệt như khả năng của vi trùng. Hiện tượng này rất tự nhiên vì ta quan sát thấy nó ở bản thân loài vật ngay khi chúng họp thành đám đông. Một con ngựa ợ hơi trong chuồng, những con ngựa khác cùng chuồng nhanh chóng bắt chước ngay. Một sự hốt hoảng hay một cử động hỗn loạn của vài con cừu sẽ nhanh chóng lan ra cả đàn. Ở con người trong đám đông, mọi xúc cảm đều lây nhiễm rất nhanh, và chính điều này đã giải thích tính đột ngột của những hoảng loạn. Các rối loạn não bộ, như điên loạn, bản thân chúng cũng có tính lây nhiễm. Người ta biết đến nhiều thầy thuốc tâm thần cũng hay mắc bệnh tâm thần. Thậm chí mới đây người ta đã nhắc tới những

hình thức bệnh điên, ví dụ chứng sợ khoảng rộng hay sợ chỗ đông người, được truyền từ người sang loài vật.

Sự lây nhiễm không đòi hỏi nhiều cá nhân đồng thời hiện diện tại một điểm duy nhất, nó có thể xảy ra từ xa, dưới ảnh hưởng của một số biến cố định hướng mọi tâm trí vào cùng một hướng, và đem lại cho họ những tính cách đặc biệt của đám đông, nhất là khi những tâm trí được chuẩn bị trước do các nhân tố xa mà tôi đã nghiên cứu ở phần trên. Chẳng hạn, chính vì vậy mà sự bùng nổ cách mạng 1848 xuất phát từ Paris, bỗng đột ngột lan rộng ra phần lớn châu Âu và làm chao đảo nhiều chế độ quân chủ.

Sự bắt chước, mà người ta đã gán cho nó quá nhiều ảnh hưởng tới các hiện tượng xã hội, trên thực tế, chỉ là một hiệu quả đơn giản của sự lây nhiễm. Vì đã chỉ ra ở chỗ khác ảnh hưởng của nó, tôi chỉ giới hạn viết lại điều mà tôi đã nói cách đây hơn hai mươi năm, và từ đó đến nay vẫn được nhiều nhà văn khác phát triển trong những xuất bản phẩm mới đây:

"Giống như loài vật, con người đương nhiên có bản tính bắt chước. Đối với anh ta, bắt chước là một nhu cầu, dĩ nhiên với điều kiện sự bắt chước ấy hoàn toàn dễ dàng. Chính nhu cầu này đã làm cho cái ta gọi là mốt thời trang có ảnh

hưởng mạnh đến thế. Dù là những ý kiến, những tư tưởng, những biểu hiện văn học, hay đơn giản là áo quần, có bao nhiêu điều đã dám thoát khỏi ảnh hưởng của nó? Người ta lãnh đạo đám đông không phải bằng những lập luận, mà bằng những kiểu mẫu. Ở mỗi thời đại đều có một số ít nhân vật có cá tính in dấu hành động của họ, và đám đông vô thức bắt chước họ. Tuy nhiên, các cá nhân này không nên quá xa lánh những tư tưởng đã được tiếp nhận. Lúc đó, bắt chước họ sẽ là quá khó và ảnh hưởng của họ sẽ không còn là gì nữa. Chắc chắn chính vì lí do này mà những người quá cao siêu so với thời đại của mình nói chung không có ảnh hưởng nào đối với đám đông. Khoảng cách quá lớn. Cũng chính vì lí do ấy mà những người châu Âu với tất cả lợi thế văn minh của mình, lại chỉ có một ảnh hưởng không đáng kể đối với những dân tộc Đông phương, họ quá khác biệt những dân tộc này.

Tác động kép của quá khứ và của sự bắt chước lẫn nhau rốt cuộc đã làm cho mọi người trong cùng một đất nước và cùng một thời đại đều giống nhau; ngay cả những người có vẻ phải trốn ra khỏi tác động kép ấy nhất như nhà triết học, nhà bác học và nhà văn, thì tư tưởng và phong cách cũng có hơi hướng thân thuộc, làm ta nhận ra ngay họ thuộc về thời đại nào. Chẳng cần phải nói chuyện lâu với một cá nhân cũng biết rõ họ

đọc gì, việc làm của họ và môi trường mà họ đang sống"*[1].

Sự lây nhiễm mạnh đến mức nó áp đặt cho cá nhân chẳng những một số ý kiến mà còn cả một số cung cách cảm nhận. Chính sự lây nhiễm làm cho ở một thời đại nào đấy người ta đã coi khinh một tác phẩm nào đấy, ví dụ tác phẩm *Tannhäuser*[2], rồi vài năm sau, chính những người đã chê bai nó nhiều nhất lại khâm phục nó.

Chính bằng cơ chế lây nhiễm, chứ không bao giờ bằng cơ chế suy luận, mà những ý kiến và niềm tin của đám đông được truyền bá. Chính trong những quán rượu, và bằng cách khẳng định, nhắc đi nhắc lại và lây nhiễm, mà những quan niệm hiện thời của người công nhân được thiết lập; và những niềm tin của đám đông ở mọi thời đại cũng được tạo ra chẳng khác gì lắm. Renan[3] đã so sánh rất đúng những nhà sáng lập đầu tiên ra Ki Tô giáo "với những người công nhân xã hội chủ nghĩa truyền bá tư tưởng của họ

---

*[1] Gustave Le Bon, *Con người và xã hội* (L'Homme et les sociétés), tập II, 1881, tr. 116.

[2] Tannhäuser: tên vở opéra ba hồi bốn cảnh, thơ và âm nhạc của R. Wagner, lấy cảm hứng từ cuộc đời của thi sĩ người Đức thế kỉ XIII, tác giả của nhiều bài thơ trữ tình kiểu mới.

[3] Ernest Renan (1823 - 1892): nhà văn Pháp, tác giả của cuốn *Tương lai của khoa học* và *Nguồn gốc Kitô giáo.*

từ quán rượu này sang quán rượu khác"; và Voltaire đã nhận xét về Ki Tô giáo rằng "chỉ có đám vô lại xấu xa nhất đi theo tôn giáo này trong vòng hơn một trăm năm".

Trong những ví dụ giống những ví dụ tôi vừa mới kể, người ta nhận thấy rằng sự lây nhiễm sau khi tác động vào tầng lớp bình dân, rồi sẽ chuyển sang các tầng lớp trên trong xã hội. Đó là điều mà ngày nay ta nhìn thấy ở các học thuyết xã hội chủ nghĩa, khi chúng bắt đầu tranh thủ được cả những người vốn dự kiến là nạn nhân đầu tiên của chúng. Cơ chế lây nhiễm mạnh mẽ đến nỗi trước tác động của nó, bản thân quyền lợi cá nhân cũng biến mất.

Và chính vì vậy, bất cứ ý kiến nào đã trở nên đại chúng cuối cùng luôn phải được áp đặt vào những tầng lớp xã hội cao nhất, với một sức mạnh to lớn, cho dù ý kiến đắc thắng ấy có tỏ ra phi lí đến mấy. Ở đây, phản ứng của những tầng lớp dưới trong xã hội đối với tầng lớp trên càng lạ lùng hơn, vì những niềm tin của đám đông bao giờ cũng sinh ra dù ít dù nhiều từ một vài tư tưởng cao siêu vốn chẳng có ảnh hưởng trong môi trường mà nó được nảy sinh. Những người lãnh tụ bị tư tưởng cao siêu này chinh phục, liền chiếm lấy nó, bóp méo nó đi và tạo ra một phe phái, phe phái lại bóp méo nó lần nữa, rồi truyền

bá nó vào giữa đám đông, đám đông lại tiếp tục làm nó méo mó hơn nữa.

Khi đã trở thành chân lí đại chúng, bằng cách nào đó tư tưởng cao siêu ấy quay ngược về nguồn và bấy giờ tác động lên tầng lớp trên của một dân tộc. Rốt cuộc, chính trí tuệ đã dẫn dắt thế giới, nhưng thực ra nó dẫn dắt thế giới từ rất xa. Các triết gia sáng tạo ra những tư tưởng đều đã trở về với cát bụi từ rất lâu rồi, trong khi tư tưởng của họ, nhờ hiệu quả của cơ chế mà tôi vừa mô tả, cuối cùng đã chiến thắng.

3 - Uy tín

Điều góp phần chủ yếu đem lại cho những tư tưởng được truyền bá nhờ khẳng định, lặp đi lặp lại, lây nhiễm, một sức mạnh rất to lớn, chính là khi rốt cuộc chúng đạt được một quyền năng bí ẩn có tên là uy tín.

Tất cả những gì thống trị thế giới, tư tưởng hay con người, đều chủ yếu bị áp đặt bởi một sức mạnh không gì cưỡng lại nổi, được biểu thị bằng từ *uy tín*. Đó là một từ mà chúng ta đều nắm được trọn vẹn ý nghĩa, nhưng chúng ta đã áp dụng nó theo nhiều cách rất khác nhau nên thật không dễ dàng định nghĩa nó. Uy tín có thể bao hàm một số tình cảm như khâm phục hoặc sợ hãi. Uy tín có khi cần những tình cảm này

làm cơ sở, nhưng nó vẫn hoàn toàn có thể tồn tại mà không có những tình cảm ấy. Đó là những người đã chết, và do đó là những người ta không sợ, ví dụ như Alexandre Đại đế, César, Mohamet, Đức Phật - những người có uy tín nhất. Mặt khác, có nhiều người hay nhiều điều tưởng tượng mà ta không khâm phục, ví dụ như những vị thần quái gở trong các đền thờ ngầm dưới đất ở Ấn Độ, tuy với ta, chúng có vẻ được trát phủ bằng một uy tín lớn.

Thực ra, uy tín là một thứ thống trị mà một cá nhân, một sự nghiệp hay một tư tưởng tác động lên tâm trí chúng ta. Sự thống trị này làm tê liệt mọi khả năng phê phán và rót đầy tâm hồn ta sự ngạc nhiên và lòng kính trọng. Cũng như mọi loại tình cảm, tình cảm được khơi gợi ấy không thể giải thích nổi, nhưng nó phải cùng trật tự với sự mê hoặc bởi một chủ thể bị thôi miên. Uy tín là nguồn lực mạnh nhất của mọi sự thống trị. Những thần linh, vua chúa và phụ nữ không bao giờ thống trị mà lại thiếu nó.

Ta có thể đưa các loại uy tín khác nhau vào hai hình thức chính: uy thế và uy lực. Uy thế là loại uy tín nhờ tên tuổi, của cải, sự nổi tiếng mà có. Nó có thể độc lập với uy lực. Trái lại, uy lực là cái gì đó thuộc về cá nhân, có thể cùng tồn tại với sự nổi tiếng, vinh quang, của cải, hay được tăng lên

nhờ chúng, nhưng nó cũng có thể hoàn toàn tồn tại mà không có chúng.

Uy thế, hay uy tín giả tạo, là loại uy tín phổ biến nhất. Chỉ riêng việc một cá nhân chiếm một vị trí nào đó, sở hữu một tài sản nào đó, được phong một chức tước nào đó, người ấy đã có uy tín, dù giá trị cá nhân của anh ta có thể chẳng có gì. Một quân nhân mặc quân phục, một quan tòa mặc áo đỏ bao giờ cũng có uy tín. Pascal[1] đã ghi nhận rất đúng sự cần thiết của áo và tóc giả đối với quan tòa. Không có chúng, họ đã mất đi ba phần tư quyền uy. Một người theo chủ nghĩa xã hội dạn dĩ nhất bao giờ cũng hơi xúc động khi nhìn thấy một ông hoàng hay một hầu tước; và mang một tước vị như thế cũng đủ để tha hồ lừa bịp một nhà buôn*[2].

---

[1] Blaise Pascal (1623 - 1662): nhà toán học, nhà vật lí và là triết gia Pháp, tác giả của nhiều khám phá khoa học, tác giả của cuốn *Trường giáo khu*, và *Tư tưởng*.

*[2] Ảnh hưởng của tước vị, của dải ruy băng, của đồng phục đối với đám đông thường có ở mọi nước, thậm chí ở cả những nước mà ý thức về độc lập cá nhân phát triển nhất. Về chuyện này, tôi chép lại một đoạn văn kì lạ trong cuốn sách mới đây của một du khách về uy tín của một số nhân vật quan trọng ở Anh:

"Trong nhiều cuộc gặp gỡ, tôi đã quan sát thấy một sự say sưa đặc biệt ở những người Anh tỉnh táo nhất khi họ tiếp xúc hay nhìn thấy một nhà quý tộc Anh.

Cái uy tín mà tôi vừa mới nói là thứ uy tín do con người gây ra; ta còn có thể đặt bên cạnh nó thứ uy tín do những ý kiến, những tác phẩm văn học hay nghệ thuật v.v... tác động. Thông thường đó chỉ là sự nhắc đi nhắc lại được tích tụ. Lịch sử, nhất là lịch sử văn học và nghệ thuật chỉ là sự nhắc đi nhắc lại cùng những đánh giá mà chẳng ai thử kiểm tra, nên mỗi người rốt cuộc chỉ nhắc lại điều đã học ở trường, và có những tên tuổi, những sự việc chẳng ai dám động chạm tới. Đối với một độc giả hiện đại, tác phẩm của Homère[1] làm người ta ngán ngẩm ghê gớm và không thể chối cãi được, nhưng ai dám nói ra điều đó?

Tuy chỉ là nhờ số phận may mắn mới có được đẳng cấp này, nhưng nhà quý tộc giành được thiện cảm của họ ngay từ trước, và khi được nhà quý tộc tiếp xúc, họ thấy hân hạnh như được ban cho quà tặng. Khi nhà quý tộc đến gần, họ đã đỏ mặt lên vì sung sướng, và nếu nhà quý tộc mở lời với họ, niềm vui cố nén lại càng làm cho mặt họ đỏ hơn lên và mắt họ lung linh, ngời sáng khác thường. Họ mê quý tộc từ trong huyết quản, có thể nói giống như người Tây Ban Nha mê khiêu vũ, người Đức mê âm nhạc và người Pháp mê làm cách mạng vậy! Lòng mê ngựa và mê Shakespeare nơi họ không mạnh mẽ bằng; lòng thỏa mãn và kiêu hãnh từ ngựa và Shakespeare ở họ cũng ít cơ bản hơn nhiều! Sách nói về quý tộc bán chạy như tôm tươi, và thay vì phải tránh loại sách ấy như tránh tà, thì ta lại bắt gặp chúng trong tay mọi người như là Kinh Thánh vậy".

[1] Homère: nhà thơ người Hy Lạp cổ đại, sống vào khoảng thế kỉ thứ IX tCN, được coi là tác giả của anh hùng ca *Iliade* và *Odyssée*.

Trong tình trạng hiện nay, đền Parthénon[1] là một phế tích chẳng ích lợi gì; nhưng nó lại có uy tín đến độ ta đâu chỉ nhìn bản thân nó mà còn nhìn nó cùng với toàn bộ "đoàn tuỳ tùng" gồm những kí ức lịch sử về nó. Cái đặc thù của uy tín là ngăn cản ta nhìn sự vật đúng như nó vốn có và làm tê liệt mọi đánh giá của chúng ta. Những đám đông thì luôn luôn, còn những cá nhân thì thường xuyên cần đến các ý kiến đã được đúc sẵn về mọi vấn đề. Sự thành công của những ý kiến này độc lập với phần chân lí hay sai lầm mà chúng chứa đựng; nó phụ thuộc duy nhất vào uy tín của chúng mà thôi.

Bây giờ tôi mới nói tới uy lực. Nó thuộc về một bản tính rất khác với uy tín giả tạo hay uy thế mà tôi vừa mới nói tới. Đó là một khả năng độc lập với mọi tước vị, mọi quyền uy mà chỉ một số ít người có được, cho phép họ tạo ra một sự lôi cuốn có sức hấp dẫn thực sự huyền diệu đối với những người xung quanh, trong khi đó, về mặt xã hội, họ bình đẳng với những người xung quanh, và không hề có một phương tiện thông thường nào để thống trị. Họ áp đặt tư tưởng, tình cảm của mình lên những người xung

[1] Đền Parthénon: nằm trong quần thể kiến trúc trên đồi Acropole, Hy Lạp, được xây dựng vào năm 447 đến 438 tCN để thờ nữ thần Athéna - vị thần Trí tuệ, người bảo hộ cho thành Athènes.

quang, và người ta vâng theo họ như con thú dữ tuân theo người dạy thú mà nó có thể dễ dàng ăn thịt.

Những lãnh tụ vĩ đại của đám đông, như Đức Phật, Jésus, Mahomet, Jeanne d'Arc[1], Napoléon đều sở hữu hình thức uy tín này ở mức độ cao; và chính nhờ hình thức uy tín ấy mà họ có được vị trí của mình. Những thần linh, những anh hùng và những tín điều đều tự xác lập vị trí của mình và không bị mang ra thảo luận; những điều đó sẽ tiêu tan ngay khi người ta bàn tán về chúng.

Các nhân vật vĩ đại mà tôi vừa kể đã sở hữu quyền năng mê hoặc từ rất lâu trước khi trở nên nổi tiếng, và họ sẽ không trở nên như thế nếu không có nó. Chẳng hạn, rõ ràng là, ở đỉnh cao vinh quang, chỉ bằng sức mạnh của mình, Napoléon đã tỏ rõ một uy lực rất lớn; nhưng uy lực ấy, phần nào ông đã được thiên phú khi ông chưa có chút quyền lực nào và hoàn toàn chưa ai biết đến. Khi còn là một viên tướng vô danh, nhờ sự bảo hộ, ông được cử đến chỉ huy quân đội ở Italia, ông rơi vào giữa những tướng tá thô lỗ

[1] Jeanne d'Arc (1412 -1431): nữ anh hùng người Pháp, có công trong cuộc chiến chống quân Anh, được phong thánh và là nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm nghệ thuật.

đang chuẩn bị một cuộc tiếp đón khó chịu dành cho chàng trẻ tuổi không mời mà đến do Ban Đốc chính tống sang cho họ. Ngay từ phút đầu tiên, ngay từ cuộc hội kiến đầu tiên, không một câu nói, không một cử chỉ, không một lời đe dọa, ngay từ cái thoạt nhìn của bậc vĩ nhân tương lai, bọn họ đã chịu khuất phục. Dựa vào hồi ức của những người cùng thời, Taine đã đưa ra câu chuyện kì lạ về cuộc hội kiến này:

"Những vị tướng của sư đoàn, trong đó có Augereau[1], một loại anh hùng võ biền và thô lỗ, kiêu hãnh vì thân hình cao lớn và tính cách quả cảm của mình, Augereau bực bội khó chịu đến đại bản doanh gặp kẻ hãnh tiến nhỏ bé mà Paris cử đến. Căn cứ trên sự mô tả về Bonaparte mà họ nhận được, Augereau đã có xu hướng hỗn xược và không chịu phục tùng ngay từ trước: ông là một sủng thần của Barras[2], lên cấp tướng nhờ sự cố tháng Nho[3], một vị tướng lên lon nhờ tài chiến đấu trên đường phố, trông như con gấu, bởi vì ông ta bao giờ cũng chỉ lặng lẽ suy nghĩ một mình, một vẻ mặt nhỏ mọn, lại nổi tiếng là nhà toán học và người mơ mộng. Người ta dẫn họ

---

[1] Pièrre Augereau (1757 - 1816): thống chế thời Đế chế.

[2] Paul Barras (1755 - 1829): tử tước, đại biểu Hội nghị Quốc ước, thành viên của Ban Đốc chính.

[3] Tháng Nho (Vendémiaire): theo lịch Cộng hòa Pháp, tức là từ ngày 22 tháng Chín đến 21 tháng Mười.

vào, và Bonaparte bắt họ phải chờ. Cuối cùng ông xuất hiện, lưng đeo kiếm, đội mũ, giải thích sự sắp xếp của mình, ra lệnh cho họ rồi giải tán. Augereau vẫn câm lặng; chỉ khi ra ngoài ông mới trấn tĩnh lại và chửi thề như mọi ngày; ông đồng ý với Masséna[1] rằng cái con c... của vị tướng đã làm ông ta sợ; ông không thể hiểu được cái ảnh hưởng làm ông cảm thấy bị đè bẹp ngay từ cái liếc nhìn đầu tiên".

Trở thành một vĩ nhân, uy tín của ông tăng nhanh nhờ toàn bộ vinh quang và đối với những người sùng tín, ít nhất cũng ngang bằng uy tín của thần linh. Tướng Vandamme, con người võ biền cách mạng, còn tàn nhẫn hơn, cương nghị hơn Augereau, nói với thống chế Ornano[2] về ông, năm 1815, vào một ngày họ cùng bước lên cầu thang của điện Tuileries:

"Ông bạn thân mến ạ, con người quỷ quái ấy đã tác động lên tôi một sự mê hoặc mà tôi không thể hiểu được. Ngay đến như tôi, kẻ chẳng sợ thần linh cũng không sợ ma quỷ, khi lại gần ông ta, tôi đã run lên như một đứa trẻ, ông ta khiến tôi có thể chui qua lỗ kim để ném mình vào lửa".

---

[1] André Masséna (1756 -1817): thống chế thời Đế chế.

[2] Philippe Antoine d' Ornano (1784 - 1863): một vị tướng có binh nghiệp rạng rỡ dưới thời Đế chế, trở thành thống chế dưới thời Napoléon III.

Napoléon gây nên sự mê hoặc như thế đối với bất cứ ai đến gần ông*[1].

Khi kể về sự tận tụy của Maret và của mình, Davoust[2] nói: "Giả sử Hoàng đế nói với cả hai chúng tôi: "Để đảm bảo cho quyền lợi chính trị của ta nên cần phải phá huỷ Paris mà không được cho ai chạy thoát", tôi tin chắc Maret sẽ giữ bí mật, nhưng anh ta sẽ không thể tự ngăn mình làm phương hại chuyện đó bằng cách đưa gia đình trốn ra khỏi Paris. Còn tôi ư, vì sợ điều đó bị đoán ra, tôi sẽ để vợ con tôi ở lại Paris".

---

*[1] Rất có ý thức về uy lực của mình, Napoléon biết rằng uy lực càng tăng khi đối xử với những nhân vật có vai vế quanh mình hơi giống với những tên chăn ngựa một chút; và trong đó có cả nhiều đại biểu Quốc ước nổi tiếng mà châu Âu cũng phải sợ. Các mẩu chuyện thời đó về vấn đề này đầy những sự việc có ý nghĩa. Một hôm, giữa Hội đồng Nhà nước, Napoléon đã đối xử thô bạo với Beugnot như với một đầy tớ mất dạy. Sự việc xảy ra, Napoléon đến gần và nói với ông ta: "Này, gã to xác ngốc nghếch, đầu óc anh để đâu đấy hả?" Ngay lúc ấy, Beugnot, cao to như chiếc trống cái, cúi mình thật thấp, còn con người bé nhỏ kia, giơ tay lên nắm lấy tai gã to xác. Beugnot viết: "Đó là tín hiệu ân sủng làm ta say lòng, là cử chỉ thân tình của chủ nhân đã gần gũi với ta". Những ví dụ như thế cho ta một ý niệm rõ rệt về sự hèn hạ ở mức độ thấp mà uy tín có thể gây ra. Chúng làm ta hiểu được sự khinh thường vô hạn của những kẻ đại chuyên chế đối với những người xung quanh ông ta mà ông ta đơn giản coi họ chỉ là một thứ bia thịt đỡ đạn.

[2] Louis-Nicolas Davoust (1770 - 1823): thống chế thời Đế chế.

Phải nhớ lại cái sức mạnh mê hoặc kì lạ này mới hiểu được chuyến trở về ngoạn mục của Napoléon từ đảo Elbe[1]; một con người đơn độc đã ngay lập tức chinh phục được nước Pháp, trước mặt ông là tất cả những lực lượng có tổ chức của một nước lớn, mà người ta cứ tưởng đã chán ngấy chế độ bạo tàn của ông. Chỉ cần nhìn vào những tướng tá được cử đi để bắt ông, và họ đã thề sẽ bắt được. Tất cả đều đầu hàng chẳng cần bàn cãi.

Vị tướng người Anh Wolseley viết: "Napoléon đổ bộ lên nước Pháp hầu như chỉ có một mình, và ông ta như một kẻ chạy trốn khỏi đảo Elbe là vương quốc của mình; chỉ trong vòng vài tuần ông đã thành công không cần đổ máu, làm đảo lộn toàn bộ tổ chức quyền lực của nước Pháp dưới sự trị vì của vị vua hợp pháp: ảnh hưởng cá nhân của một con người đã bao giờ được khẳng định một cách lạ lùng hơn thế không? Nhưng từ đầu đến cuối chiến dịch này, chiến dịch cuối cùng của ông, ảnh hưởng mà ông tác động tới các liên minh, buộc họ phải đi theo sáng kiến của ông thật đáng chú ý biết chừng nào, và chỉ một chút xíu nữa là ông đã đè nát họ".

---

[1] Đảo Elbe: một hòn đảo trên Địa Trung Hải, thuộc nước Italia, nơi Napoléon bị đi đày vào năm 1814, sau thất bại tại trận Leipzip, chống lại liên minh năm nước châu Âu: Nga, Áo, Phổ, Anh, Thuỵ Điển.

Uy tín của ông còn sống mãi và tiếp tục lớn lên. Chính uy tín ấy đã sắc phong hoàng đế cho một đứa cháu chẳng có tiếng tăm của ông[1]. Ngày hôm nay, bằng cách thấu hiểu sự tái sinh truyền thuyết về ông, ta mới thấy cái bóng to lớn ấy còn uy lực biết bao. Hãy ngược đãi con người tuỳ ý thích, hãy tàn sát hàng triệu con người, hãy gây ra hết cuộc xâm lược này đến cuộc xâm lược khác, bạn được phép làm tất cả nếu bạn có đủ độ uy tín, và nếu bạn có đủ tài năng để giữ vững uy tín ấy.

Dĩ nhiên, ở đây tôi đã viện dẫn một ví dụ về uy tín hoàn toàn ngoại lệ, nhưng thật có ích khi nhắc tới nó, để làm ta hiểu sự tạo sinh của những tôn giáo lớn, những học thuyết lớn và những đế chế lớn. Không có sức mạnh của uy tín tác động lên đám đông, thì sẽ không hiểu nổi sự tạo sinh ấy.

Nhưng uy tín không chỉ được xây dựng trên ảnh hưởng cá nhân, vinh quang quân sự và sự khủng bố tôn giáo; nó còn có những nguồn gốc khiêm nhường hơn, tuy vẫn rất đáng kể. Thế kỉ của chúng ta có thể cung cấp nhiều ví dụ - Một ví dụ gây ấn tượng mạnh nhất mà hậu thế còn nhắc mãi, đó là câu chuyện về một con người nổi tiếng

---

[1] Chỉ Louis Napoléon, cháu của Napoléon Bonaparte tự xưng là Napoléon III.

đã thay đổi bộ mặt quả địa cầu và những quan hệ thương mại của các dân tộc bằng cách tách đôi hai đại lục. Ông thành công trong công việc nhờ vào chí lớn nhưng cũng nhờ vào sức cuốn hút mà ông tác động lên tất cả những người xung quang mình. Để chiến thắng sự chống đối đồng loạt mà mình gặp phải, ông chỉ cần xuất hiện. Ông nói chuyện một lúc, và trước sức hấp dẫn mà ông tác động, kẻ chống đối lại trở thành bè bạn. Nhất là người Anh kiên quyết phản đối dự án của ông; ông chỉ xuất hiện ở nước Anh để tập hợp mọi sự tán thành. Sau này, khi ông qua Southampton[1], tiếng chuông nhà thờ vang lên suốt dọc đường ông đi, và ngày nay nước Anh quan tâm đến việc dựng tượng cho ông. Khi đã chiến thắng tất cả, con người và sự vật, ông không tin vào những cản trở nữa, và ông muốn lại bắt đầu Suez ở Panama. Ông lại bắt đầu với những phương cách như thế; nhưng ông đã có tuổi, và hơn nữa, niềm tin dời non chuyển núi chỉ có thể thực hiện được với điều kiện những ngọn núi không quá cao. Những ngọn núi đã chống cự, và tai họa tiếp theo đó đã phá tan vầng hào quang sáng chói vinh quang từng bao bọc người hùng. Cuộc sống của ông dạy ta uy tín có thể lớn lên như thế nào, và có

[1] Southampton: thành phố nằm ở miền Nam nước Anh, trong vùng biển Manche.

thể biến mất ra sao. Sau khi danh vọng đã sánh ngang với những bậc anh hùng nổi tiếng nhất trong lịch sử, ông bị những quan tòa của quê hương mình giáng xuống hàng những tên tội phạm xấu xa nhất. Khi ông qua đời, chiếc quan tài của ông cô đơn đi qua giữa những đám đông thờ ơ. Duy chỉ các vua chúa ngoại quốc tỏ lòng kính trọng tưởng nhớ ông, như tưởng nhớ đến một trong những con người vĩ đại nhất mà lịch sử từng biết tới*[1].

---

*[1] Một tờ báo ngoại quốc, tờ *Neu Freie Presse* của thành Vienne, đã viết về đề tài số phận của Lesseps với những suy ngẫm rất đúng đắn về tâm lí học, và vì lí do ấy, tôi xin trích lại ở đây:

"Sau khi tuyên án Ferdinand de Lesseps, ta không có quyền ngạc nhiên về cái kết cục buồn thảm của Christophe Colomb nữa. Nếu Ferdinand de Lesseps là một kẻ lừa đảo, thì mọi ảo tưởng cao quý đều là tội lỗi. Thời cổ đại hẳn đã đặt lên kí ức về Lesseps vòng hào quang của vinh quang, và hẳn đã cho ông uống rượu thần tiên giữa đỉnh Olympe, bởi vì ông đã làm thay đổi bộ mặt trái đất, và ông đã hoàn thành những công trình làm hoàn thiện sự sáng tạo. Khi kết án Ferdinand de Lesseps, ông chủ tịch Tòa thượng thẩm đã tự làm mình bất tử, bởi vì những dân tộc sẽ luôn hỏi tên tuổi con người đã không sợ hạ thấp thế kỉ của mình bằng việc chụp cái mũ tù khổ sai lên đầu một ông già, mà cuộc đời của cụ là niềm vinh quang cho những người cùng thời.

"Từ nay trở đi, đừng nói gì với chúng tôi về công lí không thể lay chuyển nữa, chính ở đó ngự trị sự hận thù quan liêu chống lại những công trình táo bạo vĩ đại. Các dân tộc đều cần những con người dũng cảm ấy, những con

Nhưng những ví dụ khác nhau vừa được nhắc tới chỉ đại diện cho những hình thức cực đoan. Để xem xét tâm lí học về uy tín một cách chi tiết, cần phải sắp xếp chúng cho đến tận cuối một chuỗi dài đi xuống từ những người sáng lập ra các tôn giáo và các đế chế đến những kẻ chỉ muốn thử làm lóa mắt láng giềng bằng một bộ quần áo mới hay một món trang sức.

Giữa những đoạn xa nhau nhất của chuỗi này, ta đặt tất cả những hình thức của uy tín vào trong những thành tố khác nhau của một nền văn minh: khoa học, nghệ thuật, văn học v.v..., và ta sẽ thấy uy tín là thành tố cơ bản của sự thuyết phục. Dù ý

---

người tin vào chính mình, vượt qua mọi trở ngại, và không màng tới an nguy của bản thân. Thiên tài không thể thận trọng; với sự thận trọng ông ta sẽ không bao giờ có thể mở rộng phạm vi hoạt động của con người.

"... Ferdinand de Lesseps đã biết tới niềm say sưa chiến thắng và nỗi thất vọng chua cay: kênh Suez và Panama. Ở đây trái tim nổi loạn chống lại thứ đạo đức của thành công. Khi Lesseps thành công trong việc nối liền hai biển, những ông hoàng và các dân tộc tỏ lòng kính trọng ông. Hôm nay ông thất bại khi chống lại núi đá của dãy Cordillères, thì ông chỉ còn là kẻ lừa bịp tầm thường... Ở đó, có một cuộc chiến của các giai cấp trong xã hội, một sự bất mãn của bọn quan liêu và viên chức dùng luật hình sự để trả thù chống lại những người muốn vươn lên trên những người khác... Các nhà lập pháp hiện đại lúng túng trước những tư tưởng lớn của thiên tài nhân loại; công chúng còn hiểu chuyện đó kém hơn, và thật dễ dàng cho vị tổng trạng sư chứng minh rằng Stanley là kẻ giết người và Lesseps là kẻ lừa đảo".

thức hay không, thì con người, ý niệm hay sự vật có uy tín là nhờ con đường lây nhiễm được bắt chước ngay tức khắc và áp đặt cho cả một thế hệ một số cách thức cảm nhận và thể hiện tư tưởng của họ. Hơn nữa, sự bắt chước thường vô thức nhất, và chính đó là cái làm cho nó hoàn hảo. Các họa sĩ hiện đại tái tạo những màu sắc đã phai mờ hoặc những cử chỉ cứng nhắc của vài người nguyên thuỷ, chẳng mấy hoài nghi cảm hứng của họ từ đâu tới; họ tin vào sự thành thực của mình, trong khi nếu một bậc thầy nổi danh không làm sống lại hình thức nghệ thuật này, thì người ta vẫn sẽ tiếp tục chỉ nhìn thấy ở đó những khía cạnh ngây ngô và thấp kém. Những họa sĩ ấy lập tức theo một bậc thầy nổi tiếng khác, vẽ tràn ngập trên vải những bóng hình màu tím, họ không còn thấy nữa trong tự nhiên cái màu tím mà người ta đã thấy cách đó năm mươi năm, nhưng họ đã được gợi ý bởi ấn tượng cá nhân và đặc biệt của một họa sĩ đã có được một uy tín lớn mặc dù điều này là kì dị. Trong mọi yếu tố của nền văn minh, những ví dụ như thế có thể dễ dàng được viện dẫn.

Qua phần trên, ta thấy rằng có nhiều yếu tố tham gia vào sự tạo sinh uy tín: một trong những yếu tố quan trọng nhất bao giờ cũng là sự thành công. Mọi con người thành công, mọi tư tưởng được áp đặt, sẽ chấm hết bằng chính việc bị đưa ra tranh cãi. Chứng cớ cho thấy thành công là một

trong những nền tảng cơ bản của uy tín, chính là uy tín hầu như luôn mất đi cùng với sự mất đi của thành công. Người anh hùng mà đám đông hôm trước còn hoan hô, hôm sau sẽ bị la ó nếu anh ta không thành công. Uy tín càng lớn bao nhiêu thì phản ứng sẽ càng gay gắt bấy nhiêu. Lúc đó, đám đông coi người anh hùng bị ngã như kẻ ngang hàng, và trả thù vì đã từng nghiêng mình trước ưu thế mà nó không công nhận nữa. Khi Robespierre sai chặt đầu đồng sự, và rất nhiều người cùng thời của mình, ông ta có một uy tín rất lớn. Khi sự chuyển dịch của một vài phiếu bầu cướp đi quyền lực của mình, ông ta lập tức mất đi uy tín ấy, và đám đông theo ông đến máy chém với chính những lời nguyền rủa mà hôm trước họ đã dành cho các nạn nhân của ông. Thường chính các tín đồ sẽ cuồng nộ đập phá những tượng thần linh mà họ phụng thờ ngày trước.

Uy tín bị tước bỏ do thất bại sẽ mất đi một cách đột ngột. Nó cũng có thể bị mòn đi do tranh luận, nhưng theo cách chậm chạp hơn. Tuy nhiên, phương cách này có hiệu quả rất chắc chắn. Uy tín bị tranh cãi đã không còn là uy tín nữa. Những thần linh và con người biết giữ gìn được lâu uy tín của mình thường không bao giờ dung thứ cho sự tranh luận. Muốn làm cho những đám đông khâm phục mình, bao giờ cũng cần phải giữ khoảng cách với chúng.

Chương IV

NHỮNG GIỚI HẠN VỀ TÍNH HAY THAY ĐỔI CỦA NIỀM TIN VÀ Ý KIẾN ĐÁM ĐÔNG

1 - Những niềm tin cố định. - *Tính không thay đổi của một số niềm tin chung. - Chúng là hướng dẫn viên của một nền văn minh. - Khó diệt trừ chúng tận gốc. - Trên cơ sở nào mà lòng bất khoan dung lại là một đức hạnh đối với các dân tộc. - Sự phi lí có tính triết học của một niềm tin chung không thể gây hại cho việc truyền bá nó.*

2 - Những ý kiến hay thay đổi của đám đông. - *Tính hay thay đổi hết sức của ý kiến không được sinh ra từ niềm tin chung. - Những biến thiên bề ngoài của tư tưởng và niềm tin trong vòng chưa đến một thế kỉ. - Giới hạn thực của biến đổi này. - Những yếu tố mà sự biến đổi dựa trên đó. - Sự biến mất hiện thời của những niềm tin chung và sự phát hành vô cùng rộng rãi của báo chí làm cho ý kiến ngày càng hay thay đổi. - Tại sao ý kiến của đám đông về phần lớn các chủ đề đều dẫn tới sự thờ ơ. - Bất lực của các chính phủ khi muốn chỉ đạo ý kiến như thời xưa. - Sự phân tán hiện nay của những ý kiến ngăn cản tính độc tài chuyên chế của chúng.*

1 - Những niềm tin cố định

Có sự song hành chặt chẽ giữa những đặc tính thể chất và tính cách tâm lí của sinh vật. Trong những đặc tính thể chất ta thấy một số yếu tố không thay đổi, hoặc nếu có thay đổi chút ít thì phải cần tới thời gian của những thời kì địa chất, và bên cạnh những đặc tính cố định không thể quy giản ấy, có thể thấy những tính chất rất hay thay đổi mà môi trường, nghệ thuật của người chăn nuôi, của người làm vườn dễ dàng làm cho biến đổi, đôi khi đến mức che giấu được cả những đặc tính cơ bản trước những người quan sát ít chú tâm.

Ta cũng nhận thấy hiện tượng như vậy trong những đặc tính tinh thần. Bên cạnh các yếu tố tâm lí không thể quy giản của một chủng tộc, ta bắt gặp những yếu tố lưu động và thay đổi. Và chính vì thế, khi nghiên cứu những niềm tin và ý kiến của một dân tộc, ta luôn nhận thấy một nền tảng rất cố định, trên đó cấy ghép những ý kiến cũng lưu động như là cát bao phủ trên đá.

Vậy, những niềm tin và ý kiến của đám đông tạo thành hai lớp khá phân biệt nhau. Một mặt, đó là những niềm tin bền lâu, kéo dài nhiều thế kỉ, và cả một nền văn minh phải dựa vào chúng;

ví dụ như ngày xưa, đó là quan niệm phong kiến, những tư tưởng Ki Tô giáo, những tư tưởng thời Cải cách Tôn giáo; còn như ngày nay, đó là nguyên tắc chủ quyền dân tộc, những tư tưởng dân chủ và xã hội. Mặt khác, đó là những ý kiến nhất thời và thay đổi, được phát sinh thường xuyên nhất từ những quan niệm chung mà mỗi thời đại đều thấy sinh ra và mất đi: đó là những lí thuyết chỉ đạo nghệ thuật và văn học ở một vài thời điểm, như những lí thuyết sản sinh ra chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa thần bí v.v... Thông thường, chúng có tính bề mặt như là thời trang và thay đổi giống như thời trang. Đó là những làn sóng nhỏ sinh ra và biến mất không ngừng trên mặt hồ chứa nước sâu.

Những niềm tin lớn mang tính tổng quát thường có số lượng rất hạn chế. Sự ra đời và kết thúc của chúng, đối với từng chủng tộc lịch sử, tạo thành những tuyệt đỉnh của lịch sử chủng tộc ấy. Chúng cấu thành khung cốt đích thực của các nền văn minh.

Thực rất dễ khi thiết lập một ý kiến tạm thời trong tâm hồn đám đông. Nhưng thật khó để thiết lập một niềm tin lâu dài đối với nó. Cũng rất khó khăn để phá huỷ được một niềm tin lâu dài khi nó

đã được thiết lập. Thông thường chỉ khi phải trả giá bằng những cuộc cách mạng bạo lực thì ta mới có thể thay đổi được nó. Thậm chí, cách mạng chỉ có được khả năng này khi niềm tin hầu như đã hoàn toàn mất hết ảnh hưởng tới tâm hồn con người. Lúc đó, những cuộc cách mạng chỉ làm việc cuối cùng là quét sạch những cái hầu như đã bị vứt bỏ, nhưng cái ách nặng nề của tập quán lại ngăn cản việc rũ bỏ hoàn toàn. Thực ra, những cuộc cách mạng bắt đầu tức là những niềm tin kết thúc.

Cũng dễ nhận biết cái ngày chính xác ghi dấu sự mất đi của một niềm tin lớn; đó là ngày mà giá trị của nó bắt đầu bị tranh cãi. Tất cả những niềm tin chung đều hầu như chỉ là một hư cấu, nó chỉ có thể tồn tại với điều kiện không phải chịu sự kiểm tra.

Nhưng dù cho một niềm tin đã bị lung lay ghê gớm, thì những thể chế sinh ra từ nó vẫn bảo toàn được sức mạnh của mình, và chỉ mất đi một cách từ từ. Cuối cùng, khi niềm tin đã mất quyền lực hoàn toàn, thì tất cả những gì nó nâng đỡ cũng sụp đổ nhanh chóng. Một dân tộc không bao giờ có thể thay đổi những niềm tin mà không đồng thời buộc phải thay đổi mọi yếu tố trong nền văn minh của mình.

Dân tộc ấy biến đổi chúng cho đến lúc nó tìm được một niềm tin chung mới và niềm tin này được chấp nhận; và cho đến lúc đó, nó dĩ nhiên phải sống trong tình trạng vô chính phủ. Những niềm tin chung là giá đỡ cần thiết của những nền văn minh, chúng quy định hướng đi cho tư tưởng. Chỉ có chúng mới có thể gợi hứng cho niềm tin và tạo ra bổn phận.

Những dân tộc luôn cảm thấy ích lợi khi có được những niềm tin chung, và bằng bản năng, họ hiểu rằng, sự biến mất những niềm tin ấy, đối với họ, báo hiệu giờ phút suy tàn đã đến. Sự sùng bái cuồng tín thành Rome đối với người La Mã là một niềm tin đã khiến họ làm chủ thế giới; và khi niềm tin ấy mất đi, thì Rome phải tiêu vong. Chỉ khi những người La Mã có được một vài niềm tin chung do người dã man đã phá tan nền văn minh La Mã đem đến, thì họ mới đạt được một sự cố kết nào đó và có thể ra khỏi tình trạng vô chính phủ.

Vậy không phải vô cớ mà các dân tộc luôn bảo vệ niềm tin của họ bằng lòng bất khoan dung. Lòng bất khoan dung ấy, đứng về quan điểm triết học thật đáng phê phán, nhưng trong đời sống các dân tộc, nó lại biểu thị cái đức hạnh cần thiết nhất. Chính vì muốn xây dựng và giữ gìn

những niềm tin chung mà thời Trung cổ đã dựng lên biết bao đống lửa thiêu, biết bao nhà sáng chế và nhà cải cách phải chết trong tuyệt vọng khi họ trốn tránh khổ hình. Chính vì muốn bảo vệ những niềm tin ấy nên thế giới đã bao phen bị đảo lộn, nên biết bao triệu người đã phải chết trên chiến trường, và sẽ còn biết bao triệu người chết tiếp ở đó.

Có nhiều khó khăn lớn khi thiết lập một niềm tin chung, nhưng khi niềm tin ấy đã được thiết lập chắc chắn thì trong thời gian dài, sức mạnh của nó là vô địch; và dù cho niềm tin ấy sai lầm về mặt triết học, nó vẫn áp đặt lên những đầu óc sáng suốt nhất. Từ hơn mười lăm thế kỉ nay, người Âu châu chẳng đã coi những truyền thuyết tôn giáo mà khi ta xem xét kĩ thì thật là dã man*[1], như truyền thuyết về Moloch[2], là những chân lí không thể bàn cãi đó sao. Trong nhiều thế kỉ, người ta đã không nhận ra sự phi lí khủng khiếp

*[1] Tôi hiểu dã man về mặt triết học. Còn về mặt thực tế, chúng đã tạo nên một nền văn minh hoàn toàn mới, và trong mười lăm thế kỉ, chúng đã làm cho con người thấy thiên đường kì diệu của giấc mơ và hy vọng mà con người sẽ không thấy nữa.

[2] Moloch: nữ thần khát máu được nhắc đến trong Kinh Thánh. Để đón mừng bà, những đứa trẻ phải "đi qua lửa", nghĩa là bị hiến tế, rồi bị thiêu.

của truyền thuyết về một vị thần trả thù con trai mình bằng những nhục hình khủng khiếp vì nó đã không tuân theo một trong những điều do ông đặt ra. Ngay cả những thiên tài có uy lực nhất, như một Galilée[1], một Newton[2], một Leibniz[3], thì cũng không có giây phút nào giả định rằng chân lí của những tín điều như thế có thể phải được mang ra bàn cãi. Chẳng gì chứng minh rõ hơn sự mê hoặc do một niềm tin chung gây ra, nhưng cũng chẳng gì chỉ ra rõ hơn những giới hạn nhục nhã của trí tuệ con người.

Ngay khi một tín điều mới cắm rễ vào tâm hồn đám đông, nó trở thành người khởi xướng cho những thể chế, nghệ thuật, cách cư xử của đám đông ấy. Lúc đó, ảnh hưởng mà nó tác động lên tâm hồn con người là tuyệt đối. Những người hành động chỉ nghĩ đến việc thực hiện tín điều ấy, nhà lập pháp chỉ muốn áp dụng nó, nhà triết học, nghệ sĩ, nhà văn chỉ lo toan diễn dịch nó bằng các hình thức khác nhau.

---

[1] Galilée (1564 - 1642): nhà vật lí và thiên văn Italia, người phát hiện ra định luật rơi tự do và sự chuyển động của Trái Đất.

[2] Issac Newton (1642 - 1727): nhà vật lí và thiên văn Anh, khám phá ra lực hấp dẫn.

[3] Gottfriel Leibniz (1646 - 1716): nhà triết học và toán học Đức.

Từ niềm tin cơ bản, những tư tưởng nhất thời và thứ yếu có thể nảy sinh, nhưng chúng luôn mang dấu ấn của niềm tin nơi chúng được sinh ra. Nền văn minh Ai Cập, nền văn minh Âu châu thời Trung cổ, nền văn minh Islam của người Ả Rập đều xuất sinh từ một số rất nhỏ những niềm tin tôn giáo từng in dấu ấn lên những thành tố nhỏ nhất của các nền văn minh này, và cho phép ta nhận biết ngay ra chúng.

Và chính vì vậy, nhờ vào những niềm tin chung, con người ở mỗi thời đại đều bị bao quanh bởi một mạng lưới những truyền thống, ý kiến và tập quán, cái ách mà họ không thể thoát ra được, luôn làm cho họ giống nhau như hệt. Cái gì đã đặc biệt dẫn dắt con người, đó là những niềm tin và tập quán sinh ra từ những niềm tin ấy. Chúng điều chỉnh những hành vi nhỏ nhặt nhất của đời sống chúng ta, và những đầu óc độc lập nhất cũng không nghĩ tới chuyện thoát ra khỏi nó. Chỉ có chế độ chuyên chế thực sự tác động một cách vô thức lên tâm hồn con người, bởi vì đó là chế độ duy nhất không thể đấu tranh lại. Tibère[1], Thành Cát Tư Hãn, Napoléon là những bạo chúa đáng sợ, chắc chắn vậy, nhưng

[1] Tibère (42 tCN - 37): hoàng đế La Mã từ năm 14 đến năm 37.

Moïse[1], Phật Thích Ca, Jésus, Mahomet, Luther từ dưới đáy mồ còn tác động lên tâm hồn con người một sự chuyên chế khác sâu xa hơn nhiều. Một cuộc mưu phản có thể hạ gục một bạo chúa, nhưng mưu phản liệu có thể làm gì với một niềm tin đã được xác lập chắc chắn? Trong cuộc đấu tranh bạo liệt chống lại Công giáo, và mặc dù được sự tán đồng bề ngoài của đám đông, mặc dù những phương pháp phá hoại tàn bạo chẳng kém gì Tòa án dị giáo, thế nhưng chính cuộc Cách mạng vĩ đại của chúng ta [Cách mạng Pháp] đã thất bại. Duy những bạo chúa thực sự mà nhân loại đã biết bao giờ cũng là cái bóng của những người đã chết hay là những ảo tưởng mà nhân loại tự tạo ra.

Sự phi lí về mặt triết học mà những niềm tin chung thường biểu hiện, không bao giờ là một trở ngại cho thắng lợi của chúng. Thậm chí, thắng lợi ấy hình như chỉ có thể có được với điều kiện những niềm tin chung chứa đựng sự phi lí bí ẩn nào đó. Vậy nên không phải sự yếu kém rõ rệt của niềm tin xã hội chủ nghĩa hiện thời đã ngăn cản chúng chiến thắng trong tâm hồn đám đông.

---

[1] Moïse: chính khách, sử gia, nhà thơ, nhà đạo đức, nhà lập pháp của người Do Thái. Ông đã dẫn dân tộc mình từ Ai Cập sang Palestine.

Sự thấp kém thực sự của nó so với mọi niềm tin tôn giáo duy chỉ nằm ở điều này: lí tưởng về hạnh phúc mà tôn giáo hứa hẹn chỉ được hiện thực hóa trong một đời sống tương lai, chẳng ai có thể đưa chuyện này ra tranh cãi. Nếu lí tưởng về hạnh phúc xã hội chủ nghĩa được thực hiện trên đời này, thì ngay khi những mưu toan đầu tiên được thực thi, sự hão huyền của những lời hứa hẹn xuất hiện, đồng thời niềm tin mới sẽ lập tức mất đi mọi uy tín. Vậy sức mạnh của nó sẽ chỉ lớn lên cho đến ngày nó chiến thắng, khi hành động thực tiễn bắt đầu. Và chính vì vậy, tôn giáo mới, cũng như tất cả các tôn giáo đã ra đời trước nó, trước tiên đóng vai trò là kẻ phá huỷ, thì tiếp theo, khác với tôn giáo trước, nó lại không thể đóng nổi vai trò là kẻ sáng tạo.

2 - Những ý kiến có tính chất động của đám đông

Bên trên những niềm tin cố định mà ta vừa mới chỉ ra sức mạnh, còn có một lớp gồm những ý kiến, ý tưởng, tư tưởng luôn luôn sinh ra và mất đi. Một vài thứ chỉ kéo dài một ngày, còn những thứ quan trọng nhất ít khi vượt quá đời sống của một thế hệ. Chúng tôi cũng đã lưu ý rằng những thay đổi bỗng xảy ra trong những ý kiến này đôi khi chỉ mang tính bề mặt nhiều hơn

là thực chất, và rằng bao giờ chúng cũng mang dấu ấn của những phẩm chất chủng tộc. Ví dụ, xem xét những thể chế chính trị ở đất nước chúng ta đang sống, ta thấy rằng những đảng phái bề ngoài rất trái ngược nhau: người theo chủ nghĩa dân chủ, người cấp tiến, người đế chế, người xã hội chủ nghĩa v.v..., họ đều có một lí tưởng tuyệt đối giống nhau, và ta cũng thấy rằng lí tưởng này chỉ gắn bó với cấu trúc tinh thần của chủng tộc chúng ta; bởi vì ở những chủng tộc khác, dưới những cái tên tương tự, ta lại thấy một lí tưởng hoàn toàn trái ngược. Không phải cái tên được đặt cho những ý kiến, cũng không phải sự cải biên lừa dối thay đổi nội dung của sự vật. Những người tư sản của Cách mạng, thấm đẫm toàn văn học Latin, mắt nhìn chăm chăm vào nền cộng hòa La Mã; chấp nhận luật pháp, cây phủ việt và tấm áo choàng của người La Mã, cố gắng bắt chước những thể chế, những tấm gương của nền cộng hòa La Mã, nhưng họ vẫn không trở thành người La Mã, bởi vì họ ở dưới thế lực của một sự gợi ý mang tính lịch sử mạnh mẽ. Vai trò của nhà triết học là tìm xem những niềm tin cổ xưa hãy còn lại cái gì ở bên dưới những thay đổi bề mặt, và trong làn sóng chuyển động của những ý kiến, cần phân biệt cái gì đã được xác định do những niềm tin chung và tâm hồn chủng tộc.

Không có tiêu chuẩn triết học này, người ta có thể tin tưởng rằng đám đông thay đổi niềm tin chính trị và tôn giáo một cách thường xuyên và tuỳ ý. Thực vậy, toàn bộ lịch sử chính trị, tôn giáo, nghệ thuật, văn học hình như chứng tỏ điều này.

Chẳng hạn, ta chỉ lấy một giai đoạn ngắn ngủi trong lịch sử nước Pháp, từ 1790 đến 1820, nghĩa là ba mươi năm, thời gian của một thế hệ. Trong giai đoạn này ta thấy những đám đông, thoạt tiên theo chế độ quân chủ, rồi trở thành cách mạng, rồi theo đế chế chủ nghĩa, rồi lại trở lại thành người theo chế độ quân chủ. Trong lĩnh vực tôn giáo, cũng trong thời gian ấy, họ đi từ Công giáo đến chủ nghĩa vô thần, rồi sang thần luận, rồi lại quay trở về với những hình thức quá khích nhất của Công giáo. Và không phải chỉ có đám đông, mà cả những người lãnh đạo cũng như thế. Chúng ta ngạc nhiên lặng ngắm những vị đại biểu Hội nghị Quốc ước vĩ đại, kẻ thù chẳng đội trời chung với vua chúa, chẳng cần thượng đế, cũng không muốn có những ông chủ, họ lại trở thành những nô bộc hèn mọn của Napoléon, rồi thành kính mang những cây nến thờ trong đám rước dưới thời vua Louis XVIII[1].

[1] Louis XVIII (1755 - 1824): Vua Pháp trong giai đoạn từ 1814 đến 1824, ngoại trừ thời gian "Một trăm ngày" khi Napoléon từ đảo Elbe trở về, mưu toan lập lại Đế chế.

Và trong bảy mươi năm tiếp theo, đã còn có biết bao thay đổi trong ý kiến của đám đông. Vùng "Abion nham hiểm"[1] ở đầu thế kỉ này trở thành đồng minh của nước Pháp dưới thời người nối ngôi Napoléon; nước Nga hai lần bị Pháp xâm chiếm, thế mà họ đã vỗ tay thích thú nhường ấy khi nước Pháp bị thất bại lần sau cùng, rồi họ bỗng nhiên được coi như một người bạn.

Trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, triết học, những ý kiến kế tiếp nhau còn nhanh hơn nữa. Chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa thần bí v.v..., sinh ra và lần lượt chết đi. Người nghệ sĩ và nhà văn hôm qua được hoan nghênh, ngày mai đã bị rẻ khinh sâu sắc.

Nhưng khi chúng ta phân tích những thay đổi nhìn bề ngoài rất sâu sắc này, chúng ta thấy điều gì? Tất cả những gì trái ngược với niềm tin chung và với tình cảm chủng tộc sẽ chỉ có một thời gian sống rất phù du, và dòng sông quanh co lại nhanh chóng chảy theo dòng của nó. Những ý kiến không gắn liền với một niềm tin chung nào, với một tình cảm chủng tộc nào, và do đó, sẽ không thể có tính cố định, đều bị phó mặc hoàn toàn cho ngẫu nhiên, hay nếu ta muốn, chúng bị

[1] Tên gọi cổ xưa của quốc đảo Anh.

phó mặc cho những thay đổi nhỏ nhặt nhất của môi trường sống. Được hình thành do sự gợi ý và lây nhiễm, những ý kiến bao giờ cũng có tính nhất thời; đôi khi chúng sinh ra rồi biến mất cũng nhanh chóng như những đụn cát được hình thành bởi gió bên bờ biển.

Ngày nay, tổng số những ý kiến lưu động của đám đông nhiều chưa từng có; và điều đó xảy ra do ba lí do khác nhau.

Thứ nhất vì những niềm tin cũ càng ngày càng mất ảnh hưởng, chúng không còn tác động được như ngày xưa lên những ý kiến nhất thời để đem lại cho những ý kiến này một định hướng nào đó. Sự xóa mờ niềm tin chung đã nhường chỗ cho một loạt những ý kiến đặc thù không có quá khứ cũng chẳng có tương lai.

Lí do thứ hai vì sức mạnh của đám đông trở nên càng ngày càng to lớn, và càng ngày càng có ít đối trọng; tính cực kì lưu động của những tư tưởng, mà ta đã thấy ở chúng, có thể được tự do biểu hiện.

Cuối cùng, lí do thứ ba là vì sự phát hành báo chí gần đây đã không ngừng đưa ra trước mắt đám đông những ý kiến trái ngược nhất. Những gợi ý mà mỗi ý kiến có thể tạo ra sẽ nhanh chóng bị tiêu diệt do những gợi ý đối nghịch. Kết quả là

mỗi ý kiến không đạt tới chỗ lan rộng và tất phải có một đời sống rất ngắn ngủi. Chúng chết đi trước khi có thể đủ lan rộng để trở thành phổ biến.

Từ những nguyên nhân khác nhau đó mà sinh ra một hiện tượng rất mới trong lịch sử thế giới, và hoàn toàn đặc trưng của thời hiện tại, tôi muốn nói tới sự bất lực của những chính quyền trong việc hướng dẫn dư luận.

Ngày xưa, và cái ngày xưa ấy chẳng xa lắm đâu, hoạt động của các chính quyền, ảnh hưởng của một vài nhà văn và của một số rất ít các tờ báo là những thứ thực sự điều chỉnh dư luận. Ngày nay, các nhà văn đã mất hoàn toàn ảnh hưởng, và những tờ báo chỉ còn làm công việc phản ảnh ý kiến. Còn những chính khách, còn lâu họ mới điều khiển được dư luận, họ chỉ tìm cách chạy theo đuôi nó mà thôi. Họ sợ dư luận, cái thứ dư luận mà đôi khi đi tới chỗ khủng bố và khiến họ phải chấp nhận lối hành xử thiếu ổn định.

Vậy ý kiến của đám đông càng lúc càng có khuynh hướng trở thành cái biểu lộ tối cao của chính trị. Ngày nay, nó đi tới chỗ áp đặt những liên minh, như ta thấy gần đây sự liên minh của người Nga xuất phát chủ yếu từ một phong trào bình dân. Đó là một triệu chứng rất lạ khi ngày nay ta được thấy các giáo hoàng, vua và hoàng đế

chịu trả lời phỏng vấn để trình bày tư tưởng của họ về một chủ đề nhất định để cho đám đông đánh giá. Ta có thể nói rằng xưa kia chính trị không phải là chuyện thuộc về tình cảm. Ngày nay liệu còn có thể nói như thế nữa không, khi người dẫn lối chính trị càng lúc càng là những xung động của đám đông hay thay đổi, không biết đến lí trí, và chỉ tình cảm mới có thể hướng dẫn được nó thôi?

Còn về báo chí, ngày xưa là người hướng dẫn dư luận; thì ngày nay, cũng như chính quyền, nó phải chịu lu mờ trước quyền lực của đám đông. Chắc hẳn nó có một sức mạnh đáng kể, nhưng vì nó chủ yếu là sự phản ánh của những ý kiến đám đông và sự biến thiên không ngừng của chúng. Trở thành tổ chức thông tin đơn thuần, báo chí đã từ chối áp đặt bất cứ tư tưởng và bất cứ chủ thuyết nào. Nó đi theo tất cả những thay đổi của tư tưởng chung, và sự cần thiết phải cạnh tranh buộc nó phải đi theo dư luận nếu không thì sẽ mất độc giả. Ngày xưa, những tờ báo lâu năm trang trọng và nhiều ảnh hưởng như tờ *Constitutionnel*, tờ *Siècle*, tờ *Débats*, mà thế hệ trước thành kính nghe những lời phán truyền của chúng, thì đều đã biến mất hoặc đã trở thành những tờ báo thông tin trong khuôn khổ những bài viết cho vui, những bài kể xấu ăn chơi thượng lưu và những bài quảng cáo

tài chính. Ngày nay, đâu còn những tờ báo khá phong phú để cho phép các biên tập viên đưa ra ý kiến cá nhân, và những ý kiến này sẽ có sức nặng gì đó đối với những độc giả chỉ yêu cầu được thông tin hay giải trí, và đằng sau mỗi lời khuyên nhủ họ luôn e ngại kẻ đầu cơ. Ngay phê bình cũng không còn nữa cái quyền năng tung hô quảng cáo cho một cuốn sách hay một vở kịch. Phê bình có thể làm hại chúng, chứ không giúp ích cho chúng. Những tờ báo chỉ ý thức về sự vô ích của tất cả những gì là phê bình hay ý kiến cá nhân, cho nên dần dần bỏ hẳn phê bình văn học, tự hạn chế chỉ đưa ra tên cuốn sách với hai hay ba dòng quảng cáo; và hai mươi năm nữa có lẽ phê bình kịch nghệ cũng sẽ như vậy thôi.

Dò xét dư luận ngày nay đã trở thành mối bận tâm chủ yếu của báo chí và chính quyền. Một biến cố, một dự án lập pháp, một bài diễn văn sẽ tạo ra hiệu quả gì, đó là điều mà họ luôn phải biết; và chuyện ấy không dễ, bởi vì chẳng có gì lưu động hơn và dễ thay đổi hơn là tư tưởng của đám đông; và chẳng có gì thường xuyên hơn là nhìn thấy đám đông chào đón bằng lời nguyền rủa cái mà hôm trước đám đông đã nồng nhiệt hoan hô.

Sự thiếu vắng hoàn toàn việc chỉ đạo dư luận, đồng thời với việc tan rã của những niềm tin

chung, có kết quả cuối cùng là sự phân tán hoàn toàn mọi niềm tin, và sự thờ ơ của đám đông tăng dần đối với cái gì không động chạm rõ rệt tới quyền lợi tức thời của họ. Những vấn đề chủ thuyết, như chủ nghĩa xã hội, chỉ tuyển mộ thêm được những người bảo vệ có lòng tin thực sự trong các tầng lớp ít được học hành, ví dụ công nhân hầm mỏ và xí nghiệp. Còn tầng lớp tiểu tư sản, công nhân có đôi chút học vấn đều rơi vào chủ nghĩa hoài nghi, hay ít ra, rất hay thay đổi.

Sự tiến triển như vậy đã xảy ra từ ba mươi năm nay là rất ấn tượng. Ở thời kì trước tuy không xa lắm, những ý kiến vẫn còn có một khuynh hướng chung; chúng được sinh ra từ việc chấp nhận vài niềm tin cơ bản nào đó. Chỉ bằng việc là người theo chế độ quân chủ, người ta tất nhiên có một số tư tưởng rất kiên định cả về lịch sử lẫn khoa học, và chỉ bằng việc là người cộng hòa, người ta đã có những tư tưởng hoàn toàn trái ngược. Một người theo chế độ quân chủ biết chính xác rằng con người không có nguồn gốc từ khỉ và một người cộng hòa cũng biết không kém phần chính xác rằng mình có nguồn gốc từ khỉ. Người quân chủ phải nói về Cách mạng với một sự ghê tởm, còn người cộng hòa với thái độ tôn sùng. Có những cái tên, như tên Robespierre và

Marat[1], anh ta phải đọc lên với dáng vẻ sùng kính, còn những cái tên khác như César, Auguste, Napoléon, người ta không thể nói lên mà không thóa mạ. Ngay đến cả trong đại học Sorbonne, cái cung cách quan niệm ngây thơ về lịch sử như vậy cũng phổ biến*[2].

Ngày nay, đứng trước sự tranh cãi và phân tích, tất cả các ý kiến đều mất uy tín; những góc cạnh của chúng nhanh chóng bị hao mòn, và chẳng còn lại bao nhiêu điều có thể làm ta say

---

[1] Jean-Paul Marat (1743 - 1793): nhà cách mạng Pháp, thành viên của câu lạc bộ des Cordeliers, bị coi là một trong những người chịu trách nhiệm trong cuộc thảm sát tháng tháng Chín. Trúng cử vào Hội nghị Quốc ước, ông là nghị sĩ phái Núi, từng được coi là "người bạn của nhân dân". Ông bị một phụ nữ ám sát vào ngày 13 tháng Bảy năm 1793.

*[2] Về điểm này, một số trang viết trong sách của các vị giáo sư chính thống cũng rất kì lạ, chứng tỏ tinh thần phê phán trong nền giáo dục đại học của chúng ta đã kém phát triển biết chừng nào. Tôi xin dẫn làm ví dụ một vài dòng trích từ sách về Cách mạng Pháp của một vị nguyên là giáo sư lịch sử ở Sorbonne, và từng làm bộ trưởng giáo dục:

"Việc chiếm ngục Bastille là một sự kiện tuyệt đỉnh trong lịch sử không những chỉ của nước Pháp, mà còn của cả châu Âu; nó mở đầu một thời đại mới của lịch sử thế giới!"

Còn về Robespiere, ta kinh ngạc khi đọc trong sách ấy, rằng nền chuyên chính của ông ta đặc biệt thuộc về ý kiến, sự thuyết phục và uy tín đạo đức; nền chuyên chính ấy là một thứ giáo hoàng trong tay một con người đức hạnh (tr. 91 và 220).

mê. Con người hiện đại càng lúc càng bị sự thờ ơ xâm chiếm.

Ta đừng quá thương xót cho sự sụp đổ chung này của những ý kiến. Dù đó là một triệu chứng suy đồi trong đời sống của một dân tộc, ta cũng không thể cãi lại được. Chắc chắn rằng những nhà thấu thị, nhà truyền đạo, các lãnh tụ, nói tóm lại là những người có niềm tin vững vàng đều có một sức mạnh khác hẳn với những người có thói quen phủ định, những nhà phê phán và những kẻ thờ ơ; nhưng cũng đừng quên rằng với sức mạnh hiện tại của đám đông, nếu một ý kiến độc nhất nào có thể chiếm đủ được uy tín để áp đặt thì nó sẽ phải nhanh chóng khoác một tấm áo quyền lực có tính chuyên chế đến mức tất cả đều phải lập tức cúi gập mình trước nó, và cũng không nên quên rằng thời đại tranh luận tự do đã khép lại từ lâu. Đám đông đôi khi đại diện cho những ông chủ ôn hòa, như hoàng đế Héliogabale[1] và Tibère đã thể hiện khi cần thiết, nhưng đám đông cũng có tính thất thường hung

[1] Héliogabale (204-222): hoàng đế La Mã từ 218 đến 222, là một tư tế ở Baal, ông trở thành hoàng đế sau vụ mưu sát người bà con là Caracalla vào năm 217. Sự độc ác và bạo tàn của ông cũng như việc áp đặt tôn giáo cho người La Mã đã dẫn tới cuộc nổi dậy khiến ông bị giết.

dữ. Khi một nền văn minh sẵn sàng rơi vào tay đám đông, nó sẽ bị phó mặc cho quá nhiều may rủi để có thể tồn tại lâu dài. Nếu một điều gì đó có thể làm chậm giờ sụp đổ ít lâu, đó chính là nhờ vào tính chất cực kì lưu động của những ý kiến và nhờ sự thờ ơ tăng dần của đám đông đối với mọi niềm tin chung.

Quyển III

PHÂN LOẠI VÀ MÔ TẢ CÁC LOẠI ĐÁM ĐÔNG KHÁC NHAU

Chương I

PHÂN LOẠI ĐÁM ĐÔNG

Phân chia tổng quát những đám đông. - Phân loại chúng.

1 - Đám đông không thuần nhất. - *Những đám đông khác biệt nhau như thế nào. - Ảnh hưởng của chủng tộc. - Tâm hồn đám đông càng yếu đuối bao nhiêu thì tâm hồn chủng tộc càng mạnh mẽ bấy nhiêu. - Tâm hồn chủng tộc biểu thị tình trạng văn minh, còn tâm hồn đám đông biểu thị tình trạng dã man.*

2 - Đám đông thuần nhất. - *Phân chia những đám đông thuần nhất. - Phe phái, đẳng cấp và giai cấp.*

Trong cuốn sách này, chúng tôi đã chỉ ra những tính cách tổng quát chung của các đám đông tâm lí. Vấn đề còn lại là phải chỉ ra những tính cách đặc thù thêm vào những tính cách tổng quát ấy tuỳ theo các loại tập thể khác nhau khi, dưới ảnh hưởng của những tác nhân kích thích phù hợp, chúng tự biến mình thành đám đông.

Trước tiên, chúng ta hãy trình bày đôi lời về sự phân loại những đám đông.

Điểm xuất phát của chúng ta sẽ là quần hợp đơn giản. Hình thức thấp nhất của nó bao gồm những cá nhân thuộc về các chủng tộc khác nhau. Nó chẳng có mối liên hệ chung nào khác ngoài ý chí ít nhiều tôn kính đối với một thủ lĩnh. Những người dã man có nguồn gốc rất khác nhau đã xâm chiếm đế chế La Mã trong nhiều thế kỉ có thể được xem như là hình mẫu về loại quần hợp này.

Ở cấp độ cao hơn những quần hợp thuộc các chủng tộc khác nhau này, dưới ảnh hưởng của một vài yếu tố, là những đám đông đã có được các tính cách chung, và cuối cùng đã hợp thành một chủng tộc. Nếu gặp dịp chúng sẽ biểu hiện những đặc tính riêng biệt của đám đông, nhưng những đặc tính này ít nhiều bị đặc tính của chủng tộc thống trị.

Hai loại quần hợp này, dưới ảnh hưởng của những nhân tố được nghiên cứu trong sách này, có thể biến đổi thành những đám đông có tổ chức hay đám động tâm lí. Trong những đám đông có tổ chức, chúng tôi chia ra như sau:

A: Đám đông không thuần nhất (hétérogène)

1. *Vô danh* (anonyme), ví dụ: đám đông đường phố.

2. *Không vô danh* hoặc *hữu danh*, (non-anonyme), ví dụ: ban hội thẩm - nghị viện v.v...

B: Đám đông thuần nhất (homogène)

1. *Phái* (secte), ví dụ: phái chính trị - giáo phái v.v...

2. *Đẳng cấp* hay *tầng lớp* (caste), ví dụ: tầng lớp quân sự, chức sắc tôn giáo, tầng lớp thợ thuyền v.v...

3. *Giai cấp* (classe), ví dụ: giai cấp tư sản, giai cấp nông dân v.v...

Chúng ta cần nói vài lời về các tính chất phân biệt những loại đám đông khác nhau này.

1 - Đám đông không thuần nhất

Đây là những tập thể mà ta đã nghiên cứu tính cách trong sách này. Chúng gồm có những cá nhân bất kì, dù nghề nghiệp hay trình độ trí tuệ của họ ra sao.

Bây giờ ta biết rằng, chỉ riêng việc những con người họp thành một đám đông hoạt động, tâm lí tập thể của họ đã cơ bản khác biệt với tâm lí cá nhân, và trí tuệ không làm cho họ thoát khỏi sự khác biệt đó. Chúng ta đã thấy, trong những tập thể, trí tuệ không có một vai trò nào cả. Chỉ những tình cảm vô thức tác động mà thôi.

Một yếu tố cơ bản, đó là chủng tộc, cho phép tạo ra sự khu biệt khá sâu sắc những đám đông không thuần nhất.

Chúng ta đã nhiều lần nói tới vai trò của chủng tộc, và chúng ta đã chỉ ra rằng đó là yếu tố mạnh mẽ nhất có khả năng quyết định hành động của con người. Nó cũng biểu lộ tác động của mình vào những tính cách của đám đông. Một đám đông gồm những cá nhân bất kì, nhưng toàn bộ là người Anh hay người Trung Hoa, sẽ khác biệt sâu sắc với một đám đông khác cũng gồm những cá nhân bất kì, nhưng thuộc các chủng tộc khác nhau, ví dụ Nga, Pháp, Tây Ban Nha.

Những dị biệt sâu sắc do cấu tạo tinh thần mang tính di truyền tạo ra trong cung cách cảm thụ và suy nghĩ của con người, sẽ bùng phát tức thì ngay khi những hoàn cảnh, kể ra cũng khá hiếm hoi, tập hợp trong cùng một đám đông, theo một tỉ lệ gần bằng nhau những cá nhân thuộc nhiều dân tộc khác nhau, cho dù nhìn bề ngoài có giống nhau về những lợi ích đã tập trung họ đến mấy. Những người xã hội chủ nghĩa thường có mưu toan tập hợp các đại biểu của quần chúng công nhân của từng quốc gia vào các đại hội; mưu toan ấy luôn dẫn tới bất hòa dữ

dội. Một đám đông người Latin, dù giả định là cách mạng hay bảo thủ đến mấy, khi muốn thực hiện những yêu cầu của mình, bao giờ cũng kêu gọi tới sự can thiệp của Nhà nước. Đám đông ấy bao giờ cũng mang tính tập trung và ít nhiều độc tài. Trái lại, một đám đông người Anh hay Mỹ lại không biết tới Nhà nước, mà chỉ kêu gọi tới sáng kiến riêng. Một đám đông người Pháp tha thiết trước hết với sự bình đẳng, và một đám đông người Anh lại tha thiết với sự tự do. Chính do những sự khác biệt chủng tộc này, cho nên có bao nhiêu dân tộc thì gần như có bấy nhiêu dạng thức chủ nghĩa xã hội và chế độ dân chủ.

Vậy nên, tâm hồn chủng tộc thống trị hoàn toàn tâm hồn đám đông. Nó là tầng nền vững chắc để hạn chế những dao động của đám đông. Ta hãy coi câu sau như một định luật chủ yếu: *Những tính cách thấp kém của đám đông càng ít nổi bật bao nhiêu thì tâm hồn của chủng tộc càng mạnh mẽ bấy nhiêu*. Tình trạng đám đông và sự thống trị của đám đông, đó là thời dã man hoặc là sự quay trở về thời dã man. Chỉ khi đạt tới một tâm hồn được cấu tạo vững chắc, thì chủng tộc mới ngày càng thoát ra khỏi sức mạnh nông nổi của đám đông và thoát khỏi tình trạng dã man.

Độc lập với sự phân loại dựa vào chủng tộc, sự phân loại quan trọng duy nhất phải làm với

đám đông không thuần nhất, đó là chia tách chúng thành đám đông vô danh như đám đông đường phố, và đám đông không vô danh, như những nghị viện và hội thẩm. Ý thức trách nhiệm, vốn vắng mặt nơi nhóm trước và được phát triển ở nhóm sau, đã đem tới cho những hành vi của họ những khuynh hướng thường rất khác nhau.

2 - Đám đông thuần nhất

Những đám đông thuần nhất gồm:

1- Phe phái; 2- Đẳng cấp; 3- Giai cấp.

Phe phái chỉ cấp độ thứ nhất trong việc tổ chức những đám đông thuần nhất. Nó gồm những cá nhân có giáo dục, có nghề nghiệp, và đôi khi thuộc nhiều môi trường rất khác nhau; giữa họ chỉ có mối liên hệ duy nhất là những niềm tin. Ví dụ như các giáo phái và nhóm phái chính trị.

Đẳng cấp là cấp độ cao nhất về tổ chức mà đám đông có thể đạt tới. Trong khi nhóm phái gồm những cá nhân có nghề nghiệp, giáo dục, môi trường rất khác nhau và chỉ gắn với nhau bằng niềm tin chung, thì đẳng cấp chỉ gồm những cá nhân có cùng nghề nghiệp và do đó có sự giáo dục và môi trường gần giống nhau. Ví dụ như đẳng cấp quân sự và đẳng cấp chức sắc tôn giáo.

Giai cấp thì gồm những cá nhân có nguồn gốc khác nhau tập hợp lại, không phải bằng niềm tin chung như những thành viên của nhóm phái, cũng không có chung nghề nghiệp như thành viên của đẳng cấp, mà có chung một số quyền lợi, một số thói quen đời sống và có giáo dục rất giống nhau. Ví dụ như giai cấp tư sản, giai cấp nông dân v.v...

Trong sách này tôi chỉ quan tâm tới những đám đông không thuần nhất, và dành việc nghiên cứu những đám đông thuần nhất (nhóm phái, đẳng cấp, giai cấp) cho một cuốn sách khác. Ở đây, tôi không nhấn mạnh đến những tính cách của nhóm sau, và lúc này tôi chỉ quan tâm tới một vài loại đám đông không thuần nhất được chọn như những điển hình.

Chương II

ĐÁM ĐÔNG BỊ COI LÀ PHẠM TỘI

Những đám đông bị coi là phạm tội. - Một đám đông có thể phạm tội về mặt luật định nhưng không phạm tội về mặt tâm lí. - Hành vi của đám đông hoàn toàn vô thức. - Những ví dụ khác nhau. - Tâm lí những người tàn sát hồi tháng Chín. - Cách lập luận, sự nhạy cảm, tính hung dữ và đạo đức của họ.

Sau một thời gian nào đó bị kích thích, đám đông rơi vào tình trạng những người máy đơn giản, vô ý thức, bị những gợi ý dẫn dắt, hình như trong bất cứ trường hợp nào cũng khó có thể gọi những đám đông ấy là phạm tội. Tôi giữ lại cái tính từ sai lầm này chỉ vì nó đã được thịnh hành trong những nghiên cứu tâm lí học mới đây. Một số hành vi của đám đông là phạm tội chắc chắn nếu ta chỉ xem xét chúng trong bản thân chúng, nhưng phạm tội trong trường hợp ấy cũng giống hệt như hành vi của một con hổ ăn thịt một người Hindu, sau khi để cái xác đó cho lũ hổ con cắn xé cho vui.

Những tội ác của đám đông thường có động lực là một gợi ý mạnh mẽ, và những cá nhân tham dự vào đó bị thuyết phục, sau đó họ đã tuân theo một bổn phận, điều này hoàn toàn không phải trường hợp phạm tội thông thường.

Chuyện kể về những tội ác mà đám đông phạm phải sẽ làm sáng tỏ điều nói trên.

Ta có thể dẫn ra làm ví dụ điển hình, trường hợp giết viên quản ngục Bastille, ông Launay. Sau khi nhà ngục bị chiếm, một đám đông rất kích động vây quanh viên quản ngục, rồi đánh ông ta từ mọi phía. Người ta đề nghị treo cổ ông, chặt đầu ông, hay trói ông sau đuôi một con ngựa. Trong khi vật lộn, do vô ý viên quản ngục đá vào chân một người tham dự. Một ai đó đề nghị rằng người bị đá phải chặt đầu ông quản ngục, và lời gợi ý liền được đám đông hoan nghênh.

"Người này là một đầu bếp không địa vị, một kẻ nửa hiếu kì, đến ngục Bastille để xem chuyện gì đang xảy ra ở đó, anh ta cho rằng vì đó là ý kiến toàn thể nên hành động đó là yêu nước; thậm chí anh ta còn tin sẽ xứng đáng được gắn huân chương khi giết một tên quái vật. Với thanh kiếm người ta cho mượn, anh ta chém xuống cái cổ để trần; nhưng lưỡi kiếm mài

không sắc nên chặt không đứt, anh ta liền rút trong túi ra một con dao nhỏ có cán màu đen (vì với tư cách là đầu bếp nên anh ta biết xẻ thịt) và anh ta đã hoàn thành công việc một cách tốt đẹp".

Ở đây, ta thấy rõ cái cơ chế đã được chỉ ra ở trên. Vâng theo một lời gợi ý, lời gợi ý này càng mạnh mẽ hơn vì nó mang tính tập thể, kẻ giết người tin rằng mình đã làm một hành vi rất xứng đáng và lòng tin ấy càng tự nhiên hơn vì anh ta có sự nhất loạt tán đồng của đồng bào mình. Một hành vi tương tự cũng có thể được coi là phạm tội xét về mặt luật pháp, nhưng lại là không phạm tội xét về mặt tâm lí.

Những tính cách chung của đám đông bị coi là phạm tội chính là những tính cách mà chúng tôi đã nhận thấy ở mọi đám đông: tính dễ bị gợi ý, tính nhẹ dạ, tính hay thay đổi, thổi phồng những tình cảm tốt hay xấu, biểu hiện một số hình thức về đạo đức v.v...

Chúng ta sẽ gặp lại tất cả những tính cách này ở một trong những đám đông đã để lại một kí ức thê thảm trong lịch sử của chúng ta: đó là kí ức về những kẻ tàn sát hồi tháng Chín. Ngoài ra, nó cũng biểu hiện nhiều điểm tương đồng với kí ức về vụ thảm sát Saint-Barthélemy. Tôi mượn

những chi tiết trong câu chuyện Taine đã kể, ông đã trích câu chuyện này ra từ hồi kí của thời đó.

Người ta không biết chính xác ai đã ra lệnh hay gợi ý phải dọn sạch những nhà tù bằng cách tàn sát tù nhân. Có lẽ là Danton, vì điều ấy khả thể, cũng có lẽ là người khác, điều ấy chẳng quan trọng gì; điều duy nhất chúng ta quan tâm là sự gợi ý mạnh mẽ mà đám đông có nhiệm vụ tàn sát đã nhận được.

Đám đông những kẻ đi tàn sát gồm khoảng ba trăm người, và cấu thành cái điển hình hoàn hảo của một đám đông không thuần nhất. Ngoài một số rất nhỏ những tên đầu trộm đuôi cướp, đám đông ấy chủ yếu gồm các chủ cửa hàng nhỏ và thợ thủ công thuộc nhiều thành phần nghề nghiệp: thợ giày, thợ khóa, thợ làm tóc giả, thợ nề, người làm công, người môi giới v.v... Dưới ảnh hưởng của việc thu nhận những gợi ý, giống như người đầu bếp kể trên, những người này hoàn toàn tin tưởng rằng họ đang thực hiện một nghĩa vụ ái quốc. Họ phải làm tròn một chức năng kép, vừa làm quan tòa vừa làm đao phủ, nhưng họ không hề tự coi mình là kẻ phạm tội một chút nào.

Thấm nhuần tầm quan trọng của nhiệm vụ, họ bắt đầu bằng việc thành lập một thứ tòa án, và ngay lập tức tinh thần đơn giản quá mức và sự

công bằng cũng chẳng kém phần đơn giản của đám đông xuất hiện. Nhìn thấy số lượng bị cáo quá đông, trước tiên người ta quyết định rằng những quý tộc, thầy tu, sĩ quan, hầu cận nhà vua, nghĩa là tất cả những cá nhân mà chỉ riêng nghề nghiệp thôi cũng là một chứng cứ phạm tội dưới con mắt của một người ái quốc chân chính, sẽ bị tàn sát hàng loạt mà không cần phải có quyết định đặc biệt gì. Còn đối với những người khác, họ sẽ bị xét xử qua nét mặt và thanh danh. Ý thức thô thiển của đám đông như vậy đã được thỏa mãn, nó sẽ có thể tiến hành tàn sát một cách hợp pháp, và thả lỏng cho những bản năng hung dữ hoành hành - điều mà tôi đã chỉ ra sự sinh thành của nó ở chỗ khác, đồng thời những tập thể bao giờ cũng có khả năng phát triển bản năng ấy đến mức độ cao. Vả lại, chúng cũng không ngăn cản - mà điều này cũng là quy tắc trong đám đông - sự biểu hiện kèm theo những tình cảm trái ngược nhau, như là một sự nhạy cảm thường cũng cực đoan như tính hung dữ.

"Họ có lòng cảm thông cởi mở và tính nhạy cảm thoảng qua của người công nhân Paris. Ở nhà tù Abbaye, một uỷ viên liên minh, khi biết người ta đã để tù nhân không có nước uống suốt hai mươi sáu giờ, đã nhất quyết muốn giết người trực hành lang chểnh mảng và ông ta đã

làm điều ấy dù bản thân các tù nhân không yêu cầu. Khi một người tù được xử trắng án, (do tòa án được ngẫu hứng lập nên), thì lính gác, đao phủ, tất cả mọi người ôm hôn anh ta với niềm hoan hỉ, người ta hoan hô nhiệt liệt", sau đó người ta lại quay trở về giết những người khác hàng loạt. Trong cuộc tàn sát, một sự vui vẻ đáng yêu không ngừng ngự trị. Họ nhảy múa, và hát hò xung quang những xác chết, sắp đặt những ghế dài "dành cho các quý bà" sung sướng được chứng kiến xử tử những nhà quý tộc. Họ cũng tiếp tục chứng tỏ một sự công bằng đặc biệt. Một đao phủ ở nhà tù Abbaye than phiền rằng các quý bà có chỗ ngồi hơi xa nên nhìn không rõ, và rằng chỉ một vài người đến tham dự có niềm vui thích được đập chết những tên quý tộc, người ta thuận theo ý kiến đúng đắn này, và quyết định sẽ cho các nạn nhân đi chầm chậm giữa hai hàng những kẻ giết người, những kẻ mà chỉ có thể đập nạn nhân bằng sống kiếm, để kéo dài nhục hình. Ở nhà ngục Force, người ta lột trần truồng nạn nhân, hành hạ nhừ nát tù nhân trong vòng nửa giờ; rồi khi mọi người đã nhìn thấy chán chê, người ta mới kết thúc bằng cách mổ bụng họ.

Vả lại những kẻ tàn sát cũng rất thận trọng, và biểu lộ tính đạo đức mà chúng tôi đã nhận thấy

có trong đám đông. Họ từ chối việc chiếm đoạt tiền bạc và đồ trang sức của nạn nhân, họ mang những thứ đó nộp lên bàn hội đồng.

Trong mọi hành vi của họ, ta luôn gặp lại những hình thức lập luận thô sơ này, chúng đặc trưng cho tâm hồn đám đông. Vậy nên sau khi đã giết 1.200 hay 1.500 kẻ thù của dân tộc, một vài người nhận xét rằng các nhà tù khác giam những ăn mày già yếu, bọn lang thang, đám tù nhân trẻ, trên thực tế là giam nhốt những miệng ăn vô tích sự; sự gợi ý ấy lập tức được chấp nhận, người ta thấy vì lí do trên tốt nhất là nên loại bỏ đám người này. Vả lại, trong đám này chắc chắn còn có những kẻ thù dân tộc, ví dụ như một quý bà Delarue nào đó, góa phụ của một kẻ đánh thuốc độc: "Bà ta hẳn tức giận vì bị tù; nên có thể bà ta sẽ châm lửa đốt Paris; bà ta hẳn đã nói lên điều ấy, bà ta đã nói điều ấy. Cần một nhát chổi nữa". Sự chứng minh có vẻ hiển nhiên, và tất cả đã bị tàn sát hàng loạt, bao gồm cả khoảng năm mươi đứa trẻ từ mười hai đến mười bảy tuổi, vả lại, chính chúng có thể trở thành kẻ thù của quốc gia, và do đó hiển nhiên là có lợi khi loại bỏ chúng.

Sau một tuần, mọi việc kết thúc, những kẻ tàn sát có thể nghĩ tới chuyện nghỉ ngơi. Trong thâm tâm họ tin rằng họ đã rất xứng đáng với tổ quốc;

họ đến đòi chính quyền một phần thưởng; những người hăng hái nhất còn đi tới chỗ yêu cầu được gắn huân chương.

Lịch sử Công xã năm 1871 cũng cho chúng ta nhiều sự kiện tương tự với các sự kiện kể trên. Với ảnh hưởng đang lớn lên của đám đông, và sự đầu hàng liên tiếp của nhiều quyền lực trước đám đông, chúng ta chắc hẳn còn phải chứng kiến vô số những sự kiện cùng loại.

Chương III

HỘI THẨM TÒA ĐẠI HÌNH

Hội thẩm viên tòa đại hình. - Tính cách chung của những ban hội thẩm. - Thống kê cho thấy những quyết định của họ độc lập với thành phần của họ. - Các hội thẩm viên bị gây ấn tượng thế nào. - Tác động yếu ớt của sự suy luận. - Phương pháp thuyết phục của các luật sư nổi tiếng. - Bản tính của những tội ác mà các hội thẩm viên tỏ ra khoan dung hay nghiêm khắc. - Lợi ích của thể chế ban hội thẩm và mối nguy hiểm vô cùng nếu thay thế nó bằng các quan tòa.

Không thể nghiên cứu ở đây tất cả các loại hội thẩm viên, tôi sẽ chỉ xem xét loại quan trọng nhất, đó là những hội thẩm viên của tòa đại hình. Những hội thẩm viên này là một ví dụ tốt nhất về đám đông không thuần nhất hữu danh. Ở đấy, ta lại thấy tính dễ bị gợi ý, sự ưu trội của những tình cảm vô thức, khả năng suy luận yếu kém, ảnh hưởng của những người chủ xướng v.v... Khi nghiên cứu họ, chúng ta sẽ có dịp quan sát những mẫu thú vị về sai lầm mà những người không am hiểu tâm lí học đám đông có thể mắc phải.

Trước tiên, những ban hội thẩm cung cấp cho ta một bằng chứng về tầm quan trọng ít ỏi của trình độ tinh thần của các thành viên khác nhau họp thành đám đông xét về những quyết định của họ biểu hiện. Chúng ta đã thấy rằng khi một hội đồng cần đưa ra ý kiến về một vấn đề hoàn toàn mang tính kĩ thuật, thì trí tuệ không sắm một vai trò gì cả; và một cuộc hội họp của các nhà bác học hay các nghệ sĩ, thực ra chỉ là việc họ đã hội họp nhau lại, còn những vấn đề có tính tổng quát, họ không có những nhận định khác một cách rõ rệt so với nhận định của một cuộc hội họp những người thợ nề hay người bán hàng thực phẩm gia vị. Ở các thời kì khác nhau, chính quyền chọn lựa kĩ càng trong đám những người được mời đến để thành lập ban hội thẩm, và người ta tuyển lựa họ trong những tầng lớp sáng suốt: giáo sư, công chức, người có học v.v... Ngày nay, ban hội thẩm được tuyển lựa chủ yếu trong những người buôn bán nhỏ, những ông chủ nhỏ, những người làm công. Thế mà, điều làm cho những người chuyên viết kí sự pháp đình rất ngạc nhiên, đó là dù thành phần của ban hội thẩm ra sao, thì thống kê cũng chứng tỏ rằng những quyết định của họ đều giống hệt như nhau. Bản thân các quan tòa, tuy rất chống đối với thể chế ban hội thẩm, cũng phải công nhận

điều khẳng định này là chính xác. Ông Bérard des Glajeux, cựu chánh án tòa đại hình, trong cuốn *Hồi ức*, đã viết về vấn đề này như sau:

"Ngày nay, trên thực tế, việc lựa chọn ban hội thẩm nằm trong tay những uỷ viên hội đồng thành phố, những người chấp nhận hay loại bỏ, tuỳ theo ý họ, tuỳ theo những mối bận tâm chính trị và bầu cử gắn liền với hoàn cảnh của họ... Đa số người được chọn gồm những người buôn bán có vai trò ít quan trọng hơn những người ngày xưa được chọn, và những người làm công của một số cơ quan... Mọi ý kiến phụ thuộc vào nghề nghiệp trong vai trò người xét xử, từ những vị có nhiệt tình của tân tín đồ, đến những người có thiện chí nhất đều gặp nhau trong những hoàn cảnh tầm thường nhất, tinh thần của ban hội thẩm không thay đổi: *phán quyết của đoàn hội thẩm luôn giống hệt nhau*".

Từ đoạn văn tôi vừa mới trích dẫn, ta hãy giữ lại những kết luận rất xác đáng, và nên bỏ qua những lí giải kém thuyết phục. Ta không nên quá ngạc nhiên về sự kém thuyết phục này, bởi vì những trạng sư và quan tòa hình như cũng thường không hiểu biết về tâm lí học đám đông, và do đó không hiểu tâm lí các vị hội thẩm. Tôi tìm thấy chứng cứ về điều này trong sự việc mà

tác giả trên đã kể lại, rằng ông Lachaud, trạng sư nổi tiếng nhất của tòa đại hình đã sử dụng triệt để quyền phản đối nếu ban hội thẩm gồm toàn những người thông minh, tài giỏi. Thế mà, kinh nghiệm - chỉ kinh nghiệm thôi - cuối cùng mới làm người ta hiểu sự vô ích của việc phản đối ấy. Chứng cứ là ngày nay viện kiểm sát và các trạng sư, ít ra là ở Paris, đã hoàn toàn từ bỏ quyền phản đối ấy, và như ông des Glajeux đã nhận xét, "những phán quyết không thay đổi, chúng không tốt hơn và cũng không tệ hơn".

Như mọi đám đông, các vị hội thẩm đều bị tình cảm gây ấn tượng rất mạnh, còn sự suy luận gây ấn tượng rất yếu. Một trạng sư viết: "Họ không cưỡng lại nổi khi nhìn thấy một phụ nữ cho con bú, hay thấy một đàn trẻ con côi cút". Ông des Glajeux nói: "Chỉ cần một người phụ nữ dễ thương thôi là đủ để được hưởng lòng khoan dung của ban hội thẩm".

Không thương xót đối với những tội ác có vẻ như có thể gây tổn hại tới mình - và lại chúng đúng là những tội ác đáng sợ nhất với xã hội - trái lại các vị hội thẩm rất độ lượng với những tội ác được gọi là vì tình. Họ hiếm khi nghiêm khắc đối với tội giết trẻ sơ sinh của những cô gái chửa hoang, và còn ít nghiêm khắc hơn với những cô gái bị bỏ rơi đã hắt axit vào kẻ quyến

rũ; bằng bản năng họ cảm thấy rõ những tội ác này chẳng mấy nguy hiểm đối với xã hội, và trong một đất nước nơi luật pháp không bảo vệ những cô gái bị bỏ rơi, thì tội ác của người phụ nữ báo thù có ích hơn là có hại, nó răn đe những kẻ quyến rũ tương lai*[1].

Những đoàn hội thẩm, như mọi đám đông, đều dễ bị uy tín làm choáng ngợp, ông chánh án des Glajeux đã nhận xét xác đáng rằng, rất dân chủ xét về mặt thành phần, họ lại rất quý phái xét về mặt cảm xúc: "Tên tuổi, dòng dõi, có gia tài

---

*[1] Chúng ta nhận xét sơ qua rằng sự phân biệt giữa những tội ác nguy hiểm và những tội ác không nguy hiểm đối với xã hội được các vị hội thẩm làm rất tốt theo bản năng, không phải hoàn toàn không đúng. Mục đích của luật hình sự rõ ràng phải để bảo vệ xã hội chống lại bọn tội phạm nguy hiểm, chứ không để báo thù. Thế mà, những bộ luật của ta [nước Pháp], nhất là tư tưởng của những quan tòa của chúng ta, còn thấm đẫm tinh thần trả thù của luật lệ nguyên thuỷ cổ xưa, và thuật ngữ trừng phạt tội ác (vindicte, có gốc Latin vindicta: trả thù) vẫn là từ thường dùng hằng ngày. Ta có chứng cứ về khuynh hướng này của các vị quan toà, trong việc nhiều người trong số họ từ chối áp dụng đạo luật tiến bộ Bérenger, cho phép bị cáo chỉ chịu nhận hình phạt nếu anh ta tái phạm. Vậy mà chẳng quan tòa nào là không biết rằng theo thống kê, áp dụng hình phạt lần đầu tiên hầu như chắc chắn sẽ tạo ra sự tái phạm. Khi quan tòa thả một tội phạm, họ luôn có cảm tưởng như xã hội không được trả thù. Thay vì trả thù cho xã hội, họ ưa thích hơn khi tạo ra một kẻ tái phạm nguy hiểm.

lớn, nổi tiếng, có một luật sư nổi tiếng giúp đỡ, những thứ nổi bật, những đồ vật sáng nhoáng, họp thành cái phụ trợ rất đáng kể trong tay các bị cáo". Tác động lên tình cảm của những vị hội thẩm, cũng như với mọi đám đông, lập luận rất ít thôi, hoặc chỉ dùng những hình thức suy luận thô sơ, đó là sự quan tâm của mọi trạng sư giỏi. Một trạng sư Anh nổi tiếng nhờ thành công ở tòa đại hình đã chỉ rõ phương cách tác động:

"Trong khi biện hộ, anh ta quan sát chăm chú ban hội thẩm. Đó là thời điểm thuận lợi. Với sự nhạy bén và thói quen, trạng sư đọc được trên những gương mặt hiệu quả của mỗi câu nói, của mỗi từ ngữ, và từ đó rút ra những kết luận của mình. Trước tiên cần phải phân biệt những thành viên đã đứng về phía vụ kiện từ trước. Người biện hộ hoàn thành trong nháy mắt việc kiểm soát họ, sau đó, anh ta chuyển sang những thành viên có vẻ như bực dọc, và anh ta cố gắng đoán xem tại sao họ lại chống lại bị cáo. Đó là phần tế nhị của công việc, vì có thể có muôn vàn lí do để muốn kết tội một con người, bên ngoài ý thức về công lí".

Vài dòng trên tóm tắt rất đầy đủ mục đích của nghệ thuật hùng biện, và cũng chỉ cho ta thấy tại sao bài diễn văn được soạn thảo sẵn từ trước lại không có ích, bởi vì mỗi lúc cần biến đổi những từ

ngữ được sử dụng tuỳ theo ấn tượng được tạo ra.

Diễn giả không cần làm lay chuyển tất cả các thành viên của một ban hội thẩm, mà chỉ những người đứng đầu sẽ quyết định ý kiến chung. Giống như trong mọi đám đông, bao giờ cũng có một số ít cá nhân dẫn dắt những người khác. Vị trạng sư nói trên bảo rằng: "Tôi đã có kinh nghiệm là, vào lúc ra phán quyết, chỉ cần có một hay hai người cương nghị là đủ để lôi kéo những người còn lại trong đoàn hội thẩm". Chính hai hay ba người này cần được thuyết phục bằng những gợi ý khéo léo. Thoạt tiên và trước hết là phải làm họ vui lòng. Con người trong đám đông mà ta đã làm vui lòng là người đã gần như bị thuyết phục và hoàn toàn sẵn lòng để thấy những lí do nào đó mà ta đưa ra với ông ta là tuyệt vời. Tôi tìm thấy giai thoại sau đây trong một công trình thú vị nói về ông Lachaud:

"Người ta biết rằng trong suốt quãng thời gian những cuộc biện hộ khi bày tỏ ý kiến với tòa đại hình, ông Lachaud không rời mắt khỏi hai hay ba hội thẩm viên mà ông biết hay cảm thấy có ảnh hưởng nhưng tính nết cau có. Thông thường, ông đạt được việc hạn chế những con người ương ngạnh này. Tuy nhiên, có một lần, ở tỉnh lẻ, ông thấy một người như vậy, mà ông đã uổng công đưa ra sự biện hộ bền bỉ nhất suốt bốn lăm phút,

đó là người ngồi đầu tiên ở hàng ghế thứ hai, hội thẩm viên thứ bảy. Thật là tuyệt vọng! Đột nhiên, giữa chừng một đoạn chứng minh say sưa, Lachaud ngừng lại và nói với ông chánh án tòa đại hình: "Thưa ngài chánh án, mong ngài có thể cho kéo tấm màn che, chỗ kia, phía trước mặt. Ông hội thẩm thứ bảy bị mặt trời làm chói mắt". Ông hội thẩm thứ bảy đỏ mặt, mỉm cười, cảm ơn. Ông đã thắng trong vụ bào chữa đó".

Nhiều nhà văn, trong đó có nhiều người rất lỗi lạc, trong thời gian qua đã đấu tranh mạnh mẽ với thể chế ban hội thẩm, tuy nhiên đó là thể chế bảo vệ duy nhất mà chúng ta có được để chống lại những sai lầm thực sự rất hay xảy ra của một đẳng cấp không bị kiểm soát*[1]. Những người này

*[1] Thực vậy, tổ chức tòa án là thể chế hành chính duy nhất mà hành vi của nó không chịu sự kiểm soát nào cả. Mặc cho mọi cuộc cách mạng, nước Pháp dân chủ vẫn không có luật Habeas corpus (luật định quyền giam giữ hạn chế trong 24 tiếng - ND) mà nước Anh rất tự hào. Chúng ta đã trừ bỏ mọi bạo chúa, nhưng trong mỗi thành phố chúng ta lại đặt một quan tòa tuỳ ý nắm trong tay danh dự và tự do của các công dân. Một cán bộ điều tra tầm thường, vừa mới tốt nghiệp trường luật, đã có cái quyền đáng phẫn nộ là tuỳ ý tống giam những công dân đáng kính nhất, dựa trên một quyết định đơn giản là người ấy có tội, và anh ta không có nhiệm vụ phải biện hộ điều này với ai. Anh ta có thể giam họ sáu tháng, hay thậm chí một năm với lí do để điều tra, và sau đó thả họ ra mà không có bổn phận bồi thường, cũng không xin lỗi. Lệnh áp giải hoàn toàn tương đương với lệnh

thì muốn ban hội thẩm chỉ được tuyển lựa trong những giai tầng sáng suốt; nhưng chúng tôi đã chứng minh rằng, ngay cả trong trường hợp ấy, những quyết định cũng giống hệt như những quyết định hôm nay đang công bố. Những người khác thì căn cứ vào các sai lầm mà các hội thẩm viên mắc phải, lại muốn huỷ bỏ ban hội thẩm và thay thế bằng thẩm phán. Nhưng làm sao họ lại có thể quên rằng những sai lầm đã bị phê phán rất nhiều đối với ban hội thẩm ấy, thường chính các quan tòa mắc phải trước tiên; bởi vì khi bị cáo ra trước ban hội thẩm thì anh ta đã bị nhiều quan tòa coi như có tội rồi: ông quan tòa điều tra, ông chưởng lí của nước Cộng hòa, rồi phòng công tố. Và khi ấy, người ta không nhận thấy rằng nếu bị cáo đã bị các quan tòa phán xử một cách dứt khoát rồi, thay vì phải được các vị hội thẩm xét xử, thì có nghĩa hắn sẽ mất cái cơ may duy nhất là được công nhận vô tội. Trước tiên, những sai lầm của các vị hội thẩm đã luôn là sai lầm của các quan tòa. Vậy duy nhất chỉ có các quan tòa mới là người phải bị quy trách nhiệm, khi ta thấy những sai lầm pháp lí đặc biệt quái gở; ví dụ như vụ kết

---

tống giam, chỉ có sự khác biệt đó là cái sau - thật đáng phê phán vì nó thuộc về thời quân chủ xưa cũ, - vốn chỉ nằm trong tay các nhân vật quan trọng; trong khi ngày nay nó nằm trong tay của cả một tầng lớp công dân còn lâu mới được coi là sáng suốt nhất và độc lập nhất.

án ông bác sĩ X, ông này đã bị một cán bộ điều tra quá thiển cận của tòa án truy tố, dựa trên lời tố cáo của một cô gái ngớ ngẩn kết tội ông bác sĩ đã cho cô phá thai với 30 franc; chắc chắn ông đã bị đưa đến nhà tù khổ sai nếu sự bất bình của công luận không bùng nổ, khiến người đứng đầu Nhà nước lập tức phải ra lệnh ân xá thả ông. Thanh danh của bị cáo đã được tất cả đồng bào của ông tôn xưng, làm rõ tính thô bạo của sai lầm. Bản thân các quan tòa phải công nhận điều đó; tuy nhiên, do tinh thần đẳng cấp, họ làm đủ mọi cách có thể để ngăn không cho lệnh ân xá được kí. Trong mọi sự việc tương tự, bị bao quanh bằng những chi tiết kĩ thuật mà ban hội thẩm không thể hiểu nổi, dĩ nhiên họ nghe theo viện kiểm sát, họ tự nhủ rằng dù sao vụ kiện cũng đã được nghiên cứu kĩ bởi các quan tòa thành thạo mọi tình tiết. Lúc đó, hỏi ai là tác giả đích thực của sai lầm: các vị hội thẩm hay các quan tòa? Chúng ta hãy "giữ gìn cẩn thận" ban hội thẩm. Có lẽ đó là loại đám đông duy nhất mà không một cá nhân nào sẽ có thể thay thế. Chỉ riêng ban hội thẩm mới có thể làm dịu bớt những khắc nghiệt của thứ luật pháp cào bằng tất cả, trên nguyên tắc phải mù quáng và không biết tới những trường hợp cá biệt. Không biết đến tình thương, mà chỉ biết đến văn bản pháp luật; quan tòa với sự cứng rắn nghề nghiệp sẽ trừng phạt bằng cùng một

hình phạt bọn trộm cắp giết người và cô gái nghèo bị kẻ quyến rũ bỏ rơi mà sự khốn khổ đã dẫn cô tới phạm tội giết trẻ sơ sinh; trong khi ban hội thẩm bằng bản năng cảm nhận rất rõ rằng cô gái bị quyến rũ ít tội lỗi hơn nhiều so với kẻ quyến rũ, tuy gã này thoát khỏi lưới pháp luật, và cô gái xứng đáng được hưởng tất cả sự khoan dung của nó.

Biết rất rõ tâm lí của đẳng cấp là gì, và cũng biết tâm lí của các loại đám đông khác là gì, tôi chẳng thấy có trường hợp nào, nếu bị kết án sai về một tội ác, lại không thích được giải quyết với các vị hội thẩm hơn là với các quan tòa. Tôi có nhiều cơ may được công nhận là vô tội với các vị thứ nhất, và rất ít cơ may với các vị sau. Ta hãy sợ hãi sức mạnh của đám đông, nhưng hãy sợ hãi nhiều hơn nữa sức mạnh của một số đẳng cấp. Loại thứ nhất còn có thể để cho ta thuyết phục, còn loại thứ hai chẳng bao giờ xiêu lòng cả.

Chương IV

ĐÁM ĐÔNG BẦU CỬ

Tính cách chung của đám đông bầu cử. - Người ta thuyết phục đám đông bầu cử ra sao. - Những phẩm chất mà ứng cử viên phải có. - Sự cần thiết của uy tín. Tại sao công nhân và nông dân rất hiếm khi chọn lựa những ứng cử viên trong giai cấp mình. - Sức mạnh của từ ngữ và công thức đối với cử tri. - Phương diện chung của những cuộc thảo luận bầu cử. - Ý kiến của cử tri được hình thành ra sao. - Sức mạnh của các uỷ ban. - Chúng là hình thức đáng sợ nhất của sự chuyên chế. - Những uỷ ban của Cách mạng. - Mặc dù giá trị tâm lí học rất kém, phổ thông đầu phiếu vẫn không thể thay thế được. - Tại sao những cuộc bỏ phiếu đều giống nhau, thậm chí cả khi người ta thu hẹp quyền bỏ phiếu chỉ cho một tầng lớp công dân hạn chế. - Ở tất cả các quốc gia, phổ thông đầu phiếu diễn giải điều gì.

Đám đông bầu cử, nghĩa là tập thể được gọi đến để bầu ra những người có quyền đảm nhiệm một số chức vụ, cấu thành những đám đông không thuần nhất; nhưng vì chúng chỉ thu hẹp trong một điểm rất xác định: lựa chọn giữa những ứng cử viên khác nhau, nên người ta chỉ có thể

nhận thấy ở những đám đông này một vài tính cách trong những tính cách đã mô tả ở phần trên.

Những tính cách tiêu biểu của đám đông mà đám đông bầu cử thể hiện chủ yếu là khả năng yếu kém trong lập luận, thiếu óc phê phán, tính nhẹ dạ, thói dễ bị kích động và tính giản đơn. Người ta cũng phát hiện ra trong các quyết định của họ ảnh hưởng của những lãnh tụ và vai trò của các nhân tố đã kể trước đây: sự khẳng định, sự lặp đi lặp lại, uy tín và sự lây nhiễm.

Ta hãy nghiên cứu xem người ta lôi cuốn những đám đông bầu cử như thế nào. Từ những phương cách thành công nhất, tâm lí của họ sẽ được suy ra rõ ràng.

Đối với ứng cử viên, điều kiện đầu tiên phải có là uy tín. Uy tín cá nhân chỉ có thể được thay thế bằng uy tín của sự giàu có. Tài năng, thậm chí thiên tài cũng không phải là những yếu tố dẫn đến thành công.

Sự cần thiết phải có uy tín đối với ứng cử viên, nghĩa là có thể áp đặt không cần tranh cãi, là chủ yếu. Nếu những cử tri, mà đa số gồm công nhân và nông dân, hiếm khi chọn một người trong họ để đại diện cho mình, thì đó là vì những cá nhân xuất thân từ hàng ngũ công nông, đối với họ chẳng có uy tín chút nào. Khi ngẫu nhiên họ đề

bạt người trong hàng ngũ của mình, thì thường chỉ vì những lí do phụ, ví dụ để ngăn trở một con người nổi bật, một ông chủ quyền thế mà hằng ngày cử tri phải phụ thuộc, và làm như vậy người cử tri có ảo tưởng được trở thành ông chủ trong chốc lát.

Nhưng việc có được uy tín vẫn không đủ để đảm bảo cho ứng cử viên thành công. Cử tri thiết tha với việc người ta mơn trớn những thèm khát và tính kiêu căng của mình; cần phải dồn dập nói với anh ta những lời phỉnh nịnh quá mức nhất, đừng ngần ngại cho anh ta những lời hứa hẹn hư ảo nhất. Nếu anh ta là công nhân, ta có thể lăng nhục và bêu xấu người chủ của anh ta. Còn về phần ứng cử viên đối địch, ta phải cố gắng đánh bại ông ta bằng cách chứng minh thông qua sự khẳng định, lặp đi lặp lại và lây nhiễm, rằng ông ta là kẻ vô lại bậc nhất, rằng chẳng ai không biết ông ta đã phạm nhiều tội ác. Dĩ nhiên, chẳng cần tìm một chút gì gọi là chứng cứ. Nếu đối phương kém hiểu biết về tâm lí học đám đông, ông ta sẽ tìm cách tự biện hộ bằng những cứ liệu, mà lẽ ra ông ta chỉ cần đáp lại những khẳng định bằng những khẳng định khác, và từ bấy giờ ông ta sẽ không có một cơ may nào để giành chiến thắng.

Chương trình được soạn thảo sẵn của ứng cử viên không nên quá rõ ràng, bởi vì sau này đối phương của ông ta sẽ có thể phản đối lại; nhưng chương trình nói vo thì cứ việc nói quá lên. Những cải cách đáng kể nhất có thể được hứa hẹn mà không phải e sợ. Lúc đương cuộc, những lời phóng đại ấy gây được nhiều hiệu quả, còn đối với tương lai những lời ấy chẳng cam kết cái gì. Thực tế, người ta luôn nhận thấy rằng cử tri không bao giờ bận tâm để biết xem người trúng cử thực hiện được bao nhiêu chương trình tranh cử dù nhờ đó mà ứng cử viên đã được hoan nghênh và là lí do để ông ta đắc cử.

Ở đây ta nhận ra mọi nhân tố thuyết phục mà chúng tôi đã mô tả. Ta sẽ còn gặp lại chúng trong tác động của *từ ngữ* và *công thức* mà chúng tôi đã chỉ ra những ảnh hưởng mạnh mẽ của chúng. Diễn giả biết sử dụng chúng để tuỳ thích dẫn dắt đám đông đến nơi mà ông ta muốn. Những cụm từ như: *tư bản bỉ ổi, những kẻ bóc lột đê tiện, người công nhân đáng khâm phục, xã hội hóa sự giàu có* v.v... bao giờ cũng gây ra cùng một hiệu quả, mặc dù đã mòn cũ. Nhưng ứng cử viên tìm được một công thức mới, không có một nghĩa chính xác, và do đó có thể đáp ứng nhiều khát vọng khác nhau nhất, sẽ thu được thành công chắc chắn. Cuộc cách mạnh Tây Ban Nha đẫm máu năm 1873 đã được

tiến hành với một trong những từ ngữ thần kì đó, với ý nghĩa phức hợp, khiến mỗi người có thể giải thích theo cách của riêng mình. Một nhà văn đương thời đã kể lại sự sinh thành ra nó bằng những lời lẽ đáng được thuật lại:

"Những đảng viên cấp tiến phát hiện rằng nền cộng hòa thống nhất là một chế độ quân chủ trá hình; và để làm vui lòng họ, Nghị viện Tây Ban Nha đồng thanh công nhận nền cộng hòa liên bang (république fédérale), mặc dù không một cử tri nào có thể giải thích được họ vừa bỏ phiếu cho cái gì. Nhưng cái công thức đó bỏ bùa tất cả mọi người, đó là một cơn say, một cơn thác loạn. Trên trái đất, người ta vừa khai mở một triều đại của đức hạnh và hạnh phúc. Một người cộng hòa bị kẻ thù từ chối không cho cái danh hiệu liên bang, sẽ tức giận vì điều đó giống như một lời chửi rủa chết người. Trên đường phố, người ta bắt chuyện với nhau bằng cách nói: *Salud y republica federal!* (chào cộng hòa liên bang), sau đó người ta hát bài tụng ca về sự vô kỉ luật thần thánh và về chế độ tự trị của binh lính. *Nền cộng hòa liên bang* là cái gì? Người này hiểu đó là sự giải phóng cho các tỉnh, những thể chế giống như thể chế của Hoa Kì hay là sự phi tập trung hóa hành chính; người khác lại nghĩ tới sự thủ tiêu mọi quyền hành, tới việc mở ra sự giải thể xã hội rộng lớn. Những

người xã hội chủ nghĩa ở Barcelone[1] và ở Andalousie[2] lại rao giảng quyền tối cao tuyệt đối của các công xã, họ muốn đem lại cho Tây Ban Nha mười nghìn đô thị tự trị độc lập, chỉ chấp nhận luật pháp của chính bản thân họ, bằng cách cùng lúc thủ tiêu quân đội và cảnh sát. Trong những tỉnh miền Nam, người ta nhanh chóng thấy sự nổi dậy lan truyền từ thành phố này qua thành phố khác, từ làng này sang làng khác. Khi một công xã công bố thành lập, mối bận tâm trước tiên của họ là phá huỷ điện tín và phá huỷ đường xe lửa để cắt đứt mọi sự liên lạc với những vùng lân cận và với [thủ đô] Madrid. Không một làng mạc tồi tàn nào lại không muốn "ra ở riêng". Chế độ liên bang bị thay thế bằng chủ nghĩa phân quyền địa phương tàn nhẫn, đốt nhà, giết người, và ở khắp nơi những hội hè trác táng đẫm máu được cử hành".

Còn về ảnh hưởng mà những suy luận có thể tác động lên tâm trí cử tri, chỉ có không đọc những bản báo cáo về các cuộc mít tinh tranh cử thì mới giữ lại được chút ảo tưởng về vấn đề này. Trong đó, người ta trao đổi những lời khẳng

---

[1] Barcelone: hải cảng và trung tâm công nghiệp của Tây Ban Nha nằm ven bờ Địa Trung Hải, thuộc vùng Catalogne.

[2] Andalousie: vùng đất ở Nam Tây Ban Nha, ven Địa Trung Hải, gần eo biển Gibraltar và Đại Tây Dương.

định, những lời thóa mạ, đôi khi những cú đấm thẳng tay, chứ chẳng bao giờ dùng lí lẽ. Nếu sự yên tĩnh được thiết lập trong chốc lát, đó là vì có một người tham dự khó tính nói rằng ông ta muốn đặt ra cho ứng cử viên một câu hỏi khó xử, câu hỏi đó luôn làm cử tọa thích thú. Nhưng sự thỏa mãn của những người đối lập chẳng kéo dài được lâu, vì tiếng nói của kẻ thắc mắc sẽ nhanh chóng bị tiếng gào thét của những kẻ đối lập át giọng. Người ta có thể xem bản báo cáo sau đây, được rút ra từ nhiều báo cáo tương tự khác, như điển hình về những cuộc họp công cộng; tôi mượn nó từ những tờ nhật báo.

"Một nhà tổ chức đề nghị những người tham dự cử ra một chủ tịch, bão tố bùng lên dữ dội. Những người vô chính phủ nhảy lên diễn đàn để chiếm bàn chủ tọa. Những người xã hội chủ nghĩa chống cự kịch liệt; người ta nện nhau, bên này tố cáo bên kia là mật thám, là kẻ bán mình cho chính phủ v.v... Một công dân rời hội trường với một mắt sưng vù".

"Cuối cùng, bàn chủ tọa cũng được đặt tàm tạm giữa sự huyên náo, và diễn đàn rơi vào tay chiến hữu X.

Diễn giả kịch liệt chống lại những người xã hội chủ nghĩa, những người này ngắt lời diễn giả

bằng cách hét to: "Đồ đần độn! đồ kẻ cướp! đồ vô lại!" v.v..., chiến hữu X. đáp lại những tính ngữ này bằng cách trình bày một lí thuyết cho rằng những người xã hội chủ nghĩa là "bọn ngu ngốc" hay là "lũ hề"".

"...Đảng Allemanis[1], tối hôm qua, đã tổ chức ở phòng Thương mại, phố Faubourg-du-Temple, một cuộc họp lớn chuẩn bị cho ngày hội Lao động mồng một tháng Năm. Khẩu hiệu là: "Bình tĩnh và yên lặng".

"Chiến hữu G. coi những người xã hội chủ nghĩa là "lũ đần độn" và "lũ lăng nhăng".

Vì những lời này, diễn giả và thính giả thóa mạ lẫn nhau đến mức thượng cẳng chân hạ cẳng tay, ghế tựa, ghế dài, cả bàn đều vào cuộc, v.v... và v.v..."

Ta đừng vội tưởng rằng loại tranh cãi như thế là đặc thù của một giai tầng cử tri nhất định, và phụ thuộc hoàn cảnh xã hội của họ. Trong tất cả các cuộc hội họp vô danh, bất kể mang tính chất gì, dù nó chỉ gồm những người có học, thì cuộc thảo luận cũng dễ dàng mang hình thức như vậy. Tôi đã chỉ ra rằng những con người trong đám đông thường hướng tới sự ngang bằng nhau về

[1] Một phái nhỏ của Đảng Xã hội Pháp thời bấy giờ.

mặt tinh thần, và mỗi lúc chúng ta lại gặp những bằng chứng về điều đó. Đây, chẳng hạn, đoạn trích về một cuộc họp chỉ gồm toàn sinh viên, mà tôi trích từ một tờ báo:

"Càng về khuya sự ồn ào càng tăng lên; tôi không tin rằng một diễn giả nào có thể nói đến hai câu mà không bị ngắt lời. Mỗi lúc, tiếng la hét lại nổi lên từ chỗ này hay chỗ khác, hay cùng một lúc nổi lên từ mọi phía; người ta vỗ tay hoan hô, người ta huýt sáo; những cuộc tranh cãi kịch liệt xảy ra giữa các thính giả khác nhau, những chiếc gậy khua lên đe dọa, người ta gõ xuống sàn theo nhịp; tiếng la ó truy kích những kẻ ngắt lời: "Cút đi! Cút khỏi diễn đàn đi!"

M-C... ban phát hào phóng cho hiệp hội những tính ngữ như bỉ ổi và hèn nhát, quái thai, đê hèn, mua chuộc hay trả thù, và tuyên bố anh ta muốn huỷ bỏ hiệp hội, v.v... và v.v..."

Người ta sẽ có thể tự hỏi, trong những điều kiện như vậy, làm sao ý kiến của cử tri có thể hình thành được. Nhưng đặt ra một câu hỏi như thế sẽ là tự tạo ra cho mình một ảo tưởng kì quặc về mức độ tự do mà một tập thể có thể được hưởng. Đám đông có những ý kiến bị áp đặt, chứ không bao giờ có những ý kiến được suy luận. Trong trường hợp chúng ta quan tâm, ý kiến và

phiếu bầu của cử tri đều nằm trong tay những hội đồng bầu cử mà những người đứng đầu thường là mấy bác bán hàng rượu vang rất có ảnh hưởng đối với công nhân và được họ tin cậy.

Ông Schérer, một trong những người can đảm nhất bảo vệ nền dân chủ hiện thời đã viết: "Bạn có biết một uỷ ban bầu cử là cái gì không? Đó hoàn toàn đơn giản là chìa khóa cho những thiết chế của chúng ta, bộ phận chủ chốt của cỗ máy chính trị. Ngày hôm nay nước Pháp đang được những uỷ ban*[1] cai trị." Vậy nên chẳng phải là quá khó để tác động lên chúng miễn là ứng cử viên có thể chấp nhận được và có đủ tiền bạc. Theo sự thú nhận của các nhà tài trợ, ba triệu

*[1] Những uỷ ban dù chúng mang tên gì: câu lạc bộ, công đoàn, v.vv.v đều có thể tạo ra mối nguy đáng sợ của sức mạnh đám đông. Thực vậy, chúng biểu thị hình thức vô nhân xưng nhất, và do đó sự chuyên chế có tính áp bức nhất. Lãnh đạo các uỷ ban được coi như nói và hành động nhân danh một tập thể, rũ được mọi trách nhiệm và có thể tự cho phép làm bất cứ điều gì. Bạo chúa hung tợn nhất cũng không bao giờ dám mơ đến những lệnh lưu đày của các uỷ ban cách mạng. Barras nói rằng các uỷ ban đã phá hoại Hội nghị Quốc ước, thải người vô tội vạ. Robespierre là ông chủ tuyệt đối chừng nào ông ta có thể nói nhân danh họ. Cái ngày nhà độc tài đáng sợ này tách ra khỏi họ vì tự ái, ông ta đã thất bại. Triều đại của đám đông là triều đại của những uỷ ban, nghĩa là của những lãnh tụ. Người ta không thể tưởng tượng được chủ nghĩa chuyên chế nào khắc nghiệt hơn thế.

cũng đủ để bảo đảm sự tái đắc cử nhiều lần của tướng Boulanger.

Đó là tâm lí những đám đông bầu cử. Nó giống như tâm lí những đám đông khác. Không tốt hơn cũng chẳng tệ hơn.

Như vậy, từ những điều nói trên, tôi chẳng rút ra kết luận nào chống lại sự phổ thông đầu phiếu. Nếu tôi phải quyết định số phận của nó, thì tôi sẽ bảo tồn nó như nó vốn thế, vì những lí do thực tiễn, sinh ra chính từ nghiên cứu về tâm lí học đám đông của chúng tôi, và vì lí do mà tôi sắp trình bày.

Chắc chắn không ai không thấy những bất cập quá rõ của phổ thông đầu phiếu. Ta không thể chối cãi rằng các nền văn minh là công trình của thiểu số những con người cao siêu đã tạo nên đỉnh của hình tháp mà các tầng dưới cứ càng được mở rộng ra thì giá trị tinh thần càng giảm đi, họ là đại diện cho lớp bề sâu của một dân tộc. Chắc hẳn không phải sự vĩ đại của một nền văn minh có thể phụ thuộc vào việc bỏ phiếu của các phần tử bên dưới, chỉ đại diện đơn thuần cho số lượng. Và chắc chắn hơn nữa, sự phổ thông đầu phiếu của đám đông thông thường rất nguy hiểm. Những cuộc bỏ phiếu ấy đã làm chúng ta phải trả giá bằng nhiều cuộc xâm lược; và với sự

chiến thắng của chủ nghĩa xã hội, những cuồng tưởng về quyền tối thượng bình dân chắc chắn còn bắt chúng ta phải trả giá đắt hơn nữa.

Nhưng những lí lẽ bác bỏ tuyệt vời xét về lí thuyết này, lại mất hoàn toàn sức mạnh về mặt thực tiễn, nếu ta nhớ lại cái sức mạnh vô địch khi những tư tưởng biến thành tín điều. Tín điều về quyền tối thượng của đám đông, xét về mặt triết học, cũng chẳng vững chắc gì hơn những tín điều tôn giáo thời Trung cổ, nhưng ngày nay nó đang có một sức mạnh tuyệt đối. Vậy nên cũng không thể công kích nổi nó, giống như những tư tưởng tôn giáo của chúng ta xưa kia. Hãy giả định một nhà tư tưởng tự do hiện đại, nhờ quyền năng ma thuật, được đưa về giữa thời Trung cổ. Bạn có tin rằng sau khi đã nhận thấy sức mạnh tối cao của những tư tưởng tôn giáo đang thống trị lúc đó, liệu anh ta có mưu toan chống lại chúng không? Khi rơi vào tay một pháp quan muốn thiêu sống anh ta vì tội đã kí giao kèo với quỷ, hay đã có mặt trong dạ hội phù thuỷ, thì liệu anh ta có nghĩ tới việc tranh cãi về sự tồn tại của quỷ và cuộc dạ hội phù thuỷ hay không? Người ta không tranh cãi với những niềm tin của đám đông cũng như chẳng ai đi tranh cãi với những cơn bão xoáy. Tín điều về phổ thông đầu phiếu ngày nay có quyền năng như những tín điều Ki Tô giáo ngày xưa.

Những diễn giả và nhà văn nói về nó với sự kính cẩn và ca tụng mà vua Louis XIV[1] đã chưa từng biết tới. Vậy cần phải đối xử với nó ngang hàng như đối xử với mọi tín điều tôn giáo. Chỉ có thời gian mới tác động nổi lên các tín điều mà thôi.

Vả lại cũng thật là vô ích khi thử làm lay chuyển tín điều này chừng nào còn có những lí do hiển nhiên ủng hộ nó. Tocqueville nói rất đúng: "Trong thời đại bình đẳng, con người chẳng tin nhau chút nào, bởi vì họ giống nhau; nhưng chính sự đồng dạng ấy đem lại cho họ niềm tin hầu như vô hạn vào sự xét đoán của công chúng; bởi vì họ nghĩ rằng ai cũng đều có đầu óc sáng suốt thì chẳng có lí gì chân lí lại không thuộc về đa số".

Bây giờ giả định rằng với sự bỏ phiếu hạn chế - hạn chế về năng lực chẳng hạn - thì liệu người ta có cải thiện được việc bầu cử của đám đông không? Tôi tuyệt nhiên không thể chấp nhận điều này vì chính những lí do mà tôi đã nói về sự thấp kém tinh thần của tất cả những tập thể, dù thành phần của chúng có thể ra sao. Trong đám đông, con người luôn luôn bình đẳng với nhau, và đối

---

[1] Louis XIV (1638 - 1715): vua Pháp từ 1643 đến 1715, được tôn xưng là vua Mặt trời nhờ chính sách cai trị mang lại sự phồn thịnh cho nước Pháp.

với những vấn đề chung, sự bỏ phiếu của bốn mươi viện sĩ hàn lâm cũng không tốt hơn sự bỏ phiếu của bốn mươi phu gánh nước. Tôi tuyệt nhiên không tin rằng bất cứ một cuộc bầu cử nào bị phê phán nhiều đến như phổ thông đầu phiếu, bầu cử về việc phục hồi Đế chế chẳng hạn, lại khác đi nếu những người bỏ phiếu được tuyển chọn chuyên biệt gồm toàn các nhà bác học và người có học. Không phải vì một cá nhân biết tiếng Hy Lạp hay toán học; là kiến trúc sư, là bác sĩ thú y, thầy thuốc hay luật sư, mà ông ta có được sự sáng suốt đặc biệt trước những vấn đề xã hội. Tất cả những nhà kinh tế của chúng ta đều là người có học vấn, phần đông là giáo sư và viện sĩ. Liệu có một vấn đề chung nào: chủ nghĩa bảo hộ, chế độ tiền tệ song bản vị v.v..., mà họ có thể họp lại để đi đến nhất trí với nhau không? Chính vì môn khoa học của họ chỉ là một hình thức rất giảm nhẹ của sự dốt nát phổ quát. Trước những vấn đề xã hội, nơi bao gồm vô vàn ẩn số, thì tất cả những dốt nát đều ngang nhau.

Vậy nếu chỉ riêng những con người bị nhồi nhét đầy khoa học họp thành tập hợp cử tri, thì việc bầu bán của họ cũng sẽ chẳng tốt hơn so với việc bầu bán hiện nay. Họ sẽ chủ yếu bị dẫn dắt theo tình cảm của mình và theo tinh thần đảng phái của họ. Chúng ta sẽ chẳng bớt đi chút khó

khăn hiện thời nào, mà hơn nữa chắc chắn chúng ta sẽ có sự chuyên chế nặng nề của những đẳng cấp.

Bầu hạn chế hay phổ thông, tiến hành ở một đất nước cộng hòa hay một đất nước quân chủ, diễn ra ở Pháp, Bỉ, Hy Lạp, Bồ Đào Nha hay Tây Ban Nha, thì việc bầu cử của đám đông đều giống nhau, và điều mà nó luôn thể hiện, đó là những khát vọng và những nhu cầu vô thức của chủng tộc. Bình quân những người trúng cử đối với mỗi đất nước đại diện cho tâm hồn trung bình của chủng tộc. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, ta lại thấy nó gần như đồng nhất.

Và chính vì vậy một lần nữa chúng ta lại rơi vào khái niệm cơ bản về chủng tộc rất thường hay gặp này, và vào một khái niệm khác, được sinh ra từ khái niệm thứ nhất; đó là những thể chế và những chính phủ chỉ đóng một vai trò ít có ý nghĩa trong đời sống của những dân tộc. Những thể chế và chính phủ ấy chủ yếu được dẫn dắt nhờ tâm hồn chủng tộc, nghĩa là nhờ những cặn bã xa xưa mà tâm hồn ấy là tổng số. Chủng tộc là bộ máy chằng chịt của những điều cần thiết hằng ngày, đó là những ông chủ bí ẩn chỉ đạo số phận của chúng ta.

Chương V

NGHỊ VIỆN

Đám đông nghị viện phần lớn có những tính cách chung với đám đông không thuần nhất hữu danh. - Sự đơn giản hóa quá mức những ý kiến. - Tính dễ bị gợi ý và giới hạn của nó. - Ý kiến kiên định, không khoan nhượng và ý kiến lưu động. - Tại sao sự do dự lại chiếm ưu thế. - Vai trò của những người đứng đầu. - Nguyên do uy tín của họ. - Họ là chủ nhân đích thực của một nghị viện mà những cuộc bầu cử cũng chỉ là cuộc bầu cử của thiểu số. - Sức mạnh tuyệt đối mà họ sử dụng. - Những yếu tố trong nghệ thuật hùng biện của họ. - Ngôn từ và hình ảnh. - Sự tất yếu tâm lý khiến những người cầm đầu thiển cận lại chinh phục được rộng rãi. - Diễn giả không uy tín không thể làm cho người ta chấp nhận lí lẽ của mình. - Sự thối phồng những tình cảm tốt hay xấu trong các nghị viện. - Ở một số thời điểm, nghị viện đã đi tới chỗ hành động hoàn toàn ngoài ý muốn. - Các buổi họp của Hội nghị Quốc ước. - Trường hợp nghị viện mất đi những tính cách của đám đông. - Ảnh hưởng của các chuyên gia trong các vấn đề kĩ thuật. - Cái lợi và mối hiểm nguy của chế độ nghị viện ở mọi đất nước. - Nó đáp ứng những yêu cầu mới; nhưng nó cũng kéo theo sự lãng phí tài chính và hạn chế dần dần mọi quyền tự do. - Kết luận tác phẩm.

Nghị viện là những đám đông không thuần nhất hữu danh. Mặc dù sự tuyển chọn của chúng biến đổi tuỳ theo từng thời đại và từng dân tộc, chúng vẫn có những tính cách rất giống nhau. Ảnh hưởng của chủng tộc biểu lộ rõ ở đó để làm giảm bớt hoặc tăng lên, nhưng không ngăn sự biểu hiện của tính cách. Những nghị viện của các vùng miền rất khác nhau như nghị viện của Hy Lạp, của Italia, của Bồ Đào Nha, của Tây Ban Nha, của Pháp, và của Mỹ, trong các cuộc thảo luận bỏ phiếu, đều có những biểu hiện rất giống nhau, và làm cho chính quyền phải đương đầu với những khó khăn rất giống nhau.

Vả lại, chế độ nghị viện biểu thị lí tưởng của mọi dân tộc văn minh hiện đại. Nó chuyển tải một tư tưởng sai lầm xét về mặt tâm lí nhưng lại thường được mọi người chấp nhận, cho rằng đông người họp lại có khả năng nhiều hơn so với ít người, khi phải đưa ra một quyết định khôn ngoan và độc lập về một vấn đề nhất định.

Trong nghị viện, ta lại thấy những đặc tính chung của đám đông: tư tưởng đơn giản quá mức, thói dễ bị kích động, tính dễ bị gợi ý, sự thổi phồng tình cảm, ảnh hưởng ưu trội của người đứng đầu. Nhưng vì sự cấu thành đặc biệt của chúng, những đám đông nghị viện có một vài khác biệt mà chúng tôi sẽ nhanh chóng chỉ ra.

Sự đơn giản hóa quá mức những ý kiến là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của nghị viện. Trong mọi đảng phái, ở mọi dân tộc nhất là dân Latin, ta bắt gặp một khuynh hướng bất biến, muốn giải quyết những vấn đề xã hội phức tạp nhất bằng các nguyên lí trừu tượng đơn giản nhất, và bằng những quy luật tổng quát có thể ứng dụng cho mọi trường hợp. Dĩ nhiên những nguyên lí thay đổi với từng đảng phái; nhưng thực ra, chỉ như những cá nhân trong đám đông, họ luôn có khuynh hướng phóng đại giá trị của những nguyên lí này, và đẩy chúng đến tận những hệ quả cuối cùng. Vậy nên, cái mà nghị viện biểu thị trước tiên, đó là những ý kiến cực đoan.

Điển hình hoàn hảo nhất về sự đơn giản hóa quá mức của nghị viện đã được những người Jacobins thực hiện trong cuộc Đại cách mạng của chúng ta. Tất cả đều giáo điều và logic, đầu óc đầy những điều khái quát mơ hồ, họ lo toan áp dụng những nguyên lí cố định mà không quan tâm tới các sự kiện; và ta có thể có lí để nói rằng họ đã đi qua cuộc Cách mạng mà không nhìn thấy nó. Với những tín điều rất đơn giản dùng làm kim chỉ nam, họ tin tưởng tái tạo một xã hội hoàn chỉnh, và kéo một nền văn minh tinh tế về một giai đoạn rất xa xưa của sự phát triển xã hội. Những phương tiện mà họ sử dụng để thực hiện

giấc mơ của mình cũng mang dấu ấn của sự đơn giản hóa quá mức tuyệt đối. Thực vậy, họ tự hạn chế vào việc cương quyết phá huỷ những gì cản trở họ. Hơn nữa, tất cả: những nghị sĩ phái Girondins[1], phái Núi[2], những người tham gia sự kiện tháng Thermidor[3] v.v... đều bị thúc đẩy do cùng một tinh thần ấy.

Những đám đông nghị viện rất dễ bị gợi ý; và như đối với mọi đám đông, sự gợi ý xuất phát từ những người đứng đầu có uy tín; nhưng trong nghị viện, tính dễ bị gợi ý có những giới hạn rất rõ ràng mà ta cần chỉ ra.

Đối với tất cả những vấn đề về lợi ích địa phương hay vùng miền, mỗi thành viên của nghị viện lại có những ý kiến kiên định, không khoan

---

[1] *Girondins: tổ chức chính trị thời cách mạng Pháp với nhiều thủ lĩnh là nghị sĩ của tỉnh Gironde, ngồi ở bên trái Quốc hội Lập pháp. Phái này thù địch với việc phục hồi chế độ cũ nhưng cũng thù địch với cải cách kinh tế và xã hội có lợi cho giai cấp cần lao.*

[2] Phái Núi (Montagnards, Montagne): nhóm các nghị sĩ trong Quốc hội Lập pháp, ngồi ở những ghế cao nhất của quốc hội và có lập trường cực đoan.

[3] Sự kiện cách mạng diễn ra vào ngày mùng 9 tháng Thermidor lịch cộng hòa (ngày 27 tháng Bảy năm 1794), có hậu quả là sự sụp đổ của Robespierre và các đồng minh của ông, sự tan rã của Hội nghị Quốc ước phái Núi và sự phát triển của *phản ứng tháng Thermidor* được chỉ đạo để chống lại quyền lực cách mạng.

nhượng, mà chẳng có lập luận nào có thể lay chuyển. Tài năng của một Démosthène[1] cũng không đạt được việc làm thay đổi lá phiếu bầu của một đại biểu về các vấn đề như chủ nghĩa bảo hộ hay đặc quyền nấu rượu tại gia, chúng biểu thị những yêu cầu của các cử tri có thế lực. Sự gợi ý từ trước của các cử tri này khá là ưu trội để huỷ bỏ tất cả những gợi ý khác, và giữ một sự kiên định tuyệt đối cho ý kiến*[2].

Đối với những vấn đề chung: lật đổ một bộ, thiết lập một thứ thuế v.v... không có sự kiên định ý kiến nào, và những gợi ý của các lãnh tụ có thể tác động, nhưng không hoàn toàn như trong những đám đông bình thường. Mỗi một đảng đều có những lãnh tụ của mình, mà đôi khi có ảnh hưởng ngang nhau. Kết quả là người nghị sĩ đứng giữa những gợi ý trái ngược nhau và ông ta tất nhiên trở nên rất do dự. Chính vì vậy, người ta thấy ông ta, chỉ trong khoảng thời gian

---

[1] Démosthène (384 tCN - 322 tCN): nhà hùng biện và chính trị gia người Hy Lạp cổ đại.

*[2] Chính những ý kiến kiên định từ trước và trở nên không khoan nhượng do yêu cầu bầu cử, khiến ta chắc chắn có thể áp dụng suy nghĩ này của một nghị sĩ lão thành người Anh: "Từ năm mươi năm nay tôi đã dự họp ở Westminster, tôi đã nghe hàng nghìn bài diễn văn, có ít bài có thể làm thay đổi ý kiến của tôi; nhưng không một bài nào làm thay đổi được lá phiếu bầu của tôi".

15 phút, đã bỏ phiếu một cách trái ngược, thêm cho một đạo luật một điều khoản phá huỷ đạo luật ấy: ví dụ tước quyền tuyển và sa thải công nhân của nhà công nghiệp, rồi lại hầu như huỷ bỏ biện pháp này bằng một điểm bổ sung.

Và chính vì vậy, ở mỗi khóa lập pháp, một nghị viện có những ý kiến rất kiên định và những ý kiến khác rất do dự. Về cơ bản, nhiều nhất là những vấn đề chung, chính sự do dự thống trị, sự do dự được nuôi dưỡng nhờ nỗi sợ hãi thường trực của cử tri, mà sự gợi ý ngầm bao giờ cũng có khuynh hướng làm cân bằng ảnh hưởng của những người đứng đầu.

Tuy nhiên, chính người đứng đầu rốt cuộc mới là những ông chủ đích thực trong nhiều cuộc tranh luận, nơi các thành viên của một nghị viện không có những ý kiến dứt khoát từ trước.

Sự cần thiết của những người đứng đầu này là rõ ràng bởi vì, dưới danh nghĩa là lãnh đạo các nhóm, ta thấy họ trong những nghị viện ở tất cả các nước. Họ là những vị chúa tể đích thực của một nghị viện. Những con người trong đám đông không thể thiếu một ông chủ. Và chính vì thế những cuộc bỏ phiếu trong một nghị viện nói chung chỉ đại diện cho những ý kiến của một thiểu số nhỏ.

Những người đứng đầu ít tác động bằng sự lập luận, song lại tác động nhiều bằng uy tín của họ. Và chứng cứ rõ nhất, đó là nếu một hoàn cảnh nào đó tước mất uy tín của họ, họ sẽ không còn ảnh hưởng nữa.

Uy tín của người đứng đầu mang tính cá nhân, và không gắn với tên tuổi cũng không gắn với sự nổi tiếng. Ông Jules Simon[1] khi nói đến những vĩ nhân trong nghị viện năm 1848 mà ông từng tham dự, đã cho chúng ta những ví dụ thật kì lạ:

"Hai tháng trước khi trở thành đấng toàn năng, Louis Napoléon đã chẳng là gì cả".

"Victor Hugo[2] lên diễn đàn. Ông không thành công. Người ta nghe ông cũng như nghe Félix Pyat[3]; người ta cũng không vỗ tay hoan hô. Ông Vanlabelle khi nói về Félix Pyat bảo tôi rằng: "Tôi không thích tư tưởng của ông ta; nhưng đó là

---

[1] Jules Simon (1814 - 1896) nhà chính trị và triết gia Pháp, giáo sư triết học, nổi tiếng nhờ nhiều tác phẩm nghiên cứu về thân phận người công nhân: *Công nhân* (1863), *Lao động* (1866).

[2] Victor Hugo (1802 - 1882): nhà văn Pháp, tích cực hoạt động chính trị và có ảnh hưởng lớn tới thời đại của ông. Các tác phẩm chính: *Nhà thờ Đức bà Paris*, (1831), *Những người khốn khổ* (1852).

[3] Félix Pyat (1810 - 1889): nhà văn, nhà báo và nhà chính trị Pháp, một trong những người sáng lập ra Hội Nhà văn, tác giả của vở kịch *Người nhặt rác của Paris* (1847).

một trong những nhà văn lớn nhất và nhà hùng biện giỏi nhất của nước Pháp". Edgar Quinet[1], một trí tuệ hiếm có và mạnh mẽ, đã chẳng được coi ra gì. Ông ta đã có lúc nổi tiếng trước khi khai mạc nghị viện; còn trong nghị viện, ông chẳng hề có chút tiếng tăm nào cả.

Những nghị viện chính trị là nơi trên trái đất mà ánh hào quang của thiên tài ít được cảm nhận nhất. Ở đây, người ta chỉ tính đến một sự hùng biện thích hợp với thời gian và nơi chốn, và công lao phục vụ không phải vì tổ quốc, mà vì đảng phái. Để cho người ta tỏ lòng kính trọng với Lamartine[2] vào năm 1848 và với Thiers[3] vào năm 1871, đã phải cần đến sự khuyến khích bằng lợi ích khẩn thiết, cấp bách. Hiểm nguy qua đi, người ta đồng thời quên ngay lòng biết ơn và cả nỗi sợ hãi".

Tôi trích lại đoạn văn trên vì những sự kiện mà nó bao hàm, chứ không phải vì những lí giải mà nó đưa ra.

---

[1] Edgar Quinet (1803 - 1875): nhà sử học Pháp, các tác phẩm chính: *Những cuộc cách mạng của Italia* (1852), *Cách mạng* (1865), *Sự sáng tạo* (1870).

[2] Alphonse de Lamartine (1790 - 1869): nhà thơ lãng mạn và là chính khách Pháp, tác giả của tập thơ *Hòa âm thơ ca và tôn giáo* (1830), *Trầm tư* (1839)...

[3] Louis Adolphe Thiers (1797 - 1877): chính khách, nhà báo và sử gia Pháp.

Chúng thuộc về một thứ tâm lí học tầm thường. Một đám đông mất ngay tức thì tính cách đám đông nếu nó tính đến những nghĩa vụ đã giao cho người đứng đầu, dù là vì tổ quốc hay vì đảng phái. Đám đông tuân theo người đứng đầu, bị uy tín của ông ta tác động, và ở đây không một ý thức về quyền lợi hay biết ơn nào can thiệp vào.

Cho nên một người đứng đầu sẵn có uy tín đầy đủ sẽ có một quyền năng gần như tuyệt đối. Người ta biết một nghị sĩ nổi tiếng có ảnh hưởng rộng lớn trong nhiều năm nhờ vào uy tín của mình; đã bị thua trong cuộc bầu cử vừa rồi sau một vài sự kiện tài chính. Chỉ một tín hiệu đơn giản của ông ta thôi, là những vị bộ trưởng bị lật đổ. Một nhà văn đã ghi lại rõ ràng tầm quan trọng trong hành động của ông ta với vài dòng sau:

"Chính vì ông M. X. mà chúng ta đã phải mua xứ Bắc Kì[1] đắt gấp ba lần cái giá phải trả, đã phải bước vào Madagasca[2] chỉ với một chân không chắc chắn, đã bị tước đoạt cả một đế chế ở vùng Niger hạ[3], đã mất đi lợi thế mà chúng ta từng có được ở Ai Cập. - Những lí thuyết của ông M. X. đã làm chúng ta mất nhiều lãnh thổ hơn cả những thảm họa của Napoléon đệ Nhất".

1, 2, 3 Tên các vùng đất từng là thuộc địa của Pháp: Madagasca là quốc đảo ở châu Phi, vùng Niger hạ thuộc Tây Phi.

Không cần phải quá oán giận nhà lãnh đạo được nhắc đến ấy. Rõ ràng ông ta đã làm chúng ta phải trả giá quá đắt; nhưng phần lớn ảnh hưởng của ông ta là do ông nghe theo ý kiến chung của mọi người; mà vấn đề thuộc địa, vào thời điểm đó, ý kiến chung hoàn toàn không phải như bây giờ. Hiếm có một lãnh tụ đi trước ý kiến chung; hầu như bao giờ ông ta cũng bằng lòng đi theo ý kiến chung và lại còn kết hợp nó với mọi sai lầm.

Ngoài uy tín, các phương pháp thuyết phục của người đứng đầu là những nhân tố mà chúng tôi nhiều lần đã liệt kê. Để sử dụng chúng một cách khéo léo, người đứng đầu phải hiểu sâu môn tâm lí học đám đông, ít ra cũng theo cách vô thức, và phải biết nói với đám đông như thế nào. Trước hết cần phải biết ảnh hưởng lôi cuốn của từ ngữ, công thức và hình ảnh. Phải có được sự hùng biện đặc biệt, phức hợp: khẳng định mạnh mẽ, thoát khỏi những chứng cứ, và những hình ảnh gây ấn tượng được đóng khung trong các lập luận rất sơ sài. Đó là thứ hùng biện ta gặp trong những nghị viện, bao gồm cả Quốc hội Anh, tuy nó là một nghị viện điềm tĩnh nhất trong các nghị viện.

Nhà triết học Anh, ông Maine[1] nói: "Chúng ta

[1] Maine (1822 - 1888): ngài Henry James Sumner, nhà luật học và xã hội học người Anh. Ông là một trong những người

có thể luôn đọc được những cuộc tranh cãi ở Hạ viện, nơi mọi tranh luận chỉ là trao đổi giữa những điều chung chung chẳng mấy quan trọng với những cá tính khá mạnh mẽ. Loại công thức đại khái này gây một hiệu quả kì diệu lên trí tưởng tượng của nền dân chủ thuần tuý. Bao giờ nó cũng dễ dàng làm cho đám đông chấp nhận những lời khẳng định chung chung được trình bày bằng những từ ngữ gây xúc động, dù rằng những lời khẳng định ấy không bao giờ được xác minh, và có lẽ không có bất cứ sự xác minh nào cả".

Tầm quan trọng của những "từ ngữ gây xúc động" được chỉ ra trong đoạn trích dẫn trên không phải là phóng đại. Chúng tôi đã nhiều lần nhấn mạnh hiệu lực đặc biệt của từ ngữ và công thức. Cần phải chọn chúng sao cho chúng gợi lên được những hình ảnh rất sinh động. Câu nói sau đây, được mượn trong bài diễn văn của một lãnh tụ ở nghị viện nước ta là một mẫu tuyệt vời cho điểm này:

"Cái ngày mà cùng một con tàu đưa nhà chính trị ám muội và kẻ vô chính phủ giết người tới miền đất nóng bỏng lưu đày, thì họ sẽ có thể nối lại cuộc đàm thoại, và người nọ sẽ xuất hiện trước kẻ kia như hai mặt bổ sung cho nhau của một trật tự xã hội".

---

khởi xướng nghiên cứu dân tộc học pháp lí và chính trị, ông quan tâm đến sự pháp điển hóa luật pháp của người Indien.

Hình ảnh được gợi lên như vậy là rất rõ ràng, và tất cả những đối thủ của diễn giả đều cảm thấy bị hình ảnh ấy đe dọa. Ngay lập tức họ nhìn thấy những miền đất nóng bỏng, rồi con tàu sẽ mang họ đi, bởi vì chẳng phải họ cũng có thể là loại người được hạn chế khá mơ hồ gồm các nhà chính trị bị đe dọa đó sao? Lúc đó, họ cảm thấy một nỗi sợ hãi ngấm ngầm mà những đại biểu Hội nghị Quốc ước chắc đã cảm nhận được từ các bài diễn văn mơ hồ của Robespierre ít nhiều đều lấy máy chém ra đe dọa, và dưới ảnh hưởng của nỗi sợ này, họ luôn nhượng bộ ông ta.

Các lãnh tụ đều hưởng lợi khi chiều theo những lời phóng đại khó tin nhất. Diễn giả mà tôi vừa mới trích dẫn một câu, đã có thể khẳng định mà không gây được sự phản kháng, rằng các chủ nhà băng và các cố đạo đã thuê tiền bọn đánh bom, và rằng những nhà quản trị các công ty tài chính lớn xứng đáng nhận hình phạt như bọn vô chính phủ. Những khẳng định như thế luôn tác động lên đám đông. Sự khẳng định đừng bao giờ quá hung bạo, lời tuyên bố cũng không nên quá đe dọa. Chẳng gì đe dọa thính giả hơn là thứ hùng biện này. Khi phản đối, họ sợ bị coi là kẻ phản bội hay kẻ đồng loã.

Như tôi đã nói về điều này, kiểu hùng biện đặc biệt ấy luôn ngự trị ở tất cả các nghị viện; và trong những thời kì quyết định, nó chỉ càng tăng

thêm mà thôi. Về phương diện này, việc đọc diễn văn của các diễn giả lớn cấu thành những nghị viện của Cách mạng [Pháp] là rất lí thú. Mỗi lúc họ lại tự cho là có bổn phận phải ngừng lại để xua tan tội ác và ngợi ca đức hạnh, rồi sau đó họ nổi nóng lên nguyền rủa chống lại những bạo chúa, và thề sẽ sống tự do hay là chết. Cự tọa đứng dậy vỗ tay hoan hô cuồng nhiệt, rồi lại bình tĩnh, ngồi xuống.

Người lãnh đạo đôi khi có thể thông minh, và có học thức; nhưng điều đó đối với ông ta thường có hại hơn là có lợi. Bằng cách chỉ ra tính phức tạp của sự việc, bằng cách cho phép lí giải và am hiểu, trí tuệ luôn làm cho các tông đồ trở nên khoan dung, làm giảm mạnh cường độ và sự mãnh liệt của những niềm tin cần thiết. Các lãnh tụ lớn của mọi thời đại, nhất là những lãnh tụ của Cách mạng bạo lực nhiều khi đã thiển cận một cách thảm hại; và chính những người thiển cận nhất lại có ảnh hưởng to lớn nhất.

Diễn văn của những người nổi tiếng nhất trong các lãnh tụ, ví dụ Robespierre, thường gây kinh ngạc do chúng rời rạc; nếu chỉ đọc chúng thôi, ta sẽ không tìm được ở đấy lời giải đáp nào có thể chấp nhận được về vai trò quá ư to lớn của nhà độc tài đầy quyền uy:

"Những lời sáo cũ và rườm rà của thứ hùng biện mô phạm và của văn hóa Latin phát ra từ

một tâm hồn thơ dại hơn là nhạt nhẽo, và trong việc công kích hay bảo vệ, dường như chỉ tự giới hạn trong câu nói kiểu "Lại đây nào!" của các cậu học trò. Không một tư tưởng, không một giọng văn, cũng không một nét riêng, đó là sự nhàm chán trong cơn phong ba. Khi đọc xong cái thứ văn buồn tẻ này, người ta liền muốn kêu lên một tiếng ôi! của Camille Desmoulins[1] đáng mến".

Đôi khi ta thấy kinh hãi khi nghĩ tới cái quyền lực được trao cho một con người có uy tín một niềm tin mạnh mẽ gắn kết với đầu óc quá hẹp hòi. Tuy nhiên lại phải thực hiện những điều kiện này để không đếm xỉa đến trở ngại và chỉ biết có ý chí mãnh liệt. Bằng bản năng, đám đông đã nhận ra trong những con người có niềm tin mãnh liệt ấy một ông chủ mà đám đông luôn cần tới.

Trong một nghị viện, sự thành công của một bài diễn văn hầu như chỉ phụ thuộc vào uy tín mà diễn giả có, chứ không hề phụ thuộc vào những lí lẽ mà ông ta đề xuất. Và chứng cứ rõ nhất, đó là khi vì một nguyên nhân nào đó, diễn giả bị mất uy tín, thì đồng thời ông ta mất luôn

[1] Camille Desmoulins (1760 - 1794): nhà báo và nhà chính trị Pháp, bạn học của Robespierre, theo Cách mạng và tham gia nổi dậy ở Paris từ 12 đến 17 tháng Bảy năm 1789, kết bạn với Danton, là nghị sĩ phái Núi ở Hội nghị Quốc ước, bị bắt và bị tòa án cách mạng kết án tử hình cùng Danton và các thành viên câu lạc bộ des Cordelier.

tất cả ảnh hưởng, nghĩa là mất khả năng điều khiển cuộc bỏ phiếu theo ý muốn của mình.

Còn diễn giả vô danh, khi đến mang theo một diễn văn có những lí lẽ thuyết phục, nhưng chỉ lí lẽ thôi, ông ta chẳng có chút cơ may nào dù chỉ là được người khác lắng nghe. Một cựu nghị sĩ, ông Descube, mới đây đã phác họa vài nét về hình ảnh một nghị sĩ không có uy tín:

"Khi lên diễn đàn, ông ta lấy từ cặp ra một hồ sơ, ông cẩn thận trải nó ra trước mặt và bắt đầu nói rất tự tin.

Ông tự phỉnh nịnh rằng đã chuyển được vào tâm hồn người nghe niềm tin đang sục sôi trong ông. Ông cân lên nhắc xuống những luận chứng của mình; trong đầu ông đầy những con số và cứ liệu; ông tin rằng mình có lí. Trước những điều hiển nhiên mà ông đưa ra, mọi kháng cự sẽ là vô ích. Ông bắt đầu nói, tin tưởng vào quyền chính đáng của mình, và cũng vào sự chăm chú của các đồng sự, chắc chắn họ sẽ phải cúi mình trước chân lí.

Ông nói, và ngay lập tức ông ngạc nhiên vì sự chuyển động trong phòng họp, ông hơi khó chịu vì tiếng ồn ào nổi lên.

Tại sao mọi người không giữ im lặng? Tại sao chẳng ai chú ý cả? Vậy những người kia nghĩ gì,

sao họ chỉ nói chuyện với nhau? Mục đích gì quá khẩn thiết đã bắt họ chuyển từ chỗ ngồi này sang chỗ khác?

Một nỗi lo âu hiện lên trên vầng trán. Ông nhíu mày, ngừng nói. Được vị chủ tịch khích lệ, ông lại tiếp tục, nói cao giọng hơn. Người ta lại càng ít chú ý hơn. Ông nhấn giọng, ông bồn chồn; tiếng ồn tăng thêm xung quanh ông. Ông chỉ còn tự nghe bản thân mình nói mà thôi, ông liền dừng lại; rồi sợ rằng sự im lặng của mình sẽ càng khiêu khích thêm tiếng kêu đáng buồn: "Kết thúc đi!" nên ông lại cứ nói tiếp. Tiếng ồn ào trở nên không chịu nổi".

Khi những nghị viện bị đẩy lên đến một mức độ kích động nào đó, họ trở nên giống hệt những đám đông không thuần nhất bình thường, và do đó tình cảm của họ biểu hiện đặc tính là luôn luôn cực đoan. Người ta sẽ thấy họ vươn tới những hành vi anh hùng vĩ đại nhất hay quá khích tồi tệ nhất. Cá nhân sẽ không còn là chính mình nữa, và anh ta sẽ bỏ phiếu cho những biện pháp trái ngược hẳn với quyền lợi cá nhân mình.

Lịch sử cuộc Cách mạng Pháp đã chỉ ra nghị viện có thể trở nên mất tỉnh táo và vâng theo những gợi ý trái ngược nhất với quyền lợi riêng của họ đến mức nào. Đối với tầng lớp quý tộc, phải từ chối đặc quyền của mình là một sự hi

sinh rất lớn, và dù vậy họ đã không do dự làm điều đó vào cái đêm trứ danh Lập hiến[1]. Đối với sinh mạng của các uỷ viên Quốc ước, đó là nguy cơ thường trực khi họ từ chối quyền bất khả xâm phạm; tuy nhiên họ đã làm điều đó và không sợ sẽ chặt đầu lẫn nhau, dù họ biết rất rõ rằng cái giá treo cổ mà hôm nay họ đưa đồng sự của mình lên, ngày mai sẽ dành cho họ.

Nhưng họ đã đi tới mức độ hành động hoàn toàn ngoài ý muốn mà tôi đã mô tả, và chẳng có một động cơ nào có thể ngăn họ chiều theo những gợi ý đã thôi miên họ. Đoạn văn sau trích ra từ hồi kí của một người trong số các vị đó, ông Billaud - Varennes, rất tiêu biểu cho điểm này: "Những quyết định mà người ta cứ trách móc chúng tôi mãi *thông thường thì một hay hai ngày trước đó, chúng tôi không muốn đưa chúng ra: chỉ có sự khủng hoảng đã gây nên chúng*". Chẳng có gì đúng hơn nữa.

Những hiện tượng vô thức như thế được biểu hiện trong tất cả các phiên họp hỗn loạn của Hội nghị Quốc ước.

Taine nói: "Họ tán thành và ra sắc lệnh những

---

[1] Quốc hội Lập hiến: do các đại biểu của đẳng cấp thứ ba thành lập vào ngày 9 tháng Bảy năm 1789, để xác định quyền của của mình trong việc ban hành luật lệ nhà nước, phản đối sự phân biệt giai cấp của nhà vua.

gì mà họ kinh hãi, không chỉ là những điều ngốc nghếch và điên rồ, mà còn là những tội ác, giết người vô tội, giết bạn bè của họ. Đồng thanh nhất trí và hoan hô tán thành sôi nổi, cánh tả kết hợp với cánh hữu, đã đưa Danton, thủ lĩnh tự nhiên của họ, người khởi xướng và dẫn dắt Cách mạng, lên đoạn đầu đài. Cũng đồng thanh nhất trí và với sự hoan hô vỗ tay rôm rả, cánh hữu kết hợp với cánh tả, bỏ phiếu thông qua những sắc lệnh tồi tệ nhất của chính quyền Cách mạng. Đồng thanh nhất trí, và với những tiếng kêu ngưỡng mộ nhiệt tình, với những biểu lộ tán thưởng đầy đam mê dành cho Collot d'Herbois[1], cho Couthon[2], và cho Robespierre, Hội nghị Quốc ước, qua những cuộc tái bầu cử tự phát và nhiều lần, giữ nguyên cái chính phủ giết người mà phái Đồng Bằng[3] ghét bỏ vì nó giết người, mà phái Núi căm ghét vì nó tàn sát mình. Phái Đồng Bằng

---

[1] Jean-Marie Collot d'Herbois (1750 - 1796): nhà chính trị Pháp, thành viên của Công xã Paris sau ngày 10 tháng Tám năm 1792 và tham gia vào cuộc thảm sát tháng Chín năm 1792, nghị sĩ của phái Núi trong Hội nghị Quốc ước.

[2] Georges Couthon (1755 - 1794): nhà chính trị Pháp, gia nhập Uỷ ban cứu quốc cùng với Robespierre và Saint-Juste.

[3] Phái Đồng Bằng (La Plaine hay Le Marais): phái ôn hòa nhất trong Hội nghị Quốc ước. Các thành viên của phái này bị đối thủ gọi là "những con cóc đầm lầy", ngồi ở các bậc thang dưới của Hội nghị.

và phái Núi, đa số và thiểu số cuối cùng đã bằng lòng giúp cho cuộc tự sát của chính họ. Ngày 22 tháng Đồng cỏ, toàn bộ Hội nghị Quốc ước đã giơ cổ họng ra [cho người ta đâm]; ngày 8 tháng Nóng[1], trong mười lăm phút đầu tiên sau khi Robespierre đọc diễn văn, Hội nghị Quốc ước lại giơ cổ họng ra tiếp".

Bức tranh có thể hiện ra u ám. Tuy nhiên, nó chính xác. Những nghị viện được kích thích đầy đủ và bị thôi miên biểu hiện những tính cách như thế. Chúng trở thành một bầy đàn hay thay đổi tuân theo tất cả những xung động. Tôi trích dẫn theo *Tạp chí văn học* (Revue littéraire) đoạn mô tả sau về nghị viện năm 1848, của một nghị sĩ mà ta không nghi ngờ gì về niềm tin dân chủ, ông Spuller, rất điển hình cho điều này. Người ta thấy ở đây mọi tình cảm được phóng đại trong những đám đông mà tôi đã miêu tả, và tính hay thay đổi quá mức này cho phép di chuyển từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác qua những gam tình cảm trái ngược nhất.

"Những chia rẽ, những ghen tức, những nghi ngờ, rồi tới lượt niềm tin mù quáng và hi vọng không giới hạn đã dẫn dắt đảng cộng hòa

[1] Theo lịch Cộng hoà, ngày 22 tháng Đồng cỏ tức là ngày 10 tháng Sáu, ngày 8 tháng Nóng tức là ngày 26 tháng Bảy.

đến chỗ diệt vong. Sự ngây ngô và hồn nhiên của đảng này cũng ngang bằng với sự ngờ vực tất cả của nó. Không có chút cảm thức về tính hợp pháp, cũng không có tinh thần kỉ luật, những khiếp sợ và ảo tưởng không giới hạn: người nông dân và đứa trẻ gặp nhau ở điểm này. Sự bình tĩnh của họ đối nghịch với lòng thiếu kiên nhẫn của họ. Tính hoang dã cũng giống như tính dễ bảo của họ. Đó là đặc trưng của một khí chất vẫn chưa hoàn tất và thiếu giáo dục. Cái tốt không làm họ ngạc nhiên, và tất cả làm họ bối rối. Run rẩy, sợ hãi, gan dạ, anh hùng, họ lao mình qua lửa và họ lùi bước trước một cái bóng.

Họ không biết chút nào về những hiệu quả và quan hệ của sự vật. Nhanh chóng nản lòng cũng như vội vàng hứng khởi, đối tượng cho tất cả những kinh hoàng, luôn quá cao hoặc quá thấp, không bao giờ ở mức độ cần thiết và trong chừng mực thích hợp. Lưu lỏng hơn cả nước, họ phản chiếu mọi sắc màu và mang mọi hình dạng. Vậy liệu ta có thể hi vọng họ mang lại nền tảng gì đây cho chính quyền?"

May thay không phải tất cả những tính cách mà chúng tôi vừa mô tả trong các nghị viện đều được biểu hiện thường xuyên. Nghị viện chỉ là đám đông ở một số thời điểm. Còn những cá nhân họp thành nghị viện vẫn giữ được cá tính

trong phần lớn trường hợp; và chính vì vậy một nghị viện có thể xây dựng những đạo luật tuyệt hảo về kĩ thuật. Thật vậy, tác giả của những đạo luật này là một con người đặc biệt, đã chuẩn bị chúng trong sự im lặng của phòng làm việc; và đạo luật được bỏ phiếu thông qua thực ra là tác phẩm của một cá nhân, chứ không phải tác phẩm của một nghị viện. Dĩ nhiên, đó là những đạo luật tốt nhất. Chúng chỉ trở nên tai hại khi một loạt những điều khoản bổ sung khốn khổ làm cho chúng mang tính tập thể. Tác phẩm của một đám đông ở khắp nơi và bao giờ cũng non kém so với tác phẩm của một cá nhân riêng lẻ. Chính các chuyên gia đã cứu nguy cho những nghị viện thoát khỏi các giới hạn quá hỗn loạn và thiếu kinh nghiệm. Lúc đó, người chuyên gia là một lãnh tụ nhất thời. Nghị viện không tác động lên ông ta còn ông ta tác động lên nghị viện.

Mặc cho tất cả những khó khăn trong vận hành, những nghị viện vẫn biểu thị cái mà các dân tộc vẫn còn thấy là tốt nhất để tự trị và nhất là để thoát khỏi cái ách của những chế độ bạo tàn cá nhân một cách khả dĩ nhất. Chắc chắn nghị viện là lí tưởng về một chính quyền, ít nhất đối với các triết gia, nhà tư tưởng, nhà văn, nghệ sĩ và nhà bác học, tóm lại đối với tất cả những người cấu thành cái chóp đỉnh của một nền văn minh.

Vả lại, thực ra, nghị viện chỉ có hai mối hiểm nguy nghiêm trọng; một là sự lãng phí bắt buộc về tài chính; hai là hạn chế dần dần tự do cá nhân.

Nguyên nhân đầu tiên của những hiểm nguy này là hậu quả bắt buộc của những yêu cầu và sự thiếu nhìn xa trông rộng của đám đông bầu cử. Khi một thành viên của nghị viện đề nghị một biện pháp mang lại sự thỏa mãn bề ngoài cho những tư tưởng dân chủ, ví dụ như đảm bảo hưu trí cho tất cả công nhân, tăng lương cho thợ làm đường, giáo viên v.v..., thì những nghị sĩ khác, bị nỗi sợ hãi của các cử tri gợi ý, sẽ không dám tỏ vẻ coi thường quyền lợi của cử tri bằng cách gạt bỏ biện pháp được đề nghị, dù biết rằng biện pháp ấy buộc ngân quỹ phải đài thọ nặng nề và cần thiết phải tạo ra những thứ thuế mới. Do dự trong bỏ phiếu là không thể với họ. Những hậu quả của việc tăng chi tiêu thì còn xa vời và không có hậu quả tai hại đối với họ, trong khi ấy hậu quả của việc bỏ phiếu phủ quyết sẽ hiển hiện rõ ràng vào ngày sắp tới khi họ phải ứng cử lại trước cử tri.

Bên cạnh nguyên nhân đầu tiên của sự tăng chi tiêu này, còn có một nguyên nhân khác không kém bắt buộc, đó là phải chấp thuận mọi chi tiêu cho lợi ích thuần tuý địa phương. Một nghị sĩ sẽ không thể phản đối chuyện này, bởi vì chi tiêu ấy còn biểu thị những yêu cầu của cử tri, và mỗi một nghị sĩ chỉ có thể nhận được cái ông

ta cần cho khu vực của mình, với điều kiện phải nhượng bộ những yêu cầu tương tự của các đồng sự*[1].

Nguyên nhân thứ hai của những hiểm nguy nói ở trên, đó là nghị viện hạn chế các quyền tự

---

*[1] Trong số báo ngày 6 tháng Tư năm 1895, tờ *l'Economist* đã làm việc kiểm lại lạ kì về chuyện chi tiêu cho những lợi ích thuần tuý bầu cử trong một năm có thể tốn kém thế nào, nhất là chi tiêu về đường sắt. Để nối liền Lagayes (thị trấn 3.000 dân), tọa lạc trên một ngọn núi với Puy, phải bỏ phiếu thông qua cho một tuyến đường sắt tốn tới 15 triệu. Để nối Beumount (3.500 dân) với Castel Sarrazin, tốn tới 7 triệu. Nối làng Oust (523 dân) với làng Seix (1.200 dân), 7 triệu. Nối Prades với thị tứ Olette (717 dân), 6 triệu v.vv.v Chỉ riêng năm 1895, 90 triệu chi cho đường sắt mà không có lợi ích chung đã được bỏ phiếu thông qua. Nhiều chi tiêu khác cần thiết cho bầu cử cũng không kém phần quan trọng. Theo bộ tài chính, luật về hưu trí công nhân sẽ chi hằng năm tối thiểu 165 triệu, và theo viện sĩ Leroy-Beaulieu là 800 triệu. Rõ ràng những chi tiêu như thế tăng nhanh liên tục tất nhiên sẽ có kết cục phá sản. Nhiều nước ở châu Âu: Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ cũng có kết cục như thế; những nước khác cũng sẽ bị dồn vào chỗ đó. Nhưng cũng không nên quá lo lắng về chuyện ấy, bởi vì công chúng đã lần lượt chấp nhận mà không mấy phản đối về việc mỗi nước cắt giảm bốn phần năm trong chi trả những trái phiếu. Những phá sản khéo léo ấy lập tức cho phép phục hồi sự cân bằng ngân quỹ bị tổn thất. Vả lại, chiến tranh, chủ nghĩa xã hội, những đấu tranh kinh tế, đã chuẩn bị cho ta nhiều tai họa khác lắm rồi và ở thời đại tan rã toàn cầu mà ta đang bước vào, ta cũng cần phải cam lòng sống lần hồi qua ngày, mà không quá âu lo ngày mai đang tuột khỏi tay ta.

do một cách cưỡng bức, điều này bề ngoài không thấy rõ, tuy rất thực. Nó là hậu quả của những đạo luật nhiều không đếm xuể, luôn hạn chế tự do mà những nghị viện với suy nghĩ đơn giản quá mức của họ thường không thấy rõ hậu quả, và họ tưởng mình có bổn phận phải bỏ phiếu tán thành chúng.

Mối hiểm nguy ấy quả là không thể tránh khỏi, bởi vì bản thân nước Anh, - chắc chắn đó là điển hình hoàn hảo nhất về chế độ nghị viện, nơi người đại biểu được độc lập nhiều nhất với cử tri của mình - cũng không thoát khỏi nó. Herbert Spencer, trong một công trình đã cũ, đã chỉ ra rằng sự tăng thêm cái tự do mẽ ngoài hẳn được theo sau là sự giảm sút cái tự do có thực. Ông đã quay trở lại cũng chủ đề ấy, trong cuốn sách gần đây, *Cá nhân chống lại Nhà nước* (L'Individu contre l'État), ông đã phát biểu về vấn đề nghị viện Anh như sau:

"Kể từ thời kì này, việc lập pháp đã theo tiến trình mà tôi chỉ ra, những biện pháp có tính độc tài nhân lên nhanh chóng, liên tục làm hạn chế tự do cá nhân, và theo hai cách: những quy định đã được thiết lập, mỗi năm một nhiều, áp đặt cho công dân một sự cưỡng bức tại nơi mà xưa kia hành vi của anh ta được hoàn toàn tự do, và buộc

anh ta thực hiện những hành vi mà trước kia anh ta có thể làm hay không làm, tuỳ thích. Đồng thời những đóng góp công cộng càng ngày càng nặng nề, nhất là đóng góp cho địa phương, đã hạn chế hơn nữa tự do của anh ta, bằng cách làm giảm phần lợi nhuận riêng mà anh ta có thể chi tiêu theo ý mình, và tăng phần đã tước đoạt của anh ta để chi tiêu tuỳ theo ý thích của những nhân viên nhà nước".

Việc hạn chế dần quyền tự do này được biểu hiện ở mọi đất nước dưới một hình thức đặc biệt mà Herbert Spencer đã không chỉ ra, và đó là: tạo ra một loạt vô số những biện pháp lập pháp, tất cả nói chung thuộc trật tự hạn chế, tất yếu dẫn tới sự tăng số lượng, quyền lực và ảnh hưởng của những công chức có nhiệm vụ áp dụng các biện pháp ấy. Như vậy những công chức có khuynh hướng dần dần trở thành ông chủ đích thực của các nước văn minh. Sức mạnh của họ càng lớn hơn khi mà trong những thay đổi quyền lực liên tục, đẳng cấp hành chính là đẳng cấp duy nhất thoát khỏi những thay đổi này, là đẳng cấp duy nhất vô trách nhiệm, vô nhân xưng và vĩnh tồn. Thế mà, trong mọi nền chuyên chế, chẳng có gì nặng nề hơn những kẻ được trình diện dưới hình thức tay ba này.

Việc tạo ra liên tục những đạo luật và hạn định vây quanh mọi hành vi nhỏ nhặt nhất của đời sống bằng các thể thức tranh cãi viển vông nhất, có kết quả tai hại là càng ngày càng thu hẹp phạm vi tự do vận động của các công dân. Là nạn nhân của ảo tưởng cho rằng bằng cách nhân lên những đạo luật, sự bình đẳng và tự do sẽ được đảm bảo tốt nhất, các dân tộc, mỗi ngày, lại chấp nhận nhiều cản trở nặng nề hơn.

Không phải là không phương hại khi họ chấp nhận chúng. Đã quen chịu đựng mọi cái ách, họ nhanh chóng kết thúc bằng việc tìm kiếm chúng, và dẫn tới mất tất cả tính tự chủ và nghị lực. Lúc đó, họ chỉ còn là những cái bóng hư ảo, những người máy thụ động, không ý chí, không chống cự, không sức mạnh.

Nhưng lúc đó con người không thấy những động lực trong bản thân mình nữa, họ buộc phải tìm kiếm chúng ở bên ngoài mình. Sự thờ ơ và bất lực của công dân càng tăng lên thì vai trò của chính phủ buộc phải lớn hơn nữa. Bản thân các chính phủ tất nhiên phải có tinh thần dám nghĩ dám làm và tinh thần chỉ đạo mà những người thường không có nữa. Nhà nước phải dám làm tất cả, chỉ đạo tất cả, che chở tất cả. Nhà nước trở thành một thượng đế toàn năng. Nhưng kinh nghiệm dạy rằng quyền lực của những thứ

thượng đế ấy không bao giờ quá bền lâu, cũng không quá mạnh mẽ.

Sự hạn chế dần mọi quyền tự do ở một số dân tộc, mặc dù sự phóng túng bề ngoài cho họ ảo tưởng là vẫn có quyền tự do, hình như là hậu quả của sự già cỗi của các dân tộc ấy, cũng giống như sự già cỗi của một chế độ nào đó. Đó là triệu chứng báo trước thời kì suy tàn mà không một nền văn minh nào cho tới nay thoát khỏi.

Nếu ta xét đoán điều này qua những bài học của quá khứ và qua những triệu chứng đang bùng lên rộng khắp, thì nhiều nền văn minh hiện đại của chúng ta đã đi tới giai đoạn cực kì già cỗi, báo trước thời kì suy thoái. Hình như những thời kì tương tự như thế là định mệnh với mọi dân tộc, bởi vì người ta thường thấy lịch sử vẫn lặp lại dòng chảy của nó.

Về những thời kì phát triển chung của các nền văn minh này, thật dễ dàng để chỉ ra chúng một cách sơ lược, và cuốn sách của chúng ta kết thúc với việc tóm tắt chúng.

Nếu chúng ta xem xét, ở những nét chủ yếu, sự tạo sinh ra cái vĩ đại và cái suy tàn của những nền văn minh đi trước nền văn minh của chúng ta, thì ta thấy gì?

Ở buổi bình minh của những nền văn minh này, một đám bụi người, nguồn gốc khác nhau, họp lại do những ngẫu nhiên của các cuộc di cư, xâm lược và chinh phục. Dòng máu khác nhau, ngôn ngữ và niềm tin cũng khác nhau, những con người này chỉ có mối ràng buộc chung là luật lệ được công nhận một nửa của một thủ lĩnh. Trong các quần tụ lộn xộn ấy, những tính cách tâm lí của đám đông gặp nhau ở mức độ cao nhất. Chúng có sự gắn bó nhất thời, lòng dũng cảm, sự yếu đuối, những xung động và bạo lực. Chẳng có gì ổn định trong đó. Đó là những người dã man.

Rồi thời gian hoàn tất công trình của nó. Sự hợp nhất những môi trường, sự lặp đi lặp lại trong việc lai giống, những cần thiết của một đời sống chung từ từ tác động. Sự quần tụ các đơn vị khác nhau bắt đầu hợp nhất và hình thành một chủng tộc, nghĩa là một kết tụ có những tính cách và tình cảm chung, mà sự di truyền sẽ càng ngày càng cố định lại. Đám đông đã trở thành một dân tộc, và dân tộc này sẽ có thể thoát ra khỏi tình trạng dã man.

Tuy nhiên, nó chỉ hoàn toàn thoát khỏi tình trạng đó sau những cố gắng lâu dài, khi những tranh đấu không ngừng lặp lại và vô vàn sự bắt đầu lại, dân tộc sẽ có được một lí tưởng. Chẳng hệ trọng gì cái bản tính của lí tưởng này, dù là sự

sùng bái thành Rome, là sức mạnh của Athènes hay sự thắng lợi của Allah, cũng đủ để đem cho mọi cá nhân của chủng tộc một sự thống nhất hoàn hảo về tình cảm và tư tưởng trên con đường hình thành.

Chính lúc đó một nền văn minh mới có thể sinh ra với những thể chế, niềm tin và nghệ thuật của nó. Được giấc mơ lôi kéo, chủng tộc sẽ lần lượt có được tất cả những gì đem lại sự rạng rỡ, sức mạnh và sự vĩ đại. Chắc chắn chủng tộc vẫn còn là đám đông ở một số thời điểm, nhưng khi đó, đằng sau những tính cách lưu động và thay đổi của đám đông là cái nền tảng vững chắc này - tâm hồn chủng tộc, nó hạn chế một cách sít sao độ lan rộng các dao động của một dân tộc và điều chỉnh cái ngẫu nhiên.

Nhưng sau khi đã thực hiện hành động sáng tạo của mình, thời gian lại bắt đầu công việc phá huỷ mà cả thần thánh lẫn con người cũng không thoát khỏi. Khi đạt tới một trình độ về sức mạnh và tính phức tạp nào đó, thì nền văn minh ngừng phát triển và khi nó không lớn lên nữa, nó sẽ buộc phải nhanh chóng suy thoái. Đối với nó, thời khắc của tuổi già đã điểm.

Cái thời điểm không thể tránh khỏi này bao giờ cũng được đánh dấu bởi sự suy yếu của lí

tưởng từng nâng đỡ tâm hồn chủng tộc. Chừng nào lí tưởng ấy lu mờ, thì mọi tòa lâu đài tôn giáo, chính trị và xã hội mà nó từng là nguồn cảm hứng đều bắt đầu lung lay.

Với sự biến mất dần lí tưởng, chủng tộc cũng ngày càng mất đi cái đã làm nên sự gắn kết, sự thống nhất và sức mạnh của nó. Cá nhân có thể phát triển về nhân cách và trí tuệ, nhưng đồng thời chủ nghĩa vị kỉ tập thể của chủng tộc cũng bị thay thế bằng sự phát triển quá mức chủ nghĩa vị kỉ cá nhân kèm theo sự suy thoái tính cách và giảm thiểu khả năng hành động. Cái đã làm nên một dân tộc, một sự thống nhất, một khối, sẽ kết thúc khi trở thành một quần tụ những cá nhân không cố kết, và những truyền thống, những thể chế còn được giữ lại một cách giả tạo trong một thời gian nào đó mà thôi.

Lúc đó, bị chia rẽ bởi quyền lợi và tham vọng, không còn biết tự cai quản nữa, con người yêu cầu được chỉ đạo trong từng hành vi nhỏ nhặt nhất, và Nhà nước sử dụng ảnh hưởng thu hút của nó.

Đánh mất hẳn lí tưởng cổ xưa, cuối cùng chủng tộc đánh mất hoàn toàn tâm hồn của mình; nó chỉ còn là một đám bụi những cá nhân riêng lẻ và lại trở về điểm xuất phát của mình: một đám

đông. Nó có mọi tính cách tạm thời, không vững chắc và không có ngày mai. Nền văn minh chẳng có sự cố định nào, bị phó mặc cho mọi ngẫu nhiên. Bọn tiện nhân thành bà hoàng và những kẻ dã man tiến lên. Nền văn minh có thể hình như còn sáng chói bởi vì nó vẫn có cái bộ mặt bên ngoài mà một quá khứ dài đã tạo nên, nhưng thực tế, đó là một tòa lâu đài mọt ruỗng chẳng gì chống đỡ nổi nữa và sẽ sụp đổ khi gặp cơn bão đầu tiên.

Chuyển từ một đời sống dã man đến văn minh bằng cách theo đuổi một giấc mơ, rồi đi xuống và tiêu vong ngay khi giấc mơ ấy đã mất sức mạnh, đó là vòng đời của một dân tộc.

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI

SIGMUND FREUD

TÂM LÍ ĐÁM ĐÔNG VÀ PHÂN TÍCH CÁI TÔI

Phạm Nguyên Trường *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

1. Dẫn nhập

Thoạt nhìn thì sự đối lập giữa tâm lí cá nhân và tâm lí xã hội (hay tâm lí đám đông) có vẻ như sâu sắc, nhưng xét cho kĩ thì tính chất đối lập sẽ bớt đi nhiều. Tuy khoa tâm lí cá nhân đặt căn bản trên việc quan sát các cá nhân riêng lẻ, nó nghiên cứu các phương thức mà cá nhân theo nhằm đáp ứng các dục vọng của mình; nhưng thực ra chỉ trong những trường hợp hãn hữu, trong những điều kiện đặc biệt nào đó nó mới có thể bỏ qua được quan hệ của cá nhân với tha nhân. Trong tâm trí của cá nhân thì một cá nhân khác luôn luôn hoặc là thần tượng, hoặc là một đối tượng, một người hỗ trợ hay kẻ thù và vì vậy mà ngay từ khởi thủy, khoa tâm lí cá nhân đã đồng thời là khoa tâm lí xã hội theo nghĩa thông dụng nhưng rất đúng của từ này.

Thái độ của cá nhân đối với cha mẹ, anh chị em, người yêu, thầy thuốc, nghĩa là tất cả các mối liên hệ của cá nhân mà cho đến nay đã là các đối tượng nghiên cứu chủ yếu của môn phân tâm học

có thể được coi là những hiện tượng xã hội đối lập với một vài tiến trình khác mà chúng tôi gọi là ngã ái (*narcissistic*) trong đó việc đáp ứng các dục vọng không dựa vào tha nhân hoặc tránh tha nhân. Như vậy là, sự đối lập giữa hoạt động của tâm thần xã hội và tâm thần ngã ái - Bleuer có lẽ sẽ nói là tâm thần tự kỉ (*autistic*) - là thuộc lĩnh vực của khoa tâm lí cá nhân và không thể là lí do để tách tâm lí cá nhân khỏi tâm lí xã hội hay tâm lí đám đông được.

Trong các mối quan hệ nêu trên của cá nhân đối với cha mẹ, anh chị em, người yêu, thày thuốc, cá nhân chỉ chịu ảnh hưởng của một người hay của một nhóm người hạn chế, mỗi người trong số họ đều có tầm quan trọng đặc biệt đối với cá nhân đó. Khi nói đến tâm lí xã hội hay tâm lí đám đông người ta thường không để ý đến các mối liên hệ đó, mà người ta coi đối tượng nghiên cứu là ảnh hưởng đồng thời của một số lớn tha nhân đối với một cá nhân mà anh ta có quan hệ ở một phương diện nào đó trong khi trong những phương diện khác anh ta có thể hoàn toàn xa lạ với họ. Như vậy, nghĩa là môn tâm lí đám đông nghiên cứu từng cá nhân riêng biệt khi họ là thành viên của một bộ lạc, của một dân tộc, một đẳng cấp, một thể chế xã hội nhất định hay như một nhân tố cấu thành của một đám đông tụ tập

lại vì một mục đích nào đó, trong một thời gian nào đó. Sau khi mối liên hệ tự nhiên đó chấm dứt, người ta có thể coi những hiện tượng xảy ra trong những điều kiện đặc biệt đó là biểu hiện của một dục vọng đặc biệt, dục vọng xã hội (*herd instinct* - bản năng bầy đàn, *group mind* - tâm lý nhóm), không thể phân tích được và không xuất hiện trong những điều kiện khác. Nhưng chúng tôi phải bác bỏ quan điểm ấy vì không thể coi số lượng người có mặt lại có ảnh hưởng lớn đến nỗi cá nhân có thể đánh thức dậy một dục vọng mới, cho đến lúc đó vẫn còn ngủ yên, chưa từng hoạt động. Chúng ta hãy chú ý đến hai khả năng khác sau đây: dục vọng tập thể có thể không phải là nguyên thuỷ và có thể phân tích được; có thể tìm thấy nguồn gốc của dục vọng ấy trong khung cảnh nhỏ hẹp hơn, thí dụ như trong gia đình.

Khoa tâm lí đám đông tuy mới ra đời nhưng đã bao gồm rất nhiều vấn đề riêng biệt và đặt ra cho nhà nghiên cứu hàng loạt bài toán cho đến nay vẫn còn chưa được tách biệt. Chỉ một việc phân loại các hình thức quần chúng khác nhau, và mô tả các hiện tượng tâm thần mà các khối quần chúng ấy thể hiện đã đòi hỏi một quá trình quan sát lâu dài và ghi chép tỉ mỉ rồi; đã có nhiều tài liệu về vấn đề này được xuất bản. Lĩnh vực tâm lí đám đông thật là mênh mông, tôi thiết

tưởng chẳng cần nói trước rằng tác phẩm khiêm tốn của tôi chỉ đề cập đến một vài lĩnh vực mà thôi. Quả thực ở đây chỉ xem xét một số vấn đề mà phân tâm học miền sâu quan tâm.

2. Tâm lí đám đông (Theo Gustave Le Bon)

Thay vì đưa ra một định nghĩa về tâm lí đám đông, theo tôi tốt hơn hết là nên chỉ rõ các biểu hiện của nó và từ đó rút ra những sự kiện chung nhất và lạ lùng nhất để có thể bắt đầu công cuộc khảo cứu về sau. Cả hai mục tiêu ấy có thể thực hiện một cách tốt đẹp nhất bằng cách dựa vào cuốn sách nổi tiếng của Gustave Le Bon: *Tâm lí học đám đông* (Psychologie des foules[1]).

Chúng ta hãy trở lại thực chất vấn đề một lần nữa: giả dụ môn tâm lí học, mà đối tượng nghiên cứu của nó là các xu hướng, dục vọng, động cơ, ý định của cá nhân cho đến các hành vi và thái độ của người đó với những người thân, đã giải quyết được toàn bộ vấn đề và tìm ra được toàn bộ các mối quan hệ thì nó sẽ cảm thấy rất bất ngờ khi đối diện với một vấn đề chưa hề được giải quyết: nó phải lí giải một sự kiện lạ lùng là cái cá nhân mà nó tưởng là đã hiểu rõ thì trong những điều kiện nhất

[1] *Tâm lí học đám đông*, Nguyễn Xuân Khánh dịch. (Ghi chú của người dịch). Những chú thích trong bản dịch này là của bản tiếng Nga. Riêng những chú thích của người dịch có ghi chú bên cạnh.

định bỗng cảm, suy nghĩ và hành động khác hẳn với những gì đã được dự đoán; điều kiện đó là sự hội nhập vào đám đông có tính cách một "đám đông tâm lí". Đám đông là gì, làm sao mà đám đông lại có ảnh to lớn như vậy đối với đời sống tinh thần của một cá nhân, đám đông làm biến đổi tâm hồn của cá nhân là biến đổi những gì?

Trả lời ba câu hỏi trên là nhiệm vụ của môn tâm lí lí thuyết. Tốt nhất là nên bắt đầu từ câu hỏi thứ ba. Quan sát phản ứng đã bị biến đổi của cá nhân cung cấp cho ta tài liệu để nghiên cứu tâm lí đám đông, muốn giải thích điều gì thì phải mô tả điều ấy trước đã.

Vậy thì tôi xin nhường lời cho ông Gustave Le Bon. Ông viết: (trang 48) "Sự kiện nổi bật nhất của đám đông tâm lí là điều sau đây: dù những cá nhân họp thành nó như thế nào, dù đời sống, nghề nghiệp, tính cách hay trí tuệ của những cá nhân ấy giống nhau hay khác nhau ra sao, thì chỉ riêng việc họ chuyển biến thành đám đông, họ đã có một thứ tâm hồn tập thể làm cho họ cảm nhận, suy nghĩ, và hành động theo một cách hoàn toàn khác với cách mà một cá nhân riêng lẻ vẫn cảm nhận, suy nghĩ và hành động. Có những tư tưởng, tình cảm chỉ nảy sinh hay chỉ biến thành hành động ở những cá nhân khi cá nhân ấy nằm trong đám đông. Đám đông tâm lí là một tồn tại

tạm thời, hợp thành bởi những yếu tố dị loại chỉ gắn kết với nhau trong một thời đoạn, chúng giống hệt những tế bào cấu thành một cơ thể sống nhờ nối kết với nhau thành một sinh vật mới, biểu lộ những tính cách rất khác biệt với tính chất mà riêng từng tế bào đã có."

Chúng ta hãy tạm ngưng trích dẫn để bình luận và đưa ra nhận xét như sau: nếu các cá nhân ở trong đám đông đã liên kết thành một khối thống nhất thì nhất định phải có một cái gì đó liên kết họ lại với nhau và có thể cái mắt xích liên kết đó chính là đặc trưng của đám đông. Nhưng Le Bon không trả lời câu hỏi đó; ông chỉ nghiên cứu sự thay đổi của cá nhân trong đám đông và mô tả một cách rất phù hợp với các luận điểm cơ bản của môn tâm lí học miền sâu của chúng tôi.

"Ta dễ dàng nhận thấy cá nhân nằm trong đám đông khác với cá nhân riêng lẻ đến mức nào nhưng thật chẳng dễ dàng để tìm ra những nguyên nhân của sự khác biệt ấy. Chí ít, để đi tới chỗ hé lộ những nguyên nhân này, trước tiên ta phải nhớ lại điều nhận xét ấy trong tâm lí học hiện đại, để biết rằng không phải chỉ trong đời sống hữu cơ mà còn cả trong sự vận hành của trí tuệ, những hiện tượng vô thức đóng một vai trò hoàn toàn ưu trội. Đời sống ý thức của tâm trí chỉ biểu thị một phần rất kém bên cạnh đời sống vô thức.

Nhà phân tích tinh tế nhất, nhà quan sát sâu sắc nhất hầu như chỉ phát hiện ra một số rất ít những động cơ vô thức đã dẫn dắt nó. Những hành vi có ý thức của chúng ta là kết quả của một tầng nền vô thức chủ yếu được tạo ra do những ảnh hưởng di truyền. Tầng nền này bao chứa vô vàn những chất cặn của tổ tiên tạo nên tâm hồn của chủng tộc. Đằng sau những nguyên nhân được thừa nhận trong hành vi của chúng ta, chắc chắn có những nguyên nhân thầm kín mà ta không thú nhận, nhưng đằng sau những nguyên nhân thầm kín này còn có những nguyên nhân thầm kín hơn nữa, bởi vì chính chúng ta cũng không biết đến chúng. Phần lớn hành động hằng ngày của chúng ta chỉ là hậu quả của những động cơ ẩn giấu mà ta không nắm được." (trang 49 - 50).

Le Bon cho rằng trong đám đông, sở đắc của từng cá nhân bị xóa nhòa đi và vì vậy cá tính của từng người cũng biến mất theo. Cái vô thức của nòi giống vượt lên hàng đầu, cái dị biệt chìm trong cái tương đồng. Chúng ta có thể nói rằng: thượng tầng kiến trúc tâm lí phát triển một cách hoàn toàn khác nhau ở những cá thể khác nhau đã bị phá hủy và nhân đó, cái nền tảng vô thức đồng đều ở tất cả mọi người mới biểu hiện ra.

Như vậy, nghĩa là con người của đám đông là con người có đặc trưng trung bình. Nhưng Le

Bon còn nhận thấy con người trong đám đông còn có những phẩm chất khác mà trước đây họ không có và ông cắt nghĩa sự xuất hiện của những đặc tính đó bằng ba yếu tố sau đây (trang 52): "Nguyên nhân thứ nhất là cá nhân trong đám đông đã có được, chỉ nhờ số lượng đông, một ý thức về sức mạnh vô địch cho phép nó nương theo những bản năng, mà nếu chỉ một mình, cá nhân sẽ tất nhiên kìm nén. Cá nhân càng ít có xu hướng kìm nén chúng, nếu đám đông là vô danh, do đó là vô trách nhiệm; ý thức về trách nhiệm, điều luôn ngăn giữ những cá nhân, đã biến mất hoàn toàn.".

Theo quan niệm của mình, chúng tôi không chú trọng nhiều đến việc xuất hiện những phẩm chất mới. Chúng tôi chỉ cần nói rằng con người trong đám đông là đã nằm trong những điều kiện cho phép anh ta loại bỏ mọi đè nén các dục vọng vô thức của mình. Những phẩm chất có vẻ mới mà cá nhân thể hiện thực ra chỉ là biểu hiện của cái vô thức là cái chứa đựng toàn bộ những điều xấu xa của tâm hồn con người; trong những điều kiện như vậy thì việc đánh mất lương tri hay ý thức trách nhiệm là điều dễ hiểu. Chúng tôi đã khẳng định từ lâu rằng cốt lõi của cái gọi là lương tâm chính là "nỗi sợ hãi do xã hội ấn định".

Sự khác biệt giữa quan niệm của Le Bon và quan niệm của chúng tôi là do quan điểm của ông về vô thức không hoàn toàn phù hợp với quan điểm được thừa nhận trong phân tâm học. Vô thức của Le Bon bao gồm trước hết những nét đặc thù sâu kín của linh hồn nòi giống vốn nằm ngoài khảo cứu của phân tâm học. Thực ra chúng tôi công nhận rằng hạt nhân của cái "Tôi" gồm chứa cả "cải di truyền từ xa xưa" của linh hồn nhân loại một cách vô thức; ngoài ra, chúng tôi còn phân biệt "vô thức bị dồn nén" như là kết quả của một phần của sự di truyền đó. Le Bon không có khái niệm này.

"Nguyên nhân thứ hai, sự lây nhiễm, cũng can thiệp để xác định sự biểu hiện những tính cách đặc thù của đám đông, đồng thời xác định cả định hướng của chúng. Sự lây nhiễm là hiện tượng dễ nhận thấy, nhưng không được giải thích, và cần phải gắn nó với những hiện tượng thuộc lĩnh vực thôi miên mà lát nữa ta sẽ nghiên cứu. Trong một đám đông, mọi tình cảm, mọi hành động đều có tính lây nhiễm, và lây nhiễm đến mức cá nhân rất dễ dàng hy sinh quyền lợi riêng cho quyền lợi tập thể. Đó là một khả năng rất trái ngược với bản tính cá nhân, mà con người hầu như chỉ có thể làm được khi nó là bộ phận của một đám đông." (trang 52 - 53). Câu

này là cơ sở của một giả thuyết quan trọng trong tương lai.

"Nguyên nhân thứ ba, và là nguyên nhân quan trọng nhất, xác định những tính cách đặc biệt khi cá nhân ở trong đám đông; chúng đôi khi hoàn toàn trái ngược với tính cách của cá nhân lúc tách lẻ. Tôi muốn nói tới tính dễ bị gợi ý (suggestibilité) mà tính lây nhiễm nói trên thực ra chỉ là hệ quả của nó. Muốn hiểu hiện tượng này, ta phải nhớ đến một số phát hiện mới đây của sinh lí học. Ngày nay, chúng ta biết rằng, bằng những cách khác nhau, một cá nhân có thể được đặt trong một trạng thái nào đó, và bị mất hoàn toàn nhân cách có ý thức, tuân theo mọi gợi ý của người làm thí nghiệm, người đã khiến cá nhân mất ý thức, và làm những hành động vô cùng trái ngược với những tính cách và thói quen của mình. Thực vậy, những quan sát kĩ lưỡng nhất chứng minh rằng cá nhân bị chìm đắm một thời gian trong lòng một đám đông đang hành động, sẽ nhanh chóng rơi vào một tình trạng đặc biệt - do thứ điện từ đó phóng ra, hay từ nguyên nhân hoàn toàn khác mà ta không biết - rất giống trạng thái mê hồn khi người bị thôi miên ở trong tay nhà thôi miên. Đời sống não bộ bị tê liệt ở người bị thôi miên, người này trở thành nô lệ cho mọi hoạt động vô thức của tuỷ sống và nhà thôi miên

điều khiển anh ta theo ý muốn. Nhân cách có ý thức của anh ta hoàn toàn biến mất, ý chí và óc phân biệt biến mất. Mọi tình cảm và tư tưởng đều bị nhà thôi miên hướng theo một chiều nhất định. Điều đó rất gần với trạng thái của cá nhân khi thuộc về một đám đông tâm lí. Anh ta không còn ý thức về những hành động của mình nữa. Ở anh ta, cũng như ở người bị thôi miên, một số khả năng bị phá huỷ, đồng thời những khả năng khác có thể bị dẫn tới một mức độ hứng khởi cực đoan. Dưới ảnh hưởng của một gợi ý, cá nhân này sẽ lao vào thực hiện một vài hành vi nào đó với sự mãnh liệt không thể cưỡng nổi. Sự cuồng nhiệt ấy trong đám đông còn lôi cuốn mạnh hơn so với một chủ thể bị thôi miên, bởi vì sự gợi ý như nhau đối với mọi cá nhân sẽ được phóng đại lên khi trở thành tương hỗ." (trang 53-54). "Vậy, việc biến mất của nhân cách có ý thức, sự ưu trội của nhân cách vô thức, sự định hướng những tình cảm và tư tưởng theo cùng một chiều qua con đường gợi ý và lây nhiễm, khuynh hướng biến đổi ngay lập tức những ý tưởng gợi ý thành hành động, đó là những đặc tính chủ yếu của cá nhân nằm trong đám đông. Cá nhân không còn là bản thân mình nữa. Anh ta đã trở thành một thứ người máy không được ý chí chỉ đạo nữa." (trang 55).

Tôi trích dẫn hết đoạn này để khẳng định rằng Gustave Le Bon thực sự coi một người trong đám đông là nằm trong tình trạng bị thôi miên chứ không phải là so sánh với một người như vậy. Chúng tôi không thấy có gì mâu thuẫn ở đây cả, chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng hai nguyên nhân sau của sự thay đổi của cá nhân trong đám đông, khả năng bị lây nhiễm và khả năng bị thôi miên, chắc chắn là không có giá trị như nhau bởi vì khả năng bị lây nhiễm cũng là biểu hiện của khả năng bị thôi miên. Hình như Le Bon cũng không phân biệt rõ ảnh hưởng của hai nguyên nhân ấy. Có thể chúng ta sẽ giải thích ý kiến của ông một cách rõ ràng hơn nếu chúng ta coi khả năng bị lây nhiễm là ảnh hưởng qua lại của các thành viên trong đám đông với nhau trong khi các biểu hiện ám thị (suggestibilité), liên quan đến hiện tượng thôi miên lại có nguồn gốc khác. Nguồn gốc nào? Chúng tôi cảm thấy ở đây có sự thiếu sót vì một trong những thành phần chính của tác động, mà cụ thể là: người đóng vai trò ông thầy thôi miên quần chúng đã không được Le Bon nhắc tới trong tác phẩm của mình. Tuy nhiên, ông đã phân biệt được cái ảnh hưởng ghê gớm còn chưa rõ là gì đó với tác động của lây nhiễm do người nọ truyền cho người kia và vì vậy mà tác động của gợi ý ban đầu đã được tăng cường hơn lên.

Le Bon còn đưa ra một luận điểm quan trọng để đánh giá về cá nhân tham gia vào đám đông. "Vậy nên, chỉ riêng việc biến mình thành bộ phận trong một đám đông có tổ chức, con người đã tụt xuống nhiều nấc trong thang bậc văn minh. Đứng tách riêng, có thể đó là một cá nhân có văn hóa; nằm trong đám đông, anh ta là một kẻ dã man, nghĩa là một kẻ bản năng. Anh ta có tính tự phát, thói bạo lực, tính hung dữ, và có cả lòng nhiệt tình, sự anh dũng của người nguyên thuỷ. Anh ta còn có khuynh hướng sáp gần những điều đó, vì anh ta dễ dàng để mình chịu ảnh hưởng bởi những từ ngữ, hình ảnh - những điều mà sẽ hoàn toàn không tác động tới cá nhân họp thành đám đông nếu cá nhân đó đứng tách riêng - và vì anh ta đã để mình bị dẫn đến những hành vi trái ngược với quyền lợi hiển nhiên nhất và những thói quen thường có nhất của mình. Cá nhân nằm trong đám đông là một hạt cát giữa vô vàn hạt cát khác mà gió sẽ bốc lên tuỳ thích.[1]" (trang 55 - 56).

---

[1] Schiller từng viết:

Ieder, sieht man ihn einzeln, ist leidlich klug und verständlich;

Sind sie in corpore, gleich wird euch ein Dummkopf daraus.

Nghĩa là: Một người riêng rẽ thì có thể thông minh và biết lẽ phải, nhưng tụ hội lại thì họ chỉ là một kẻ ngu xuẩn.

Bây giờ chúng ta hãy để cá nhân sang một bên và quay lại với mô tả tâm hồn tập thể do Le Bon phác họa. Trong lĩnh vực này thì một nhà phân tâm học dễ dàng tìm ra nguồn gốc và xếp loại tất cả các nét đặc thù. Chính Le Bon đã chỉ cho ta đường lối khi ông nêu rõ sự tương đồng giữa đời sống tinh thần của người tiền sử và trẻ em. Đám đông có "thói bốc đồng, tính hay thay đổi và tính dễ bị kích động". "Khi nghiên cứu những tính cách cơ bản của đám đông, chúng tôi đã nói rằng đám đông hầu như bị vô thức[1] dẫn dắt" (trang 61). "Những xung động khác nhau mà đám đông phải tuân theo này, tuỳ theo các kích thích, có thể là độ lượng hay tàn ác, anh hùng hay nhát gan, nhưng các xung động ấy luôn luôn bức thiết đến nỗi quyền lợi cá nhân, quyền bảo toàn bản thân không thống trị con người nữa." (trang 62). "Sự dao động của đám đông làm cho nó rất khó điều khiển, nhất là khi một bộ phận quyền lực công rơi vào tay nó. Nếu những nhu cầu đời sống hằng ngày không là một thứ tác nhân điều hòa vô hình của sự vật, thì những nền dân chủ khó có thể tồn tại lâu dài. Nhưng nếu như đám đông muốn điều gì một cách cuồng nhiệt, thì nó cũng không mong muốn điều đó quá lâu. Nó không

[1] Ông dùng chữ "vô thức" là rất đúng, theo nghĩa rộng hơn là bị dồn nén.

thể có một ý chí cũng như tư tưởng kiên định bền lâu. Đám đông không chỉ hay bốc đồng và thay đổi. Cũng như người dã man, nó không chấp nhận một điều gì đó có thể xen vào giữa niềm ham muốn của nó và sự thực hiện niềm ham muốn ấy. Nó càng ít hiểu điều này hơn nếu số lượng đông đem lại cho nó ý thức về một sức mạnh không gì ngăn nổi. Đối với cá nhân nằm trong đám đông, khái niệm về sự bất khả đã biến mất"[1] (trang 63 - 64). "Vậy nên, luôn phiêu bạt trên những giới hạn của vô thức, dễ dàng chịu mọi gợi ý, có mọi sự mãnh liệt về tình cảm riêng của những người không thể cầu viện đến ảnh hưởng của lí trí, không có tinh thần phê phán, đám đông chỉ có thể thuộc về tính cả tin quá mức" (trang 66 - 67). "Đám đông suy nghĩ bằng hình ảnh, và hình ảnh được gợi ra, bản thân nó lại gợi thêm một loạt hình ảnh khác chẳng có liên hệ logic nào với hình ảnh ban đầu. Chúng ta dễ dàng nhận thức được trạng thái này khi liên tưởng tới sự nối tiếp kì lạ của những ý tưởng mà đôi khi chúng ta bị dẫn dắt tới thông qua việc gợi ra từ một sự kiện nào đó. Lí trí cho ta thấy những

---

[1] Xem *Vật tổ và cấm kị*, III. "Анимизм, магия и всемогущество мыслей". Психологич. и психоаналитическая библиотека. Выпуск VI, Госиздат, 1924 г., Москва--Ленинград.

hình ảnh này rời rạc, nhưng đám đông ít thấy điều đó; và trí tưởng tượng gây biến dạng cộng vào với biến cố thực làm nó lẫn lộn cái tưởng tượng với cái thực. Đám đông ít phân biệt được cái chủ quan với cái khách quan. Đám đông chấp nhận những hình ảnh được gợi lên trong tâm trí như là thực, và thường thường hình ảnh ấy chỉ là họ hàng xa với sự kiện được quan sát" (trang 67 - 68). "Tính giản đơn và phóng đại những tình cảm của đám đông đã khiến nó không biết đến nghi ngờ và lưỡng lự" (trang 81).

Trong việc giải thích giấc mơ, nhờ đó chúng ta biết rất nhiều về hoạt động của vô thức, chúng tôi đã theo kĩ thuật sau đây: chúng tôi không quan tâm đến những mối nghi ngờ, thiếu tự tin, trong khi kể lại giấc mơ và coi tất cả các yếu tố mà giấc mơ bộc lộ đều là yếu tố chắc chắn. Chúng tôi coi sự nghi ngờ, thiếu tự tin là do hoạt động của kiểm duyệt và giả định rằng những ý nghĩ ban đầu của giấc mơ thì chưa có nghi ngờ, nghĩa là chưa có hình thức phê phán nào. Dĩ nhiên, nghi ngờ và thiếu tự tin cũng như mọi thứ khác có thể là vết tích từ lúc thức và khơi động giấc mơ xuất hiện (xem *Giải thích giấc mơ* [Traumdeutung] - bản tiếng Nga, in lần thứ 5, 1919, trang 386).

"Giống như phụ nữ, những tình cảm lập tức đi tới cực đoan. Nỗi hoài nghi được nói ra tức thì

biến thành sự thực hiển nhiên không cần bàn cãi. Một sự khởi đầu ác cảm hoặc không tán thưởng, ở một cá nhân tách riêng sẽ không trở nên đậm nét, nhưng sẽ lập tức trở thành hận thù hung dữ ở một cá nhân nằm trong đám đông" (trang 81). Khuynh hướng phóng đại, quá trớn như thế cũng đặc trưng cho những kích động của trẻ con, khuynh hướng đó lặp lại trong giấc mơ. Trong mơ, do sự cách li của các kích động tình cảm trong vô thức mà một chút bực dọc lúc ban ngày có thể trở thành ước muốn sát hại kẻ có lỗi, còn một ý nghĩ tội lỗi thoáng qua có thể trở thành nguyên cớ một hành động tội lỗi được thể hiện trong giấc mơ. Bác sĩ Hans Sachs có nhận xét rất hay: "Chúng ta sẽ tìm thấy trong ý thức những điều giấc mơ thông báo cho ta về quan hệ của ta với thực tại, cũng như ta chẳng nên ngạc nhiên nếu dưới kính hiển vi con sinh vật đơn bào đã biến thành một quái vật". (xem *Giải thích giấc mơ* [Traumdeutung] bản tiếng Nga, in lần thứ 5, 1919).

Đám đông vốn có xu hướng cực đoan nên chỉ những kích động phóng đại mới gây cho nó phấn khích mà thôi. Kẻ muốn có ảnh hưởng với đám đông chẳng cần lí lẽ đúng, hắn chỉ cần tạo ra những bức tranh thật rực rỡ, phóng đại và lặp đi lặp lại một chuyện là đủ. "Đối với đám đông, tính chuyên chế và bất khoan dung là những tình cảm

rất rõ ràng, mà nó hiểu dễ dàng và chấp nhận cũng dễ dàng, nó thực hành những điều đó ngay khi người ta áp đặt chúng cho nó. Đám đông ngoan ngoãn tôn trọng sức mạnh và chẳng mấy ấn tượng với lòng nhân từ mà đối với nó chỉ là một hình thức của sự yếu đuối. Cảm tình của đám đông không bao giờ dành cho các ông chủ nhu nhược mà dành cho những bạo chúa đã mạnh mẽ đè bẹp họ. Bao giờ đám đông cũng dựng tượng đài cao nhất cho các bạo chúa. Nếu như đám đông sẵn sàng khinh rẻ những bạo chúa đã bị lật đổ thì chỉ vì bạo chúa ấy đã mất sức mạnh, hắn đã thuộc vào loại kẻ yếu mà người ta khinh bỉ bởi vì người ta không sợ những kẻ ấy nữa. Loại anh hùng quý hóa với đám đông bao giờ cũng có cấu trúc như một César. Hình ảnh sặc sỡ phù hoa của ông ta cám dỗ họ, quyền lực của ông ta bắt họ kính nể và thanh gươm của ông ta làm họ sợ. Luôn sẵn sàng nổi dậy chống lại một quyền lực yếu, song đám đông lại khom lưng nô lệ trước một quyền lực mạnh" (trang 86 - 87). "Thực ra, đám đông có những bản năng bảo thủ không thể thay đổi được như bản năng của người nguyên thuỷ. Lòng sùng kính đối với truyền thống là tuyệt đối. Nỗi sợ hãi vô thức của họ đối với những cái mới có khả năng làm thay đổi điều kiện sống thực tế của họ, là hoàn toàn sâu sắc" (trang 88).

Để có thể đánh giá đúng về tư cách của đám đông ta phải chú ý đến sự kiện sau: "Đứng tách riêng, có thể đó là một cá nhân có văn hóa; nằm trong đám đông, anh ta là một kẻ dã man, nghĩa là một kẻ bản năng. Anh ta có tính tự phát, thói bạo lực, tính hung dữ, và có cả lòng nhiệt tình, sự anh dũng của người nguyên thuỷ. Anh ta còn có khuynh hướng sáp gần những điều đó, vì anh ta dễ dàng để mình chịu ảnh hưởng bởi những từ ngữ, hình ảnh - những điều mà sẽ hoàn toàn không tác động tới cá nhân họp thành đám đông nếu cá nhân đó đứng tách riêng - và vì anh ta đã để mình bị dẫn đến những hành vi trái ngược với quyền lợi hiển nhiên nhất và những thói quen thường có nhất của mình. Cá nhân nằm trong đám đông là một hạt cát giữa vô vàn hạt cát khác mà gió sẽ bốc lên tuỳ thích" (trang 55 - 56). "Quyền lợi cá nhân hiếm khi là động lực mạnh mẽ ở đám đông, trong khi nó là động lực gần như chủ yếu ở cá nhân riêng lẻ. Chắc không phải quyền lợi đã hướng đạo đám đông trong nhiều cuộc chiến tranh, điều thường khó có thể hiểu đối với trí tuệ đám đông, ở đấy đám đông dễ dàng hi sinh thân mình, giống như loài chim chiền chiện bị người đi săn dùng gương để thôi miên" (trang 91). Trong khi trí tuệ của đám đông bao giờ cũng thấp hơn trí tuệ của một cá nhân thì về phương diện đạo

đức nó có thể: hoặc là cao hơn rất nhiều hoặc là thua xa một cá nhân riêng lẻ.

Một số nét đặc trưng khác được Le Bon mô tả cũng cho thấy sự đúng đắn của việc đồng nhất tâm hồn đám đông với tâm hồn của người tiền sử. Trong đám đông có thể có những ý tưởng hoàn toàn trái ngược nhau cùng tồn tại mà không hề tạo ra xung đột vì mâu thuẫn. Phân tâm học đã chứng minh có những trường hợp như thế trong vô thức của một số người, của trẻ em và của người suy nhược thần kinh. Thí dụ, ở trẻ em có thể tồn tại trong một thời gian dài những tình cảm trái ngược nhau đối với người thân cận nhất mà không hề gây bất kì trở ngại nào. Nếu cuối cùng mà có xảy ra xung đột giữa các khía cạnh tình cảm trái ngược nhau đó thì xung đột sẽ được giải quyết bằng cách đổi đối tượng, đứa trẻ sẽ chuyển một trong hai tình cảm mâu thuẫn đó sang một người khác. Nghiên cứu lịch sử phát triển bệnh thần kinh ở người lớn, thường khi ta cũng thấy rằng một tình cảm bị đè nén có thể tồn tại rất lâu trong những tưởng tượng vô thức và ngay cả hữu thức, mà nội dung của nó dĩ nhiên là ngược với xu hướng chủ đạo, nhưng dù có mâu thuẫn như vậy vẫn không xuất hiện cái "Tôi" phản kháng, chống lại cái mà nó bác bỏ. Trí tưởng tượng được dung thứ trong một thời gian

dài cho đến khi, do sự tăng cao quá mức của tình trạng kích động một cách bất thình lình mà xảy ra xung đột với cái "Tôi", với tất cả những hậu quả kèm theo. Khi đứa trẻ phát triển thành người lớn, cá tính của nó trở nên ngày càng thống nhất, thành sự hợp nhất các dục vọng và ước nguyện, đã từng phát triển độc lập với nhau. Chúng ta cũng đã biết một quá trình tương tự như vậy trong đời sống tình dục dưới dạng hợp nhất các xu hướng dục tính thành cái mà chúng ta gọi là tổ chức tính dục. Nhiều thí dụ mà chúng tôi biết lại chứng tỏ rằng sự hợp nhất của cái "Tôi" cũng như sự hợp nhất của tính dục (libido) có thể gặp thất bại: thí dụ như các nhà tự nhiên học tiếp tục tôn sùng kinh thánh v.v...

Ngoài ra, đám đông còn bị mê hoặc bởi ma lực của ngôn từ, ngôn từ có thể tạo ra trong lòng đám đông những cơn bão kinh hoàng cũng như có thể trấn an được nó. "Lí trí và những luận chứng cũng không thể chống lại một số từ ngữ và một số công thức. Người ta trầm tĩnh công bố chúng trước đám đông; và ngay khi chúng được phát âm, những gương mặt trở nên kính cẩn và những vầng trán cúi xuống" (trang 158). Ta hãy nghĩ đến các huý kị của người tiền sử và sức mạnh ma thuật mà họ gắn cho danh từ và tên gọi[1]. Sau hết: "Đám

[1] Xem *Vật tổ và cấm kị*.

đông không bao giờ khát khao chân lí. Đứng trước những điều hiển nhiên làm đám đông không hài lòng, nó ngoảnh mặt đi, nó thích thần thánh hóa sự sai lầm, nếu như sai lầm lôi cuốn nó" (trang 169). "Không có khả năng suy nghĩ, suy luận, đám đông không biết tới cái không thể có thực: thế mà chính những sự vật không thể có thực nhất thường là những điều ấn tượng nhất" (trang 105).

Chúng tôi đã chứng minh rằng óc tưởng tượng và ảo tưởng quá mức do ham muốn không được thỏa mãn là bước khởi đầu quyết định tạo ra các chứng suy nhược thần kinh. Chúng tôi cũng phát hiện ra rằng đối với người bị suy nhược thần kinh thì cái có giá trị không phải là hiện thực khách quan bình thường, mà chính là hiện thực do tâm lí của họ tạo ra. Triệu chứng loạn thần kinh phát sinh chỉ do tưởng tượng chứ không tái tạo một cảm xúc có thật; một cảm tưởng tội lỗi ám ảnh một người nào đó thực ra chỉ căn cứ trên cơ sở một dự định độc ác mà chưa bao giờ được thực hiện. Cũng như trong giấc mơ và thôi miên, trong tâm lí đám đông, nguyên tắc thực tiễn bị sức mạnh của các ước muốn phấn khích đẩy xuống hàng thứ yếu.

Những điều mà Le Bon nói về lãnh tụ của đám đông không được đầy đủ lắm, không cho phép ta

tìm ra qui luật nhất định nào. Ông giả định rằng ngay khi các con vật tụ tập lại, không kể đấy là đàn gia súc hay một nhóm người, thì chúng đều theo bản năng mà phục tùng uy lực của lãnh tụ. Đám đông là một bầy đàn dễ sai khiến và không thể sống thiếu chúa tể. Đám đông khao khát phục tòng đến nỗi nó sẽ theo bản năng mà tuân phục ngay kẻ nào tuyên bố là chúa tể của nó. Nếu đám đông cần một lãnh tụ thì lãnh tụ cũng phải có một số phẩm chất cá nhân phù hợp. Chính hắn phải tin tưởng một cách cuồng nhiệt (vào một lí tưởng) để có thể đánh thức niềm tin ấy trong quần chúng; hắn phải có một ý chí đáng khâm phục để có thể truyền ý chí này cho đám đông nhu nhược.

Tiếp theo, Le Bon thảo luận những kiểu lãnh tụ khác nhau và những thủ thuật mà các lãnh tụ dùng để gây ảnh hưởng với quần chúng. Nói chung thì Le Bon cho rằng các lãnh tụ gây ảnh hưởng bằng các lí tưởng mà chính các lãnh tụ cũng tin một cách cuồng nhiệt. Le Bon gán cho các lí tưởng này cũng như cho các lãnh tụ một sức mạnh vô địch và bí hiểm mà ông gọi là "uy tín". Uy tín là một dạng thống trị của một cá nhân, một tác phẩm hay một lí tưởng đối với chúng ta. Sự thống trị này làm tê liệt tất cả những khả năng phê phán của cá nhân và làm cho cá

nhân chỉ còn biết ngạc nhiên và kính phục. Sự thống trị đó có thể tạo ra những tình cảm giống như khi bị thôi miên. Ông còn chia ra uy thế (tự có hay uy tín giả tạo) và uy lực. Uy thế giành được do tên tuổi, tài sản, tiếng tăm; uy thế của dư luận, của tác phẩm nghệ thuật tạo ra bằng con đường truyền thống. Trong mọi trường hợp, uy thế đều có gốc gác từ trong quá khứ nên nó không cho ta nhiều tư liệu để có thể nghiên cứu ảnh hưởng bí hiểm này. Chỉ một ít người có uy lực mà nhờ thế họ trở thành lãnh tụ; mọi người khuất phục họ như có ma thuật vậy. Nhưng uy tín phụ thuộc vào thành công và có thể biến mất nếu thất bại. Chúng tôi có cảm tưởng rằng Le Bon chưa đưa được vai trò của lãnh tụ và ảnh hưởng của uy tín vào một mối liên hệ đúng đắn với điều được ông mô tả tuyệt vời là tâm lí đám đông.

3. Những quan điểm khác về tâm lí đám đông

Chúng tôi dùng cuốn sách của Le Bon làm phần đề dẫn vì ông nhấn mạnh đến vai trò của hoạt động vô thức, trùng hợp với quan niệm về tâm lí của chính chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi phải nói rằng không có luận điểm nào của ông là mới mẻ cả. Tất cả những biểu hiện vô trách

nhiệm và nhục nhã của tâm lí đám đông mà ông nói tới cũng đã được các tác giả khác trước ông nói với cùng một mức xác quyết và thù địch như vậy; tất cả những điều đó đã được các nhà văn, nhà thơ, các nhà tư tưởng, các chính trị gia từ thời cổ đại nói đến nhiều lần[1]. Hai luận điểm quan trọng nhất của Le Bon là luận điểm về sự ức chế tập thể trong hoạt động trí tuệ và phóng đại cảm xúc của đám đông cũng đã được Sighele đưa ra gần đây[2]. Cái đặc sắc của Le Bon chỉ còn là hai ý kiến về vô thức và so sánh với đời sống tinh thần của người tiền sử. Tuy nhiên, hai điểm này cũng đã được nói đến trước ông rồi.

Hơn thế nữa: việc mô tả và đánh giá tâm lí đám đông như ta thấy trong tác phẩm của Le Bon và của những người khác không phải là hoàn toàn vững chắc. Không nghi ngờ gì rằng tất cả những hiện tượng của tâm lí đám đông đã được mô tả trước đây là đúng, nhưng có thể nói rằng một số biểu hiện khác ngược lại hoàn toàn cho phép ta đánh giá tâm lí quần chúng cao hơn rất nhiều.

---

[1] *Die Psychologie der Kollektivitäten* của B. Kraskovic Jun., 1915.

[2] Walter Moede, *Die Massen- und Sozialpsychologie im kritischen Überlick*, Zeitschrift für pädagogische Psychologie und experimentelle Pädagogik von Meumann und Scheibner, XVI, 1915.

Ngay cả Le Bon cũng sẵn sàng công nhận rằng trong một số hoàn cảnh, đạo đức của đám đông có thể cao hơn đạo đức của từng cá nhân hợp thành và chỉ có đám đông mới có khả năng làm những hành động bất vụ lợi và hi sinh cao cả. "Quyền lợi cá nhân hiếm khi là động lực mạnh mẽ ở đám đông, trong khi nó là động lực gần như chủ yếu ở cá nhân riêng lẻ " (trang 91).

Một số người khác thì cho rằng nói chung chỉ có xã hội mới có thể đặt ra các qui phạm đạo đức cho cá nhân theo, trong khi trong một số lĩnh vực từng cá nhân riêng lẻ không thể vươn tới những đòi hỏi cao đó hay trong một vài trường hợp đặc biệt, trong đám đông có thể bùng lên những hiện tượng hứng khởi, nhờ đó, quần chúng có thể làm được những hành vi cao thượng nhất.

Đúng là trong lĩnh vực hoạt động trí tuệ thì ta phải công nhận rằng những kết quả quan trọng nhất của hoạt động tư tưởng, những phát minh kéo theo hệ quả to lớn, việc giải quyết các vấn đề phức tạp chỉ dành cho các cá nhân làm việc trong môi trường đơn độc. Nhưng linh hồn quần chúng cũng có sức sáng tạo tinh thần to lớn mà minh chứng trước hết là ngôn ngữ, sau nữa là dân ca, folklore... Ngoài ra, chúng ta không thể biết có bao nhiêu nhà tư tưởng hay nhà thơ đã từng lấy cảm hứng từ chính đám quần chúng mà họ là

thành viên; mà có thể họ chỉ là những người thực hiện cái sự nghiệp mà trong đó đồng thời có cả những người khác tham dự nữa.

Do những mâu thuẫn rõ ràng như vậy, ta dễ có cảm tưởng rằng môn tâm lí đám đông là môn học vô bổ. Nhưng chúng ta có thể tìm được một lối ra cho phép hi vọng tìm được giải đáp khả quan. Danh từ đám đông được nhiều người gán cho những tập hợp khác nhau mà đúng ra cần phải tách biệt. Tác phẩm của Sighele, Le Bon và nhiều người khác liên quan đến những đám đông không bền vững, được tạo ra một cách nhanh chóng từ những cá nhân khác hẳn nhau, chỉ liên kết với nhau bởi những mối quan tâm nhất thời. Không nghi ngờ gì rằng đặc điểm của các đám đông quần chúng cách mạng mà cụ thể là cuộc Cách mạng Pháp (1789 - 1799, ND) đã có ảnh hưởng đến các tác phẩm của họ. Những khẳng định ngược lại dựa trên cơ sở đánh giá các khối quần chúng ổn định hay những cộng đồng mà ở đó con người sống suốt đời, những cộng đồng đã thể hiện thành các định chế xã hội. Đám đông loại thứ nhất đối với đám đông loại thứ hai cũng như các đợt sóng ngắn nhưng cao đối với các con sóng dài trong những vùng nước nông vậy.

Mc Dougall trong tác phẩm *The Group Mind*[1], xuất phát từ mâu thuẫn nêu trên đã tìm được lời giải cho nó bằng cách đưa thêm vào yếu tố tổ chức. Ông nói rằng trong trường hợp đơn giản nhất, đám đông (*group*) hoàn toàn vô tổ chức hoặc là có tổ chức sơ sài không đáng kể. Ông gọi khối quần chúng ấy là đám đông (*crowd*). Nhưng ông công nhận rằng thật khó tập hợp được một đám đông như vậy nếu như trong đó không hình thành ít nhất là những cơ sở ban đầu của một tổ chức, và chính trong cái khối quần chúng đơn giản ấy đặc biệt dễ dàng nhận ra một số sự kiện chủ yếu của tâm lí đám đông. Nhóm người tụ họp một cách tình cờ chỉ có thể trở thành khối quần chúng về mặt tâm lí với điều kiện là họ có cùng một điểm chung nào đó: cùng quan tâm đến một đối tượng, cảm xúc như nhau trong một hoàn cảnh nhất định và (nếu là tôi thì tôi nói là: vì vậy mà) có khả năng ảnh hưởng lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm (trang 23). Điểm chung mà càng mạnh thì họ càng dễ họp thành đám đông tâm lí và biểu hiện của tâm lí đám đông càng rõ rệt. Hiện tượng đặc biệt hơn cả đồng thời cũng quan trọng hơn cả của đám đông là sự phóng đại xúc cảm của từng cá nhân (trang 24).

---

[1] Cambridge, 1920.

Theo ý kiến của Mc Dougall thì khó có điều kiện nào mà cảm xúc của người ta lại đạt đến mức như khi nằm trong đám đông và như thế từng người một đều cảm thấy khoan khoái, không còn cảm giác cô đơn, họ để cho dục vọng vô giới hạn của mình dẫn dắt và cùng với nó hòa tan vào đám đông. Mc Dougall giải thích cái nhiệt huyết đó của cá nhân bằng nguyên tắc cảm ứng trực tiếp thông qua giao cảm nguyên thủy, nghĩa là hiện tượng truyền nhiễm tình cảm mà ta đã biết (trang 25). Thực chất là những dấu hiệu rõ ràng của trạng thái phấn khích có khả năng tự động tạo ra những phấn khích như thế ở người quan sát. Càng có nhiều người cùng phấn khích một lúc thì cái cơ chế tự động ấy càng mạnh mẽ thêm. Cá nhân mất khả năng phê phán, anh ta bị lôi kéo vào tình trạng phấn khích. Khi đã phấn khích thì anh ta lại gia tăng phấn khích ở những người từng có ảnh hưởng đến anh ta và như vậy là bằng hỗ tương cảm ứng mà mức độ phấn khích của từng cá nhân gia tăng thêm lên. Không nghi ngờ gì rằng có một cái gì đó như là tư tưởng thi đua với những người khác, cùng hành động như những người khác, thúc đẩy. Trong đám đông, xúc động càng thô lậu và đơn sơ càng có nhiều khả năng lan truyền (trang 39).

Một số ảnh hưởng có nguồn gốc từ đám đông cũng tạo điều kiện thuận lợi cho cơ chế gia tăng phấn khích. Đám đông tạo cho cá nhân cảm giác sức mạnh vô hạn và mối nguy không cùng. Phút chốc đám đông thế chỗ cho toàn thể xã hội loài người, vốn là đại diện cho uy quyền mà hình phạt của nó thì người ta sợ và để chiều theo nó thì người ta buộc phải tự kiềm chế. Đôi khi thật là nguy hiểm nếu ta phản đối nó, ngược lại ta sẽ được an toàn nếu làm theo như những người khác và nếu cần thì "tru lên như chó sói". Khi đã tuân phục uy quyền mới này rồi thì cần phải dẹp yên tiếng nói "lương tâm" của mình đi, phải ngả theo viễn cảnh có được khoái lạc do đã loại bỏ được mọi kiềm chế. Bởi vậy, nói chung không có gì lạ khi có người nói với ta rằng một cá nhân trong đám đông có thể làm những việc mà trong những điều kiện bình thường hắn sẽ quay mặt đi và bằng cách đó chúng ta có hy vọng đã làm sáng tỏ được một lĩnh vực còn mờ mịt vẫn được người ta gọi dưới cái tên "ám thị".

Mc Dougall cũng không phản đối luận điểm về sự đình trệ tập thể trong hoạt động trí tuệ của đám đông (trang 41). Ông bảo rằng kẻ ngu kéo người khôn hơn xuống ngang tầm với mình, người thông minh trở nên trì trệ vì sự khích động cao không tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động

trí tuệ, vì họ bị đám đông đe dọa, và vì nhận thức trách nhiệm của từng cá nhân đã giảm đi.

Ý kiến chung của Mc Dougall về hoạt động tâm thần của đám đông đơn giản, "vô tổ chức", nghe cũng không thân thiện gì hơn ý kiến của Gustave Le Bon: dễ kích động, bồng bột, đam mê, thiếu kiên định, bất nhất, thiếu kiên quyết và rất dễ cực đoan; đám đông chỉ có thể lĩnh hội những dục vọng thô lậu và những cảm xúc đơn sơ; nó dễ bị ám thị, nông nổi trong suy nghĩ, dễ thay đổi ý kiến; nó chỉ chấp nhận những lí lẽ và kết luận đơn giản nhất. Đám đông dễ bị điều khiển và đe dọa, đám đông không có nhận thức về tội lỗi, không có nhận thức về lòng tự trọng và trách nhiệm; nhưng do ý thức được sức mạnh của mình, nó sẵn sàng thực hiện mọi tội ác mà chỉ có những lực lượng tuyệt đối vô trách nhiệm cũng như có sức mạnh tuyệt đối mới dám làm. Nghĩa là nó hành động giống như một đứa trẻ thiếu giáo dục hoặc như một tên mọi mê muội được để xổng ra môi trường xa lạ với nó; trong những trường hợp tồi tệ nhất, hành động của đám đông giống với hành động của bầy thú hoang chứ không còn là hành động của đám người nữa.

Vì Mc Dougall so sánh hành vi của đám đông có tổ chức với hành vi vừa được mô tả nên chúng ta sẽ đặc biệt thú vị khi tìm hiểu xem đám đông

có tổ chức là thế nào, cái gì tạo ra tổ chức ấy. Ông đưa ra năm "điều kiện cơ bản" để đưa hoạt động tinh thần của đám đông lên một mức cao hơn.

Điều kiện căn bản thứ nhất là một mức độ ổn định nhất định trong thành phần đám đông. Sự ổn định này có thể mang tính vật chất hay hình thức; loại thứ nhất là khi có một số người nhất định tham gia vào đám đông trong một thời gian tương đối dài, loại thứ hai là khi trong đám đông có một số người luân phiên nắm giữ một số vai trò nào đó.

Điều kiện thứ hai: cá nhân tham gia có một số hiểu biết nhất định về bản chất, chức năng, hoạt động và đòi hỏi của đám đông và vì vậy mà họ có tình cảm với toàn thể đám đông đó.

Điều kiện thứ ba: đám đông có liên hệ với những đám đông tương tự, nhưng vẫn khác với nó ở một số điểm để tạo ra sự cạnh tranh.

Điều kiện thứ tư: đám đông có một số truyền thống, phong tục, định chế, áp dụng cho quan hệ giữa các thành viên cấu thành.

Điều kiện thứ năm: trong đám đông có sự phân công, thể hiện trong việc phân thành nhóm và chia công việc cho từng người.

Khi hội đủ những điều kiện đó thì theo Mc Dougall, sẽ tránh được các khiếm khuyết về mặt

tâm lí của đám đông. Có thể tránh được những hạn chế trong hoạt động trí tuệ của đám đông bằng cách không cho nó giải quyết các vấn đề đòi hỏi trí năng mà sẽ giao việc ấy cho một số cá nhân thành viên.

Chúng tôi có cảm tưởng rằng những điều kiện mà Mc Dougall gọi là "tổ chức" của đám đông hoàn toàn có thể mô tả theo một cách khác. Vấn đề là tạo cho đám đông những phẩm chất đặc trưng của cá nhân, tức là những phẩm chất đã bị san bằng khi cá nhân ở trong đám đông. Khi ở bên ngoài đám đông mông muội, cá nhân đã từng có những đức tính như sự nhất quán, tự tri, đã từng có những truyền thống và thói quen của mình, khả năng làm việc, phong cách sống của mình; hắn từng sống cách biệt với những cá nhân khác cạnh tranh với hắn. Hắn chỉ đánh mất tính đặc thù của mình khi tham gia vào đám đông "vô tổ chức". Nếu mục đích là tạo cho đám đông những phẩm chất của cá nhân thì cần phải nhớ lại nhận xét rất chính xác của W. Trotter[1], người đã phát hiện ra trong xu hướng thành lập đám đông cái sự tiếp tục tạo ra cơ thể đa bào của mọi sinh vật cấp cao.

---

[1] *Instinct of the Herd in Peace and War*. London, 1916.

4. Ám thị và Libido

Chúng tôi bắt đầu từ sự kiện chủ yếu là trong đám đông, do ảnh hưởng của nó, cá nhân đã phải chịu những thay đổi thường khi rất sâu sắc trong đời sống tinh thần của mình. Sự khích động bị phóng đại quá mức, hoạt động trí tuệ giảm thiểu đáng kể, rõ ràng là cả hai quá trình đó xảy ra theo hướng đánh đồng mình với những thành viên khác của đám đông, các quá trình ấy chỉ có thể thực hiện được bằng cách loại bỏ sự tự kiềm chế, vốn là đặc trưng của từng cá thể và từ bỏ những dục vọng đặc thù của nó.

Chúng ta cũng đã được nghe nói rằng có thể tránh được (ít ra là một phần) những ảnh hưởng không tốt ấy bằng cách tạo ra đám đông "có tổ chức", nhưng điều đó cũng không hề mâu thuẫn với sự kiện chủ yếu, với hai luận điểm về khích động phóng đại và giảm thiểu trí tuệ của đám đông. Ở đây, chúng tôi cố gắng tìm cách giải thích về mặt tâm lí sự thay đổi đó của cá nhân.

Yếu tố thực dụng đại loại như sự sợ hãi của cá nhân và do đó biểu hiện của bản năng tự bảo tồn rõ ràng là không thể giải thích được toàn bộ hiện tượng quan sát được. Các tác giả, các nhà xã hội học hay nhà tâm lí học nghiên cứu đám đông đều đưa ra cho chúng ta một lời giải thích dù bằng

những thuật ngữ khác nhau: đấy là từ ám thị đầy ma lực. Tarde gọi đấy là bắt chước, nhưng chúng tôi phải nói rằng tác giả có lí khi chỉ ra rằng bắt chước cũng là ám thị, rằng nó là kết quả của ám thị[1]. Le Bon thì qui mọi sự bất thường trong hiện tượng xã hội đó vào hai yếu tố: hỗ tương ám thị và uy tín của lãnh tụ. Nhưng uy tín cũng chỉ là biểu hiện của khả năng tạo ra ảnh hưởng. Đối với Mc Dougall thì có lúc, chúng tôi có cảm tưởng rằng trong nguyên tắc cảm ứng trực tiếp của ông không còn chỗ cho ám thị. Nhưng sau khi nghiên cứu kĩ thì chúng tôi buộc lòng phải công nhận rằng nguyên tắc này cũng chỉ thể hiện cái luận điểm đã biết là "bắt chước" hay "lây nhiễm", ông chỉ nhấn mạnh thêm yếu tố kích động mà thôi. Không nghi ngờ gì rằng chúng ta có xu hướng rơi vào trạng thái kích động khi thấy dấu hiệu kích động như thế ở một người khác, nhưng chúng ta cũng thường thắng được xu hướng đó, chúng ta đè nén kích động và thường phản ứng hoàn toàn ngược lại để đối phó. Thế thì tại sao trong đám đông ta lại luôn luôn bị nhiễm kích động? Một lần nữa cần phải nói rằng ảnh hưởng có tính ám thị của đám đông buộc ta tuân theo xu hướng bắt chước và tạo trong ta sự kích động. Trước đây,

---

[1] Brugeilles, "L'essence du phenomene social: la suggestion". Revue philosophique XXV. 1913.

chúng ta cũng đã thấy rằng Mc Dougall phải sử dụng khái niệm ám thị, chúng ta được ông, cũng như những tác giả khác cho biết rằng: đám đông rất dễ bị ám thị.

Như vậy là chúng ta đã được chuẩn bị để chấp nhận rằng ám thị (đúng hơn: khả năng bị ám thị) là hiện tượng khởi thủy, sự kiện nền tảng, không còn phân tích nhỏ ra được nữa, của đời sống tinh thần. Đấy cũng là ý kiến của Bernheim, tôi từng chứng kiến tài nghệ đặc biệt của ông vào năm 1889. Nhưng tôi cũng từng âm thầm chống đối sự ám thị cưỡng ép. Khi người ta gắt với một con bệnh cứng đầu cứng cổ, không bị thôi miên: "Ông làm cái gì vậy? Ông chống cự hả?", thì tôi tự nhủ rằng đấy là sự bất công, sự cưỡng ép. Dĩ nhiên, khi có kẻ định thôi miên người ta, định khuất phục người ta bằng cách đó thì người ta phải có quyền chống lại chứ. Sự chống đối của tôi sau này đi theo xu hướng chống lại việc dùng ám thị để giải thích mọi sự trong khi chính nó lại không được giải thích. Nói đến ám thị tôi thường đọc đoạn thơ hài hước sau đây[1]: "Thánh Christophe đứng đỡ Christ và chúa Christ đứng

[1] Christoph trug Christum. Christum trug die ganze Welt. Sag wo hat Christoph hin den Fuss gestellt? Christophorus Christum, sed Chistus sustulit orbem: Constiterit pedibus die ubi Christophorus? Ieder,

đỡ thế gian, vậy tôi xin hỏi ông thánh Christophe biết để chân vào đâu mà đứng".

Ngày nay, ba mươi năm đã qua, tôi lại quay về với câu đố của ám thị thì thấy vẫn chưa có gì thay đổi cả. Tôi có thể khẳng định điều đó, ngoại trừ một việc duy nhất là ảnh hưởng của phân tâm học. Tôi thấy rằng tất cả mọi cố gắng đều nhằm để định nghĩa đúng khái niệm ám thị nghĩa là xác định điều kiện sử dụng thuật ngữ[1], việc đó dĩ nhiên không thừa vì từ đó càng ngày càng bị sử dụng một cách sai lạc và chẳng bao lâu nữa người ta sẽ dùng để chỉ bất kì ảnh hưởng nào cũng được. Nhưng một sự giải thích thực chất hiện tượng ám thị, nghĩa là những điều kiện trong đó ảnh hưởng có thể xảy ra mà không cần lí lẽ hữu lí cần thiết, thì chưa có. Tôi sẵn sàng khẳng định điều đó bằng việc phân tích các tài liệu trong vòng 30 năm qua, nhưng tôi không làm vì biết rằng hiện nay đã có một công trình nghiên cứu kĩ lưỡng về vấn đề này đang được tiến hành rồi. Thay vào đó tôi sẽ cố gắng áp dụng khái niệm libido, một khái niệm đã giúp chúng tôi rất nhiều trong quá trình nghiên cứu bệnh tâm thần (*Psychoneurose*), để giải thích tâm lí đám đông.

---

[1] Mc Dougall trong tạp chí "Journal of Neurology and Psychopathology". Vol.1, No 1, May 1920. "A note on suggestion".

Libido là danh từ mượn của lí thuyết về tình cảm. Chúng tôi dùng danh từ ấy (libido) để chỉ năng lượng của tất cả những dục vọng mà từ tình yêu bao hàm. Năng lượng ấy có thể được xem như thuộc loại định tính mặc dù hiện tại thì chưa đo lường được. Cốt lõi của khái niệm mà chúng ta gọi là tình yêu là cái nói chung vẫn được người ta gọi là tình yêu, là cái được các nhà thơ ca ngợi, nghĩa là tình yêu nam nữ, có mục đích là sự liên kết giới tính. Nhưng chúng tôi không tách khỏi khái niệm đó tất cả những gì liên quan đến từ *yêu*: một đằng là yêu chính mình, một đằng là tình yêu cha mẹ, con cái, tình bạn và tình yêu nhân loại nói chung cũng như lòng trung thành với một đồ vật cụ thể hay một lí tưởng trừu tượng nào đó. Biện minh cho cách làm như vậy là những kết quả của môn nghiên cứu phân tâm học, nghiên cứu chỉ rõ rằng tất cả những ái lực đó đều là biểu hiện của một loại dục vọng hướng đến liên kết giới tính giữa các giới khác nhau, mặc dù trong một số trường hợp dục vọng này có thể không nhằm mục đích là giao hợp hay là người ta có thể kiềm chế chuyện đó, nhưng những ái lực đó vẫn luôn luôn giữ được một phần thực chất nguyên thủy đủ để bảo tồn tính tương đồng (sự hy sinh, ước muốn gần gũi).

Như vậy là chúng tôi cho rằng ngôn ngữ đã thiết lập được, trong những ứng dụng cực kì đa dạng của từ "yêu", một mối liên hệ hoàn toàn đúng và rằng không gì tốt hơn là lấy mối liên hệ đó làm cơ sở cho những cuộc thảo luận khoa học và mô tả của chúng tôi. Làm như thế, phân tâm học đã tạo ra nhiều bất bình, tuồng như nó là tội nhân của một sáng kiến đầy tội lỗi vậy. Phân tâm học gán cho cách hiểu từ yêu "rộng" như vậy, không có nghĩa là nó đã tạo ra một cái gì đó độc đáo. Từ *Eros* của nhà triết học Platon hoàn toàn trùng hợp cả về mặt nguồn gốc, tác động và quan hệ với hành vi giao hợp, với năng lượng tình yêu, với libido của phân tâm học, như hai ông Nachmansohn và Pfister đã chỉ rõ[1], và trong bức thư nổi tiếng "Thư gửi người xứ Corinth[2]", Thánh Paul đã ca ngợi tình yêu và đặt tình yêu lên trên hết thì hẳn rằng Ngài đã hiểu từ đó theo nghĩa "rộng". Từ đó, có thể kết luận rằng người đời không phải lúc nào cũng thực sự hiểu những nhà tư tưởng vĩ đại của mình ngay cả khi họ làm ra vẻ tôn sùng các bậc vĩ nhân ấy.

---

[1] Nachmansohn, "Freuds Libidotheorie verglichen mit der Eroslehre Platos". Intern. Zeitschr. f. Psychoanalyse III, 1915; Pfister ebd. VII. 1921.

[2] Xem *Thư thứ nhất của Phao Lô gửi cho người Cô-Rin-Tô*, bản dịch của Hội Ghi-Đê-Ôn. (Ghi chú của người dịch).

Phân tâm học gọi những ham muốn tình ái đó là *a potiori* và về mặt nguồn gốc thì đấy chính là ham muốn nhục dục. Nhiều "nhà trí thức" cho rằng gọi như vậy là một sự thóa mạ và để báo thù, họ trách cứ môn phân tâm học là "loạn dâm". Người nào cho rằng dục tính là một cái gì đó xấu xa, đê tiện đối với con người thì người đó hoàn toàn có quyền dùng những từ thanh nhã hơn như Eros chẳng hạn. Tôi cũng có thể làm như thế ngay từ đầu và như vậy tôi có thể tránh được nhiều sự phản bác, nhưng tôi không làm thế vì tôi không phải là kẻ nhu nhược. Không thể biết được điều đó sẽ đưa đến đâu: đầu tiên là nhượng bộ về ngôn từ, sau đó sẽ dần dần nhượng bộ trong thực tế. Tôi cho rằng chẳng có gì phải xấu hổ chuyện dục tính, người ta cho rằng dùng từ *Eros* trong tiếng Hy lạp thì bớt ngượng, nhưng từ ấy có khác gì từ *yêu* của ta và cuối cùng người nào có thể chờ đợi thì người đó không cần phải nhượng bộ.

Như vậy là chúng tôi giả định rằng các mối liên hệ tình ái (diễn đạt một cách trung tính: những liện hệ tình cảm) là bản chất của linh hồn tập thể. Xin nhớ rằng các tác giả mà chúng tôi nói đến ở trên không đả động gì đến khái niệm ấy cả. Có lẽ những điều phù hợp với quan hệ tình ái đã bị che giấu sau bức bình phong là ám thị. Hai suy nghĩ sau đây củng cố thêm giả thuyết của chúng

tôi: thứ nhất, đám đông được liên kết bằng một lực nào đó. Nhưng ngoài cái Eros ấy thì còn lực nào có cái sức mạnh liên kết mọi người trên thế gian? Thứ hai, có cảm tưởng rằng trong đám đông, cá nhân từ bỏ cá tính độc đáo của mình và ngả theo ám thị của đám đông là do anh ta có nhu cầu đồng thuận với đám đông chứ không phải là mâu thuẫn với họ, anh ta làm thế là để "chiều lòng họ".

5. Giáo hội và quân đội: Hai đám đông nhân tạo

Như chúng ta còn nhớ, về mặt hình thái học có thể chia ra rất nhiều loại đám đông khác nhau và có những xu hướng hoàn toàn trái ngược nhau trong nguyên tắc phân loại đám đông. Có những đám đông tồn tại trong một thời gian ngắn, có đám đông tồn tại trong một thời gian dài; có những đám đông gồm những thành viên tương đồng, có đám đông gồm những thành viên tương dị; có đám đông tự nhiên, có những đám đông nhân tạo, chỉ tụ tập lại vì bị thúc bách; có những đám đông đơn giản, có những đám đông đã được phân công, có tổ chức cao. Vì những lí do sẽ được đề cập sau, chúng tôi muốn nhấn mạnh một điểm mà các tác giả khác ít chú ý: đám đông không có người cầm đầu và đám đông có người cầm đầu.

Ngược lại với thói thường, nghiên cứu của chúng tôi không bắt đầu bằng một đám đông đơn giản mà bắt đầu từ những đám đông có tổ chức cao, tồn tại lâu dài, tụ tập lại do bị thúc bách. Hai nhóm đáng chú ý hơn cả là giáo hội, tập hợp của các tín đồ, và quân đội.

Giáo hội và quân đội thực chất là những đám đông nhân tạo, hình thành do bị thúc bách; để bảo đảm cho chúng không bị tan rã và ngăn chặn những thay đổi trong tổ chức của chúng, người ta phải áp dụng một số cưỡng bách từ bên ngoài. Người ta không được hỏi và cũng không được tự ý gia nhập những tổ chức như thế. Việc rút ra khỏi tổ chức như thế thường bị đàn áp hoặc phải có một số điều kiện nhất định. Hiện thời, chúng ta không quan tâm đến việc là tại sao các tổ chức xã hội ấy lại cần các biện pháp đảm bảo như vậy. Chúng ta chỉ quan tâm đến một tình tiết: trong những đám đông có tổ chức cao như thế, những đám đông được bảo vệ khỏi tan rã như vậy, ta có thể dễ dàng nhận ra một số đặc điểm mà ở những đám đông khác khó nhận ra hơn.

Trong giáo hội (tốt nhất nên chọn giáo hội Công giáo làm mẫu) cũng như trong quân đội (mặc dù hai tổ chức này khác nhau) vẫn tồn tại một niềm tin sai lầm (ảo tưởng) rằng người cầm đầu - trong giáo hội là Jesus-Christ, còn trong

quân đội là vị Tổng tư lệnh - yêu thương tất cả các thành viên trong đoàn thể như nhau. Mọi điều khác phụ thuộc vào ảo tưởng này, nếu ảo tưởng này biến mất thì cả quân đội và giáo hội đều tan rã, hoàn cảnh bên ngoài chỉ làm cho việc tan rã xảy ra nhanh hay chậm hơn mà thôi. Jesus-Christ yêu thương tất cả mọi người như nhau, ý ấy được diễn đạt rõ ràng trong câu sau đây: "Quả thật, ta nói cùng các ngươi, hễ các ngươi đã làm việc đó cho một người trong những anh em ta, dầu là kẻ nhỏ mọn hơn hết, thì tức là làm cho chính ta vậy[1]". Ngài là một người anh nhân từ, người đóng vai trò người cha của mọi tín hữu. Mọi yêu cầu đối với các đạo hữu đều phát sinh nhân danh tình yêu này. Giáo hội khác với các tổ chức khác ở tính dân chủ chính vì trước Jesus-Christ mọi người đều bình đẳng, mọi người đều được Ngài yêu thương như nhau. Không phải là không có lí khi người ta so sánh sự tương đồng của cộng đồng Công giáo với một gia đình, và các tín đồ gọi nhau là anh em trong Thiên Chúa, nghĩa là anh em trong tình thương yêu mà Jesus-Christ dành cho họ. Không nghi ngờ gì rằng mối liên hệ của mỗi người với Jesus-Christ cũng là nguyên nhân

[1] Tin lành theo Ma-thi-ơ (25:40), bản dịch của Hội Ghi-Đê-Ôn (Ghi chú của người dịch).

ràng buộc giữa họ với nhau. Trong quân đội cũng như vậy, Tổng tư lệnh là người cha yêu thương tất cả các chiến sĩ như nhau và vì vậy mà mọi quân nhân ràng buộc với nhau trong tình đồng đội. Về cơ cấu, quân đội khác giáo hội ở điểm đẳng cấp, mỗi vị chỉ huy là thủ trưởng và cha của đơn vị mình. Thực ra, các cấp bậc như thế được thiết lập cả trong giáo hội nữa, nhưng thang bậc không đóng vai trò như trong quân đội vì người ta gán cho Jesus-Christ nhiều sự cảm thông và quan tâm đến từng cá nhân hơn là một vị tư lệnh có thật dưới trần gian.

Quan niệm một cơ cấu quân đội trên nền tảng dục tính (libido) như vậy có thể bị chỉ trích, người ta có thể chỉ trích rằng chúng tôi không kể đến những khái niệm như tổ quốc, lòng tự hào dân tộc v.v là những nhân tố cố kết quan trọng đối với một đội quân. Nhưng đây là trường hợp khác, không phải trường hợp đám đông đơn thuần và nếu xét đến các đạo binh của Cesar, Wallenstein hay Napoleon thì ta sẽ thấy những nhân tố ấy không cần thiết cho sự thiết lập và duy trì quân đội. Sau này, chúng tôi sẽ xét khả năng thay thế lãnh tụ bằng một lí tưởng chủ đạo và quan hệ giữa lãnh tụ và lí tưởng.

Việc coi thường yếu tố libido trong quân đội (ngay cả trong trường hợp nó không phải là yếu

tố duy nhất đóng vai trò tổ chức) không chỉ là sai lầm có tính lí thuyết mà còn là nguy hiểm trong thực tiễn. Khoa học Đức cũng như chủ nghĩa quân phiệt Phổ không biết đến khía cạnh tâm lí chắc chắn đã học được bài học trong cuộc thế chiến vừa qua (Thế chiến thứ Nhất - ND). Như ta biết, bệnh suy nhược thần kinh của binh sĩ làm tan rã quân đội Đức chính là lời phản kháng của từng cá nhân đối với vai trò của họ trong quân ngũ và theo báo cáo của E. Simmel[1] thì ta có thể khẳng định rằng nguyên nhân bệnh hoạn chủ yếu của binh sĩ chính là thái độ nhẫn tâm của các cấp chỉ huy. Nếu người ta đánh giá cao hơn hấp lực libido đó thì có thể là những lời hứa viển vông 14 điểm của Tổng thống Mỹ đã không giành được sự tin cậy dễ dàng như thế và các nhà chiến lược Đức đã không bị đánh bật khỏi tay một công cụ đáng tin cậy như thế.

Chúng ta phải ghi nhận rằng trong cả hai loại đám đông nhân tạo ấy mỗi cá nhân đều có mối liên hệ libido, một mặt với lãnh tụ (Jesus-Christ, Tổng tư lệnh) và mặt khác với những người khác trong đám đông. Hai mối liên hệ ấy có quan hệ với nhau ra sao, chúng có tương đồng về bản chất và cùng giá trị hay không, về mặt tâm lí chúng

[1] *Kriegsneurosen und psychisches Trauma*, München 1918.

phải được mô tả ra sao, tất cả những điều đó sẽ được nghiên cứu sau. Nhưng ngay từ bây giờ, ta đã có thể trách cứ các tác giả đi trước là họ không đánh giá đúng mức vai trò của lãnh tụ đối với tâm lí quần chúng trong khi chúng tôi chọn nó làm đối tượng nghiên cứu đầu tiên và vì vậy mà giành được vị trí thuận lợi. Chúng tôi có cảm tưởng rằng chúng tôi đã đi đúng hướng trong việc cắt nghĩa hiện tượng nền tảng của tâm lí đám đông, đó là: sự gắn bó của cá nhân trong đám đông. Nếu mỗi cá nhân đều cảm thấy một mối liên kết tình cảm mạnh mẽ như vậy trong cả hai hướng thì từ quan hệ đó sẽ dễ dàng giải thích những thay đổi và hạn chế của cá nhân trong đám đông mà ta quan sát được.

Bản chất của đám đông nằm trong các mối liên kết libido hiện hữu bên trong nó, có thể được tìm thấy trong hiện tượng hoảng loạn trong quân đội một hiện tượng có lẽ đã được nghiên cứu kĩ nhất. Sự hoảng loạn phát sinh khi có sự tan rã. Đặc điểm chủ yếu của nó là người ta không còn tuân theo mệnh lệnh của cấp chỉ huy nữa, ai cũng chỉ lo cho mình, mặc kệ người khác. Không còn mối ràng buộc nào nữa, một nỗi hoảng loạn khủng khiếp và vô nghĩa xâm chiếm lòng người. Dĩ nhiên ở đây người ta cũng có thể cãi rằng: ngược lại, đấy là vì nỗi sợ hãi quá lớn, nó đè bẹp mọi suy luận và ràng

buộc. Mc Dougall (trang 24) còn coi hoảng loạn (tuy không phải là quân đội) là thí dụ về sự phóng đại khích động do cảm ứng nguyên thuỷ (primary induction). Nhưng sự giải thích thuần lí đó hoàn toàn sai. Chúng ta phải giải thích tại sao nỗi hoảng loạn lại khủng khiếp đến như thế. Mức độ hiểm nguy không phải là nguyên nhân vì chính đạo quân đang hoảng loạn đó đã từng đương đầu được với những mối hiểm nguy như vậy, mà có thể là còn hiểm nguy hơn, và đối với nỗi hoảng loạn thì điều đặc biệt là nó không nằm trong mối tương quan nào với hiểm nguy đang đe dọa cả, thường khi nó xuất hiện chỉ vì những lí do chẳng đáng kể gì. Khi một cá nhân hoảng loạn thì hắn chỉ lo cho bản thân, điều đó chứng tỏ rằng mọi mối liên hệ tình cảm của hắn, những mối liên hệ từng giúp giảm thiểu nỗi sợ hãi, đã chấm dứt. Vì hắn phải một mình, đơn độc, đối diện với hiểm nguy thì dĩ nhiên là hắn phóng đại thêm mối nguy hiểm. Như vậy nghĩa là hoảng loạn xảy ra do sự tan rã cơ cấu libido của đám đông và là phản ứng phải có đối với sự tan rã ấy, chứ không phải ngược lại, là những liên hệ libido của đám đông bị tan rã là do sự hoảng loạn trước hiểm nguy.

Nhận định trên đây không mâu thuẫn với khẳng định rằng trong đám đông, do cảm ứng nguyên thủy (truyền nhiễm) mà hoảng loạn trở

thành khủng khiếp hơn. Lí giải của Mc Dougall hoàn toàn đúng cho những trường hợp khi mối nguy hiểm quả thật là to lớn cũng như khi trong đám đông không có những mối liên kết tình cảm sâu sắc. Đấy là khi trong rạp hát hay rạp xiếc xảy ra hỏa hoạn chẳng hạn. Nhưng trường hợp đáng quan tâm và có ích cho mục đích của chúng ta là sự hoảng loạn trong một đạo quân khi mà mối nguy hiểm không vượt quá mức bình thường, mức mà trước đây không hề gây ra nỗi hoảng loạn nào. Vả chăng từ "hoảng loạn" không có một nghĩa chuẩn xác và nhất định. Trong một số trường hợp thì nó dùng để chỉ mọi sự sợ hãi của đám đông, trong một số trường hợp khác thì của một người, nếu nỗi sợ đó là quá lớn, nhiều khi nó được dùng để chỉ sự bùng phát sợ hãi do những lí do không đáng kể. Nếu chúng ta dùng từ "hoảng loạn" theo nghĩa nỗi sợ hãi của đám đông thì ta có thể tiến hành so sánh. Cá nhân sợ hãi là do có nguy hiểm lớn hay do bị mất các liên hệ libido; trường hợp sau là do suy nhược thần kinh (xin xem *Phân tâm học nhập môn,* chương 25, Freud). Hoảng loạn xảy ra khi có mối nguy hiểm to lớn đe dọa mọi người hay khi những mối dây liên kết tình cảm của đám đông không còn, trường hợp sau cũng tương tự như sợ hãi do suy nhược thần kinh.

Nếu mô tả sự hoảng loạn (như Mc Dougall làm) như là biểu hiện rõ rệt của tâm lí đám đông thì sẽ có nghịch lí sau đây: tâm lí đám đông tự hủy diệt ngay trong một biểu hiện rõ rệt nhất của mình. Không còn nghi ngờ gì rằng hoảng loạn là sự tan rã đám đông, kết quả của sự tan rã đó là sự tiêu vong mọi ràng buộc giữa các cá nhân làm thành đám đông.

Nguyên cớ điển hình cho việc xuất hiện hoảng loạn rất giống với điều được mô tả trong đoạn văn của Nestroy nhại vở kịch của Hebbel (*Judith và Holopherne*). Trong đoạn văn này, một người lính hô: "Chủ tướng bị chặt đầu rồi", thế là toàn bộ quân lính Assyrie bỏ chạy. Việc mất người cầm đầu trong bất cứ ý nghĩa nào của từ này, hay sự thất vọng đối với ông ta cũng đều tạo ra hoảng loạn dù rằng nguy hiểm không tăng. Liên kết hỗ tương giữa những cá nhân lập thành đám đông sẽ tan rã cùng với sự tan rã liên kết với người chỉ huy. Đám đông tan rã như tuyết gặp ánh nắng mặt trời.

Sự tan rã của đám đông tôn giáo khó thấy hơn. Mới đây tôi có được đọc một cuốn tiểu thuyết của Anh về đề tài Công giáo nhan đề *Đêm đen* (*When it was dark*) do một giám mục địa hạt London giới thiệu. Theo tôi, cuốn tiểu thuyết đã

mô tả rất hay và rất đúng khả năng và những hậu quả của sự tan rã của đám đông tôn giáo. Tác giả tưởng tượng ra một hành động dường như xảy ra trong thời hiện tại: có một âm mưu chống lại Jesus-Christ và những lời rao giảng của Ngài. Những kẻ âm mưu phao tin chúng đã tìm thấy ở Jesusalem một hầm mộ, trong đó có một tấm bia nói rằng một người tên là Arimathie thú nhận là ông ta, vì lòng kính Chúa, đã bí mật lấy trộm xác Ngài sau khi Ngài chết được ba ngày và đem giấu ở cái hầm ấy. Bằng cách đó, những kẻ âm mưu đã làm sụp đổ niềm tin vào sự tái sinh và nguồn gốc thần thánh của Jesus-Christ. Vụ phát hiện khảo cổ học ấy đã làm rung chuyển cả nền văn hóa Âu Châu và hậu quả là tội ác và bạo hành gia tăng đến mức báo động. Tình trạng gia tăng tội ác chỉ chấm dứt khi người ta khám phá ra âm mưu của những kẻ giả mạo.

Sự kiện bộc lộ trước tiên trong vụ tan rã tôn giáo giả định nói tới ở đây không phải là nỗi sợ hãi (không có lí do nào cả) mà là các xung lực ích kỉ và thù địch đối với tha nhân. Những xung lực này trước đây không thể biểu lộ ra được chính vì tình yêu đồng đều mà Jesus-Christ dành cho mọi người[1]. Ngay thời Chúa còn tại thế vẫn có những

[1] Trong cuốn *Die vaterlose Gesellschaft* của Federn, Vienne,

cá nhân nằm ngoài mối liên kết tình cảm ấy; đó là những người không thuộc cộng đồng Công giáo, họ không yêu Chúa mà Chúa cũng không yêu họ; vì thế một tôn giáo - dù nó có tự gọi là tôn giáo của tình thương đi nữa - cũng phải tàn bạo và không nương tay với kẻ ngoại đạo. Tại căn để, mọi tôn giáo đều là tôn giáo của tình thương đối với những người cùng bổn đạo, và tôn giáo nào cũng tàn ác và không khoan dung với người không chịu theo nó. Vì vậy, dù có bị tổn thương đến đâu ta cũng chớ nên nặng lời với những người sùng tín. Xét về mặt tâm lí thì những người vô thần và những kẻ thờ ơ là những người gặp may mắn hơn. Nếu lòng hẹp hòi, cố chấp ngày nay không còn mãnh liệt như xưa thì ta cũng không thể nói rằng đấy là do tính khí người ta nay đã dịu dàng hơn xưa. Nguyên do là việc giảm sút không chối cãi được của tình cảm tôn giáo và cùng với nó là những liên kết libido. Nếu có một đám đông khác thay thế cho đám đông tôn giáo (hiện nay dường như đám đông theo học thuyết xã hội chủ nghĩa đã làm được như thế) thì kết quả cũng vẫn là lòng hẹp hòi, cố chấp như thế với người không thuộc đoàn thể ấy như thời các cuộc chiến tôn giáo mà thôi và nếu những khác

---

1919, có giải thích những hiện tượng tương tự xảy ra khi sụp đổ quyền tộc trưởng.

biệt về quan điểm khoa học có ý nghĩa lớn với quần chúng thì kết quả tương tự cũng xảy ra ngay cả trong lĩnh vực này nữa.

6. Những vấn đề mới và những hướng tìm tòi mới

Chúng ta đã nghiên cứu hai đám đông nhân tạo và thấy rằng có những ràng buộc tình cảm lưỡng phân ngự trị trong các đám đông đó, một mặt là ràng buộc với lãnh tụ, có tính quyết định hơn, và mặt khác là với những cá nhân tham gia đám đông.

Nhiều vấn đề về cơ cấu đám đông vẫn chưa được khảo sát và mô tả. Cần phải xuất phát từ luận điểm là nếu trong một nhóm người tụ tập mà chưa hình thành các ràng buộc nêu trên thì nhóm người đó chưa phải là đám đông, đồng thời phải công nhận rằng trong bất kì nhóm người tụ hội nào cũng rất dễ xuất hiện xu hướng tạo lập một đám đông tâm lí. Phải xem xét các đám đông tự tụ hội ít nhiều có tính cách thường kì, theo nguyện vọng của mình; cần phải nghiên cứu điều kiện hình thành và tan rã của chúng. Trước hết, chúng ta quan tâm đến sự khác nhau của đám đông có người cầm đầu và đám đông không có người cầm đầu. Liệu có phải là đám đông có người cầm đầu là cổ xưa hơn và hoàn thiện hơn hay không? Liệu

người cầm đầu có thể được thay thế bằng một lý tưởng, bằng một cái gì đó trừu tượng là bước chuyển tiếp mà các đám đông tôn giáo tạo nên cùng với người cầm đầu vô hình hay không? Liệu một xu hướng, một ước vọng chung có thể thay thế vai trò người cầm đầu hay không? Cái giá trị trừu tượng đó có thể nhập vào một cá nhân đóng vai trò lãnh tụ thứ hai và từ quan hệ của người cầm đầu và lý tưởng có thể xuất hiện những biến tướng đáng quan tâm. Người cầm đầu hay tư tưởng chủ đạo cũng có thể là tiêu cực, lòng căm thù một người nào đó hay thể chế nào đó có thể có khả năng tập hợp và tạo ra những mối liên kết tình cảm giống như những cảm xúc tích cực vậy. Sau đó, có thể hỏi rằng có thực sự cần người cầm đầu để tạo ra đám đông hay không v.v

Nhưng tất cả những câu hỏi đó, một phần đã được thảo luận trong sách báo về tâm lí đám đông, không thể làm chúng ta sao lãng khỏi những vấn đề tâm lí mà chúng ta cho là cơ bản trong cơ cấu đám đông. Trước hết, chúng ta xem xét luận cứ chỉ cho ta con đường ngắn nhất dẫn đến việc chứng minh rằng những mối liên kết đặc trưng cho đám đông có nguồn gốc libido.

Chúng ta hãy nhớ lại xem người đời đối xử với nhau như thế nào trong lĩnh vực tình cảm. Schopenhauer đã có một so sánh nổi tiếng với

những con nhím vào mùa đông để gợi ý rằng không một người nào có thể chịu nổi sự gần gũi quá mức của người khác. "Mùa đông lạnh giá, đàn nhím ép sát vào nhau cho ấm. Nhưng ngay lúc ấy, chúng cảm thấy đau vì lông con nọ chọc vào con kia, chúng phải lùi xa nhau ra. Thấy rét, chúng lại xích vào nhau và cứ thế chúng luẩn quẩn giữa hai nghịch cảnh đó cho đến khi tìm được một khoảng cách vừa phải thoải mái nhất[1]". Phân tâm học khẳng định rằng mọi liên hệ tình cảm gần gũi trong khoảng thời gian đủ lâu nào đó (quan hệ vợ chồng, tình bạn, cha con)[2] đều để lại cảm giác khó chịu mang tính thù nghịch, chỉ có thể được loại bỏ bằng cách đẩy nhau ra xa. Ta thấy rõ điều đó khi hai bên thường gây gổ với nhau hay khi thấy các nhân viên ca thán chống lại cấp trên. Khi người ta tụ tập thành đám đông hơn thì cũng xảy ra những hiện tượng hệt như vậy. Khi có hai gia đình thông gia với nhau thì bên nào cũng cho rằng mình tốt hơn và cao quí hơn bên kia. Hai tỉnh cạnh nhau ghen tị với nhau, tổng nọ khinh thường tổng kia. Giống người cùng nguồn gốc ganh ghét nhau:

---

[1] *Parerga und Paralipomena*, II. Teil, XXXI, Gleichnisse und Parabeln.

[2] Có thể loại trừ quan hệ giữa mẹ và con trai, vốn được đặt nền tảng trên sự ngã ái, sẽ không bị phá vỡ do sự tương tranh về sau mà sẽ được tăng cường do tham gia vào việc lựa chọn đối tượng tình dục.

người Đức miền Nam không chịu nổi người Đức miền Bắc, người Anh ghét người Scotland, người Tây Ban Nha khinh người Bồ Đào Nha. Còn sự khác biệt lớn gây ra mối căm thù: người Pháp thù người Đức, người Arien ghét dân Do Thái, da trắng thù da đen; chuyện đó đã từ lâu chẳng làm ta ngạc nhiên nữa.

Nếu xuất hiện sự ác cảm chống lại người mà ta từng yêu mến thì ta gọi đó là thái độ nước đôi (*ambivalent*) và ta tự giải thích một cách quá duy lí bằng những lí do dẫn đến xung đột về quyền lợi, những lí do luôn luôn hiện hữu trong các quan hệ thân tình kiểu đó. Trong trường hợp khi sự ác cảm, thù địch biểu lộ công khai với tha nhân thì ta có thể nhận thấy đấy là biểu hiện của tính ích kỉ, ngã ái, cái ngã ái muốn tự khẳng định, cái ngã ái hành động theo kiểu dường như sự hiện hữu những gì khác với đặc điểm cá nhân của nó đều kèm theo sự chỉ trích và đòi hỏi phải thay đổi. Chúng ta không biết vì sao người ta lại nhạy cảm với những tiểu tiết đến như thế, nhưng chắc chắn rằng hành vi đó thể hiển rõ ràng tính dễ xung đột, dễ gây hấn mà chúng ta không rõ nguồn gốc và chúng ta coi là đặc điểm nguyên thủy. Trong cuốn sách *Vượt qua nguyên tắc khoái lạc* xuất bản năm 1920, tôi đã thử qui hai thái cực yêu ghét với sự đối lập giữa bản năng sống và bản năng chết và

coi khuynh hướng tính dục như là một thứ thay thế thuần khiết nhất của cái thứ nhất, nghĩa là bản năng sống. Nhưng toàn bộ sự bất dung sẽ biến mất tạm thời hay lâu dài khi xuất hiện đám đông hay ngay trong đám đông. Khi còn đám đông thì cá nhân hành động trong khuôn khổ của nó như những người giống nhau hoàn toàn, họ chấp nhận cá tính của tha nhân, coi mình ngang hàng với tha nhân và không thấy có sự căm ghét nào.

Sự hạn chế ngã ái đó, theo lí luận của chúng tôi, là do một yếu tố duy nhất: liên kết libido với người khác. Tính ích kỉ chỉ bị hạn chế khi có tình yêu đối với người khác, khi có tình yêu với các đối tượng[1]. Một câu hỏi lập tức xuất hiện, tự thân quyền lợi chung mà không cần bất cứ liên kết libido nào thì có dẫn đến sự khoan dung và tôn trọng đối tác hay không? Có thể trả lời rằng sự hạn chế ngã ái trong trường hợp này không bền vững vì sự khoan dung sẽ mất ngay khi mối lợi do sự cùng tham gia của tha nhân không còn. Nhưng giá trị thực tế của vấn đề đang tranh luận này nhỏ hơn người ta nghĩ lúc đầu vì kinh nghiệm dạy chúng ta rằng trong quá trình cộng tác thì giữa các đối tác sẽ phát sinh các điều kiện libido, giúp củng cố quan hệ của họ kể cả sau khi lợi lộc đã hết.

---

[1] *Zur Einführung des Narzißmus*. 1914.

Trong quan hệ xã hội của con người cũng xảy ra hiện tượng giống hệt như vậy mà phân tâm học phát hiện ra khi nghiên cứu quá trình phát triển libido của cá nhân. Libido hướng vào việc đáp ứng các nhu cầu sống còn và lựa chọn những người có thể đáp ứng những nhu cầu đó làm những đối tượng đầu tiên. Trong quá trình tiến hóa của nhân loại cũng như của cá nhân, chỉ có tình yêu mới có thể đóng vai trò như là nhân tố văn hóa trong quá trình chuyển từ chủ nghĩa vị kỉ sang chủ nghĩa vị tha. Và thực tế là, vì tình yêu với một người đàn bà, cho dù nó có gây ra những hạn chế, ta sẵn sàng chịu đựng mọi thứ miễn là người yêu ta được hạnh phúc; tương tự như vậy khi có một tình yêu đồng giới thăng hoa, phi dục tính, sinh ra trong quá trình cộng tác với một người đàn ông. Như vậy là nếu trong đám đông có sự giới hạn lòng ích kỉ ngã ái thì đấy là bằng chứng không thể chối cãi rằng thực chất của đám đông chính là những liên kết mới được xác lập giữa các thành viên của nó với nhau.

Nhưng bây giờ chúng ta lại phải hỏi rằng những mối liên kết trong đám đông ấy là loại liên kết gì? Trong lí thuyết phân tâm học về bệnh tâm thần, cho đến nay chúng tôi mới chỉ nghiên cứu về các khát khao yêu đương với các

đối tượng nhằm mục đích dục tính trực tiếp. Trong đám đông thì hiển nhiên không thể nói đến chuyện dục tính rồi. Ở đây, chúng ta gặp phải khát khao yêu đương tuy đã rẽ khỏi mục đích ban đầu nhưng vẫn giữ nguyên ảnh hưởng đối với đám đông. Trong khuôn khổ của sự chiếm đoạt đối tượng về mặt dục tính chúng tôi cũng đã nhận thấy những biểu hiện của sự chuyển hướng ham muốn khỏi mục đích dục tính. Chúng tôi đã mô tả chúng như là một mức độ yêu đương nhất định và nhận xét rằng chúng đã hạn chế một phần cái "Tôi". Bây giờ, chúng ta sẽ nghiên cứu kĩ lưỡng những biểu hiện tình ái đó với hy vọng rằng chúng ta sẽ tìm ra các quan hệ có thể đem áp dụng vào trường hợp các mối liên kết trong đám đông. Ngoài ra, chúng ta còn muốn biết liệu phương pháp chiếm đoạt đối tượng, như chúng ta đã biết trong đời sống tình dục, có phải là hình thức liên kết tình cảm duy nhất đối với người khác hay chúng ta còn phải lưu ý đến những cơ chế khác nữa. Phân tâm học cho chúng ta biết rằng còn có những cơ chế liên kết tình cảm khác nữa: đó là hiện tượng đồng nhất hóa, một hiện tượng chưa được nghiên cứu kĩ, rất khó mô tả, chúng ta hãy tạm gác vấn đề tâm lí đám đông để xem xét vấn đề đồng nhất hóa.

7. Đồng nhất hóa

Phân tâm học cho rằng đồng nhất hóa là biểu hiện sớm nhất của liên kết tình cảm với người khác. Đồng nhất hóa đóng vai trò nhất định trong việc phát triển mặc cảm Ơđíp. Đứa bé trai rất thích cha nó, nó muốn được trở thành như bố nó, nó muốn thay thế bố nó trong mọi hoàn cảnh. Ta có thể nói: người cha là nhân vật lí tưởng của nó. Thái độ đó không phải là thụ động hay nữ tính đối với bố (hay với đàn ông nói chung) mà ngược lại đấy hoàn toàn là nam tính. Thái độ ấy hoàn toàn dung hòa với mặc cảm Ơđíp và góp phần thúc đẩy mặc cảm này.

Đồng thời với quá trình đồng nhất hóa với cha, đứa bé bắt đầu coi mẹ là đối tượng libido. Như vậy là đứa bé bộc lộ hai liên kết khác nhau về mặt tâm lí: với mẹ là khao khát dục tính còn với cha là sự đồng nhất hóa với nhân vật lí tưởng. Cả hai mối liên kết cùng tồn tại bên cạnh nhau một thời gian mà không ảnh hưởng đến nhau, không gây xáo trộn gì cho nhau. Nhưng dần dần hoạt động tinh thần đi đến chỗ thống nhất, hai mối liên kết va chạm nhau và nhờ sự qui tụ đó mà xuất hiện hội chứng Ơđíp. Đứa trẻ nhận thấy rằng bây giờ ông bố đã cản trở nó trên đường đến với mẹ; sự đồng nhất với cha có pha chút ác cảm và trở thành đồng nhất với ước

muốn thay thế cha kể cả trong quan hệ với mẹ. Đồng nhất hóa có tính cách nước đôi ngay từ đầu[1], nó vừa là biểu hiện tình cảm âu yếm vừa là ước muốn loại trừ cha. Nó thể hiện ra như là một nhánh của giai đoạn đầu, giai đoạn "miệng" trong việc hình thành libido, trong giai đoạn đó đứa trẻ hấp thu đối tượng yêu quí bằng cách ăn và bằng cách đó hủy diệt ngay chính đối tượng. Như ta đã biết thì mọi ăn thịt người dừng lại ở giai đoạn phát triển này: hắn ăn cả người hắn ghét lẫn người hắn yêu.

Việc đồng nhất hóa với cha sẽ không để lại dấu vết gì. Có thể xảy ra hiện tượng sau đây: khi đứa trẻ mang nữ tính thì người cha sẽ bị coi là đối tượng đáp ứng dục tính và khi đó sự đồng hóa với bố trở thành sơ kì của liên kết đối tượng. Đứa con gái cũng có thái độ tương tự như vậy với mẹ nó. Sự khác nhau chỉ là một đằng thì đồng nhất hóa với cha còn đằng kia thì coi cha là đối tượng. Trong trường hợp thứ nhất, người cha là đối tượng để trở thành, trường hợp thứ hai thì người cha là đối tượng chiếm hữu. Như vậy, sự

---

[1] Freud: *Ba cuộc khảo cứu về lí thuyết dục tính và Abraham - Untersuchungen über die früheste prägenitale Enrwicklungsstufe der Libido* (Internat. Zeitschr. f. Psychoanal., IX 1916) cũng như Klinische Beiträge zur Psychoanalyse (Internat. Psychoanalyst. Bibliothek, Bd. 10.1921).

khác nhau là mối liên kết tình cảm này liên quan đến chủ thể hay khách thể của cái "Tôi". Vì vậy, mối liên kết thứ nhất có thể tồn tại trước khi có sự lựa chọn đối tượng dục tính. Rất khó mô tả sự khác biệt đó bằng tâm lí siêu hình. Ở đây, chỉ cần ghi nhận rằng sự đồng nhất hóa dẫn đến việc tạo lập cái "Tôi" của mình theo hình mẫu của người khác, người được coi là "lí tưởng".

Chúng tôi phân tách một sự đồng nhất hóa từ những mối liên hệ phức tạp trong trường hợp suy nhược thần kinh như sau. Một bé gái mà chúng tôi quan sát có cùng một triệu chứng bệnh lí như người mẹ, thí dụ cùng bị những cơn ho dai dẳng. Chuyện đó có thể xảy ra bằng những cách khác nhau: đấy có thể là sự đồng nhất hóa với mẹ, sinh ra bởi mặc cảm Ođíp, nghĩa là ước muốn thế chỗ của mẹ; triệu chứng này cũng có thể là biểu hiện của tình yêu đối với cha, nó thực hiện chính việc thay thế mẹ, đứa bé bị ảnh hưởng bởi cảm giác tội lỗi: mày muốn là mẹ ư, thì mày được rồi đó, mày ho như mẹ đó. Đấy là toàn bộ cơ chế hình thành chứng loạn thần kinh (hysterie). Có cả triệu chứng tương tự với triệu chứng của người mà đứa trẻ yêu (ví dụ cô bé Dora trong *Bruchstück einer Hysterieanalyse* bắt chước chứng ho của cha); trong trường hợp này ta có thể mô tả thực chất vấn đề như sau: đồng nhất hóa chiếm

chỗ của lựa chọn đối tượng, còn lựa chọn đối tượng thoái hóa thành đồng nhất hóa. Chúng ta đã nghe nói rằng đồng nhất hóa là hình thức sớm nhất, hình thức đầu tiên của mối liên kết tình cảm; khi có dấu hiệu triệu chứng, nghĩa là sự dồn nén và khi các cơ chế vô thức chiếm ưu thế thì thường đáng lẽ lựa chọn đối tượng thì người ta lại đồng nhất hóa với đối tượng, nghĩa là "Tôi" nhận những phẩm chất của đối tượng.

Chúng ta nên để ý rằng trong đồng nhất hóa, cái "Tôi" đôi khi sao chép người nó yêu, đôi khi sao chép người nó ghét. Chúng ta cũng phải nhớ rằng trong cả hai trường hợp, đồng nhất hóa cũng chỉ là phần nào, rất hạn chế, nó chỉ mượn một nét nào đó của người mà nó nhận làm đối tượng mà thôi. Trường hợp thứ ba, hay xảy ra và quan trọng, là trường hợp sự đồng nhất hóa không tùy thuộc vào quan hệ libido đối với người mà nó sao chép. Ví dụ, một cô nữ sinh nội trú nhận được từ người yêu bí mật một bức thư gợi lòng ghen, cô ta phản ứng bằng cách nổi cơn loạn thần kinh, thì một vài cô bạn của cô ta biết chuyện và bị lây cơn loạn thần kinh đó, chúng tôi gọi đó là truyền nhiễm tâm thần. Ở đây, cơ chế đồng nhất hóa, trên cơ sở một ước muốn được ở hoặc một khả năng ở cùng hoàn cảnh, đã được kích hoạt. Các cô học trò khác cũng muốn có một mối tình bí mật

và do ảnh hưởng của nhận thức tội lỗi của mình, họ chấp nhận sự đau khổ do tội lỗi đó mang lại[1]. Sẽ là sai lầm nếu khẳng định rằng họ rước vào mình triệu chứng đó là do lòng xót thương. Ngược lại, xót thương sinh ra từ đồng nhất hóa, bằng chứng là sự truyền nhiễm hay bắt chước có thể xảy ra trong trường hợp sự cảm thông trước đó còn ít hơn sự cảm thông giữa các cô học trò trong trường nội trú như vừa nói. Một cái "Tôi" cảm nhận được trong cái "Tôi" khác một sự tương đồng quan trọng ở một khía cạnh nào đó, trong thí dụ của chúng ta thì đấy là sự sẵn sàng có cảm xúc; trên cơ sở đó mà xảy ra sự đồng nhất hóa ở khía cạnh đó và do ảnh hưởng của tình trạng bệnh hoạn nên đồng nhất chuyển thành triệu chứng mà cái "Tôi" cảm ứng được. Nghĩa là đồng nhất hóa thông qua triệu chứng là dấu hiệu chứng tỏ hai cái "Tôi" có chung một điểm bị dồn nén.

Chúng ta có thể tập hợp những điều vừa nghiên cứu vào ba nguồn gốc: thứ nhất, đồng nhất hóa là hình thức liên kết tình cảm đầu tiên với đối tượng; thứ hai, do thoái hóa mà nó trở thành cái thay thế cho liên kết tình cảm với đối

---

[1] Ở đây là trường hợp các trường nội trú cuối thế kỉ XIX còn rất nhiều cấm đoán khắt khe nên mới có hiện tượng và các hậu quả như được trình bày trong thí dụ này (Ghi chú của người dịch).

tượng giống như phóng chiếu đối tượng vào cái "Tôi"; thứ ba, nó có thể xuất hiện khi có một cái chung với một người không phải là đối tượng dục tính. Cái chung càng lớn thì sự đồng nhất hóa từng phần càng dễ xảy ra và bằng cách đó mà nó tạo ra một liên kết mới. Chúng ta đoán ra là sự liên kết với nhau của các cá nhân tạo thành đám đông về thực chất là sự đồng nhất hóa trên cơ sở một cái chung có ý nghĩa quan trọng, và chúng ta có thể giả định rằng cái chung này chính là mối liên kết với người cầm đầu. Dĩ nhiên chúng ta không coi là vấn đề đồng nhất hóa đã được trình bày một cách toàn diện; chúng ta mới ở ngưỡng cửa của cái mà tâm lí học gọi là nội nhập tình cảm (*Einfühlung* - tiếp thụ tình cảm của người khác), là cái đóng vai trò chủ yếu trong sự hiểu biết của chúng ta về cái "Tôi" của kẻ khác. Nhưng chúng ta giới hạn sự tìm hiểu bằng việc khảo sát những biểu hiện tình cảm trực tiếp nhất của hiện tượng đồng nhất hóa và tạm gác sang bên ảnh hưởng của nó đối với hoạt động trí tuệ.

Nghiên cứu phân tâm học đề cập một cách sơ lược cả những vấn đề phức tạp hơn của bệnh tâm thần biến thái có thể chỉ cho chúng ta hiện tượng đồng nhất hóa cả trong một số trường hợp mà chúng ta chưa hoàn toàn hiểu rõ. Tôi xin phân

tích kĩ hai trường hợp sau đây để tiện cho việc nhận định về sau.

Sự phát sinh đồng tính luyến ái của đàn ông thường xảy ra như sau: người thanh niên ràng buộc với mẹ, hiểu theo nghĩa mặc cảm Ơđíp, một cách mạnh mẽ và trong một thời gian dài. Nhưng cuối cùng, sau giai đoạn trưởng thành về mặt giới tính thì cần phải tìm một đối tượng tình dục khác để thay cho mẹ. Khi đó xảy ra một bước ngoặt không ai ngờ được: trong khi rời bỏ mẹ, chàng trai đã đồng nhất hóa mình với mẹ, trở thành người mẹ, và đi tìm đối tượng có thể thay thế cái "Tôi" của chàng ta, đối tượng mà anh ta có thể yêu, có thể âu yếm, như người mẹ đã từng yêu, đã từng âu yếm anh ta vậy. Đây là quá trình thường gặp, có thể được khẳng định trong mọi trường hợp và dĩ nhiên là không phụ thuộc vào giả thuyết về duyên cớ và động cơ của sự thay đổi bất ngờ đó. Điều đáng chú ý là mức độ rộng lớn của trường hợp đồng hóa này: nó thay đổi cái "Tôi" của con người trong một lĩnh vực quan trọng nhất, trong lĩnh vực dục tình, theo mẫu của người mà cho đến lúc đó vẫn là đối tượng libido của nó. Chính đối tượng thì bị từ bỏ: sự từ bỏ là hoàn toàn hay là được giữ trong vô thức - nhưng đấy không phải là đề tài của cuộc thảo luận của chúng ta. Sự đồng nhất hóa

với đối tượng mà người ta bỏ hay người ta bị mất với mục đích thay thế nó, việc nhập nội (*introjection*) đối tượng vào trong cái "Tôi" dĩ nhiên không phải là mới đối với chúng tôi. Đôi khi có thể quan sát trực tiếp quá trình này ở một đứa trẻ. Gần đây, trên tờ "Internationale Zeitschrift für Psychoananlyse" có tường thuật sự kiện sau: một đứa nhỏ cảm thấy đau khổ vì mất một chú mèo con và bất thình lình giải thích rằng bây giờ nó chính là con mèo ấy, nó cũng bò bằng bốn chân và không chịu ngồi vào bàn ăn[1] v.v...

Việc phân tích hiện tượng trầm cảm (*Melancholie*) cho ta một thí dụ khác về hiện tượng nhập nội đối tượng; nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng này là mất, mất thật sự hay mất về phương diện tình cảm, đối tượng tình ái. Đặc trưng chủ yếu của các trường hợp này là người bệnh tự hạ thấp quá mức cái "Tôi" của mình bằng cách tự phê phán và tự oán trách không thương tiếc. Sự phân tích cho hay rằng thực ra những lời tự phê phán và tự chỉ trích đó là nhằm vào đối tượng, là sự trả thù cái "Tôi" của chính đối tượng. Như tôi đã từng nói ở một chỗ khác,

---

[1] Markuszewicz, *Beitrag zum autistischen Denken bei Kindern*, Internat. Zeitsch. f. Psychoanalyse, VI, 1923

đấy là cái bóng của đối tượng đã phủ lên "Tôi". Trong trường hợp này, ta có thể thấy rõ hiện tượng nhập nội đối tượng một cách rõ ràng, không còn nghi ngờ gì nữa.

Nhưng chứng trầm cảm còn cho ta một điều nữa có thể quan trọng cho những khảo sát sau này. Nó chỉ cho chúng ta thấy một cái "Tôi" bị chia chẻ, một cái "Tôi" vỡ làm hai phần, phần này kịch liệt chống lại phần kia. Mảnh kia tức nửa cái tôi bị biến đổi bởi sự nhập nội, nửa ấy chứa đựng đối tượng đã bị mất. Nhưng cái nửa tự thể hiện một cách hung bạo cũng không xa lạ với chúng ta: nó đưa lương tâm, đưa thẩm quyền phê phán vào "Tôi"; tuy lúc bình thường nó cũng phê phán "Tôi" nhưng không bao giờ tỏ ra bất công và mãnh liệt như vậy. Trước đây, chúng ta cũng đã có cớ (hiện tượng ngã ái, buồn bã và trầm cảm) để giả định rằng trong cái "Tôi" của chúng ta có một thẩm quyền như thế, một nửa cái "Tôi" có thể tách riêng ra và xung đột với phần còn lại. Chúng tôi gọi phần đó là "Tôi"- lí tưởng và gán cho nó chức năng tự quan sát, ý thức đạo đức, kiểm duyệt giấc mơ và vai trò chủ yếu trong việc dồn nén. Chúng tôi đã nói rằng nó là hậu duệ của ngã ái khởi thủy nhất, trong đó cái "Tôi" của đứa trẻ tìm được sự tự thỏa mãn. Dần dần, nó hiểu được những yêu cầu mà môi trường

xung quanh đặt ra với cái "Tôi", nhưng không phải lúc nào "Tôi" cũng thực hiện được, và người ta, trong khi bất mãn với cái "Tôi" của mình, vẫn có thể tìm được sự thỏa mãn trong "Tôi"- lí tưởng đã tách rời khỏi "Tôi". Ngoài ra, chúng tôi còn xác định được rằng trong sự điên khùng vì tự soi mói đó (Beobachtungswahn) sự tan rã của "Tôi"- lí tưởng cũng trở nên rõ ràng và trong khi tan rã, nó lại chỉ cho ta thấy nguồn gốc của nó là từ ảnh hưởng của những người có uy tín mà trước hết là bố mẹ[1]. Chúng tôi cũng không quên chỉ rõ rằng đối với từng người thì mức độ tách biệt giữa "Tôi"- lí tưởng và "Tôi" thực tế là rất khác nhau và ở một số người thì sự phân hóa bên trong cái "Tôi" không vượt quá mức độ của một đứa trẻ.

Nhưng trước khi có thể sử dụng tài liệu này để giải thích tổ chức libido của đám đông, chúng ta cần chú ý đến một số quan hệ qua lại giữa "Tôi" và đối tượng. Chúng tôi hiểu rõ rằng bằng những thí dụ lấy từ môn bệnh lí học, chúng tôi không thể nói hết về hiện tượng đồng nhất hóa và như vậy là phải bỏ qua không nói tới một vài phần bí mật của đám đông. Ở đây, đáng lẽ ra phải có một quá trình phân tích tâm lí một cách sâu sắc và đầy đủ hơn. Từ đồng nhất hóa qua bắt

[1] *Zur Einführung des Narzißmus.*

chước đến nội nhập tình cảm nghĩa là hiểu được cái cơ chế, nhờ đó chúng ta có thể tiếp xúc với tâm hồn của tha nhân. Trong những biểu hiện của đồng nhất hóa cũng còn nhiều điều phải tìm hiểu. Hậu quả của đồng nhất hóa là người ta không có thái độ thù nghịch với người mà ta đồng nhất, người ta bảo vệ, người ta giúp đỡ nữa. Robertson Smith khi nghiên cứu hiện tượng đồng nhất hóa như là cơ sở sự thống nhất của các bộ lạc đã phát hiện ra một kết quả là sự đồng nhất hóa dựa vào sự cùng công nhận một cái chung (Kinship and Marriage, 1885) và vì vậy có thể được thiết lập bằng một bữa ăn chung. Đặc điểm ấy cho phép liên kết sự đồng nhất hóa với lịch sử nguyên thủy của gia đình mà tôi phác họa trong cuốn *Vật tổ và cấm kị*.

8. Yêu đương và thôi miên

Ngôn ngữ dù có đỏng đảnh vẫn trung thành với một thực tế nào đó. Nó gọi những quan hệ tình cảm rất khác nhau là "yêu" và chúng ta gom về mặt lí thuyết tất cả những quan hệ đó dưới danh từ "yêu", nhưng sau đó lại nghi ngờ rằng không hiểu đấy có phải là tình yêu thực sự, đúng đắn, chân thành hay không; nó cũng chỉ ra một loạt cấp bậc trong hiện tượng tình yêu. Quan sát những cấp bậc ấy không phải là việc khó.

Trong nhiều trường hợp, yêu chính là việc tìm kiếm đối tượng dục tình nhằm thỏa mãn nhục dục một cách trực tiếp, và khi đạt được mục đích thì tình yêu cũng tắt; đấy là tình yêu bất chính, tình yêu sắc dục. Nhưng, như chúng ta đã biết, tình trạng libido thường không giản đơn như vậy. Tin chắc rằng nhu cầu vừa chợt tắt sẽ lại bừng dậy dĩ nhiên phải là lí do chính để người ta ấp ủ niềm say mê với đối tượng trong một thời gian dài, phải "yêu" đối tượng cả khi không bị lửa tình thiêu đốt.

Từ trong lịch sử phát triển tình ái của con người, ta lại có thể thấy một khía cạnh khác. Trong giai đoạn đầu, thường chấm dứt vào năm lên năm tuổi, đứa trẻ chọn cha hay mẹ làm đối tượng tình ái đầu tiên và tập trung mọi ham muốn dục tính cần được thỏa mãn vào đó. Sau đó sẽ đến giai đoạn dồn nén, buộc đứa trẻ phải từ bỏ phần lớn mục tiêu dục tính trẻ con và đứa trẻ thay đổi thái độ đối với cha mẹ một cách sâu sắc. Đứa trẻ vẫn còn gắn bó với cha mẹ, nhưng những ham muốn của nó thì phải nói "về mặt mục đích đã bị ngăn chặn". Tình cảm của nó với những người thân yêu được gọi là "âu yếm". Nhưng như ta đã biết, trong vô thức, khao khát "sắc dục" lúc trước vẫn còn được đứa trẻ giữ ở một mức độ nào đó, cho nên theo

một nghĩa nào đó thì nhánh dục lạc đó vẫn còn tồn tại[1].

Đến tuổi dậy thì đứa trẻ bỗng phát triển một xu hướng mới, mạnh mẽ nhằm đạt mục tiêu dục tính trực tiếp. Trong những trường hợp bất lợi thì các khao khát mãnh liệt mới đó sẽ vẫn là luồng sắc dục tách rời khỏi luồng tình cảm "âu yếm" tồn tại từ lâu. Chúng ta có một bức tranh, trong đó những xu hướng văn chương nhất định sẵn sàng lí tưởng hóa cả hai mặt. Người đàn ông thể hiện lòng say mê viển vông những người đàn bà đáng kính, những người không hề hấp dẫn anh ta về mặt tình dục, anh ta chỉ động tình khi đứng trước những người đàn bà khác, những người anh ta không "yêu", không tôn trọng, thậm chí coi khinh[2]. Nhưng thường thì chàng trai trẻ có thể thực hiện việc kết hợp giữa ái tình cao thượng phi dục tính với ái tình nhục dục thế gian và quan hệ của anh ta với đối tượng dục tính là đồng tác dụng của khao khát không bị cản trở và khao khát bị cản trở. Có thể theo mức độ ham muốn âu yếm bị cản trở mà đánh giá sức mạnh tình yêu của họ so với những ước muốn nhục dục.

---

[1] Sexualtheorie.

[2] *Über die Allgemeine Erniedrigung des Liebeslebens*: Sammlung, 1918.

Trong phạm vi tình ái này, ngay từ đầu ta đã thấy đập vào mắt hiện tượng lí tưởng hóa đối tượng, đối tượng dục tình, ở một mức độ nào đó, đã tránh được sự phê phán, tính nết của đối tượng được đánh giá cao hơn những người họ không yêu hoặc cao hơn chính đối tượng đó trước khi được yêu. Khi những khao khát nhục dục bị dồn nén hay đàn áp quá mức thì người ta có ảo tưởng rằng nhờ những ưu việt tinh thần mà đối tượng được yêu về nhục dục, trong khi thực ra thì chính tình yêu nhục dục đã gán cho đối tượng các tính chất ưu việt về mặt tinh thần đó. Khao khát đã tạo ra trong trường hợp này phán đoán sai lạc gọi là lí tưởng hóa. Nhờ thế mà chúng ta dễ định hướng. Chúng ta thấy rõ rằng đối tượng được coi là chính "Tôi" và như vậy là trong tình yêu phần lớn ngã ái libido được rót sang đối tượng. Trong một vài hình thức chọn lựa người yêu, ta còn thấy rõ ràng hiện tượng đối tượng được dùng để thay thế cho cái "Tôi"- lí tưởng chưa thành tựu của chính mình. Người ta yêu đối tượng vì cho rằng đối tượng có những điểm tận thiện tận mỹ mà cái "Tôi" của người ta chưa vươn tới và giờ đây người ta thỏa mãn ngã ái của mình bằng con đường vòng đó. Đối tượng càng được đánh giá cao, mức độ yêu đương càng lớn thì bức tranh càng trở nên rõ ràng. Những ham muốn đòi thỏa mãn nhục dục trực tiếp bây giờ có thể bị gạt bỏ hoàn toàn như trong

trường hợp tình yêu thơ mộng; "Tôi" càng ít hấp dẫn hơn, càng khiêm tốn hơn; đối tượng càng quí giá hơn, càng lộng lẫy hơn. Cuối cùng thì đối tượng làm chủ toàn bộ tình yêu mà cái "Tôi" có thể có với chính nó và như vậy sự hy sinh "Tôi" là hậu quả tự nhiên. Có thể nói đối tượng đã nuốt chửng "Tôi". Trong mọi trường hợp yêu đương đều nổi rõ những đặc điểm như nhún nhường, hạn chế ngã ái, quên mình. Trong trường hợp cực đoan, những đặc điểm ấy được khuyếch đại lên và do các ham muốn nhục dục đã bị gạt bỏ mà chúng trở thành quan trọng hàng đầu. Điều này đặc biệt dễ xảy ra trong những mối tình bất hạnh, bất thành vì mỗi lần nhục dục được thỏa mãn thì mức độ lí tưởng hóa đối tượng lại giảm sút phần nào. Đồng thời với việc hi sinh cái "Tôi" cho đối tượng (sự hi sinh này không khác gì hi sinh thăng hóa cho một lí tưởng trừu tượng), những chức năng của "Tôi"- lí tưởng không còn. Chức năng phê phán xuất phát từ "Tôi"- lí tưởng đã không còn lên tiếng nữa thì dù đối tượng có làm gì, có đòi hỏi gì cũng đều là đúng, cũng là không chê vào đâu được. Lương tâm không còn chỗ trong những việc người ta làm vì đối tượng. Mù quáng vì tình, người ta có thể phạm cả tội ác mà không hề hối hận. Tình trạng ấy có thể thâu tóm vào công thức sau: đối tượng đã chiếm chỗ của "Tôi"- lí tưởng.

Rất dễ dàng mô tả sự khác nhau giữa đồng nhất hóa và yêu đương trong những biểu hiện cực đoan nhất của nó, người ta thường gọi đấy là mê mẩn hay phục tùng nô lệ. Trong trường hợp thứ nhất, "Tôi" được làm giàu thêm bằng các phẩm chất của đối tượng, theo cách nói của Ferenczi thì nó "nhập nội" đối tượng; trong trường hợp thứ hai, nó nghèo đi, nó hi sinh mình cho đối tượng, nó lấy đối tượng thay vào thành phần quan trọng nhất của mình. Tuy nhiên, khi xem xét thật kĩ thì có thể thấy cách mô tả như vậy tạo ra những điểm đối lập mà thực ra là không có. Đứng về phương diện lợi ích thì đấy không phải là vấn đề giàu lên hay nghèo đi, tình trạng yêu thương cùng cực cũng có thể mô tả như là cái "Tôi" nhập nội đối tượng. Có lẽ sự phân biệt sau đây bao quát được thực chất vấn đề. Trong trường hợp đồng nhất hóa, đối tượng biến mất hoặc người ta từ bỏ đối tượng, sau đó nó được tái sinh vào "Tôi"; "Tôi" thay đổi phần nào theo nguyên mẫu của đối tượng đã mất. Trong trường hợp kia đối tượng vẫn còn, và được đánh giá cao hơn và bằng cách hạ thấp chính "Tôi". Nhưng sự phân biệt như thế cũng có chỗ đáng thắc mắc. Có phải đã xác định rõ ràng rằng đồng nhất hóa là từ bỏ ham muốn đối với đối tượng? Có thể có từ bỏ trong khi đối tượng vẫn còn hay không? Trước khi chúng ta đi sâu vào những vấn đề phức tạp ấy, chúng ta đã

thấy xuất hiện một ý nghĩ bao hàm thực chất của vấn đề, đấy là: đối tượng chiếm chỗ của cái "Tôi" hay của cái "Tôi"- lí tưởng.

Rõ ràng là từ trạng thái yêu đương đến trạng thái thôi miên, khoảng cách không xa lắm. Những điểm giống nhau là rất rõ ràng: khiêm tốn phục tùng, nhu thuận, không có thái độ phê phán với ông thầy thôi miên cũng như với người yêu dấu, không còn sáng kiến riêng. Không còn nghi ngờ gì rằng ông thầy thôi miên đã chiếm chỗ của cái "Tôi"- lí tưởng. Nhưng trong tình trạng thôi miên, những trạng thái ấy hiện ra rõ ràng hơn, nổi bật hơn cho nên đúng ra là phải dùng thôi miên để cắt nghĩa yêu thương chứ không phải là ngược lại. Ông thầy thôi miên là đối tượng duy nhất bên cạnh kẻ bị thôi miên, ngoài ra không còn ai khác. Trong trạng thái thôi miên, "Tôi" tuân theo tất cả những gì ông thầy đòi hỏi, ra lệnh và sự kiện này nhắc chúng ta rằng chúng ta đã quên không nói đến một chức năng của cái "Tôi"- lí tưởng, đấy là chức năng kiểm nghiệm thực tế[1]. Không có gì đáng ngạc nhiên là "Tôi" coi mọi cảm giác là thực nếu thẩm quyền tâm thần làm nhiệm vụ kiểm nghiệm thực tế ("Tôi"- lí tưởng)

---

[1] Xem "Metapsychologische Ergänzungen zur Traumlehre", Sammlung kleiner Schriften zur Neurosenlehre, Vierte Folge, 1918.

đã công nhận cái thực tế đó. Vì không có khao khát đưa đến những mục tiêu dục tính không bị cản trở cho nên việc thể hiện là rất hoàn hảo. Quan hệ trong thôi miên là sự xả thân hoàn toàn mà không có thỏa mãn nhục dục, còn trong tình yêu thì sự thỏa mãn được tạm thời gác lại, được coi là đích đến trong tương lai.

Nhưng mặt khác, ta cũng có thể nói rằng thôi miên là một sự hình thành đám đông (nếu có thể nói như thế) gồm hai người. Thôi miên không phải là đối tượng phù hợp để so sánh với đám đông vì chúng y hệt nhau. Thôi miên tách riêng từ cấu trúc phức tạp của đám đông ra còn một thành phần: quan hệ với lãnh tụ. Thôi miên khác đám đông ở giới hạn người tham gia, còn khác yêu đương ở chỗ không có khao khát dục tính trực tiếp. Thôi miên giữ vị trí trung gian giữa đám đông và tình yêu.

Chúng ta nên để ý rằng chính các khao khát bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích dục tính tạo ra những mối liên kết lâu dài giữa người với người. Điều đó thật dễ hiểu vì các khao khát này không thể được thỏa mãn hoàn toàn trong khi các khao khát dục tính không bị ngăn chặn bị yếu đi nhiều sau mỗi lần thỏa mãn mục đích nhục dục. Tình yêu nhục dục nhất định tắt ngay sau khi được thỏa mãn; muốn dài lâu thì ngay từ đầu nó

phải hòa quyện với tình âu yếm, nghĩa là bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích hoặc nhất định sẽ xảy ra sự hòa quyện như vậy.

Hiện tượng thôi miên có thể giải được câu đố về cấu trúc libido, nếu như chính nó không chứa đựng các đặc điểm của tình yêu không có khao khát dục tính trực tiếp, vốn chưa được giải thích trong khuôn khổ suy lí vừa nêu. Thôi miên vẫn còn chứa đựng nhiều điều khó hiểu, thần bí. Một trong những đặc điểm ấy là sự tê liệt do kẻ mạnh gây ra với kẻ yếu, kẻ bất lực; rất gần với trạng thái thôi miên do hoảng loạn của các loài động vật. Phương pháp gây thôi miên cũng như quan hệ của nó với giấc ngủ cũng chưa rõ, tại sao một số người dễ bị thôi miên, còn số khác thì không. Điều này cho ta thấy một bí ẩn được thực hiện trong khi thôi miên, đấy có thể là giữ cho thái độ libido được hoàn hảo. Một sự kiện khác cũng đáng chú ý là lương tâm của người bị thôi miên có thể vẫn còn cứng cỏi ngay cả khi đã nhu thuận hoàn toàn trong những lĩnh vực khác. Nhưng điều đó có thể xảy ra vì trong đa số trường hợp, thôi miên được thực hiện như hiện nay, có thể người bị thôi miên vẫn còn nhận thức được rằng đấy chỉ là một trò chơi, đấy chỉ là tái tạo một cách giả tạo một tình huống quan trọng hơn trong cuộc sống.

Những điều trình bày ở trên đã giúp chúng ta lập ra công thức cấu trúc libido của đám đông, ít nhất là của cái đám đông mà chúng ta xem xét hiện giờ, đấy là đám đông có người cầm đầu nhưng chưa được "tổ chức hoàn hảo" để tái thu nhận được những phẩm chất của một cá nhân riêng lẻ. Đám đông đó là tập hợp của những cá nhân đã đặt một đối tượng vào "Tôi"-lí tưởng của chính mình và vì vậy mà tự đồng hóa với nhau trong cái "Tôi" của mình.

Có thể dùng sơ đồ sau đây để diễn tả công thức ấy:

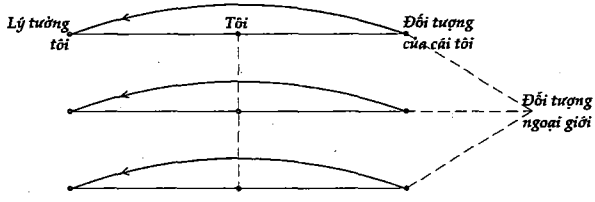

9. Bản năng bầy đàn

Chúng ta sẽ chẳng hài lòng được lâu với cách giải quyết huyễn hoặc và bí mật về đám đông bằng công thức trên. Ý nghĩ rằng thực ra chúng ta đã dựa vào bí ẩn của thôi miên, mà thôi miên thì cũng còn biết bao điều chưa rõ lại làm chúng ta không yên. Và như vậy là lại xuất hiện vấn đề đòi hỏi phải nghiên cứu tiếp.

Chúng ta phải nói ngay rằng những mối liên kết tình cảm của đám đông mà chúng ta đã nói tới cũng đủ để giải thích một trong các đặc điểm của nó: cá nhân thiếu độc lập và sáng kiến, hành động a dua, có thể nói là sự thoái hóa cá nhân thành một đơn vị của đám đông. Nhưng đám đông, nếu xét về tổng thể, còn thể hiện những đặc điểm như: hoạt động trí tuệ thấp, dễ bị kích động, không có khả năng tự chế và trì hoãn, có xu hướng vượt giới hạn trong biểu lộ tình cảm và chuyển những tình cảm này thành hành động - tất cả những đặc điểm ấy và cả những đặc điểm khác nữa đã được Le Bon mô tả rất rõ ràng - đưa ra một bức tranh về sự thoái hóa tinh thần trở lại thang bậc thấp hơn mà ta thường thấy ở trẻ con và người tiền sử. Sự thoái hóa đặc biệt rõ ở những đám đông bình thường, còn ở những đám đông nhân tạo, có tổ chức cao thì sự thoái hóa không đến mức sâu sắc như vậy.

Như vậy là, chúng ta có cảm giác rằng đấy là trạng thái mà những kích thích tình cảm và hoạt động trí tuệ của từng cá nhân quá yếu, không thể tự thể hiện một cách riêng rẽ được mà nhất định phải chờ tiếp ứng dưới dạng lặp lại một cách đồng loạt ở những người khác. Ta phải nhớ rằng trong xã hội loài người có quá nhiều hiện tượng phụ thuộc như vậy, có quá ít sự độc đáo

và lòng can đảm riêng, và mỗi người đều bị tâm lí đám đông chi phối rất mạnh, biểu hiện trong đặc điểm về chủng tộc, trong các thành kiến giai cấp, dư luận xã hội v.v... Bí mật của ảnh hưởng ám thị càng tăng lên khi chúng ta khẳng định rằng ảnh hưởng ấy không chỉ tác động từ người cầm đầu mà còn do từng người tác động lẫn nhau, thì chúng ta phải tự trách mình vì đã nhấn mạnh một chiều quan hệ với người cầm đầu mà không chú ý gì đến tác nhân khác là hỗ tương ám thị.

Chúng ta hãy khiêm tốn lắng nghe một giọng nói khác, giọng nói sẽ đưa ra cho chúng ta lời giải thích trên một cơ sở đơn giản hơn. Tôi xin mượn lời giải thích từ cuốn sách viết về bản năng bầy đàn của ông W. Trotter[1], chỉ tiếc là cuốn sách đã không hoàn toàn tránh được mối ác cảm do cuộc Đại chiến vừa rồi gây ra (Cuộc đại chiến thế giới thứ nhất 1914-1918 - ND).

Trotter cho rằng những hiện tượng tinh thần vừa mô tả là sản phẩm của bản năng bầy đàn (gregariousness) bẩm sinh của con người cũng như các loài động vật khác. Về mặt sinh học thì tính chất bầy đàn đó có thể coi là sự tiếp tục của

[1] W. Trotter. *Instinct of the Herd in Peace and in War,* London 1916.

cơ chế đa bào, còn trong lý thuyết libido thì nó là biểu hiện của một khuynh hướng của libido, khuynh hướng tập hợp tất cả các sinh vật sống giống nhau thành một đơn vị to lớn hơn[1]. Mỗi cá thể đều cảm thấy mình chưa toàn vẹn (incomplete) khi đứng một mình. Nỗi sợ hãi của đứa trẻ là biểu hiện của bản năng bầy đàn này. Chống lại bầy cũng có nghĩa là bị chia lìa khỏi bầy nên việc chống đối thường bị né tránh vì sợ hãi. Nhưng bầy đàn lại phủ nhận bất cứ cái gì là mới mẻ, chưa quen. Bản năng bầy đàn là bản năng nguyên thuỷ, không còn phân tích ra nhỏ hơn được nữa (it cannot be split up).

Trotter dẫn ra một loạt dục vọng (hay là bản năng) mà ông coi là nguyên thuỷ: bản năng bảo tồn, bản năng dinh dưỡng, bản năng tính dục và bản năng bầy đàn. Bản năng bầy đàn thường đối lập với các bản năng khác. Ý thức về tội lỗi và trách nhiệm là tài sản đặc trưng của con vật sống thành bầy (gregarious animal). Theo quan niệm của Trotter thì sức mạnh dồn nén mà phân tâm học phát hiện được trong cái "Tôi", nghĩa là sự chống cự mà thầy thuốc gặp phải khi thực hiện chữa trị bằng phân tâm là xuất phát từ bản năng bầy đàn. Tiếng nói có tầm quan trọng vì nó giúp

[1] Xem tác phẩm của tôi: *Jenseits des Lustprinzips*, 1920.

những cá nhân trong đoàn hiểu lẫn nhau, dựa vào nó mà có sự đồng nhất hóa các cá nhân trong đoàn với nhau.

Le Bon tập trung chú ý vào các đám đông nhất thời, Mc Dougall thì quan tâm đến các cộng đồng ổn định, Trotter khảo sát những đoàn thể phổ biến nhất trong đó con người, được gọi là sinh vật chính trị (zwou politikou), đang sống và xác lập cơ sở tâm lí của chúng. Trotter không cần phải tìm cội nguồn của bản năng bầy đàn vì ông cho rằng nó là nguyên thuỷ, không còn phân tích ra nhỏ hơn được nữa. Theo ông, quan điểm của Boris Sidis cho rằng bản năng bầy đàn là sản phẩm của ám thị là thừa; lời giải thích này là theo một mẫu quen thuộc, sai lầm và lời khẳng định ngược lại rằng ám thị là sản phẩm của bản năng bầy đàn theo ông là đúng hơn.

Nhưng chúng ta còn có nhiều lí do để phản đối Trotter hơn là những người khác vì ông gần như không để ý đến vai trò của người cầm đầu trong đám đông, trong khi chúng tôi lại ngả sang ý kiến ngược lại rằng nếu bỏ qua người cầm đầu thì không làm sao hiểu được thực chất của đám đông. Bản năng bầy đàn không dành chỗ cho người cầm đầu, người cầm đầu được đưa vào bầy một cách ngẫu nhiên và vì vậy rất cần chú ý đến sự kiện là: bản năng bầy đàn không dẫn đến

nhu cầu có thượng đế, nhưng bầy cừu lại cần một người chăn chiên. Ngoài ra, còn có thể bác bỏ quan điểm của Trotter về mặt tâm lí nữa, nghĩa là có thể giả định rằng bản năng bầy đàn có thể chia tách được, nó không phải là nguyên thuỷ như bản năng tự bảo tồn hay bản năng tính dục.

Dĩ nhiên là rất khó theo dõi quá trình phát triển của bản năng bầy đàn trong từng cá thể. Nỗi sợ hãi của đứa nhỏ bị bỏ một mình (Trotter giải thích đấy là biểu hiện của bản năng) có thể được giải thích hoàn toàn khác. Nỗi sợ hãi ấy liên quan đến mẹ nó, sau này là liên quan đến những người thân yêu khác và là biểu hiện của một ước muốn không thực hiện được, đứa trẻ không thể làm gì với ước muốn[1] đó ngoài việc biến nó thành nỗi sợ hãi. Nỗi hoảng sợ không hết dù có người thuộc "bầy" tới gần, ngược lại, người lạ chỉ làm cho nó hoảng sợ hơn mà thôi. Trong một thời gian khá dài, người ta không tìm thấy biểu hiện gì của đứa trẻ chứng tỏ bản năng bầy đàn hay ý thức tập thể. Tình cảm đó hình thành trong các nhà trẻ, nơi có nhiều trẻ em và từ mối quan hệ với cha mẹ mà cụ thể là: sự ghen tị khởi thủy của đứa con lớn đối với đứa nhỏ hơn. Dĩ nhiên là đứa lớn muốn gạt bỏ đứa nhỏ, đẩy đứa nhỏ khỏi cha mẹ, tước mọi

[1] Xem Freud. *Phân tâm học nhập môn*. Chương XXV.

quyền lợi của đứa nhỏ, nhưng vì cha mẹ thương yêu đồng đều các con, đứa lớn hơn sẽ không thể giữ mãi thái độ thù địch với em mà không bị trừng phạt nên nó buộc phải đồng nhất hóa mình với những đứa con khác; còn trong nhà trẻ thì xuất hiện ý thức tập thể hay cộng đồng, ý thức ấy sẽ phát triển thêm trong nhà trường. Yêu cầu đầu tiên của sự hình thành phản ứng này là sự công bằng, là cách đối xử giống nhau với mọi người. Chúng ta hẳn đều thấy rằng ở nhà trường yêu cầu công bằng mạnh mẽ đến mức nào. Nếu tôi không phải là "cục cưng" thì ít ra cũng đừng ai được "cưng" nhé. Có thể cho rằng sự chuyển hóa và tính ghen tị bằng tinh thần tập thể trong nhà trẻ và trường học là chuyện khó tin nếu như chúng ta không thấy chính quá trình đó trong những quan hệ khác. Chỉ cần nhớ lại một đám đông các bà và các cô mơ mộng cùng yêu một chàng ca sĩ hay nghệ sĩ dương cầm, đang xúm xít chen nhau quanh chàng ta sau buổi biểu diễn thì sẽ rõ. Hẳn là trong thâm tâm cô nào cũng muốn ghen với cô khác, nhưng vì họ đông quá và vì thế mà không cô nào có thể một mình chiếm đoạt được thần tượng nên họ đành bỏ ý nghĩ ấy và thay vì lao vào cấu xé nhau, họ hành động như một tập thể thống nhất, hoan hô thần tượng và lấy làm sung sướng mà chia nhau lọn tóc của

chàng ta. Ban đầu vốn là những tình địch, nhưng vì tình yêu với một đối tượng nên họ đã có thể đồng nhất hóa với nhau. Thường thường, nếu một tình trạng có thể được giải quyết bằng nhiều cách thì không có gì phải ngạc nhiên là giải pháp được thực hiện là giải pháp mang lại một phần thỏa mãn trong khi các giải pháp khác, dù thích đáng hơn, lại không được sử dụng vì hoàn cảnh thực tế không cho phép đạt được mục tiêu.

Tinh thần tập thể, tình đoàn kết v.v... có hiệu năng trong đời sống xã hội đều là do lòng ghen tị ban đầu này mà ra. Không ai được vượt lên, ai cũng như ai, mọi người đều phải có những giá trị như nhau. Công bằng xã hội nghĩa là một người phải tự từ bỏ một số thứ để người khác cũng từ bỏ những cái đó, hay nói khác hơn, không được đòi hỏi những thứ đó. Chính sự đòi hỏi công bằng ấy là cội rễ của lương tâm và tinh thần trách nhiệm. Chúng tôi vô tình đã tìm thấy và nhờ phân tâm học mà hiểu được biểu hiện của đòi hỏi công bằng ấy trong nỗi sợ truyền bệnh cho người khác của những người mắc bệnh giang mai. Nỗi sợ hãi của người bệnh là biểu hiện việc chống lại cái ước muốn vô thức để bệnh cho kẻ khác. Bởi vì tại sao chỉ có họ bị bệnh và chịu thiệt thòi đủ thứ, trong khi người khác thì không? Câu chuyện tuyệt vời về vụ xử kiện của Solomon cũng có

cùng một cội rễ như vậy: nếu con của một người bà chết thì những đàn bà khác cũng không được có con còn sống. Căn cứ vào ước muốn vô thức đó mà nhà vua tìm được người bị nạn.

Như vậy là ý thức xã hội được đặt nền móng trên sự chuyển hóa một tình cảm mà khởi thủy là thù địch thành tình cảm tích cực mang đặc điểm của đồng nhất hóa. Vì chúng tôi theo dõi quá trình đó cho đến nay, cho nên chúng tôi nhận thấy là quá trình ấy diễn ra do ảnh hưởng của tình cảm trìu mến với một người khác ở bên ngoài nhóm ấy. Chúng tôi cũng tự thấy sự phân tích về đồng nhất hóa của mình là chưa hoàn hảo, nhưng đối với mục đích của chúng ta hiện nay thì cần phải quay lại với luận điểm rằng đám đông đòi hỏi một sự công bằng triệt để. Như chúng ta đã thấy khi bàn về hai loại đám đông nhân tạo là nhà thờ và quân đội thì điều kiện tiên quyết để chúng tồn tại là tình thương đồng đều của người cầm đầu đối với mọi thành viên của tập thể. Nhưng chúng ta cũng không được quên rằng đòi hỏi công bằng trong đám đông ấy chỉ áp dụng cho các thành viên của nó chứ không liên quan đến người cầm đầu. Mọi thành viên của đám đông phải ngang nhau, nhưng họ đều muốn có một người cầm đầu thống trị tất cả. Nhiều người giống nhau, có thể đồng nhất hóa với nhau, và

một người, một người duy nhất, cao hơn tất cả - đấy là tình trạng của một đám đông có sức sống. Bởi vậy, cho nên chúng tôi mạn phép sửa lại quan điểm của Trotter: người là con vật sống thành bầy, người là con vật thuộc bầy, thành viên của bầy, do một con chúa dẫn dắt.

10. Đám đông và bầy đàn nguyên thủy

Năm 1912, tôi đã chấp nhận giả thuyết của Ch. Darwin rằng hình thức nguyên thủy của tổ chức xã hội loài người là một bầy ô hợp chịu sự thống trị độc đoán của một người đàn ông có uy lực. Tôi đã cố gắng chứng minh rằng bầy đàn đó đã để lại những dấu vết không phai mờ trong lịch sử nhân loại, thí dụ như sự phát triển của chế độ tôn thờ vật tổ (totemism) là khởi đầu của tôn giáo, đạo đức và phân hóa xã hội liên quan đến việc thủ tiêu người cầm đầu và biến bầy ô hợp phụ hệ thành cộng đồng huynh đệ[1]. Thực ra, đây chỉ là một giả thuyết cũng như nhiều giả thuyết khác mà các nhà nghiên cứu về thời tiền sử dùng để soi rọi bức màn bí mật thời nguyên thủy - một nhà phê bình người Anh, ông Kroeger, gọi đây là một câu chuyện (just a story) - nhưng tôi cho rằng giả thuyết này rất đáng được quan tâm nếu có thể

[1] *Vật tổ và cấm kị*, Sigmund Freud.

dùng nó để thiết lập các mối liên kết và giải thích trong những lĩnh vực khoa học khác.

Đám đông cho chúng ta một bức tranh quen thuộc: một người đàn ông đầy uy lực giữa đám người bình đẳng với nhau, một bức tranh có sẵn trong tưởng tượng của chúng ta về bầy ô hợp nguyên thủy. Tâm lí của đám đông đó, như chúng ta đọc thấy trong các mô tả đã trích dẫn: biến mất ý thức cá nhân, hướng ý nghĩ và tình cảm theo một chiều duy nhất, lĩnh vực tình cảm và vô thức trỗi dậy, khuynh hướng muốn thực hiện ngay những ý định vừa xuất hiện - tương ứng với sự thoái hóa về một đời sống tinh thần sơ khai có thể gán cho bầy đàn nguyên thủy.

Những điều chúng tôi mô tả trước đây về đặc điểm chung của đám đông đặc biệt phù hợp với bầy ô hợp nguyên thủy. Ý chí của từng cá nhân quá yếu, hắn không dám hành động. Chỉ có những xung lực tập thể là được thực hiện, chỉ có ý chí tập thể là tồn tại, không còn ý chí cá nhân, ý niệm không thể biến thành ý chí nếu người ta không thấy rằng nó đã được tăng cường nhờ phổ biến khắp mọi người. Sự yếu ớt của ý niệm là do liên lạc tình cảm rất mạnh giữa mọi người với nhau; điều kiện sống giống nhau và không có tài sản riêng cũng tạo ra những hành động giống

nhau của các cá nhân riêng lẻ. Người ta có nhu cầu chung ngay cả trong việc đi đại tiện như ta thấy ở trẻ con và trong trại lính. Một ngoại lệ duy nhất là hành vi tính dục vì sự có mặt của người thứ ba là thừa nếu không nói là rất khó chịu khi phải chờ đợi. Sau này ta sẽ nói tới phản ứng của hành vi tính dục với nhu cầu bầy đàn.

Như vậy là, ta có cảm giác dường như đám đông là một bầy nguyên thủy tái sinh. Giống như một người nguyên thủy có thể tái sinh trong mỗi cá nhân, từ mỗi đám đông có thể tái tạo bầy ô hợp nguyên thủy. Vì đám đông thường thống trị các cá nhân cho nên chúng ta nhận ra nó chính là hậu duệ của bầy đàn nguyên thuỷ. Bởi vậy, chúng ta phải kết luận rằng tâm lí đám đông là tâm lí cổ xưa nhất của loài người. Tâm lí cá nhân mà chúng tôi đưa ra, vượt qua những biểu hiện đám đông còn rơi rớt lại, chỉ sau này mới xuất hiện và phát triển dần dần, có thể nói là tách ra một phần từ tâm lí cổ xưa của đám đông. Chúng tôi sẽ cố thử tìm điểm khởi đầu của quá trình phát triển đó.

Trước hết chúng ta thấy rằng điều khẳng định trên phải được đính chính. Tâm lí cá nhân cũng phải lâu đời như tâm lí đám đông vì ngay từ khởi thủy đã có hai loại tâm lí: tâm lí của các thành

viên của đám đông và tâm lí của người cha, người chỉ huy, lãnh tụ. Các cá nhân tạo thành đám đông cũng bị ràng buộc như ngày nay ta còn thấy, nhưng người cha của bầy nguyên thủy thì được tự do. Hoạt động trí tuệ của hắn rất mạnh mẽ và độc lập ngay cả khi phải ở một mình; ý chí của hắn cũng không cần phải được tăng cường bằng ý chí của kẻ khác. Để được nhất quán chúng ta phải giả định rằng cái "Tôi" của hắn không bị ràng buộc trong quan hệ libido, hắn không yêu ai, hắn chỉ yêu mình, hắn yêu người khác chỉ vì những người ấy phục vụ cho nhu cầu của hắn. Cái "Tôi" của hắn không cho các đối tượng bất cứ cái gì quá mức cần thiết. Trong buổi bình minh của lịch sử nhân loại hắn là một siêu nhân mà Nietzsche chờ đợi sẽ xuất hiện trong tương lai. Ngày nay, các thành viên của đám đông vẫn cần có một ảo tưởng rằng họ được người cầm đầu yêu thương như nhau, nhưng chính người cầm đầu lại không cần phải yêu ai, hắn phải thuộc vào dòng giống cai trị, phải hoàn toàn ngã ái, tự tin và tự chủ. Chúng ta biết rằng tình yêu hạn chế ngã ái và chúng ta có thể chứng minh rằng nhờ ảnh hưởng đó mà nó đã trở thành một nhân tố của nền văn minh.

Bấy giờ, người cha của bầy đàn chưa phải là nhân vật bất tử, mãi sau này mới có sự thần

thánh hóa hắn như thế. Khi hắn chết thì phải có người thay, chắc là đứa con út của hắn, một kẻ cho đến lúc ấy chỉ là thành viên của đám đông như những người khác, sẽ thay thế hắn. Như vậy là phải có khả năng biến tâm lí đám đông thành tâm lí cá nhân, phải có những điều kiện thực hiện sự biến đổi ấy cũng như bầy ong có khả năng, trong trường hợp cần thiết, biến một cái trứng thành ong chúa chứ không phải ong thợ. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng như sau: Người cha tiền sử ấy ngăn chặn không cho các con hắn được thỏa mãn các khao khát dục tính trực tiếp, hắn buộc chúng phải tiết chế và kết quả là tạo ra sự ràng buộc tình cảm với hắn và giữa chúng với nhau; những mối ràng buộc có thể xuất phát từ những khao khát dục tính bị ngăn chặn. Có thể nói hắn ép các con vào tình trạng phát triển tâm lí đám đông. Chính lòng ghen tuông dục tính và sự thiếu khoan dung của hắn là nguyên nhân của tâm lí đám đông. Có thể giả định rằng những đứa con bị xua đuổi, khi tách rời khỏi người cha, đã lợi dụng kết quả đồng nhất hóa với nhau mà thực hiện đồng tính luyến ái và bằng cách đó đã giành được tự do. Vì vậy, chúng đã dám giết cha.

Kẻ kế vị cũng giành được khả năng thỏa mãn dục tính và bằng cách đó thoát khỏi các điều kiện của tâm lí đám đông. Sự tập trung libido vào một

người đàn bà, khả năng được thỏa mãn ngay lập tức, không trì hoãn, đã đặt dấu chấm hết cho những ham muốn dục tính bị ngăn chặn và cho phép lòng ngã ái luôn luôn giữ ở mức cố định. Trong chương cuối, chúng ta sẽ bàn đến quan hệ giữa tình yêu và việc hình thành tính cách.

Xin nhấn mạnh một lần nữa những mối liên hệ đáng chú ý giữa cấu trúc của bầy ô hợp nguyên thủy và các điều kiện giữ cho đám đông nhân tạo khỏi tan rã. Qua thí dụ của quân đội và nhà thờ, chúng ta đã thấy rằng điều kiện về một tình yêu đồng đều của người cầm đầu đối với tất cả các thành viên của đám đông là một ảo tưởng. Nhưng điều kiện đó chỉ là lí tưởng hóa các quan hệ đã có trong bầy ô hợp nguyên thủy, trong đó tất cả các con đều bị cha săn đuổi và đều sợ cha như nhau. Hình thức tổ chức kế tiếp của xã hội loài người là bộ lạc tôn thờ vật tổ đã đòi hỏi một sự chuyển đổi như thế (từ sợ hãi sang tình thương - ND), mọi bổn phận xã hội đều được xây dựng trên cơ sở chuyển đổi đó. Sự bền vững không gì lay chuyển được của gia đình, một tập thể tự nhiên, bắt nguồn từ một tiền đề là tình thương đồng đều của ông bố với mọi thành viên trong gia đình, đã được thực tế chứng minh.

Nhưng chắc chắn là chúng ta sẽ còn thu được kết quả lớn hơn qua đánh giá đám đông từ quan điểm bầy ô hợp nguyên thủy. Sự đánh giá đó sẽ giúp chúng ta hiểu những điều còn là bí mật, chưa rõ đằng sau những từ ngữ bí hiểm như: thôi miên và ám thị. Xin nhắc lại rằng thôi miên là một cái gì đó khủng khiếp, tính chất khủng khiếp chứng tỏ sự trấn áp những cái già cỗi và ràng buộc chân thành[1]. Xin nhắc lại cách tiến hành thôi miên. Ông thầy khẳng định rằng ông ta có sức mạnh bí ẩn có thể làm tê liệt ý chí người bị thôi miên, hay nói cách khác, kẻ bị thôi miên tin rằng ông thầy có sức mạnh như thế. Dân gian gọi sức mạnh đó là nhân điện; chắc chắn đây cũng có nguồn gốc từ tục cấm kị (tabu) của các dân tộc thời tiền sử, họ cho rằng thần khí (mana) phát ra từ các vua chúa, đến gần mình quả là nguy hiểm. Các ông thầy thôi miên cũng muốn có sức mạnh đó; họ thể hiện nó như thế nào? Họ bắt đối tượng nhìn vào mắt và thường thường thì họ dùng mắt để thôi miên. Người tiền sử sợ và không chịu nổi ánh mắt của thủ lĩnh và sau này người dân thường cũng sợ ánh mắt của thần thánh như vậy. Moise phải làm trung gian giữa dân chúng và Jehova, vì dân chúng không chịu nổi ánh mắt của thần linh và khi Moise trở về mặt ông tỏa hào

[1] Das Unheimliche, *Imago*, V, 1919.

quang, một phần thần khí (mana) đã nhập vào ông ta - kẻ môi giới của người tiền sử[1].

Dĩ nhiên có thể thôi miên bằng những cách khác. Chuyện đó đã đưa đến những lầm lẫn và tạo cớ để người ta đưa ra nhiều lí thuyết sinh lí học vô căn cứ, thí dụ như thôi miên bằng cách nhìn vào một vật sáng chói hay nghe tiếng động đều đều. Thực ra các biện pháp này chỉ nhằm đánh lạc hướng và vô hiệu hóa sự chú ý hữu thức của đối tượng mà thôi. Tình trạng cũng giống như khi ông thầy thôi miên nói: "Bây giờ, hãy chỉ chú ý đến ta, ngoài ra không có gì đáng kể". Tất nhiên, về mặt kĩ thuật thì nói thế sẽ không có hiệu quả mong muốn vì người bị thôi miên sẽ bị kéo ra khỏi tình trạng vô thức và sẽ xuất hiện thái độ chống đối. Mặc dù ông thầy cố gắng làm cho sự chú ý hữu thức của đối tượng không để ý đến chủ đích của ông ta, và mặc dù đối tượng rơi vào trạng thái như thể toàn bộ thế giới trở nên vô nghĩa thì đối tượng bị thôi miên tập trung một cách hoàn toàn vô thức toàn bộ sự chú ý của mình vào ông thầy, tạo ra mối liên hệ chuyển di sang ông thầy. Phương pháp thôi miên gián tiếp như nói những câu ý vị, khôi hài cũng có kết quả là một sự phân bố năng lượng tinh thần xác định

[1] *Vật tổ và cấm kị*, Sigmund Freud.

bởi vì một sự phân bố khác đi sẽ phá vỡ quá trình vô thức; các phương pháp này cuối cùng cũng đưa đến cùng mục đích như phương pháp trực tiếp bằng cách nhìn chăm chú. Khi bị thôi miên, ý thức vô thức tập trung vào ông thầy còn ý thức hữu thức thì tập trung vào các cảm thụ không có giá trị và thay đổi liên tục. Trong khi thực hiện chữa bệnh bằng tâm phân thì tình hình hoàn toàn ngược lại. Trong khi thực hiện tâm phân, ít nhất đã có một lần người bệnh cả quyết rằng không có một tí ý tưởng nào hiện lên trong trí não cả. Sự liên tưởng tự do ngừng hẳn, những khích động thường ngày vẫn điều động sự liên tưởng ấy bây giờ trở nên vô hiệu. Nếu kiên trì hỏi thì người bệnh sẽ thú nhận rằng anh ta đang nghĩ về phong cảnh bên ngoài cửa sổ phòng bệnh hay tấm giấy bồi tường hoặc chiếc đèn treo trước mặt. Điều đó có nghĩa là người bệnh đã bị mối liên hệ chuyển di và những ý tưởng vô thức của ông thầy phân tâm chi phối. Nếu giải thích cho người bệnh tình trạng của họ thì các liên tưởng tự do lại được phục hồi.

Ông Ferenzi nhận xét hoàn toàn có lí rằng khi ông thầy thôi miên bảo đối tượng ngủ đi trước lúc thôi miên thì ông thầy đã đóng vai trò cha mẹ đối tượng. Ông cho rằng có hai loại thôi miên: loại êm ái và loại đe dọa; loại thứ nhất là mẫu

tính, loại thứ hai là phụ tính[1]. Ra lệnh ngủ khi thôi miên cũng chẳng khác gì yêu cầu không được chú ý vào thế giới bên ngoài mà tập trung vào ông thầy. Người bị thôi miên cũng hiểu như vậy, bởi vì quên thế giới bên ngoài chính là đặc điểm tâm lí của giấc ngủ và chính vì thế mà ngủ gần với trạng thái thôi miên.

Như vậy là ông thầy thôi miên đã dùng các biện pháp của mình để đánh thức một phần các tàn tích của quá khứ xa xăm, cái tàn tích còn thể hiện trong quan hệ với cha mẹ, nhất là với cha; ông thầy đã đánh thức hình ảnh một cá nhân đầy uy lực, người ta phải mất hết ý chí khi có mặt người đó; ở cạnh người đó hay để hắn trông thấy là cả một mối hiểm nguy. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng thái độ của một cá nhân trong bầy ô hợp nguyên thủy với người cha tiền sử dưới dạng như vậy. Khi nghiên cứu các phản ứng khác, chúng tôi nhận thấy rằng tùy thuộc vào đặc điểm riêng của từng cá nhân mà mức độ tái lập các hoàn cảnh quá khứ của từng người là không giống nhau. Nếu nhận thức được rằng thôi miên chỉ là một trò chơi, rằng thôi miên chỉ là làm sống lại một cách giả tạo những ấn tượng cũ có thể vẫn

---

[1] *Introjection und Übertragung,* "Jahrbuch der Psychoanalyse", I, 1909.

còn thì người bị thôi miên đủ sức kháng cự lại những hậu quả nghiêm trọng của việc triệt tiêu ý thức bằng thôi miên.

Đặc điểm đáng sợ, đầy ám ảnh của đám đông mà ta thấy trong các biểu hiện do ám thị có thể được coi là có xuất xứ từ bầy ô hợp nguyên thủy. Lãnh tụ của đám đông vẫn là người cha tiền sử, người ta sợ hắn; đám đông muốn được điều khiển bởi một quyền lực vô giới hạn; đám đông khao khát một người có quyền uy; đám đông khao khát, theo lời của Le Bon, được phục tùng. Người cha tiền sử là lí tưởng của đám đông, nhân vật lí tưởng ấy thay vì chiếm hữu cái "Tôi"-lí tưởng lại thì lại chiếm hữu chính cái "Tôi". Thôi miên có thể được coi là đám đông có hai người, còn ám thị là niềm tin đặt cơ sở không phải trên sự tri giác và suy luận mà trên cơ sở liên kết Eros. Cần phải nói rằng những quan điểm trình bày trong chương này cho phép chúng ta đi từ quan điểm của Bernheim ngược về những lối giải thích một cách thô sơ và xưa cũ hơn về thôi miên. Theo Bernheim thì mọi hiện tượng thôi miên đều là sản phẩm của ám thị, còn ám thị là nguyên thể bất khả phân. Chúng tôi lại đi đến kết luận rằng ám thị là biểu hiện của trạng thái thôi miên, còn thôi miên lại có nguồn gốc bẩm sinh, còn được giữ lại một cách vô thức từ cội nguồn xa xưa của gia đình loài người.

11. Các thang bậc của cái Tôi

Nếu chúng ta có ý định làm một bản tổng quan về đời sống tinh thần của con người ngày nay trên cơ sở các tài liệu bổ sung lẫn nhau về tâm lí đám đông do nhiều tác giả đưa ra thì ta sẽ dễ dàng bị mất phương hướng và có khi mất luôn cả hi vọng tạo ra một tác phẩm hoàn bị. Mỗi một cá thể là thành viên của nhiều đám đông khác nhau; hắn chịu những mối ràng buộc đủ mọi loại sinh ra do đồng nhất hóa; hắn xây dựng cho mình những cái "Tôi"-lí tưởng theo những nguyên mẫu hoàn toàn khác nhau. Như vậy là mỗi cá nhân tham gia vào nhiều đám đông tâm lí khác nhau, tâm lí của chủng tộc, của đẳng cấp, của tôn giáo, của quốc gia v.v, ngoài ra, ở một mức độ nào đó hắn còn là người tự chủ và có cá tính riêng. Những đoàn thể ổn định và vững chắc nêu trên do ít thay đổi nên không thu hút nhiều sự chú ý như những đám đông tụ hội nhất thời mà dựa vào đó Le Bon đã ghi lại được cái đặc trưng nổi bật nhất của linh hồn đám đông và cũng trong đám đông ồn ào, mau tan rã đó, có thể nói trong cái đám đông bao trùm lên các đám đông khác đó đã xảy ra một hiện tượng lạ lùng: cái mà chúng ta vẫn gọi là cá tính đã biến mất (dù là tạm thời) không để lại chút dấu vết nào. Chúng ta cho rằng đó là do cá nhân đã từ bỏ lí tưởng của

mình và chấp nhận lí tưởng của đám đông được thể hiện trong người cầm đầu. Đúng ra phải nói rằng không phải trong mọi trường hợp điều lạ lùng đó đều xảy ra với cùng một mức độ như nhau. Sự chia tách cái "Tôi" khỏi "Tôi"-lí tưởng ở một số cá nhân chưa đủ rõ; cả hai còn dễ dàng cùng hiện diện, "Tôi" vẫn còn giữ được một phần ngã ái của mình, nhờ đó mà sự lựa chọn người cầm đầu sẽ dễ dàng hơn nhiều. Thường thường thì người cầm đầu chỉ cần có những tính cách điển hình nhưng thể hiện được một cách rõ ràng và sắc nét đặc điểm tính cách của các cá nhân hợp thành đám đông, hắn ta phải tạo được cảm giác có uy và không bị ràng buộc về mặt tình cảm (libido), nhu cầu có một thủ lĩnh đầy sức mạnh sẽ tự tìm đến với hắn, nhu cầu đó sẽ trao cho hắn một siêu quyền lực mà trước đó có thể hắn cũng không hề kì vọng tới. Bằng cách tự điều chỉnh, "Tôi"-lí tưởng của các cá nhân khác sẽ thể nhập vào bản ngã của hắn và các cá nhân đó do ám thị, nghĩa là đồng nhất hóa, mà bị cuốn hút theo hắn.

Tóm lại, lời giải thích mà chúng tôi đưa ra về cơ cấu libido của đám đông có thể rút gọn vào trong sự chia tách cái "Tôi" khỏi "Tôi"-lí tưởng và vì vậy mà có hai loại ràng buộc: đồng nhất hóa và thay thế "Tôi"-lí tưởng bằng đối tượng. Giả thiết về thang bậc đó trong cái "Tôi" như là bước

đầu trong việc phân tích cái "Tôi" của con người phải dần dần tìm thấy sự khẳng định trong các lĩnh vực khác của tâm lí học. Trong bài báo "Zur Einführung des Narzißmus[1]", tôi đã thu thập tất cả các dữ kiện về mặt bệnh lí học làm cơ sở cho việc phân biệt đó. Chắc chắn là khi nghiên cứu sâu vào tâm lí học của bệnh loạn thần kinh (Psychose) ta sẽ thấy vai trò lớn hơn của ngã ái. Chúng ta phải nhớ rằng cái "Tôi" đóng vai trò của đối tượng trong quan hệ với "Tôi"-lí tưởng và có thể toàn bộ những quan hệ mà chúng tôi đã nghiên cứu trong lí thuyết về bệnh suy nhược thần kinh giữa đối tượng bên ngoài và toàn thể cái "Tôi" cũng sẽ lặp lại trên bình diện mới này trong cái "Tôi".

Tôi muốn từ quan điểm ấy tiếp tục thảo luận một trong những hậu quả có thể xảy ra và như vậy là thảo luận một vấn đề mà tôi chưa giải quyết ở một chỗ khác[2]. Mỗi một sự phân hóa tâm thần mà ta đã làm quen lại gây thêm khó khăn cho chức năng tâm thần, làm nó thêm mất ổn định và có thể là khởi điểm của sự đình chỉ hoạt

---

[1] *Jahrbuch der Psychoanalyse*, VI 1914 - Sammlung kleiner Schriften zur Neurosenlehre, IV.

[2] *Trauer und Melancholie*, Internat. Zeischr. f. Psychoanalyse" IV 1916-1918, Sammlung kleiner Schriffen zur Neurosenlehre, IV.

động, khởi điểm của bệnh tật. Chúng ta, khi vừa sinh ra là ngay lập tức bước từ tình trạng ngã ái tự túc, tự mãn sang tình trạng tri giác thế giới luôn luôn biến đổi bên ngoài và bắt đầu quá trình tìm kiếm đối tượng; và kết quả là chúng ta không thể ở trong trạng thái này trong một thời gian dài được, chúng ta phải thường xuyên rời bỏ nó và trở về tình trạng không có kích thích như trước đây và lẩn tránh đối tượng trong giấc ngủ. Tất nhiên là chúng ta tuân theo chỉ dẫn của thế giới bên ngoài, thế giới đó tạm thời giải phóng chúng ta khỏi nhiều tác nhân bằng cách thay đổi theo chu kì ngày và đêm.

Trong quá trình phát triển từ bé tới lớn, chúng ta chia toàn bộ thế giới nội tâm của ta thành cái "Tôi" nhất quán và cái vô thức nằm ngoài "Tôi", bị chèn ép và chúng ta biết rằng sự ổn định của những thành phần mới được thiết lập này luôn luôn bị đe dọa. Trong giấc mơ và trong bệnh suy nhược thần kinh, cái tôi vô thức vốn bị đẩy ra khỏi nhận thức của chúng ta tìm mọi cách phá cánh cửa được bảo vệ cẩn thận để đi vào tâm thức, còn trong khi tỉnh táo thì chúng ta sử dụng nhiều biện pháp, đánh lừa sức kháng cự để đưa phần bị dồn nén vào "Tôi" và giành được khoan khoái. Sự hóm hỉnh, hài hước và phần nào nghệ thuật khôi hài nói chung phải được xem xét từ

quan điểm này. Những người có hiểu biết về tâm lí bệnh suy nhược thần kinh đều có thể tìm được những thí dụ tương tự dù rằng ở mức độ nhỏ hơn, nhưng tôi xin phép quay trở lại mục đích của chúng ta.

Chúng ta có thể tưởng tượng rằng sự phân li "Tôi"-lí tưởng khỏi "Tôi" không thể nào kéo dài lâu được mà đôi khi nhất định phải xảy ra quá trình ngược lại. Dù có đủ loại cấm đoán và hạn chế áp đặt lên "Tôi", theo chu kì thường vẫn xảy ra của sự chọc thủng những điều cấm đoán, các buổi hội hè tuy lúc đầu chỉ là sự hỗn loạn mà pháp luật cấm nhưng nhờ tính chất vui vẻ của ngày hội mà người ta tạm thời được giải phóng khỏi những cấm đoán thường nhật[1]. Ngày hội của người La Mã cổ đại cũng như những hội hóa trang ngày nay giống với hội hè của người tiền sử ở điểm chính yếu: chúng kết hợp những chuyện trụy lạc với việc vi phạm những điều cấm kị thiêng liêng nhất. Nhưng "Tôi"-lí tưởng là tổng thể tất cả những hạn chế mà "Tôi" phải tuân theo, vì vậy hủy bỏ lí tưởng là ngày hội lớn nhất của "Tôi" và khi đó "Tôi" sẽ cảm thấy tự hài lòng với chính mình.

Khi nào trong "Tôi" có một điều gì đó trùng với "Tôi"-lí tưởng thì ta có được cảm giác đắc

[1] *Vật tổ và cấm kị*, Sigmund Freud.

thắng. Cảm giác tội lỗi (hay tự ti) có thể hiểu là sự thiếu nhất trí giữa "Tôi" với "Tôi"- lí tưởng.

Trotter cho rằng dồn nén là sản phẩm của bản năng bầy đàn. Cũng một ý đó nhưng được thể hiện hơi khác đi chứ hoàn toàn không mâu thuẫn khi tôi nói rằng: thành lập lí tưởng là điều kiện thuận lợi cho dồn nén (*Einführung des Narzißmus*).

Như chúng ta đã biết, có những người mà tâm trạng dao động theo chu kì từ trầm cảm quá độ qua mức vừa phải rồi sang vui vẻ thái quá và trong thực tế thì sự dao động ấy lúc mạnh lúc yếu, có khi không rõ rệt nhưng có lúc lại quá mạnh; thể hiện dưới dạng trầm uất hay cuồng điên, gây đau khổ và tàn phá cuộc đời người bệnh. Trong những trường hợp điển hình của hiện tượng rối loạn theo chu kì như thế, dường như các nguyên có bên ngoài không đóng vai trò quan trọng, những nguyên nhân bên trong cũng không có gì khác biệt với những người khác. Bởi vậy, người ta cho rằng đấy không phải là bệnh tâm thần. Những trường hợp rối loạn theo chu kì có thể dễ dàng qui cho có nguyên nhân thương tổn thần kinh sẽ được nói đến sau. Chúng ta chưa biết căn nguyên của những dao động tâm trạng bộc phát đó. Chúng ta không biết cơ chế chuyển từ trầm uất sang cuồng điên. Đối với những người này, có

thể giả thiết của chúng tôi về việc "Tôi"- lí tưởng tan vào "Tôi" trong khi trước đó nó lại quá khắt khe với "Tôi" có thể được áp dụng.

Để tránh mọi sự mơ hồ xin nhớ rằng: trên cơ sở phân tích cái "Tôi" không còn nghi ngờ gì rằng ở người điên (*maniaque*) "Tôi" nhập làm một với "Tôi"- lí tưởng, người đó cảm thấy sung sướng vì không còn gì ngăn cản, e ngại, tự trách cứ và người đó ở trong trạng thái đắc thắng, tự thỏa mãn mà không bị bất kì sự tự chỉ trích nào quấy rối cả. Tuy không rõ ràng như vậy nhưng hoàn toàn có thể là sự đau khổ của người trầm cảm là do sự chống đối kịch lệt giữa hai phần của cái "Tôi". Trong sự chống đối này, phần lí tưởng nhạy cảm lên án một cách quá khắt khe cái "Tôi" làm cho người bệnh tự hạ thấp mình và tự hạ nhục. Chỉ còn một vấn đề chưa được giải quyết, đấy là cần tìm nguyên nhân thay đổi quan hệ giữa "Tôi"- lí tưởng trong những phản kháng chu kì nêu trên hay là cần tìm nguyên nhân ở chỗ khác.

Việc chuyển sang tình trạng điên cuồng không phải là triệu chứng bắt buộc trong quá trình phát triển bệnh trầm cảm. Có những trường hợp trầm cảm đơn giản, một lần, cũng như có những trường hợp lặp lại theo chu kì nhưng không

chuyển thành điên cuồng. Mặt khác, có những trường hợp trầm cảm mà nguyên nhân bên ngoài là lí do gây ra bệnh. Đấy là những trường hợp trầm cảm vì mất người thân (do bị chết hay do hoàn cảnh) mà xảy ra quá trình thu hồi lại libido đã dành cho đối tượng. Các chứng trầm cảm tâm thần ấy cũng có thể chuyển thành điên cuồng và chu kì ấy lặp lại nhiều lần giống như tình trạng trầm cảm tự phát vậy. Như vậy là tình hình còn chưa rõ, hơn nữa cho đến nay phân tâm học mới chỉ phân tích một vài hình thức và một vài trường hợp trầm cảm[1].

Cho đến nay chúng tôi mới hiểu rõ những trường hợp mà đối tượng bị từ bỏ vì tỏ ra không xứng đáng với tình yêu, sau đó cái "Tôi" tái tạo lại nó bằng cách đồng nhất hóa còn "Tôi"-lí tưởng thì lại lên án gay gắt đối tượng. Những lời chỉ trích và thái độ thù địch với đối tượng được thể hiện dưới dạng tự chỉ trích theo kiểu trầm cảm. Nói đúng hơn: những lời chỉ trích ẩn sau sự chỉ trích chính cái "Tôi" của mình làm cho những chỉ trích ấy thành ra dai dẳng, không thể chối cãi và đấy là đặc trưng sự tự chỉ trích của người mắc bệnh trầm cảm. Hiện tượng chuyển sang điên cuồng có thể

[1] Abraham: *Ansätze zur pychoanalytischen Erforschung und Behandlung des manisch-depressiven Irreseins,* 1912 trong "Klinische Beiträge zur Psychoanalyse", 1921.

xảy ra ngay sau trạng thái trầm cảm đó, cho nên sự chuyển hóa này là dấu hiệu độc lập với những đặc trưng chủ yếu khác của căn bệnh.

Nhưng tôi không thấy có trở ngại gì khi chú ý đến chu kì phản kháng của cái "Tôi" chống lại cái "Tôi"-lí tưởng cho cả hai trường hợp trầm cảm, trầm cảm tâm thần và tự phát. Trong trường hợp trầm cảm tự phát có thể giả định rằng "Tôi"-lí tưởng quá nghiêm khắc với "Tôi", kết quả là sau đó nó bị tạm thời thủ tiêu một cách tự động. Trong trường hợp trầm cảm tâm thần thì "Tôi" nổi loạn vì "Tôi"-lí tưởng coi thường nó, mà sự coi thường này là kết quả của việc đồng nhất hóa "Tôi" với đối tượng đã bị phủ nhận.

12. Phụ chú

Quá trình nghiên cứu mà nay chúng ta có thể tổng kết đã dẫn chúng ta đến một vài nhánh phụ mà trước đây chúng ta đã bỏ qua một bên nhưng cũng có liên hệ mật thiết với chúng ta. Ở đây chúng tôi muốn quay trở lại một vài điểm đã bỏ lại đó.

A

Sự khác nhau giữa "Tôi"- đồng nhất hóa và sự thay thế "Tôi"-lí tưởng bằng đối tượng sẽ tìm

được lí giải tuyệt vời trong hai đám đông nhân tạo mà chúng ta đã nghiên cứu ngay đầu cuốn sách: quân đội và nhà thờ Công giáo.

Hắn là người lính coi vị tổng chỉ huy của mình là nhân vật lí tưởng đồng thời đồng nhất mình với những người lính khác và từ cái "Tôi" chung đó xuất hiện trách nhiệm của những người đồng ngũ, nghĩa là tinh thần tương trợ và chia sẻ. Nhưng chàng ta sẽ trở thành trò cười cho thiên hạ nếu tự đồng nhất mình với vị tổng tư lệnh. Có một binh nhì trong trại Wallenstein đã chế giễu viên tiểu đội trưởng như sau: "Ông ta có nhổ hay chùi mũi thì anh cũng bắt chước theo".

Trong giáo hội Công giáo thì khác. Mọi con chiên đều yêu Jesus-Christ như yêu nhân vật lí tưởng của chính mình; do đồng nhất hóa mà hắn ta cảm thấy ràng buộc với những người đồng đạo khác. Ngoài ra hắn phải đồng nhất hóa với Jeus-Christ và yêu các đồng đạo vì Chúa cũng yêu họ. Như vậy là nhà thờ công giáo đòi hỏi trong cả hai trường hợp sự bổ túc libido sinh ra nhờ đám đông: đồng nhất hóa phải kèm theo lựa chọn đối tượng, còn tình yêu đối tượng phải kèm theo đồng nhất hóa. Điều này dĩ nhiên là vượt khỏi cơ cấu đám đông; người ta có thể là một con chiên ngoan đạo nhưng đồng thời không có ý đặt mình vào vị trí của Chúa và yêu mọi con chiên khác như Chúa đã

làm. Một kẻ hữu sinh hữu tử bình thường không bao giờ dám gán cho mình sự cao thượng và sức mạnh của tình yêu của Chúa Cứu Thế. Nhà thờ công giáo kì vọng tạo ra nền luân lí cao cả nhờ khuyến khích sự phát triển tình cảm đó.

B

Chúng ta đã nói rằng có thể chỉ ra thời kì phát triển từ tâm lí đám đông đến tâm lí cá nhân trong quá trình phát triển tâm hồn nhân loại.

Những điều trình bày dưới đây là kết quả trao đổi với ông Rank.

Bây giờ xin trở về huyền thoại về người cha của bầy ô hợp nguyên thủy. Người cha đó sau này được phong là người tạo ra thế giới, điều đó cũng đúng, vì hắn tạo ra tất cả bầy con lập thành đám đông thứ nhất. Hắn là nhân vật lí tưởng của tất cả các con, chúng vừa kính trọng vừa sợ hắn, đó là nguồn gốc của khái niệm cấm kị (tabu) sau này. Một ngày kia, đám con xúm lại giết cha, hành hạ cha mình. Không một kẻ nào trong đám đông chiến thắng có thể chiếm được địa vị của cha, mà nếu có kẻ làm được điều đó thì cuộc chiến sẽ lặp lại cho đến khi bọn chúng hiểu rằng chúng phải đoạn tuyệt với di sản của cha. Họ thành lập cộng đồng huynh đệ vật tổ

(totem) liên kết bằng quyền lợi và những điều cấm kị như nhau, những cấm kị đó lưu lại kí ức về tội ác và họ phải ăn năn chuộc tội. Nhưng sự bất mãn với tình trạng vừa được tạo ra vẫn còn và đấy là nguồn gốc của những thay đổi về sau. Những người liên kết vào cộng đồng huynh đệ tiến dần đến việc thiết lập tình trạng cũ theo một lối mới, đàn ông trở thành chủ gia đình và không còn công nhận uy quyền của người đàn bà được thiết lập trong giai đoạn vắng cha nữa. Để bù lại, đàn ông công nhận thần linh mẫu hệ, nhằm bảo vệ mẹ và các thầy tư tế thờ phụng thần linh đã bị hoạn. Họ theo gương người cha nguyên thủy, nhưng gia đình mới này chỉ là cái bóng của gia đình cũ vì bây giờ có nhiều cha quá và quyền của người này bị hạn chế bởi quyền của người khác.

Nỗi buồn vắng cha có thể thúc đẩy cá nhân giải thoát khỏi đám đông và chiếm chỗ của cha. Đấy là thi sĩ anh hùng ca, hắn làm được điều đó trong trí tưởng tượng của mình. Thi nhân biến đổi thực tại theo ước muốn của hắn. Hắn tạo ra người anh hùng huyền thoại. Người anh hùng là kẻ tự giết cha, một người cha đóng vai quỉ sứ vật tổ trong huyền thoại. Nếu người cha là nhân vật lí tưởng của đứa trẻ thì thi nhân tạo ra trong người anh hùng cái "Tôi"-lí tưởng đầu tiên thế chỗ cho cha.

Đứa con út, kẻ được mẹ yêu mến và bảo vệ khỏi sự ghen ghét của cha, kẻ kế vị cha trong thời tiền sử có thể là một người hùng. Trong sự thi vị hóa sai lầm thời tiền sử thì người đàn bà vốn chỉ là sự cám dỗ và phần thưởng sau cuộc chém giết, đã trở thành nguyên nhân và kẻ xúi giục của tội ác.

Huyền thoại gán cho người anh hùng hành động mà dĩ nhiên là chỉ có toàn bộ bầy đàn mới thực hiện nổi. Theo Rank thì huyền thoại dù sao vẫn giữ được các dấu tích của các sự kiện đã bị che khuất. Thí dụ như huyền thoại thường kể rằng người anh hùng phải làm một việc cực kì khó khăn (đa số trường hợp thì đấy là người con út, hắn thường giả vờ khờ khạo, nghĩa là làm ra vẻ không nguy hiểm đối với bố) và hắn chỉ hoàn thành nhiệm vụ nhờ sự trợ giúp của các con vật nhỏ như ong, kiến. Đấy chính là những người anh em trong bầy ô hợp nguyên thủy, cũng giống như trong biểu tượng của giấc mơ, sâu bọ, côn trùng tượng trưng cho anh chị em (bị khinh bỉ như trẻ con). Ngoài ra, có thể nhận ra một cách dễ dàng những hành vi trong truyện cổ tích và huyền thoại tượng trưng cho hành động anh hùng.

Như vậy là, huyền thoại là bước đi mà nhờ nó con người thoát khỏi tâm lí đám đông. Huyền thoại đầu tiên chắc chắn phải là huyền thoại tâm lí, huyền thoại anh hùng ca; huyền thoại về vũ

trụ phải xuất hiện sau rất nhiều. Cũng theo Rank thì người thi sĩ, sau khi làm được việc đó, nghĩa là giải phóng khỏi đám đông trong trí tưởng tượng của mình, lại biết cách quay về với đám đông. Hắn quay về với đám đông và kể cho họ nghe về những chiến công của người anh hùng do hắn sáng tạo ra. Người anh hùng ấy chẳng phải ai khác mà chính là thi nhân.

Như vậy là, thi nhân hạ xuống ngang tầm thực tại và nâng người nghe lên ngang tầm trí tưởng tượng. Còn người nghe thì hiểu thi sĩ, họ có thể tự đồng hóa với người anh hùng trên cơ sở quan hệ cuồng nhiệt với người cha nguyên thủy[1].

Sự giả dối của huyền thoại đạt đến cực điểm trong việc thần thánh hóa người anh hùng. Có thể người anh hùng được thần thánh hóa có trước cả người cha thần thánh, và báo trước ngày trở về của người cha thần thánh. Các thần được xếp theo thứ tự thời gian như sau: Nữ thần-mẹ, anh hùng, ông trời-cha. Chỉ với sự trở về của người cha nguyên thủy, loài người không bao giờ quên ông, thì ông trời mới có những nét đặc trưng mà chúng ta còn thấy ngày nay.

---

[1] Hans Sachs: *Gemeinsame Tagträume*. Autoreferat eines Vortrags auf dem VI psychoanalytischen Kongreß in Haag, 1920. "Internat. Zeitsch. für Psychoanalyse", VI, 1920.

Trong tác phẩm ngắn này, chúng tôi đành phải bỏ qua nhiều tài liệu có trong huyền thoại, truyện cổ tích, lịch sử phong tục... có thể sử dụng làm căn cứ cho giả thuyết trên.

C

Chúng tôi đã nói nhiều về khao khát dục tính trực tiếp và khao khát dục tính bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích và hi vọng rằng không gặp quá nhiều sự phản đối. Nhưng thảo luận một cách chi tiết vấn đề này cũng không phải là vô ích dù có lặp lại một vài điều đã được nói tới ở trên.

Thí dụ đầu tiên và cũng là rõ nhất về khao khát dục tính bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích là sự phát triển libido của đứa trẻ. Tất cả những tình cảm mà đứa trẻ dành cho cha mẹ hay người chăm nom nó chỉ là những ước muốn cho phép khao khát dục tính bộc lộ ngay tức thời. Đứa trẻ đòi hỏi người thân mọi hình thức âu yếm mà nó biết: nó muốn hôn họ, đụng chạm vào họ, nhìn ngắm họ, nó thích nhìn bộ phận sinh dục của họ và muốn có mặt khi họ bài tiết, nó hứa sẽ cưới mẹ nó hay cưới bà vú, nó dự định tặng cho cha nó một đứa con v.v Sự quan sát trực tiếp cũng như các phân tích gần đây về các vết tích tuổi thơ cho chúng tôi biết chắc rằng có sự hòa trộn giữa những tình cảm như

âu yếm và ghen tuông với những khao khát dục tính. Sự quan sát và phân tích ấy chứng tỏ rằng đứa trẻ lấy người thân của nó làm đối tượng của các ham muốn dục tính vẫn còn chưa định hình hoàn toàn (xem *Sexualtheorie*).

Hình thức yêu đương đầu tiên của đứa trẻ liên hệ mật thiết với mặc cảm Ơđíp, sau này, vào giai đoạn tiềm ẩn sẽ bị dồn nén. Theo chúng tôi thì sau khi bị dồn nén, tình cảm với những người thân chỉ còn lại là lòng trìu mến, và tình cảm đó không thể nào gọi là dục tính được nữa. Môn phân tâm học nghiên cứu chỗ sâu kín của tâm hồn con người có thể dễ dàng chứng minh rằng các mối liên hệ dục tính của những năm thơ ấu vẫn tiếp tục tồn tại, nhưng chúng bị dồn nén và trở thành vô thức. Phân tâm học cũng cho ta sự dũng cảm để khẳng định rằng, ở mọi nơi, tình âu yếm chỉ là sự tiếp nối của mối liên kết dục tính đối với cá nhân tương ứng hoặc với nguyên mẫu của người đó (imago). Phân tâm học, dĩ nhiên là phải cần một cuộc khảo sát đặc biệt, cũng cho chúng ta biết rằng trong trường hợp cụ thể nào đó thì khao khát dục tính trực tiếp cũ đang ở trong tình trạng bị dồn nén hay đã bị triệt tiêu hẳn. Nói một cách rõ hơn: đã xác định một cách chắc chắn rằng, nhân một sự thoái lui nào đó thì nó lại có thể được kích hoạt; vấn đề (không phải lúc nào cũng dễ giải

quyết) chỉ còn là trong hiện tại hoạt độ và sức mạnh của nó đến đâu. Ở đây cần phải tránh cả hai sai lầm; đấy là đánh giá thấp cái vô thức bị dồn nén và xu hướng dùng thước đo bệnh lí để đánh giá các trường hợp bình thường.

Môn tâm lí học không muốn và không thể thâm nhập vào các tầng sâu của những cái bị dồn nén, cho rằng trong mọi trường hợp, tình âu yếm là biểu hiện của những ham muốn không có màu sắc dục tính, mặc dù chúng xuất phát từ các mối ràng buộc mang màu sắc dục tính. Thái độ thù địch tuy có cơ cấu phức tạp hơn nhưng cũng không nằm ngoài thông lệ này.

Chúng ta có quyền nói rằng các ham muốn đó đã chệch khỏi mục tiêu dục tính trực tiếp tuy khó mà mô tả sự lệch hướng ấy cho phù hợp với đòi hỏi của môn tâm lí siêu hình. Tuy nhiên, các ham muốn tính dục bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích vẫn còn giữ được một số mục tiêu ban đầu. Người ta vẫn tìm sự gần gũi xác thịt với người mình yêu mến, với bạn bè và với thần tượng, người ta muốn được nhìn thấy người mình yêu mến "theo tinh thần tình yêu thương của Thánh Paul". Chúng ta có thể coi sự cải đổi mục tiêu này là sự thăng hoa của ham muốn dục tính hay sự mở rộng phạm vi của nó. Đứng về phương diện

chức năng thì ham muốn dục tính bị cản trở có lợi hơn ham muốn không bị cản trở, vì ham muốn bị cản trở không thể được thỏa mãn hoàn toàn nên có thể tạo ra những mối ràng buộc lâu bền trong khi các ham muốn dục tính trực tiếp mất động lực sau mỗi lần thỏa mãn và phải chờ một thời gian cho sự tích tụ libido dục tình, trong thời gian đó đối tượng có thể bị thay đổi. Ham muốn dục tính bị cản trở có thể hòa trộn với ham muốn không bị cản trở theo mọi tỉ lệ, có thể biến đổi ngược lại thành ham muốn không bị cản trở như nó đã từng thoát thai từ ham muốn này. Ai cũng biết những trường hợp chuyển từ quan hệ thân ái dựa trên cơ sở của lòng kính trọng và ngưỡng mộ thành quan hệ tình ái như giữa thầy và trò, giữa nghệ sỹ và người hâm mộ, đặc biệt là ở phái nữ. Sự xuất hiện các mối liên hệ đó, những mối liên hệ mà thoạt kì thủy không có mục đích dục tính cho ta thấy một cách trực tiếp phương pháp quen thuộc trong việc lựa chọn đối tượng dục tình. Trong bài báo "Lòng mộ đạo của hầu tước Zizendorf", Pfister đã đưa ra thí dụ tuyệt vời và dĩ nhiên là không phải đơn lẻ rằng ngay cả sự ràng buộc mạnh mẽ về mặt tôn giáo cũng dễ trở thành ham muốn dục tính bồng bột đến mức nào. Mặt khác, sự chuyển từ ham muốn dục tính trực tiếp ngắn hạn thành sự cảm mến thuần túy

bền bỉ là hiện tượng thường thấy và sự chuyển đổi đó chính là nền tảng cố kết các cuộc hôn nhân trên cơ sở một mối tình cuồng nhiệt, đắm say.

Dĩ nhiên chúng ta cũng không ngạc nhiên khi thấy những ham muốn dục tính trực tiếp biến thành các ham muốn bị cản trở hiểu theo nghĩa mục đích trong trường hợp có các cản trở bên trong hoặc bên ngoài ngăn chặn việc đạt được mục tiêu. Sự dồn nén trong giai đoạn tiềm ẩn là cản trở bên trong, hay nói đúng hơn, trở thành bên trong. Khi nói về người cha của bầy ô hợp nguyên thủy chúng tôi đã giả định rằng hắn đã buộc các con mình phải tiết chế và bằng cách đó tạo ra sự ràng buộc bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích, trong khi đó chính hắn vẫn được tự do thỏa mãn nhục dục và như vậy là không bị ràng buộc. Tất cả các mối ràng buộc của cá nhân trong đám đông cũng có đặc trưng của các ham muốn bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích. Như vậy là chúng ta đã tiến gần đến việc thảo luận một đề tài về ham muốn dục tính trực tiếp trong đám đông.

D

Hai nhận xét trên đây cho chúng ta thấy rằng khao khát dục tính trực tiếp bất lợi cho đám đông. Mặc dù trong lịch sử phát triển gia đình đã

từng tồn tại hiện tượng quần hôn, nhưng tình yêu giới tính càng có ý nghĩa với cái "Tôi" thì nó càng đòi hỏi giới hạn giữa hai người - una cum uno, - được thiên nhiên chỉ định cho mục tiêu sinh sản. Xu hướng quần hôn khi đó đành phải được thỏa mãn bằng việc thay thế thường xuyên đối tượng dục tình.

Hai người tìm đến với nhau để cùng được thỏa mãn dục tình thể hiện sự chống lại bản năng bầy đàn, chống lại ý thức tập thể: họ tìm đến nơi cô tịch. Hai người càng yêu nhau càng làm cho nhau thỏa mãn nhiều hơn. Sự chống lại ảnh hưởng của đám đông được biểu lộ dưới hình thức xấu hổ. Những xúc động mãnh liệt gây ra bởi lòng ghen là để bảo vệ người mình lựa chọn khỏi sự những sự xúc phạm do những ràng buộc với đám đông mang lại. Quan hệ tình dục của một cặp này trước mặt cặp khác hay là việc làm tình tập thể (gọi là hội phóng dục "orgie") chỉ có thể xảy ra khi yếu tố cá nhân, tức tình thương mến, đã bị yếu tố nhục dục đẩy xuống hàng thứ yếu. Nhưng đây chính là sự thoái hóa trở về tình trạng quan hệ tính dục cổ sơ, khi ái tình không có tí ý nghĩa gì, mọi đối tượng dục tình đều được coi ngang nhau hay gần ngang nhau, như Bernard Show đã nói một cách độc địa: "yêu nghĩa là phóng đại vô chừng sự khác biệt giữa người đàn bà này với người đàn bà khác".

Có nhiều chỉ dấu cho thấy rằng mãi sau này ái tình mới thâm nhập vào quan hệ dục tình giữa đàn ông và đàn bà, như vậy nghĩa là sự đối lập giữa tình yêu trai gái và ràng buộc với đám đông cũng xuất hiện muộn. Có thể có cảm giác rằng giả thiết trên không phù hợp với với huyền thoại về gia đình nguyên thủy của chúng tôi. Tình yêu với mẹ và các chị em gái là nguyên động lực thúc đẩy bầy anh em trai xúm lại giết cha mình và thật khó mà tưởng tượng được rằng đấy không phải là tình yêu nguyên thủy, nghĩa là nó phải hàm chứa cả lòng thương yêu trìu mến và ham muốn xác thịt. Nhưng phân tích kĩ thì thấy rằng điều giả định trên đây chính là sự khẳng định. Một trong những phản ứng dẫn đến việc giết cha là thiết lập chế độ ngoại hôn, nghĩa là cấm mọi quan hệ tình dục với những người đàn bà trong cùng một gia đình, những người mà đứa bé trai từng yêu thương trìu mến ngay từ thuở ấu thơ. Bằng cách đó, người ta đã tách khía cạnh thương mến ra khỏi những ham muốn nhục dục và sự chia tách đó còn tồn tại vững chắc cho đến ngày nay[1]. Kết quả của tục ngoại hôn là nhu cầu nhục dục của người đàn ông phải được thỏa mãn bằng những người đàn bà xa lạ, chưa từng được họ yêu thương.

---

[1] *Über die allgemeinste Erniedrigung des Liebeslebens*, 1912. "Sammlung Kleiner Schiften zur Neurosenlehre" IV.

Trong phần lớn các đám đông nhân tạo, như trong quân đội và nhà thờ, không có chỗ cho đàn bà như là đối tượng dục tình. Quan hệ yêu đương nam nữ nằm ngoài các tổ chức đó. Ngay cả trong các tổ chức gồm cả đàn ông và đàn bà thì sự khác biệt về giới tính cũng không có vai trò gì. Không có vấn đề tìm hiểu xem cái libido duy trì sự đoàn kết đám đông mang bản chất đồng tính ái hay lưỡng tính ái vì nó không phân chia theo giới cũng không phải ám chỉ cơ cấu giới tính của libido.

Những khao khát dục tính trực tiếp vẫn giữ được ở mức độ nào đó tính cách cá nhân ở cả những người đã bị tan trong đám đông. Nơi nào mà các khao khát này phát triển mạnh lên thì chúng có thể làm đám đông tan rã. Giáo hội công giáo có những lí do xác đáng khi khuyên răn đạo hữu sống độc thân và buộc thầy tu chay tịnh, nhưng ái tình thường là động lực đưa tu sĩ đến chỗ phá giới. Tương tự như vậy, tình yêu với người đàn bà có thể phá vỡ những ràng buộc về chủng tộc, biên giới quốc gia, phân chia giai cấp và nhờ vậy đã có đóng góp quan trọng vào nền văn minh. Không nghi ngờ gì rằng đồng tính ái dễ dàng dung hợp với các ràng buộc với đám đông ngay cả khi nó thể hiện như những khao khát không bị ngăn chặn. Đó là một sự kiện dị thường, nhưng không thể giải thích được ở đây vì nó sẽ dẫn chúng ta đi quá xa.

Nghiên cứu tâm lí các trường hợp suy nhược thần kinh đã cho chúng tôi nhận thức rằng triệu chứng bệnh bắt nguồn từ các khao khát bị dồn nén nhưng vẫn còn sức hoạt động. Công thức này có thể được bổ túc thêm: các triệu chứng là sản phẩm của những khao khát bị cản trở theo nghĩa mục đích nhưng cản trở đã không thành công và xảy ra hiện tượng quay trở lại với mục tiêu dục tính đã bị dồn nén.

Điều đó cắt nghĩa tại sao chứng suy nhược thần kinh làm cho người ta ác cảm với xã hội và tách khỏi những tập thể quen thuộc của họ. Có thể nói rằng giống như tình yêu, chứng suy nhược thần kinh là yếu tố làm tan rã đám đông. Bởi vậy có thể thấy bất cứ nơi mà có tác nhân tạo lập đám đông mạnh thì nơi đó chứng suy nhược thần kinh giảm hay tạm thời biến mất trong một thời gian. Đã có một số thử nghiệm, không phải không có cơ sở, lợi dụng sự xung khắc giữa bệnh suy nhược thần kinh và đám đông như một phương tiện để chữa bệnh. Ngay cả những người không hề lấy làm tiếc về việc biến mất các ảo tưởng tôn giáo khỏi nền văn minh hiện đại cũng phải công nhận rằng các ảo tưởng đó là một phương tiện bảo vệ hữu hiệu những người gắn kết với tôn giáo khỏi bệnh suy nhược thần kinh. Dễ dàng nhận thấy rằng việc gia nhập những tổ chức tôn giáo thần bí hay triết lí thần bí cũng là

một cách chữa gián tiếp các chứng suy nhược thần kinh. Tất cả những điều đó đều liên quan đến sự đối lập giữa những khao khát dục tính trực tiếp và khao khát bị ngăn chặn theo nghĩa mục đích.

Người suy nhược thần kinh bị tách ra khỏi đám đông sẽ phải dùng các triệu chứng bệnh hoạn để thay thế cho những đám đông ấy. Họ tưởng tượng ra một thế giới huyễn hoặc của riêng mình, một tôn giáo riêng, một hệ thống đầy hoang tưởng và như vậy là họ tạo ra những định chế của xã hội loài người dưới dạng méo mó, chứng tỏ sự tham gia một cách mạnh mẽ của các khao khát dục tính trực tiếp[1].

E

Để kết thúc, chúng ta sẽ đưa ra các đánh giá xét từ quan điểm lí thuyết libido về những trạng thái mà chúng ta đã nghiên cứu: trạng thái ái tình, thôi miên, đám đông và suy nhược thần kinh.

Ái tình là đồng thời tồn tại khao khát dục tính trực tiếp và khao khát bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích, trong đó đối tượng thu hút một phần libido ngã ái của cái "Tôi". Trong tình yêu chỉ tồn tại "Tôi" và đối tượng.

---

[1] *Vật tổ và cấm kị*, Sigmund Freud.

Thôi miên giống ái tình ở điểm giới hạn trong hai người, nhưng nó hoàn toàn dựa trên những khao khát dục tính bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích và đặt đối tượng vào "Tôi"- lí tưởng.

Đám đông khuếch đại quá trình đó; nó giống thôi miên ở bản chất các ham muốn đóng vai trò cố kết và thay thế "Tôi"-lí tưởng bằng đối tượng, nhưng trong đám đông còn có thêm sự đồng nhất hóa với các cá nhân khác, sự đồng nhất hóa này xảy ra là do mọi người có cùng thái độ với đối tượng.

Cả hai trạng thái, thôi miên và đám đông, đều là dấu vết di truyền của cái libido nhân loại khởi từ uyên nguyên của nó; thôi miên là xu hướng tự nhiên còn đám đông là tàn dư trực tiếp. Trong cả hai trường hợp việc thay thế các khao khát dục tính trực tiếp bằng các khao khát bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích đều tạo điều kiện thuận lợi cho việc tách "Tôi" khỏi "Tôi"- lí tưởng; sự phân tách đó đã bắt đầu từ trạng thái ái tình.

Bệnh suy nhược thần kinh nằm ngoài các hiện tượng kể trên. Suy nhược thần kinh phát xuất từ đặc thù của sự phát triển của cái libido nhân loại, phát xuất từ sự đứt quãng của khởi điểm kép, trong giai đoạn tiềm ẩn, của chức năng dục tính

trực tiếp[1]. Về khía cạnh này thì suy nhược thần kinh có chung tính chất thoái hóa với trạng thái thôi miên và đám đông, một tính chất mà ái tình không có. Suy nhược xảy ra khi sự chuyển đổi từ các khao khát dục tính trực tiếp sang các khao khát bị ngăn chặn hiểu theo nghĩa mục đích không thực hiện được hoàn hảo, nó là kết quả của cuộc xung đột giữa những ham muốn đã nhập vào cái "tôi" và tạo ra sự phát triển nêu trên với những phần của các ham muốn thoát ra từ vô thức và đòi hỏi thỏa mãn trực tiếp (cũng như các ham muốn đã bị dồn nén hoàn toàn). Bệnh suy nhược thần kinh có nội dung vô cùng phong phú vì nó bao gồm tất cả các mối quan hệ giữa "Tôi" và đối tượng: các quan hệ trong đó đối tượng được giữ nguyên vẹn, cũng như các quan hệ mà đối tượng đã đánh mất hay đối tượng chính là "Tôi" trong mối quan hệ đó, ở đây còn bao gồm cả những quan hệ xung đột giữa "Tôi" và "Tôi"-lí tưởng.

Dịch xong tháng 5 năm 2001

Nguồn: З. Фрейд. "Психология масс и анализ человеческого "Я", издательство "Современные проблемы", Н. А. Столляр, М., 1926 г.,)

tại địa chỉ:

http://www.geocities.com/yashar_ru/f_pya.htm

---

[1] *Sexualtheorie.*

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI
Đã xuất bản:

J. S. Mill: *Bàn về tự do*, 2005, 2009, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018

A. Einstein: *Thế giới như tôi thấy*, 2005, 2007, 2008, 2010, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018

Plutarque: *Những cuộc đời song hành*, 2005

Gustave Le Bon: *Tâm lí học đám đông*, 2006, 2008, 2010, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019

Platon: *Socrate tự biện*, 2006

Alexis de Tocqueville: *Nền dân trị Mĩ*, 2007, 2009, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019

D. Diderot: *Cháu ông Rameau*, 2007, 2014, 2016

F. Lyotard: *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, 2007, 2019

Carl Jung: *Thăm dò tiềm thức*, 2007, 2016, 2017, 2018, 2019

I. Kant: *Phê phán năng lực phán đoán*, 2007

I. Kant: *Phê phán lí tính thực hành*, 2007

John Locke: *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, 2007, 2013, 2014, 2015, 2017, 2019

Hegel: *Bách khoa thư các khoa học logic*, 2008

Jean-Jacques Rousseau: *Émile hay là về giáo dục*, 2008, 2010, 2013, 2014, 2016, 2017, 2018, 2019

J. S. Mill: *Chính thể đại diện*, 2008, 2012, 2013, 2014, 2015, 2106, 2017, 2018

J. Dewey: *Dân chủ và giáo dục*, 2008, 2011, 2014, 2016, 2017, 2018

Voltaire: *Chàng ngây thơ*, 2008, 2017

F. Hayek: *Đường về nô lệ*, 2008

M. Weber: *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần chủ nghĩa tư bản*, 2008, 2010, 2014, 2016, 2017, 2018, 2019

R. Barthes: *Những huyền thoại*, 2009

T. Kuhn: *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*, 2009

W. Heisenberg: *Vật lí và triết học*, 2009, 2014

Claude Lévi-Strauss: *Nhiệt đới buồn*, 2009, 2013, 2014

G. Barchelard: *Sự hình thành tinh thần khoa học*, 2009, 2014, 2017

V. Woolf: *Căn phòng riêng*, 2009, 2016

Charles Darwin: *Nguồn gốc các loài*, 2009, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019

Hegel: *Các nguyên lí của triết học pháp quyền*, 2010

Gilles Deleuze: *Nietszche và triết học*, 2010, 2013, 2014

Lev Tolstoi: *Đường sống*, 2010, 2012, 2015

Bourdieu: *Sự thống trị của nam giới*, 2011, 2017

Plato: *Đối thoại Socratic 1*, 2011, 2012, 2013, 2014, 2017

Vladimir Soloviev: *Siêu lí tình yêu*, 2011

Marcel Mauss: *Luận về biếu tặng*, 2011, 2012, 2015, 2016, 2017

Friedrich Nietzsche: *Kẻ phản Ki-tô*, 2011

David Bohm: *Tư duy như một hệ thống*, 2011, 2014, 2017

David Bohm: *Cái toàn thể và Trật tự ẩn*, 2011, 2014, 2017

Alexander Ivanovich Herzen: *Từ bờ bên kia*, 2011, 2019

Hamvas Béla: *Câu chuyện vô hình và đảo*, 2011, 2014, 2016

Émile Durkheim: *Các quy tắc của phương pháp xã hội học*, 2012, 2014, 2019

Karl Popper: *Sự nghèo nàn của Thuyết Sử luận*, 2012, 2015, 2016, 2019

Karl Popper: *Tri thức khách quan*, 2012, 2014

Jean-Jacques Rousseau: *Những lời bộc bạch*, 2012, 2014, 2016, 2017

A. T. Mahan: *Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660-1783,* 2012, 2013, 2014, 2016, 2018, 2019

J. Dewey: *Cách ta nghĩ*, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018

George Berkeley: *Một nghiên cứu về các nguyên tắc nhận thức của con người*, 2013, 2014, 2017, 2018

Denis Diderot: *Từ mĩ học đến các loại hình nghệ thuật,* 2013, 2015, 2016, 2017, 2019

Ludwig von Mises: *Chủ nghĩa tự do truyền thống*, 2013

Guy Debord: *Xã hội diễn cảnh*, 2013, 2016

Isaiah Berlin: *Bốn tiểu luận về tự do*, 2014

Pierre Teilhard De Chardin: *Hiện tượng con người,* 2014, 2016, 2017, 2019

Hamvas Béla: *Một giọt từ sự đọa đày*, 2014, 2016, 2017, 2019

Erich Auerbach: *Mimesis, phương thức thể hiện thực tại trong văn học phương Tây*, 2014, 2016

Isaiah Berlin: *Tất định luận và tự do lựa chọn*, 2015, 2016

N. A. Berdyaev: *Triết học của tự do*, 2015, 2016, 2017

N. A. Berdyaev: Con người trong thế giới tinh thần, 2015, 2016, 2017

Jean-Paul Sartre: *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản,* 2015, 2016, 2018

Peter L. Berger, Thomas Luckmann: *Sự kiến tạo xã hội về thực tại*, 2015, 2016, 2017

Frédéric Bastiat: *Luật pháp*, 2015, 2016, 2018

Henry David Thoreau: *Walden hay Một mình sống trong rừng*, 2016, 2018

Hamvas Béla: *Minh triết thiêng liêng* (3 tập), 2016, 2017

Francis Bacon, *Bộ công cụ mới*, 2016, 2017

Jacques Monod: *Ngẫu nhiên và tất yếu*, 2016, 2017

Claude Lévi-Strauss: *Định chế totem hiện nay*, 2016, 2017
N. Berdyaev: *Thế giới quan của Dostoevsky*, 2017
Semen Lyudvigovich Frank: *Ánh sáng trong bóng tối*, 2017
Pierre Bourdieu: *Quy tắc của nghệ thuật*, 2018
Marcus Aurelius Antoninus: *Suy tưởng*, 2018
Hamvas Béla: *Độc giác*, 2018, 2019

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC
53 Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: (84-24) 3944 7279 - Fax: (84-24) 3945 4660
E-mail: lienhe@nxbtrithuc.com.vn
Website: www.nxbtrithuc.com.vn | www.nxbtrithuc.vn

GUSTAVE LE BON

TÂM LÍ HỌC ĐÁM ĐÔNG

Cùng *Tâm lí đám đông và phân tích cái tôi*
của Sigmund Freud

(*Tái bản lần thứ mười hai*)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRƯƠNG QUANG HÙNG

Biên tập: VŨ THU HẰNG
Thiết kế bìa: PHẠM XUÂN THẮNG
Trình bày: NGUYỄN NGUYỆT LINH

In 1.000 bản, khuôn khổ 12x20cm.
Tại Xí nghiệp in Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc
- 128c/22 Đại La, Hà Nội.
XNĐKXB số: 2820-2019/CXBIPH/3-29/TrT.
QĐXB số: 42/QĐ - NXB TrT, ngày 1/8/2019.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2019. ISBN: 978-604-9850-08-0.

Sự kiện nổi bật nhất của đám đông tâm lí là điều sau đây: dù những cá nhân họp thành nó như thế nào, dù đời sống, nghề nghiệp, tính cách hay trí tuệ của những cá nhân ấy giống nhau hay khác nhau ra sao, thì chỉ riêng việc họ chuyển biến thành đám đông, họ đã có một thứ tâm hồn tập thể làm cho họ cảm nhận, suy nghĩ, và hành động theo một cách hoàn toàn khác với cách mà một cá nhân riêng lẻ vẫn cảm nhận, suy nghĩ và hành động. Có những tư tưởng, tình cảm chỉ nảy sinh hay chỉ biến thành hành động ở những cá nhân khi cá nhân ấy nằm trong đám đông. Đám đông tâm lí là một tồn tại tạm thời, hợp thành bởi những yếu tố dị loại chỉ gắn kết với nhau trong một thời đoạn, chúng giống hệt những tế bào cấu thành một cơ thể sống nhờ nối kết với nhau thành một sinh vật mới, biểu lộ những tính cách rất khác biệt với tính cách mà riêng từng tế bào đã có.

(Chương I, quyển I *"Tâm lí học đám đông"*)

Chính thời gian chuẩn bị cho ý kiến và niềm tin của đám đông, nghĩa là chuẩn bị mảnh đất cho những thứ đó nảy mầm. Và chính vì vậy một số tư tưởng có thể được thực thi ở một thời đại này lại không thể th[illegible] trong một thời đại khác. Chính thời gian đã tích tụ vô vàn mảnh vụ[illegible] niềm tin, ý tưởng, trên đó nảy sinh tư tưởng của một thời đại.

(Chương I, quyển II *"Tâm lí học đám đông"*)

ISBN: 978-604-9850-08-0

www.nxbtrithuc.com.vn
www.nxbtrithuc.vn
lienhe@nxbtrithuc.com.vn

Giá: 125.000đ